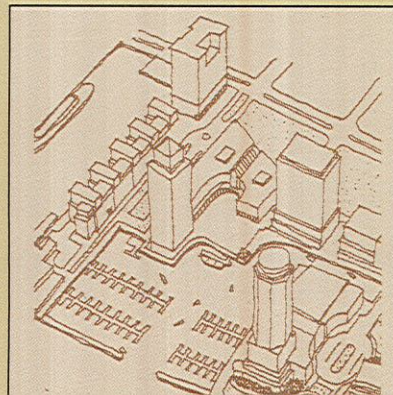
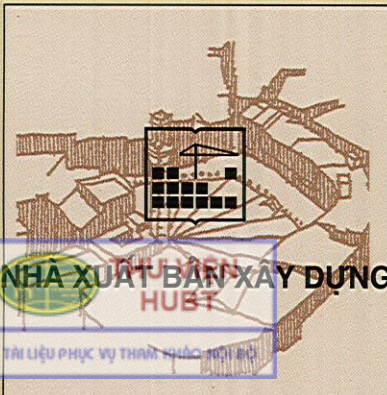
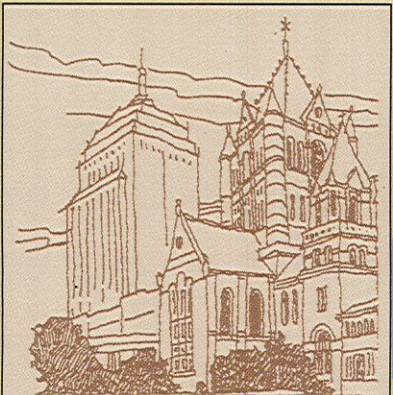
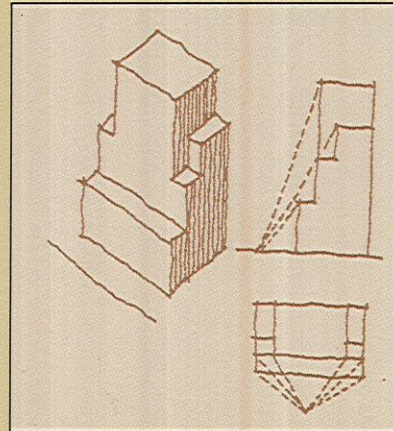
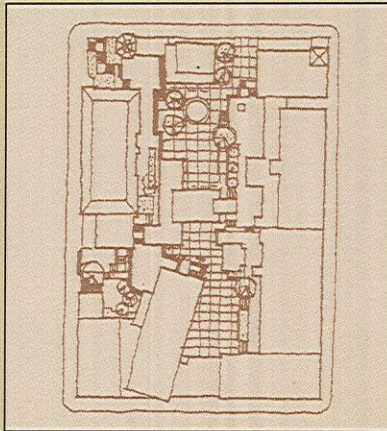
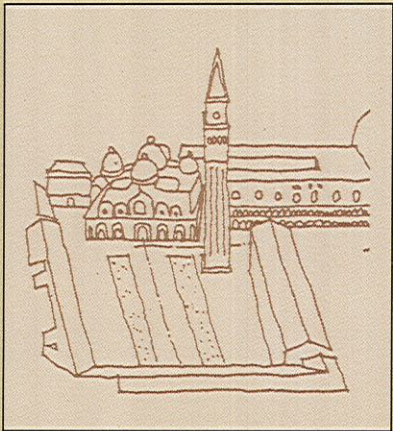
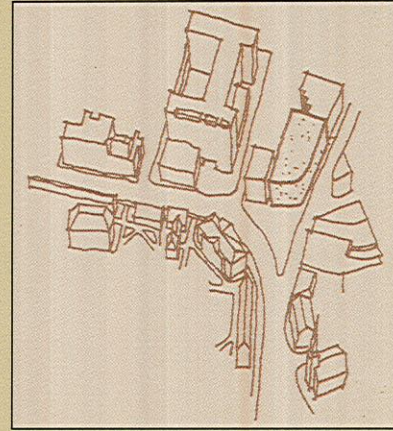
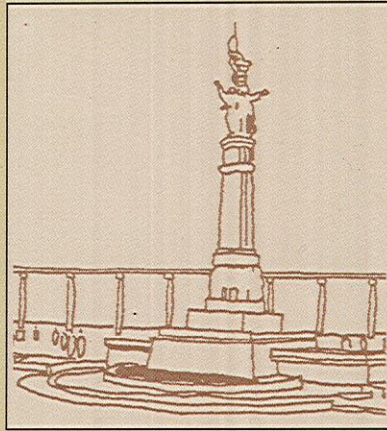
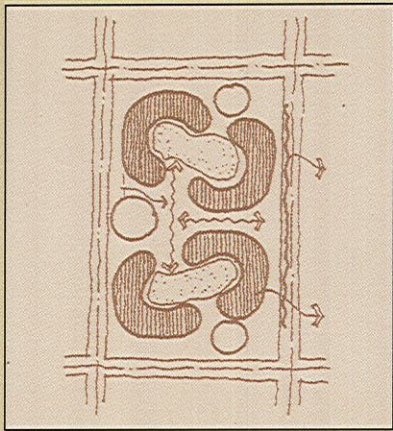


THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

CÓ MINH HỌA



ILLUSTRATING URBAN DESIGN

NGƯỜI DỊCH : ĐẶNG THÁI HOÀNG

NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG
HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THẠC SĨ QUỐC TẾ

KIM QUẢNG QUÂN

LOẠI NGƯỜI DỊCH

THIẾT KẾ ĐÔ THỊ CÓ MINH HỌA

NGƯỜI DỊCH : ĐẶNG THÁI HOÀNG

(Tái bản)

Hà Nội Xuân Quý Thìn
PGS.KTS. Đặng Thái Hoàng

TRƯỜNG Đ. H. KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

THƯ VIỆN

NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG

HÀ NỘI - 2013



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LỜI NGƯỜI DỊCH

Gần đây, sau nhiều năm nghiên cứu và viết sách về lý thuyết kiến trúc và lịch sử kiến trúc, chúng tôi động chạm đến một cụm từ "Kiến trúc đô thị". Và chúng tôi cũng phát hiện ra rằng cần có thì giờ để dành cho một số bộ môn ở ta còn mới lạ là thiết kế đô thị.

"**Thiết kế đô thị**" (Urban Design) là lãnh vực tiếp theo của "Quy hoạch đô thị" (Town Planning). Nó cũng là bước đi trước một bước của môn kiến trúc học (Architecture).

Đây là một lãnh vực mới mẻ và cực kỳ thú vị. Vì thực tế vấn đề này ở ta chưa có nhiều nên chúng tôi quyết định tìm đọc giới thiệu và dịch thuật một số tài liệu có thể bổ ích cho nền kiến trúc của chúng ta. Trong tay chúng tôi có một số cuốn sách hay như cuốn "Urban Stratégie" (chiến lược đô thị) của Nhà xuất bản Daidalos, Đức (chuyên san Kiến trúc – Nghệ thuật – Văn hoá số 72/1999) và cuốn "British Town planning and Urban design" (Quy hoạch đô thị và thiết kế đô thị Anh Quốc), do Nhà xuất bản Long Man xuất bản năm 1997. Tuy vậy, ngoài lượng thông tin quá lớn ra, các cuốn sách đều viết có những phần rất trừu tượng, cho nên chúng tôi thấy nên giới thiệu dưới dạng các chuyên khảo hoặc các bài tạp chí. Rất may là trong dịp đi dự một cuộc Hội thảo Quốc tế ở Trung Quốc, chúng tôi tìm được cuốn "Illustrating Urban Design" (Thiết kế đô thị có minh hoạ) của tác giả Kim Quảng Quân (xuất bản năm 1999) một cuốn sách có nội dung đầy đủ và rất cập nhật, rất hệ thống. Tác giả cuốn sách là Giáo sư Khoa kiến trúc trường Đại học Cáp Nhĩ Tân, đã từng du học ở Mỹ và ở Nhật. Ngoài cách tư duy lô gích của cuốn sách ra, các tài liệu minh hoạ bằng hình vẽ một cách sống động đa số là từ các tài liệu của Mỹ và Nhật.

Vì vậy, khi cuốn sách dịch này ra đời, chúng tôi hy vọng nó sẽ là một tư liệu bổ ích cho các kiến trúc sư thiết kế đô thị, cho các nhà nghiên cứu và các nhà quản lý đô thị, cho các sinh viên kiến trúc và cả cho những người muốn tìm hiểu về văn hoá kiến trúc

Hà Nội, Xuân Canh Thìn
PGS.KTS. **Đặng Thái Hoàng**



LỜI NÓI ĐẦU

Khi chúng tôi đọc lại những ấn phẩm học thuật về kiến trúc và quy hoạch trong mười năm trở lại đây, chúng tôi chú ý thấy rằng những vấn đề về thiết kế đô thị chiếm một khối lượng đáng kể. Trong đó, có phần nhận thức khái niệm, phân nghiên cứu lý luận, phần giới thiệu thực tiễn nhưng quan điểm và phương pháp đều không giống nhau. "Thiết kế đô thị" (Urban Design) đã trở thành một chuyên mục nghiên cứu hết sức sôi động trong môn học kiến trúc đô thị.

Quả thật, thiết kế đô thị ngày càng gắn bó mật thiết và ngày càng trở nên quan trọng đối với môi trường đô thị, với cuộc sống đô thị. Cùng với sự tăng cường nhận thức của con người đối với đô thị, đối với môi trường sống, thiết kế đô thị ngày càng thâm nhập rộng rãi vào các lãnh vực khác.

Các tài liệu về thiết kế đô thị thường được dịch hay viết từ các góc độ khác nhau, điều đó cũng cho thấy các nhận thức có khác nhau. Quyển sách này đề cập đến các vấn đề liên quan đến môi trường hình thể đô thị, cố gắng đem các vấn đề thiết kế đô thị, khai thác và quản lý gắn liền lại với nhau, đó cũng là nhận thức và lý giải của người viết.

Minh họa là phương pháp quan trọng trong sáng tác thiết kế, là một trong những phương tiện giao lưu và biểu đạt công việc thiết kế một cách hữu hiệu nhất. Nội dung biểu đạt của hình vẽ cực kỳ phong phú, và cũng còn để lại những mảnh đất chưa khai hoang cho tư duy và tưởng tượng cho con người, mỗi người có thể qua các hình vẽ có những lý giải khác nhau. Từ góc độ thiết kế mà nói, thiết kế đô thị là một loại hình sáng tạo, cho nên, dùng hình thức sách có minh họa càng rất thích hợp với bộ môn thiết kế đô thị và các độc giả.

Thiết kế đô thị vẫn là một lãnh vực khó khăn, và còn bao hàm một nội dung rất rộng. Cuốn sách này có thể còn khiếm khuyết, có nhiều vấn đề chưa đầy đủ và hoàn thiện. Mặc dù như vậy, chúng tôi cũng cảm thấy sâu sắc từ trong cái lực bất tòng tâm một khát vọng nghiên cứu, muốn ngày một làm phong phú hơn và nâng cao hơn những nội dung quan trọng của ngành thiết kế đô thị.

Trong cuốn sách có tham khảo một số hình vẽ của các nhà nghiên cứu khác, hoặc một số hình có thay đổi đi, nhân đây chúng tôi cũng xin cảm ơn về những tư liệu của những tác giả đó.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Chương 1 : ĐÔ THỊ VÀ THIẾT KẾ	
1. Đô thị	5
2. Thiết kế	10
Chương 2 : PHẠM VI VÀ ĐẶC TRUNG	
1. Phạm vi	16
2. Đặc trưng	28
Chương 3 : NGUỒN GỐC VÀ LÝ LUẬN	
1. Nguồn gốc	34
2. Lý luận	40
Chương 4 : NHÂN TỐ VÀ NGUYÊN TẮC	
1. Nhân tố	59
2. Nguyên tắc	84
Chương 5 : QUÁ TRÌNH VÀ KẾT QUẢ	
1. Quá trình	95
2. Kết quả	106
Chương 6 : KHAI THÁC VÀ QUẢN LÝ	
1. Khai thác	111
2. Quản lý	115
Chương 7 : CẢNH QUAN VÀ KHÔNG GIAN	
1. Cảnh quan	128
2. Không gian	132
Chương 8 : GIỚI THIỆU VÍ DỤ THỰC TẾ	
1. Quy chuẩn khai thác Quảng trường Harvard và vùng ven ở thành phố Cambridge ở Mỹ	142
2. Quy chuẩn thiết kế đô thị khu vực trung tâm thành phố Dallas ở Mỹ	147
Tài liệu tham khảo	151

1

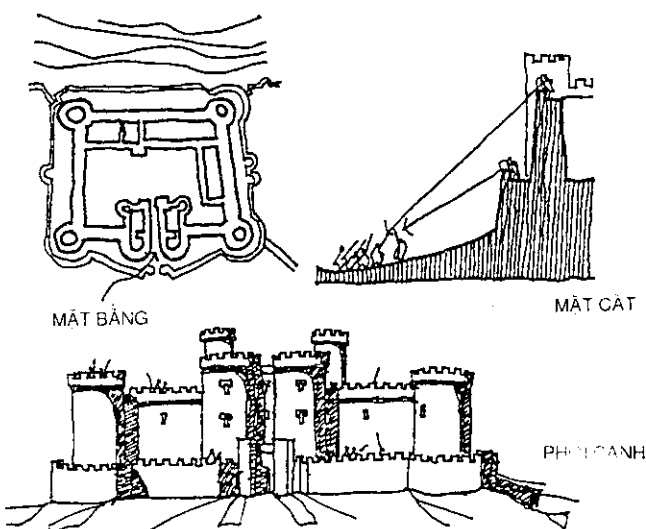
1. ĐÔ THỊ

Đô thị là sản phẩm của văn minh xã hội nhân loại phát triển đến một trình độ nhất định, là hình thức quần cư phức tạp xuất hiện trong quá trình đô thị hóa, nó phản ánh một cách tổng hợp quá trình và trình độ phát triển của xã hội. Vấn đề thiết kế đô thị xuất hiện theo đô thị, và càng đi sâu theo sự phát triển của đô thị hoá. Cho nên, vấn đề thiết kế đô thị "từ xưa đã có", và có thể nói, có xây dựng đô thị thì có thiết kế đô thị.

Giáo sư Ngô Lương Dung đã nói : "Một số sách lịch sử xây dựng thành phố, có thể viết từ góc độ thiết kế đô thị, đó cũng chính là một bộ sách về lịch sử thiết kế đô thị". Có thể thấy, thiết kế đô thị là một bộ môn khoa học mới, mới được con người nhận thức gần đây, nhưng nó đã có lịch sử lâu đời, bao hàm trong đó những di sản lịch sử chói lọi. Từ đó có thể nói, thiết kế đô thị là một bộ môn khoa học lâu đời nhưng trước khi xã hội phát triển đến một giai đoạn nhất định, sự phát triển của đô thị đối với thiết kế đô thị nhu cầu chưa bức xúc như một số ngành khoa học khác, và nhận thức của con người đối với môn thiết kế đô thị cần có một quá trình nhất định.

Cùng với tiến trình hiện đại hoá đô thị, vấn đề thiết kế đô thị ngày càng bức xúc. Cho nên, thiết kế thành phố hiện đại càng ngày càng được con người nhận thức rõ, và phát triển nó thành một bộ môn khoa học độc lập, càng ngày càng được con người tiếp thu, phổ biến và coi trọng.

Đối tượng nghiên cứu của thiết kế đô thị là hình thức, môi trường đô thị, từ quan điểm và góc độ khoa học thiết kế đi nghiên cứu những vấn đề phát triển đô thị và hình thức, môi trường đô thị trong quá trình phát triển của nó. Cho nên, trước khi thảo luận thiết kế đô thị chúng ta cần có một sự miêu tả khái quát về đô thị.

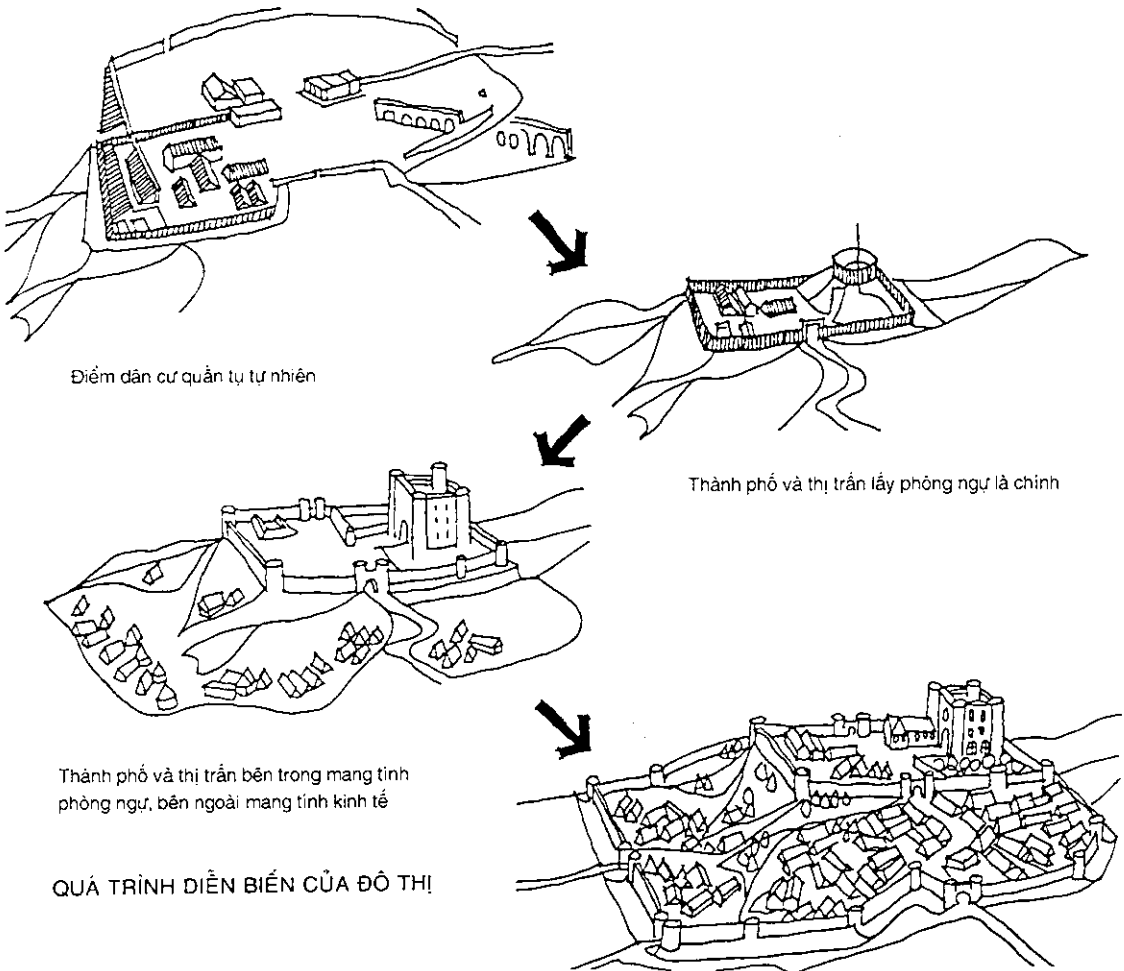


ĐÔ THỊ TRIỀU KỲ GẮN LIÊN
VỚI KHÁI NIỆM PHÒNG NGỰ, HÌNH THÁI
CỦA NÓ LÀ HƯỚNG NỘI, BUNG BÍT.

Thành luy Âu châu cổ đại điển hình

Nếu lý giải từ góc độ phát triển đô thị, đô thị là biểu hiện tập trung của sự phát triển xã hội và kinh tế. Ta có thể lý giải hàm nghĩa của đô thị bằng hai khái niệm "thành" và "thị", hai từ này biểu hiện hai hình thái môi cảnh khác nhau. "thành" là khái niệm mang tính phòng ngự, được xây dựng lên vì mục đích chính trị, quân sự của xã hội, có biên giới rõ ràng, có hình thái đóng kín, hướng nội; còn "thị" là khái niệm mậu dịch, giao dịch,..., cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh tế, biên giới không rõ ràng, có hình thái mở, hướng ngoại. Hai hình thái không gian nguyên thủy này theo sự tiến bộ của xã hội và sự phát triển của kinh tế ngày càng mở rộng, giao hoà vào nhau, ranh giới trở nên không rõ ràng, ở vào một trạng thái môi cảnh mới, cuối cùng hình thành một hình thức quần cư có nội dung đa dạng, kết cấu phức tạp đó là đô thị.

Xét theo quá trình hình thành đô thị, đại thể có hai loại : một loại là đô thị có quy hoạch, tức là đô thị hình thành "từ trên xuống dưới"; một loại khác là đô thị tự do phát triển, tức loại đô thị "từ dưới lên trên".



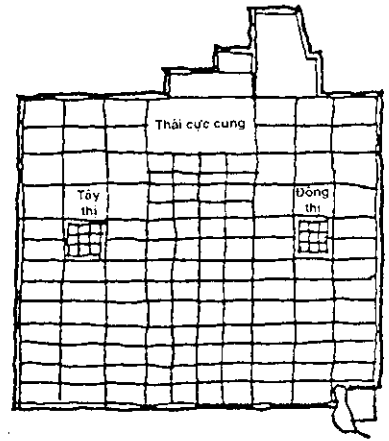
(1) ĐÔ THỊ "TỪ TRÊN XUỐNG DƯỚI"

Đô thị "từ trên xuống dưới" là những hình mẫu đô thị được xây dựng một cách chủ quan theo quan niệm tư tưởng của con người, theo tín ngưỡng tôn giáo, hoặc theo ý tưởng của giai tầng thống trị. Đô thị loại này thường được thiết kế theo một nguyên tắc chuẩn mực do pháp luật quy định, khi thực hiện xây dựng phải theo một sự khống chế và yêu cầu nghiêm ngặt.

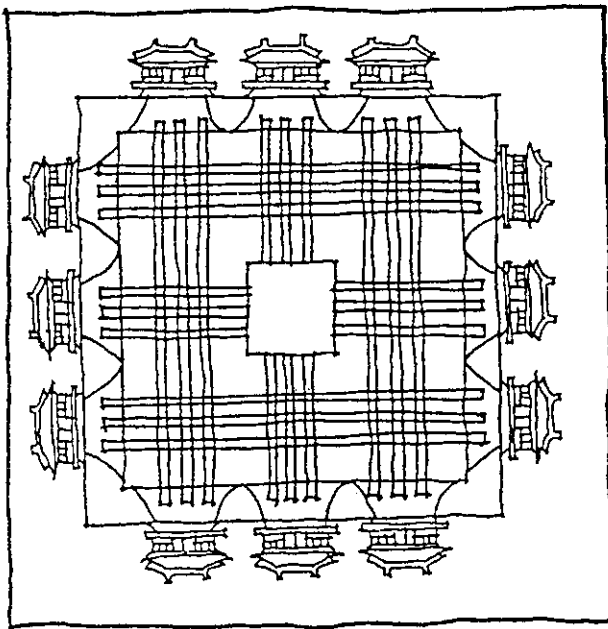
Đô thị "từ trên xuống dưới" còn được gọi là "đô thị nhân tạo". Nó là một phương thức xây dựng theo một cơ chế khống chế, thường phát triển ở xã hội nô lệ trung ương tập quyền.

Về mặt hình thái đô thị, đô thị loại này sử dụng đất có quy tắc, bố cục nghiêm chỉnh, phân chia đẳng cấp rõ ràng và quy hoạch toàn diện, hình thức hình học rõ rệt.

Ở Trung Quốc thời cổ đại, loại thành phố này rất phát triển. Ví dụ như trong "Chu Lễ Khảo Công Kỹ" ghi rõ tư tưởng quy hoạch đô thị, cao, ngang, rộng, hẹp như thế nào. Đối với đô thị của các nước chư hầu cũng quy định nghiêm khắc. Loại đô thị "từ trên xuống dưới" phản ánh nhu cầu vật chất và tinh thần của giai cấp thống trị, cho nên, sau này, nhiều đời vua của chế độ phong kiến còn sử dụng.



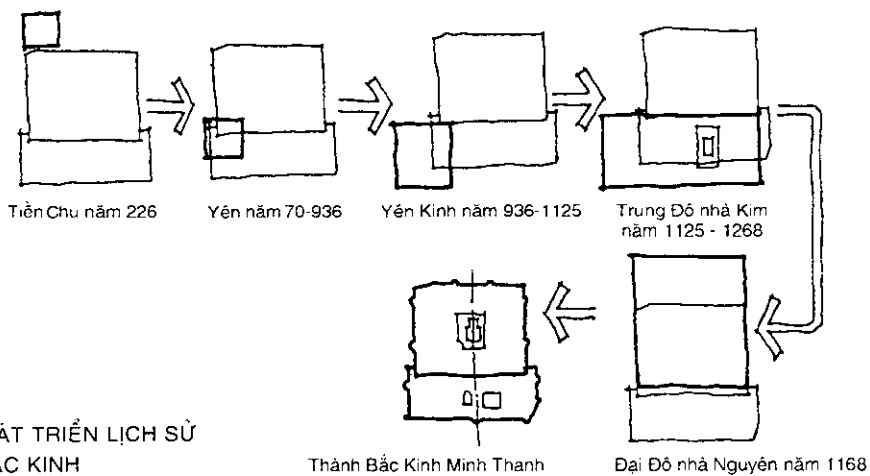
BẢN ĐỒ PHỤC CHẾ THÀNH TRƯỜNG AN ĐỜI ĐƯỜNG.



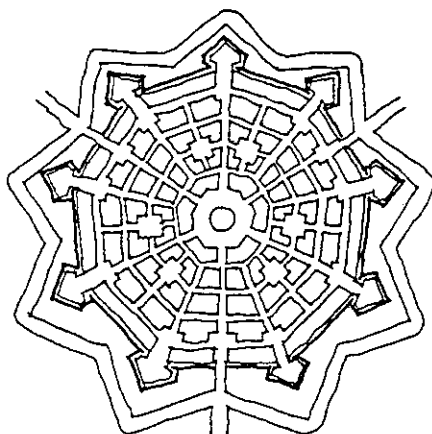
QUY HOẠCH THÀNH CHU VƯƠNG CĂN CỨ VÀO GHI CHÉP TRONG "CHU LỄ KHẢO CÔNG KỸ"

Thiết kế quy hoạch thành Bắc Kinh đã thể hiện một cách rõ ràng tinh thần cơ bản của thiết kế đô thị Trung Quốc cổ đại, đã dùng tường thành vây thành phố lại, xác định cho nó một biên giới rõ ràng, nhấn mạnh trục giữa và trật tự luân lý. Việc khống chế cao độ kiến trúc và màu sắc đều in rõ nét truyền thống văn hoá, quan niệm trật tự không gian Trung Quốc. Tuy trải qua một thời gian rất dài, nhưng những mô thức cơ bản của đô thị loại này vẫn được tiếp tục sử dụng.

Trong các đô thị Châu Âu cổ đại, đặc biệt là Hy Lạp cổ đại, La Mã cổ đại, và thời kỳ Văn nghệ phục hưng, đối với một số đô thị, kiểu đô thị "từ trên xuống dưới" này cũng được phát triển và tán dương

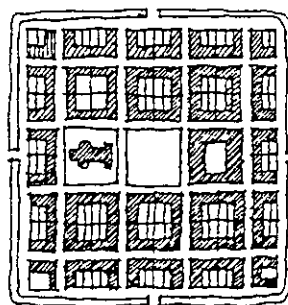
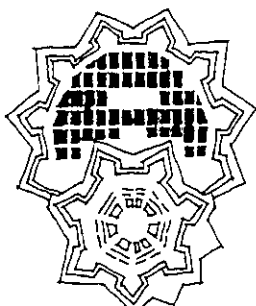


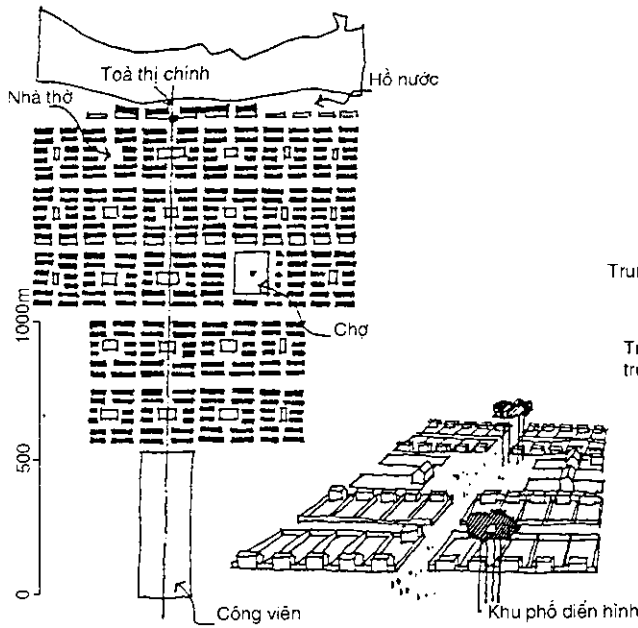
QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN LỊCH SỬ
THÀNH PHỐ BẮC KINH



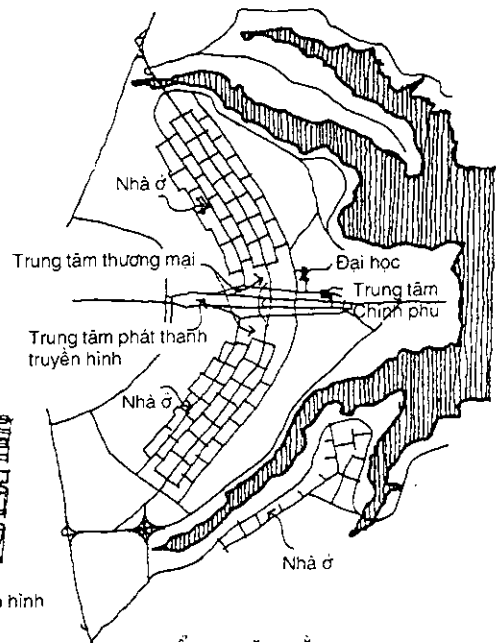
MẶT BẰNG ĐÔ THỊ LÝ TƯỜNG
THỜI KỲ VĂN NGHỆ PHỤC HƯNG

KHU NHÀ Ở
THẾ KỶ XVIII

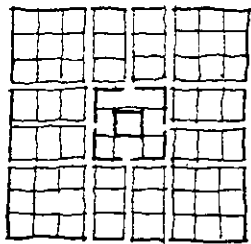




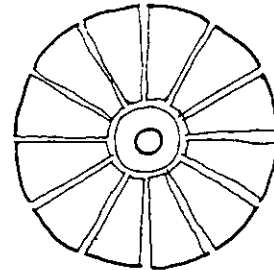
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH
THÀNH PHỐ SAENA MỸ NĂM 1856



TỔNG MẶT BẰNG
THỦ ĐÔ BRASILIA CỦA BRASIL



Kiểu Trung Quốc điển hình



Kiểu Châu Âu điển hình

HAI LOẠI THÀNH PHỐ "TỪ TRÊN XUỐNG DƯỚI" KHÁC NHAU

(2) ĐÔ THỊ "TỪ DƯỚI LÊN TRÊN"

Đô thị từ dưới lên trên là loại đô thị ban đầu không có một mục tiêu và ý tưởng định trước, phát triển chủ yếu dựa vào tác dụng của quy luật khách quan và tự nhiên, căn cứ vào nhu cầu thực tế, qua thời gian tích lũy mà hình thành, loại này còn gọi là "đô thị tự do". Đặc điểm của loại đô thị này là về tổng thể không chịu hoặc ít chịu ảnh hưởng của con người, lấy chuẩn mực là nhu cầu phát triển, công năng hợp lý, kinh tế thích dụng, điều kiện thích hợp, cho nên thường được gọi là "thành phố thiết kế dần dần".

Loại thành phố này lấy sự quần cư làm cơ sở bắt đầu từ các làng xóm tự nhiên không có thiết kế, tự giác phát triển lên thành đô thị có quy mô nhất định.

Nhưng thành phố "từ dưới lên trên" cũng không hoàn toàn tự do phát triển, cũng bị những ảnh hưởng nhất định của hành vi con người, của những nhân tố xã hội, kinh tế và lịch sử, giữa các cá thể kiến trúc cũng tuân theo một phép tắc ước định nào đó. Loại đô thị thiết kế "từ dưới lên trên" cũng trải qua một hệ thống thiết kế tương đối linh hoạt, có tính thích ứng cao.

Về mặt hình thái đô thị, nó biểu hiện ở việc sử dụng đất linh hoạt, bố cục tự do, sự liên hệ hữu cơ và sự tùy cơ ứng biến.

Tuy nhìn chung đô thị có hai loại chính trên nhưng rất nhiều thành phố bao gồm trong nó cả hai hình thái, không thể chia cắt hoàn toàn rành rọt. Ví dụ ở Trung Quốc, một số thành phố ban đầu phát triển tự do, nhưng sau đó phát triển có trật tự và có hệ thống, dưới tác động của con người, trở nên có bố cục hợp lý, công năng kiến tạo toàn.

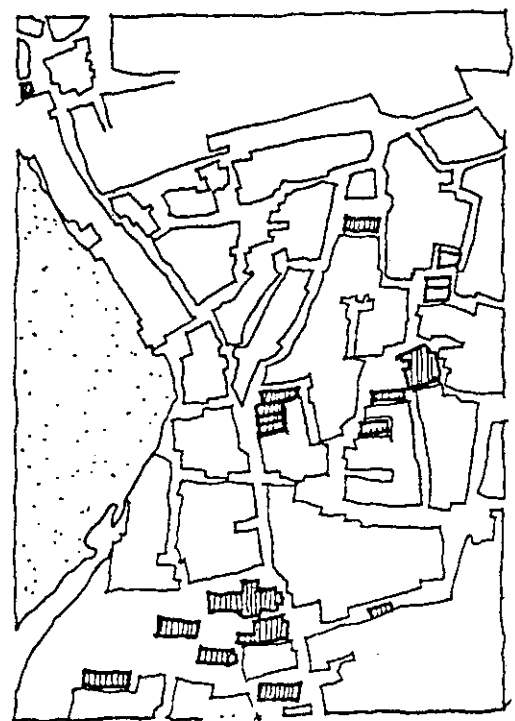
Bất luận như thế nào, đô thị không tách khỏi thiết kế, mỗi kiểu thành phố có tính chất riêng.

Thiết kế đô thị dựa trên một số giả thiết, môi cảnh thành phố cần phải được thiết kế, đặc biệt đối với đô thị hiện đại càng phải có thiết kế. Bất cứ một loại hình đô thị nào, chỉ cần thiết kế và tái thiết kế tốt và hợp lý, đều có thể thích hợp với việc sinh sống. Theo sự phát triển của đô thị, sự tiến bộ của xã hội, đô thị càng ngày càng gắn bó với thiết kế.

Ngành thiết kế đô thị cũng vì vậy mà ngày càng phát triển và hoàn thiện. chính cũng vì vậy ngành thiết kế đô thị có một sức sống mới rất dồi dào.

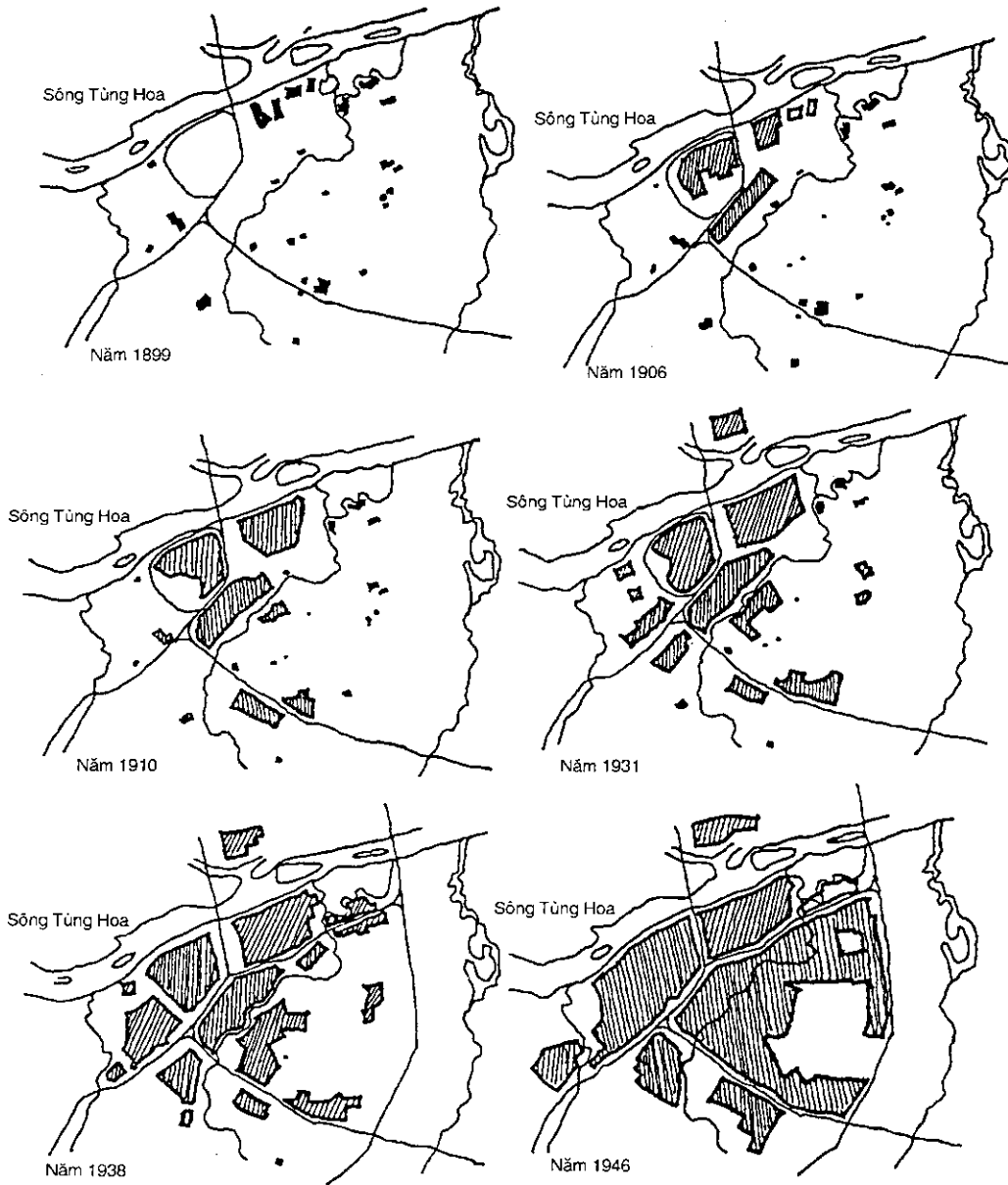
2. THIẾT KẾ

Thiết kế là một môn khoa học tìm tòi quy luật hoạt động xuất phát từ bản chất kỹ năng thiết kế của nhân loại. Trước mắt, từ "thiết kế" (Design), được ứng dụng rộng rãi vào các lãnh vực, phạm vi quán xuyên rất lớn. Ví dụ như nhà thiết kế (Designer) người Mỹ Raymond Rowe đã nói : thiết kế là một lãnh vực lớn bao trùm cả từ "son bô môi đến ô tô" hoặc từ "chiếc bút máy đến con tàu vũ trụ".



 Nhà thờ Mặt nước

MẶT BẰNG LÀNG
MARNOVEN Ở HY LẬP



LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CẤP NHỊ TÂN

(1) PHÂN LOẠI THIẾT KẾ

Nếu phân theo mục đích thiết kế, có thể chia ra :

A. Thiết kế truyền đạt nhằm mục đích truyền các thông tin đến cho con người;

B. Thiết kế sản phẩm lấy công năng thực dụng làm chủ thể, có nghĩa là dựa trên cơ sở cơ giới hoá sản xuất hàng loạt hoặc sử dụng công nghệ cao thiết kế ra các sản phẩm nhu yếu về vật chất và tinh thần, tính đa dạng cao nhưng số lượng sản phẩm hạn chế, ta có thể hiểu loại thiết kế này là thiết kế công nghiệp theo nghĩa hẹp;



C. Thiết kế hình thức môi trường nhằm tạo thành những hoàn cảnh sinh hoạt cho xã hội. Bất cứ một loại thiết kế nào cũng phải nhằm kết hợp được ba mặt nghệ thuật, sáng tạo và kỹ năng, cần kết hợp được nghệ thuật và kỹ thuật.

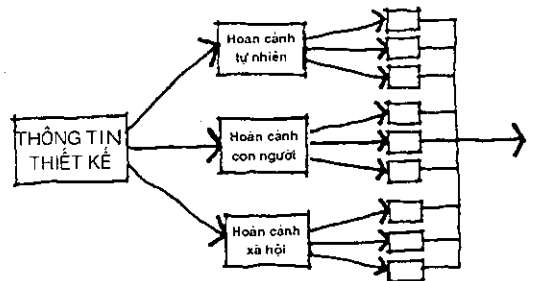
(2) QUÁ TRÌNH THIẾT KẾ

Nói một cách khái quát, quá trình thiết kế nói chung có mấy bước sau đây :

1. Đề xuất vấn đề : Tiến hành hoạt động thiết kế tức là giải quyết các vấn đề tồn tại. Người thiết kế đầu tiên phải đề xuất vấn đề, phát hiện vấn đề, đối với những vấn đề đã hình thành tiến hành phân tích và nắm vững, đem vấn đề phân giải, sau đó căn cứ vào phạm trù của nó tiến hành phân loại, tìm biện pháp giải quyết vấn đề.

2. Xây dựng mục tiêu Trong giai đoạn xác định mục tiêu thiết kế, cần phải thiết lập biểu đồ yếu tố tương quan, những yếu tố này bao gồm yếu tố con người, yếu tố kỹ thuật và yếu tố hoàn cảnh. Nghiên cứu các mối quan hệ giữa các yếu tố, xây dựng nên các mục tiêu thiết kế rõ ràng và cụ thể

Xây dựng mục tiêu xong, người thiết kế nên xoay quanh mục tiêu thiết kế tiến hành tìm ý tưởng tổng thể, đó là một quá trình sáng tạo gian nan. Muốn có những ý tưởng mang tính sáng tạo, người thiết kế cần phải có một số tố chất nhất định, ví dụ sức chú ý (quan sát và chú ý), sức bền vững (kỷ ức và liên tưởng), sức khái quát (phân tích và phán đoán).



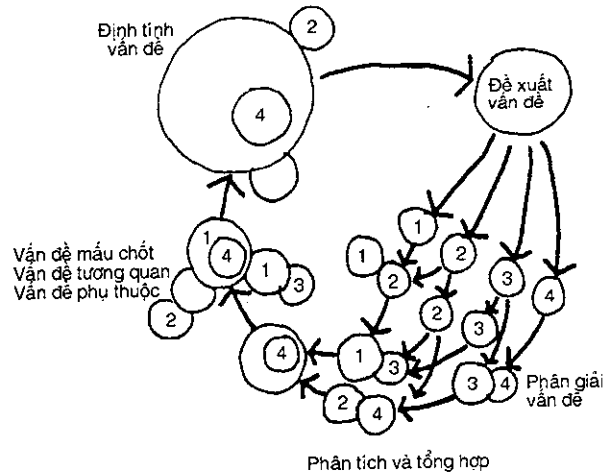
THU THẬP VÀ PHÂN TÍCH THÔNG TIN THIẾT KẾ

3. Phân tích và tổng hợp Phân tích có nghĩa là làm sáng tỏ các điểm then chốt của vấn đề thiết kế, làm rõ các thứ bậc các loại nhân tố trong các vấn đề phải giải quyết, tìm tòi các mối quan hệ giữa các nhân tố và khả năng tổ hợp chúng, để có thể cấu thành một hệ thống mới.

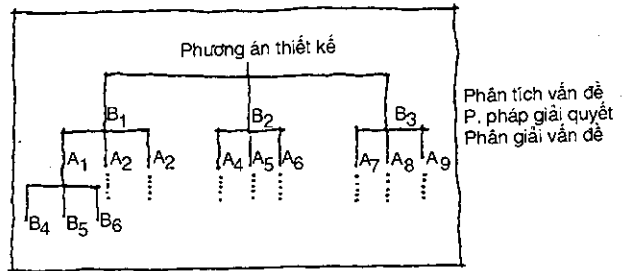
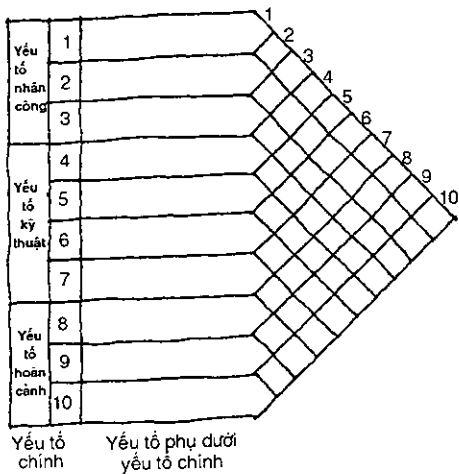
Tổng hợp có nghĩa là chỉnh lý các điều kiện tất yếu của thiết kế, trọng điểm thiết kế, đối chiếu các mục tiêu thiết kế với các trọng điểm, tiến hành suy ngẫm các phương án có tính khả thi do phân tích mà có được. Đem những vấn đề phải giải quyết trong thiết kế kết hợp với phương án có tính khả thi, tìm tòi giải quyết các đường hướng mới của vấn đề, đề xuất phạm vi thiết kế mới và hoàn thành tìm ý thiết kế cho giai đoạn sau.

4. Đánh giá thiết kế Thông qua việc đánh giá thiết kế đem vấn đề thiết kế thu hẹp vào một hạn định cho phép, và từ nhiều phương án thiết kế tìm ra phương án thiết kế tốt nhất từ "đề xuất vấn đề, xây dựng mục tiêu, phân tích và tổng hợp đi đến đánh giá thiết kế" là những bước quan trọng của việc giải quyết vấn đề thiết kế, đó cũng là phương pháp khoa học sắp xếp kế hoạch thiết kế theo thời gian trước

sau, phương pháp này còn gọi là trình tự thiết kế. Tuy nhiên, các bước trên đây không phải là một sơ đồ tuyến tính thẳng đơn nhất, mà trên thực tế, cùng với việc đi sâu vào công tác thiết kế, mỗi một bước đều đưa ra quyết sách và luôn luôn căn cứ vào các thông tin thu được mà không ngừng điều chỉnh, cho nên quá trình thiết kế là một quá trình tuần hoàn : thiết kế - xem xét lại - thiết kế.



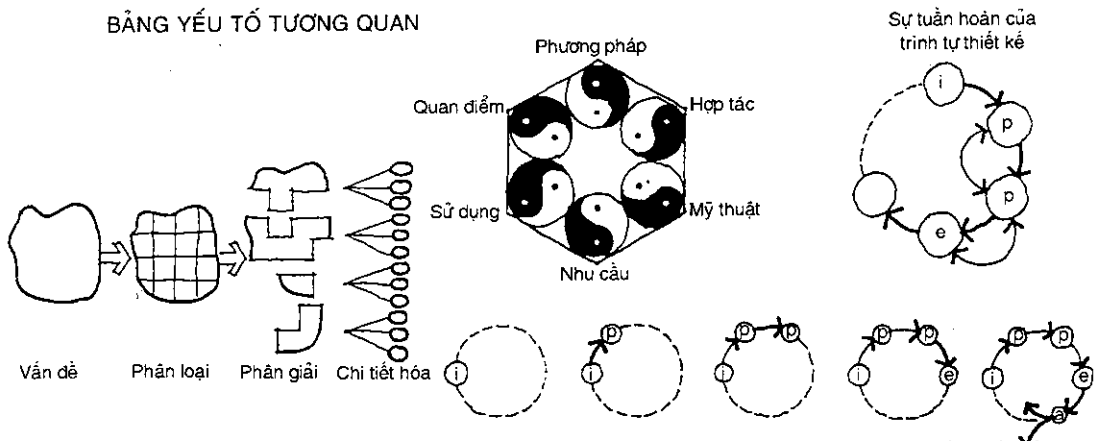
QUÁ TRÌNH ĐỀ XUẤT VẤN ĐỀ VÀ ĐỊNH TÍNH



BẢNG ĐÁNH GIÁ THIẾT KẾ CÓ KẾT CẤU HÌNH CÂY

Khi thiết lập bảng yếu tố tương quan, mỗi quan hệ giữa các yếu tố có thể dùng những ký hiệu sau đây để biểu thị : mỗi quan hệ quan trọng nhất dùng ký hiệu ⊙ , mỗi quan hệ mong muốn dùng ○ , không có liên quan dùng ◐ .

BẢNG YẾU TỐ TƯƠNG QUAN



PHÂN GIẢI VẤN ĐỀ THIẾT KẾ THIẾT KẾ VÀ TRÌNH TỰ THIẾT KẾ



(3) THIẾT KẾ MÔI TRƯỜNG HÌNH THỂ

Môi trường hình thể (Physical Environment) là khái niệm để chỉ môi trường có thể thấy được, hình thành ở sự tổ hợp các nguyên tố vật chất ở trong không gian trên mặt đất. Môi trường hình thể đô thị chỉ môi trường thị giác trong phạm vi thành phố, nhìn chung để xây dựng nó có ba bộ phận hợp thành : thiết kế, quản lý và khai thác. Trong đó những vấn đề liên quan đến thiết kế có phạm vi rất rộng lớn, đại bộ phận thuộc loại hình thiết kế thứ ba đã nói ở trên. nếu phân chia theo tầng bậc xây dựng đô thị, thì bộ môn thiết kế đô thị có thể chia ra làm quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị, thiết kế kiến trúc, thiết kế cảnh quan, thiết kế nội thất và thiết kế dụng cụ gia đình.v.v... Các bộ môn thiết kế đó liên quan đến nhau, ảnh hưởng đến nhau, tuần tự mà tiến, thành một hệ thống các ngành liên quan hữu cơ với nhau, trong xây dựng thành phố cùng phát huy tác dụng, thành các bộ môn chủ chốt của hoạt động xây dựng đô thị.

Xây dựng môi trường hình thể là xây dựng không gian ba chiều cho đô thị. Trong quá trình xây dựng đô thị của con người, thiết kế đô thị có tác dụng làm "cầu nối". đóng vai trò từ quy hoạch mặt bằng hai chiều quá độ sang hoạt động xây dựng không gian ba chiều. Trong giai đoạn này, thiết kế đô thị có hai nhiệm vụ chủ yếu : một là tạo thành kết quả thiết kế đô thị, kết hợp nhu cầu phát triển của xây dựng đô thị đề xuất ra mục tiêu thiết kế và ý tưởng, lúc này sự giao lưu giữa thiết kế và quản lý tương đối mật thiết, là lúc tạo nên quyết sách của vấn đề tổng thể đô thị, hai là việc thực thi thành quả của thiết kế đô thị. Thành quả của thiết kế đô thị trở thành một loại điều lệ xây dựng địa phương mang tính pháp quy, đề xuất ra yêu cầu và chỉ đạo hoạt động khai thác. đồng thời cũng là căn cứ để quản lý xây dựng đô thị. Lúc đó mối giao lưu giữa quản lý và khai thác tương đối mật thiết, quản lý đô thị xem thành quả của thiết kế đô thị như là một công cụ để khống chế, như là một "máy đo" yêu cầu và dẫn hướng cho việc khai thác xây dựng.

(4) TỔNG THUẬT KHÁI NIỆM THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

Hiện nay, việc lý giải và diễn giải khái niệm thiết kế đô thị rất khác nhau và muôn hình muôn vẻ, các chuyên ngành khác nhau có nhận thức khác nhau, nhiều khi ý kiến không nhất quán. Nhìn một cách tổng quan có các quan điểm sau đây :

1. Môi trường hình thể luận Thiết kế đô thị là thiết kế môi trường hình thể đô thị dưới góc độ không gian ba chiều hoặc thiết kế môi trường công cộng.

2. Kiến trúc luận Thiết kế đô thị là sự sáng tạo trật tự không gian, về cơ bản là một vấn đề kiến trúc, là thiết kế kiến trúc đại quy mô hoặc sự mở rộng của thiết kế kiến trúc.

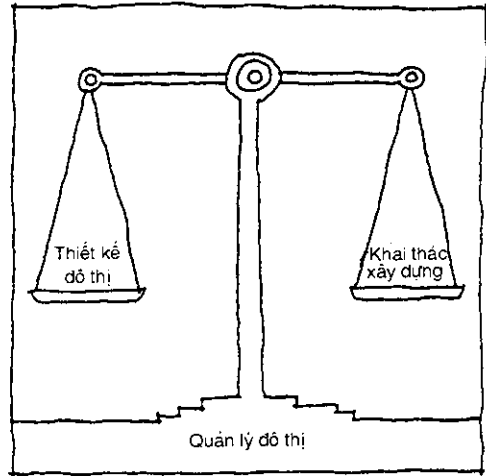
3. Quy hoạch luận Thiết kế đô thị là một giai đoạn của quy hoạch đô thị hoặc một ngành của quy hoạch đô thị, là sự đi sâu hơn và cụ thể hoá của quy hoạch đô thị.

4. Quản lý luận Thiết kế đô thị là một bộ phận của công việc nhà nước, là sự vận dụng pháp luật để khống chế tổng hợp sự phát triển đô thị.

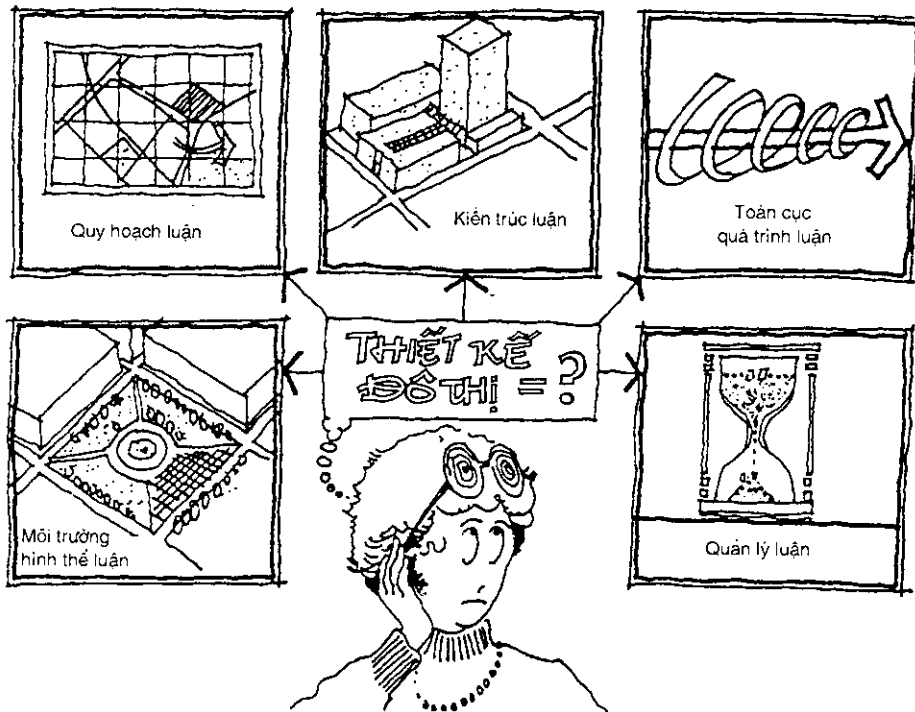


5. Toàn cục quá trình luận Thiết kế đô thị nên quán xuyên tổng thể quá trình xây dựng đô thị, là thủ đoạn để giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội và hình thức vật chất

Các quan điểm trên đây đều tỏ ra không toàn diện, nhưng ít nhất có thể cho thấy, thiết kế đô thị là một lãnh vực của nhiều bộ môn khoa học, nó bao hàm một phạm vi rất rộng, đang ở vào giai đoạn phát triển chưa thành thục và muốn có một nhận thức toàn diện về nó cần phải có cả một quá trình. Trước mắt, việc đề ra các định nghĩa về thiết kế đô thị đều là quá sớm, cho nên, chúng ta không nên từ định nghĩa của khái niệm tiến hành thảo luận, mà nên bắt đầu thảo luận từ những vấn đề liên quan mà thiết kế đô thị đề cập đến.



SƠ ĐỒ QUAN HỆ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VÀ KHAI THÁC XÂY DỰNG



MỘT SỐ NHẬN THỨC ĐỐI VỚI THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

Vấn đề nên đề cập đến là : từ "thiết kế đô thị" mà chúng ta nói, dịch từ chữ "Urban Design" ra, còn từ "Urban Planning" chúng ta gọi là quy hoạch đô thị, nhà đô thị học Mỹ Kevin Lynch cũng gọi thiết kế đô thị là "City Design". Dầu sao thì những luận điểm mà chúng tôi đã nêu ra ở trên liên quan đến thiết kế đô thị cũng sẽ bổ ích cho chúng ta khi nghiên cứu tiếp tục.

1. PHẠM VI

Đô thị là một hệ thống tổng hợp cực kỳ phức tạp, đô thị học là sự kết hợp hữu cơ giữa khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng, là một khoa học tổng hợp lấy đô thị làm đối tượng nghiên cứu.

(1) CÁC KHOA HỌC LIÊN QUAN

Quy hoạch đô thị là một trong những nội dung chủ yếu của môn đô thị học, nó bao gồm ba nội dung : quy hoạch xã hội, quy hoạch kinh tế và quy hoạch môi trường hình thể.

1. Quy hoạch xã hội là thông qua việc tổ chức và sắp xếp các phương diện phân bố nhân khẩu, sinh hoạt xã hội, hoạt động nghề nghiệp, hoạt động xã hội .v.v..., để xuất ra một mục tiêu xã hội hoàn chỉnh mà xã hội yêu cầu.

2. Quy hoạch kinh tế Ở Phương Tây, khái niệm này bắt đầu có từ năm 1930, với những ý tưởng cơ bản làm sao phân phối có hiệu quả nguồn tài chính của đô thị, đối tượng của nó chủ yếu bao gồm điều chỉnh cơ cấu công nghiệp, hợp lý sử dụng tài nguyên đất đai, nghiên cứu mức độ và cường độ khai thác khu vực.

3. Quy hoạch môi trường hình thể là dựa trên cơ sở quy hoạch xã hội và quy hoạch kinh tế, phân bổ các yếu tố vật chất và các phương tiện liên quan đến môi trường hình thể đô thị, sử dụng đất đai, bố trí và sắp xếp cụ thể các hệ thống giao thông và hình thể không gian và các yếu tố vật chất khác, kết quả của nó chính là sự ảnh xạ của quy hoạch xã hội và quy hoạch kinh tế. Quy hoạch đô thị thời kỳ đầu chú ý nhiều đến quy hoạch môi trường hình thể, bao gồm quy mô phát triển đô thị và phạm vi sử dụng đất quy hoạch, phân chia các hạng mục đất đai đô thị, bố cục và xây dựng các hạng mục khai thác thực tế, .v.v.. Hiện nay, nó vẫn là công việc chủ yếu của quy hoạch đô thị, và có thể nói, đó là bước cuối cùng của công tác quy hoạch đô thị.

Trong ba nội dung nói trên của quy hoạch đô thị, quy hoạch xã hội và quy hoạch kinh tế mang tính chất ẩn và nội tại, còn quy hoạch môi trường hình thể mang tính chất hiện và phi nội tại.

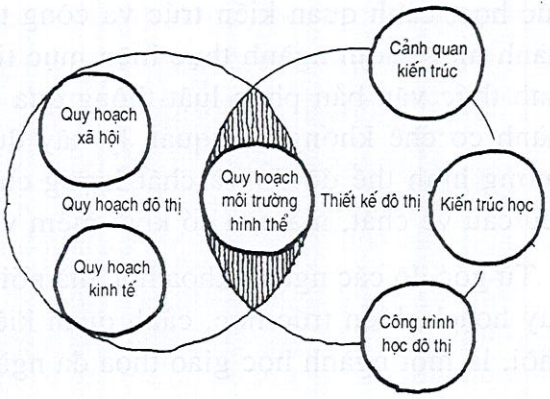
Từ góc độ môi trường hình thể mà nói, kiến trúc học, cảnh quan kiến trúc, công trình học đô thị cũng là thành viên của đô thị học. Chúng chính là sự đi sâu và sự cụ thể hoá của quy hoạch môi trường hình thể, đề cập đến nhiều hơn vấn đề hình

thái đô thị và vấn đề công trình, kết quả tổng hợp của chúng có ảnh hưởng tích cực hoặc là lực phản tác dụng đối với quy hoạch môi trường hình thể.

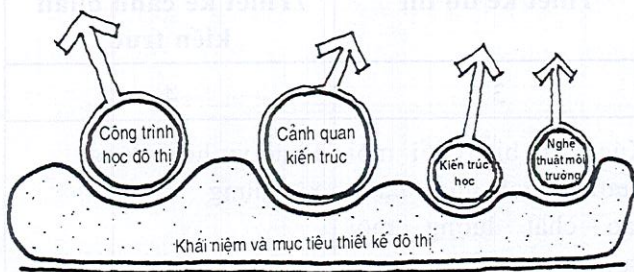
- Kiến trúc học là khoa học nghiên cứu các công trình kiến trúc và môi trường của nó với mục đích là sáng tạo nên những hình thái môi trường hình thể hoà hợp được kỹ thuật lẫn mỹ thuật. Trong nghiên cứu thiết kế kiến trúc những vấn đề liên quan đến bố cục tổng thể, hình thức bên ngoài và phong cách, hình khối, vật liệu, màu sắc, mối quan hệ giữa kiến trúc với kiến trúc .v.v.. đều gắn bó với việc tìm ý tổng thể của môi trường hình thể đô thị trong một phạm vi nhất định.

- Cảnh quan kiến trúc chú trọng đến những vấn đề chất lượng môi trường hình thể của không gian bên ngoài kiến trúc, là bố cục và thiết kế các nhân tố nhân tạo của môi trường bên ngoài và các nhân tố tự nhiên. Các nguyên tố thiết kế của nó bao gồm các vấn đề tổ chức công năng của môi trường bên ngoài, chỉnh trang mặt đất và phân định không gian, màu sắc và vật liệu bên ngoài công trình kiến trúc v.v.... Các hình thức kiến trúc nhỏ, các hình thức design đường phố như trạm đỗ xe bus, đèn đường, biển quảng cáo, kiôsk, ghế ngồi, bể phun nước và cây xanh...

- Công trình học đô thị là khoa học nghiên cứu các loại công trình và thiết bị phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho đô thị, bao gồm hai bộ phận trên mặt đất và dưới mặt đất, như đường sá, cấp thoát nước, xử lý rác thải, cấp nhiệt, điện lực và bưu chính viễn thông, khí đốt.v.v... những loại công trình này cung cấp những phương tiện cơ sở chủ yếu cho xây dựng và phát triển đô thị, là bảo đảm cơ bản cho việc xây dựng thành phố có thể tiến hành thuận lợi, bình thường.



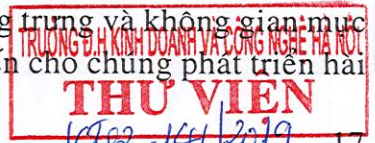
XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ NGÀNH THIẾT KẾ ĐÔ THỊ



Công trình học đô thị, kiến trúc học, cảnh quan kiến trúc thiết kế nghệ thuật môi trường đều nên tiến hành trên cơ sở khái niệm và mục tiêu thiết kế đô thị, cùng thực hiện để nâng cao chất lượng môi trường đô thị thực tế.

Thiết kế đô thị là thiết kế tổng thể môi trường hình thể trên các tầng lớp khác nhau đối với đô thị, đó là một loại thiết kế có tính tổng hợp rất mạnh, là xử lý tốt và hợp lý các loại không gian chủ yếu, không gian tượng trưng và không gian mục đích, khiến cho chúng phát triển hài

KHÁI NIỆM VÀ MỤC TIÊU THIẾT KẾ ĐÔ THỊ



hoà và đạt được tính nghệ thuật. Thiết kế đô thị là đem quy hoạch đô thị và kiến trúc học, cảnh quan kiến trúc và công trình học đô thị liên kết lại với nhau, hình thành một nhóm ngành thực hiện mục tiêu quy hoạch tổng thể đô thị, dùng những hình thức văn bản pháp luật thông qua sự khống chế định tính và định lượng, tạo thành cơ chế khống chế quản lý xây dựng đô thị nhằm nâng cao chất lượng môi trường hình thể đô thị và chất lượng cuộc sống đô thị. Cho nên, nó không chỉ có yêu cầu về chất, mà còn có khái niệm về lượng.

Từ góc độ các ngành khoa học mà nói, thiết kế đô thị là đem dung hoà bốn ngành quy hoạch, kiến trúc học, cảnh quan kiến trúc và công trình học đô thị thành một khối, là một ngành học giao thoa đa ngành và là một ngành học tổng hợp.

Nếu so sánh giữa quy hoạch đô thị, kiến trúc học, cảnh quan kiến trúc và thiết kế đô thị, chúng có những điểm tương đồng, nhưng cũng có những điểm khác nhau. Thiết kế đô thị là thiết kế trong trạng thái động, nguồn uỷ thác không cố định, giới hạn dùng đất không cố định, phía đầu tư không cố định; còn quy hoạch đô thị, kiến trúc học, cảnh quan kiến trúc là thiết kế cụ thể, nguồn uỷ thác cố định, giới hạn dùng đất cố định và phía đầu tư cố định.

Trên bình diện xây dựng đô thị cái mà quy hoạch đô thị chủ yếu cần phải trả lời là "Xây ở đâu "(Where) và "Xây cái gì" (What); còn thiết kế đô thị ngoài việc trả lời những vấn đề trên kỹ hơn, còn phải trả lời được những câu hỏi "Ai xây" (Who) và "Xây lúc nào"(When); đối với thiết kế kiến trúc và thiết kế cảnh quan kiến trúc mà nói thì vấn đề là "Xây như thế nào"(How).

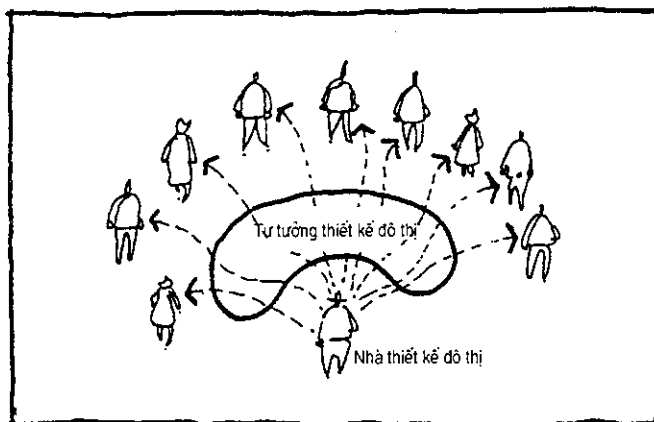
Bảng so sánh quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị, thiết kế kiến trúc, thiết kế cảnh quan kiến trúc

	Quy hoạch đô thị	Thiết kế đô thị	Thiết kế kiến trúc /Thiết kế cảnh quan kiến trúc
1	2	3	4
Mục đích	Tiến hành khống chế tổng quan đối với phát triển đô thị	Xúc tiến biến đổi môi trường hình thể, nâng cao chất lượng môi trường	Phục vụ hoạt động xây dựng
Đối tượng công tác	Lấy hai chiều làm chính, kết hợp xã hội, kinh tế và môi trường hình thể, mang tính kế hoạch	Lấy môi trường hình thể ba chiều làm đối tượng nghiên cứu, nắm vững hình tượng tổng thể, mang tính chất thiết kế	Không gian bên trong và bên ngoài của kiến trúc/thiết kế không gian môi trường bên ngoài, mang tính chất thiết kế



1	2	3	4
Thành quả	Chính sách mang tính chiến lược, pháp quy, phương án quy hoạch, lấy văn bản làm chính, thực hiện khống chế động thái	Chính sách mang tính chiến lược, kế hoạch, phương án, quy tắc, thực hiện khống chế động thái + chỉ đạo	Văn kiện thiết kế xây dựng, lấy bản vẽ làm chính, chỉ đạo thi công cụ thể
Thời gian thực hiện	Thể hiện thành quá trình phát triển, thời gian kéo dài	Thể hiện thành quá trình xây dựng, thời gian tương đối dài	Trong một thời gian nhất định
Nguồn uỷ thác	Cơ quan nhà nước	Cơ quan nhà nước, cơ quan khai thác, các loại người uỷ thác	Cơ quan khai thác, nghiệp chủ, chủ xây dựng
Người tham gia	Các nhà quy hoạch, viên chức chính phủ, các nhà xã hội học và kinh tế học	Các nhà thiết kế đô thị, viên chức chính phủ, chủ đầu tư, kiến trúc sư, kiến trúc sư cảnh quan, dân cư đô thị v.v...	Kiến trúc sư/kiến trúc sư cảnh quan, người sử dụng

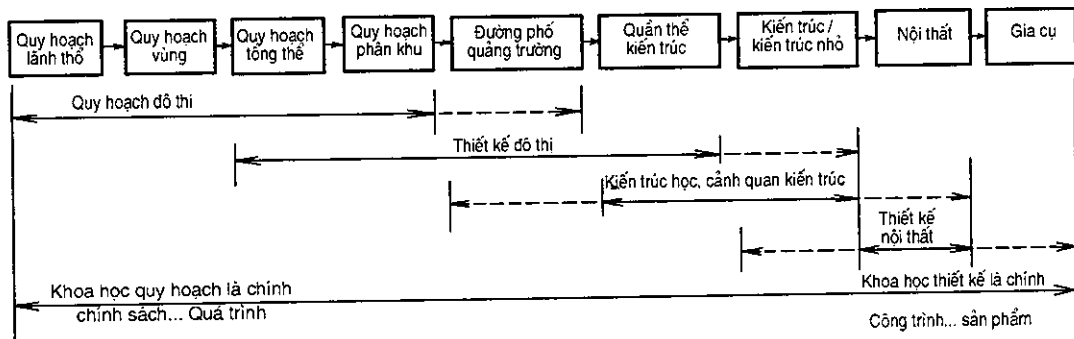
Có thể thấy, thiết kế đô thị bao hàm một phạm vi rất rộng, nó không chỉ là một bộ môn khoa học xã hội, mà còn là một bộ môn nghệ thuật. Nếu xem xét trên một bình diện khác, nó là kỹ thuật, và cũng là văn học và mỹ học, nó là lý tính và cũng là cảm tính. Cho nên, nghiên cứu môn này cũng chính là nghiên cứu một bộ môn "liên ngành" (Transdiscipline), chỉ có một tính toàn cục như vậy, nghiên cứu mang tính chất lâu dài như vậy thiết kế đô thị mới có thể chỉ đạo được, điều khiển được việc xây dựng đô thị.



GIAO LƯU VÀ HỢP TÁC GIỮA TẬP THỂ NHỮNG NGƯỜI THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

(2) KHỐI LẬP PHƯƠNG THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

Thông qua những thảo luận bên trên, chúng ta có thể xây dựng một mô hình khái niệm thiết kế đô thị trực quan; lập thể, và cũng có thể gọi nó là khối lập phương thiết kế đô thị. Nó dùng hình tượng ba chiều để đem sự cấu thành ngành thiết kế đô thị chia thành hai phương diện có các tầng lớp khác nhau là thiết kế môi trường hình



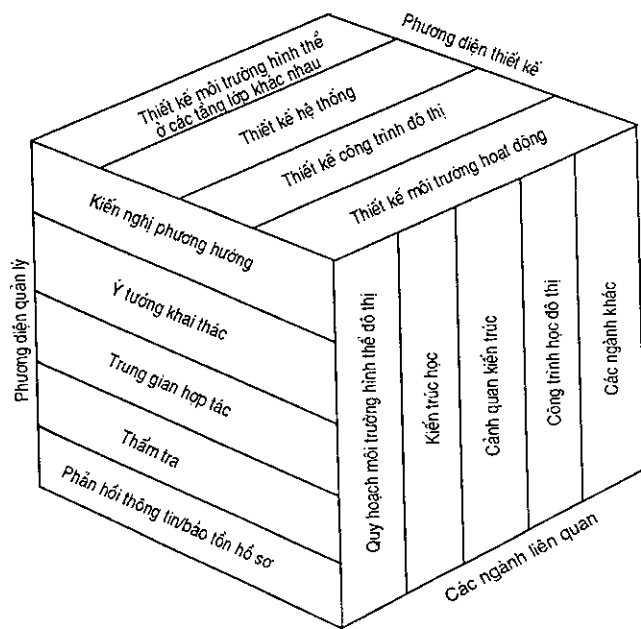
CÁC TẦNG LỚP MÔN HỌC CỦA THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

thể và khai thác quản lý, thêm vào đó là các khoa học liên quan trợ giúp cho thiết kế đô thị, phân biệt dùng ba hướng khác nhau biểu hiện trên các bình diện, hình thành một mô hình lập thể ba chiều. Việc xây dựng khối lập phương thiết kế đô thị rất có lợi cho việc nhận thức và lý giải của chúng ta đối với môn thiết kế đô thị. Sau đây chúng ta giải thích kỹ hơn hai phương diện chủ yếu của khối lập phương thiết kế đô thị.

1. Về phương diện thiết kế

- *Thiết kế môi trường hình thể ở các tầng lớp khác nhau.* Bao gồm từ quy hoạch toàn bộ môi trường hình thể đô thị đến các khu vực cục bộ, một loạt các quy mô khác nhau của thiết kế kiến trúc đại quy mô, các hạng mục thiết kế môi trường hình thể có tính chất khác nhau, đó là nội dung chủ yếu của bộ môn thiết kế đô thị.

- *Thiết kế hệ thống.* Bao gồm bộ dạng của tổng thể đô thị, một loạt các sản phẩm thiết kế môi trường, thiết kế nghệ thuật các kiến trúc môi cảnh, ví dụ màu sắc của phong cách kiến trúc, bảng biểu đô thị, lô gô, điêu khắc, tiểu phẩm, đồ đạc vật dụng của đường phố, cây xanh, cột đèn, quảng cáo.v.v..., các thiết kế này cũng còn được gọi là thiết kế nghệ thuật công



KHỐI LẬP PHƯƠNG THIẾT KẾ ĐÔ THỊ



- *Thiết kế công trình thị chính.* Bao gồm thiết kế đường sá đô thị, quảng trường, các cơ sở thiết bị giao thông của đô thị và thiết kế những loại trang thiết bị liên quan đến chất lượng môi trường.

- *Thiết kế môi trường hoạt động.* Đó là một nội dung thiết kế mới được đề cập đến trong mấy năm gần đây và càng ngày càng được coi trọng, chủ yếu là tổ chức cảnh quan nhân văn đô thị, chỉnh lý và tổ chức các hoạt động, sự kiện liên quan đến sử dụng môi trường, bản sắc đô thị, phong tục tập quán dân tộc và kinh tế mậu dịch, cũng như thiết kế, tổ chức các lễ hội.

Bốn hạng mục thiết kế trên đây từ các khía cạnh khác nhau đã tiến hành sáng tạo thẩm mỹ đô thị về các mặt môi trường hình thể, sức sống của một đô thị, các thành quả thiết kế trên đây có tác dụng giao thoa, từ đó nâng cao chất lượng môi trường đô thị và tác động nghệ thuật một cách tổng hợp, đáp ứng yêu cầu vật chất và tinh thần của cuộc sống con người trong đô thị, tăng thêm sức hấp dẫn của môi trường đô thị.

2. Về phương diện khai thác quản lý

- *Kiến nghị phương hướng.* Là công việc đòi hỏi nhà thiết kế đô thị dùng nhãn quan sắc bén của mình nhìn qua môi trường đô thị, thông qua việc chỉnh lý tư liệu, đọc tư liệu, phân tích và đánh giá tư liệu, phát hiện giá trị nội tại và tiềm lực khai thác của môi trường hình thể đô thị, đối với hoạt động xây dựng thành phố đề xuất ra những kiến nghị khai thác, mục tiêu khai thác và dự kiến thị trường, nắm vững đòi hỏi khai thác xây dựng đô thị.

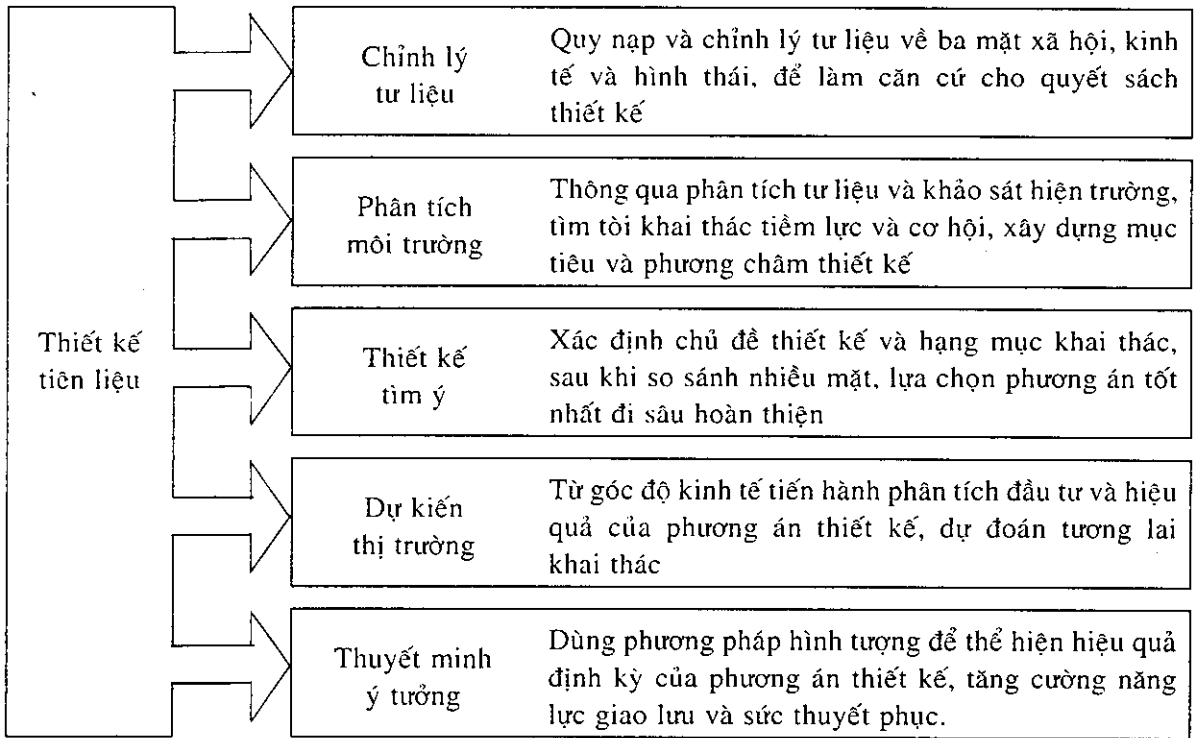
- *Ý tưởng khai thác.* Đối với các khu vực hoặc các vùng đặc định của đô thị tìm ra những ý tưởng khai thác, khái niệm này ở nước ngoài gọi là thiết kế tiên liệu, nó là chiếc "câu nối" liên hệ giữa tư tưởng quy hoạch đô thị quá độ sang thiết kế khai thác đô thị. Qua những thiết kế tiên liệu, sẽ tạo cho con người cùng nhận biết được tầm quan trọng của môi trường hình thể đô thị, cùng nhận thức được mục tiêu xây dựng đô thị, và có thể khởi động, xúc tiến và ảnh hưởng tác động đến sự phát sinh và phát triển hoạt động xây dựng đô thị, nó có ảnh hưởng quyết định đến sự hình thành của môi trường hình thể đô thị và nâng cao chất lượng môi trường hình thể đô thị.

- *Trung gian môi giới hợp tác.* Đó là công việc mấu chốt, khó khăn nhất của phương diện quản lý hoạt động xây dựng đô thị, nó đem thành quả của thiết kế tiên liệu hội nhập vào hệ thống pháp quy, đem một loạt các chính sách và quy phạm thiết kế hội nhập với các bộ môn liên quan của công tác khai thác đô thị, như quyền lực, tiền vốn, pháp luật.v.v... Thông qua những công tác đó, phát huy một cách đầy đủ tác dụng của các tập thể thiết kế đô thị, thực hiện mục tiêu thiết kế đô thị.

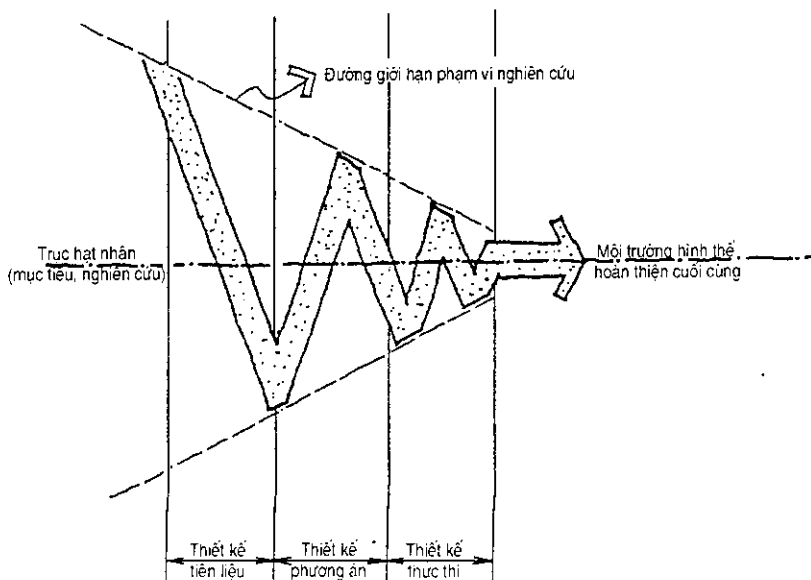
- *Thẩm tra.* Trong quản lý thiết kế đô thị, thẩm tra là công tác quan trọng bảo đảm sự pháp chế hoá, khoa học hoá khai thác xây dựng đô thị, ví dụ thành lập các hội đồng thẩm tra chuyên môn, thông qua hệ thống chuyên gia đối với các quyết sách xây dựng đô thị và các nguyên tắc mềm dẻo của thiết kế đô thị đánh giá toàn

PHẠM VI VÀ ĐẶC TRUNG

bộ các góc độ. Ngoài ra, còn thông qua sự tham gia của công chúng để đảm bảo công khai, công bằng và khoa học hợp lý của các quyết sách trong quá trình thiết kế đô thị.



NĂM BỘ PHẬN THÀNH PHẦN CỦA THIẾT KẾ TIÊN LIỆU



BA GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ ĐÔ THỊ TRONG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG



- *Bảo tồn hồ sơ xây dựng.* Đó là công tác mang tính thường xuyên, tính cơ bản trong xây dựng quản lý đô thị, thông qua việc lưu giữ các hồ sơ bảo tồn cũng như các thiết kế đổi mới, khiến chúng có thể cho biết diện mạo mới nhất của đô thị. Nó giúp ích cho các nhà thiết kế đô thị có thể nghiên cứu lâu dài về đô thị, đối với ảnh hưởng của các hạng mục kiến trúc mới đối với môi trường đô thị kịp thời có đánh giá phản hồi, nắm vững những cơ hội khai thác mới khi có thay đổi biến hoá trong nội tại của cấu trúc thành phố, tìm tòi những kiến nghị định hướng khai thác mới.

Từ góc độ chính phủ đối với việc quản lý xây dựng đô thị mà xét, nội dung phương diện quản lý thiết kế đô thị có thể xem như một bộ phận của chức năng chính phủ, nhiệm vụ chủ yếu là nắm vững nguyên tắc mềm dẻo trong thành quả thiết kế, thu hút đầu tư, đẩy mạnh khai thác, cải tạo đô thị một cách có kế hoạch, phát triển kinh tế đô thị. Công tác này có thể tăng cường tính chủ động và tính kế hoạch của chính phủ đối với quản lý và xây dựng đô thị, cho nên, nên có sự coi trọng một cách đầy đủ.

Việc xây dựng khối lập phương thiết kế đô thị, giúp chúng ta nhận thức được một cách rõ ràng rằng, thiết kế đô thị là một ngành khoa học hội nhập cả hai nội dung thiết kế và quản lý mà tạo thành. Về phương diện thiết kế môi trường hình thể, thiết kế đô thị là sáng tạo hình thức thẩm mỹ môi cảnh về mặt không gian, nó mang trong mình quy luật thiết kế của các ngành thiết kế khác. Trong quá trình sáng tác, đòi hỏi nhà thiết kế đô thị phải có trí tưởng tượng phong phú, có năng lực kinh doanh không gian và năng lực vận dụng ngôn ngữ đồ hoạ và giao lưu. Về phương diện quản lý khai thác, bộ môn khoa học thiết kế đô thị lại bộc lộ ra quy luật đặc biệt của nó, khác với các bộ môn thiết kế khác, nó đòi hỏi nhà thiết kế đô thị có năng lực tham gia vào hoạt động xã hội và quản lý xây dựng đô thị, hiểu biết chính sách quốc gia, pháp luật và kinh doanh khai thác.

(3) CÁC TẦNG LỚP THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

Từ phương diện các tầng lớp không gian mà nói, thiết kế đô thị đi từ quy hoạch tổng thể đô thị đến quy hoạch chi tiết, thậm chí đến cả trang thiết bị cho đường phố.... là một lãnh vực rất rộng lớn. Căn cứ vào tình hình thực tế, nhìn chung thiết kế đô thị có thể chia ra hai tầng lớp là thiết kế đô thị tổng thể và thiết kế đô thị cục bộ khu vực.

Thiết kế đô thị tổng thể là một bộ phận tạo thành của quy hoạch tổng thể đô thị, nó nghiên cứu bố cục tổng thể không gian đô thị, xây dựng mục tiêu tổng thể của hình tượng thị giác lâu dài của đô thị, tạo thành hình thái phát triển không gian đô thị có bản sắc và tạo thành cái khung cho hoạt động nhân văn của đô thị.

Thiết kế đô thị cục bộ khu vực là căn cứ trên thiết kế đô thị tổng thể tiến hành thiết kế các khu vực cục bộ của đô thị, như trung tâm công cộng, đường sá, quảng trường, khu nhà ở, cây xanh công cộng, khu công nghiệp.v.v..., đề xuất các yêu cầu

hoặc tiến hành thiết kế sử dụng đất đai, bố cục không gian, hình khối kiến trúc, cây xanh, giao thông, công trình thị chính, các hình thức kiến trúc nhỏ.v.v...

Thiết kế đô thị các tầng lớp khác nhau, nội dung thiết kế cũng rất khác nhau.

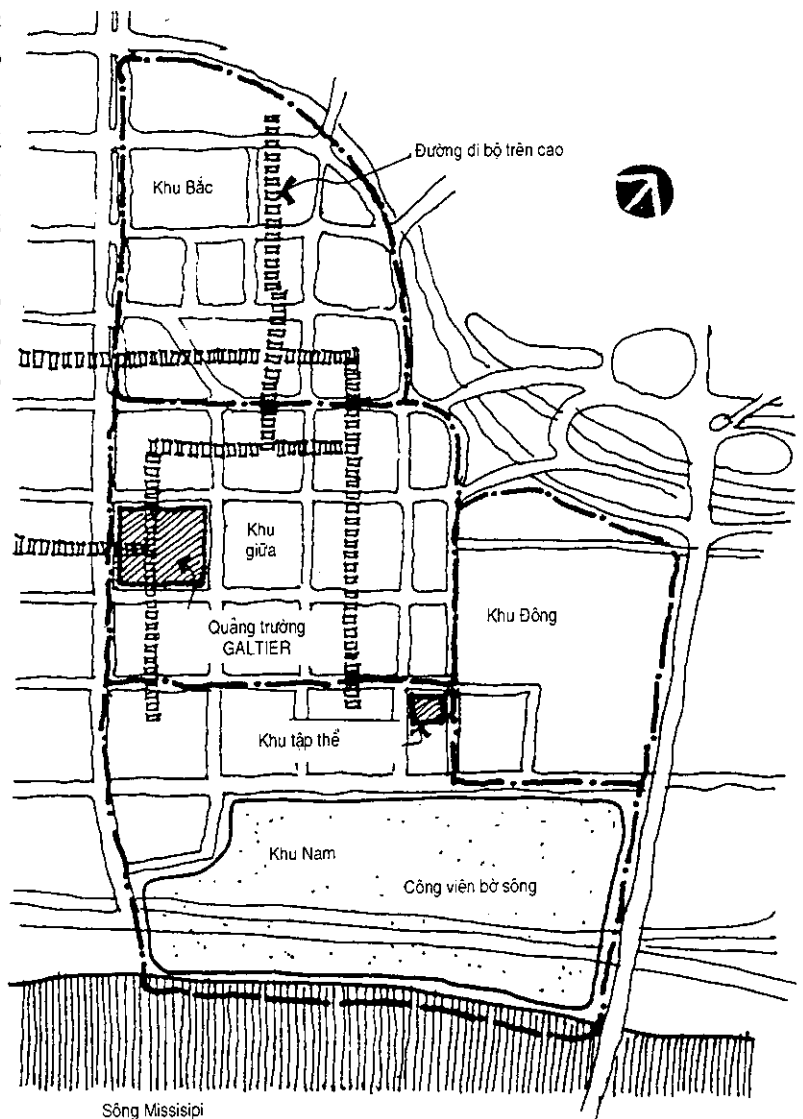
1. Thiết kế đô thị tổng thể

- Xác định cơ cấu hình thái không gian đô thị. Căn cứ vào hoàn cảnh địa lý tự nhiên của đô thị và đặc trưng bố cục, kết hợp với bố cục dùng đất của yêu cầu quy hoạch đô thị, thiết lập nên hình thái phát triển tổng thể của không gian đô thị.

- Thiết lập hệ thống cảnh quan đô thị. Từ góc độ thẩm mỹ xác định ra các khu vực cảnh quan, tuyến cảnh quan, điểm cảnh quan và trực cảnh quan của đặc trưng cảnh quan khác nhau của đô thị, đề xuất những căn cứ khống chế xây dựng đô thị.

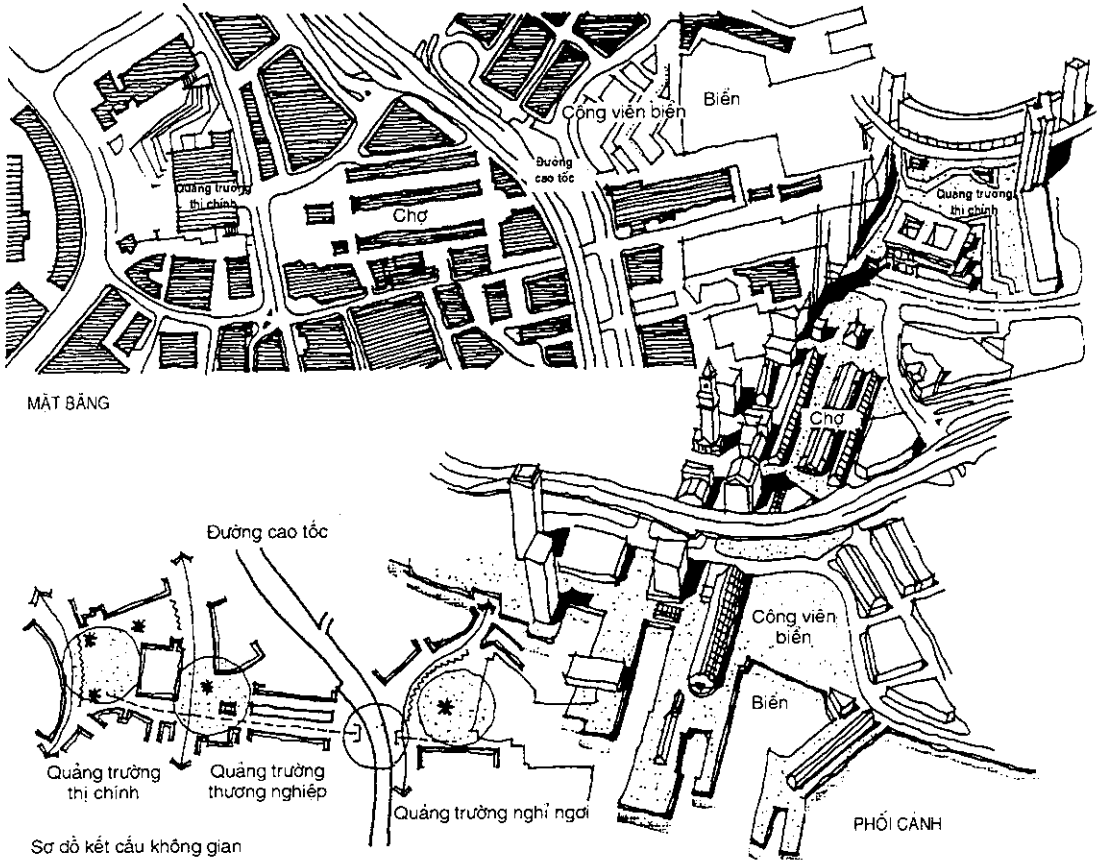
- Bố cục không gian hoạt động công cộng đô thị. Đề xuất ra những điều kiện không gian vật chất cho đô thị, bao gồm các không gian du lãm, thưởng ngoạn, rèn luyện thể chất, lễ hội, nghỉ ngơi, giao lưu.v.v..., tiến hành sắp xếp tính chất, nội dung, quy mô và vị trí môi cảnh của các loại không gian trên và tạo thành hệ thống không gian công cộng đô thị.

- Thiết kế hình bóng (Silhouette) theo phương thẳng đứng của đô thị. Căn cứ vào điều kiện địa hình tự nhiên của đô thị và đặc trưng kiến trúc cảnh quan, sự phân khu, xác định bố cục kiến trúc tầng, phân bố đường đi trong không gian đô thị, bảo tồn và sử dụng các kiến trúc mang tính lịch sử và địa thế tự nhiên, hình thành xiluet cảnh quan thành phố mang bản sắc riêng.



MẶT BẰNG KHU VỰC NGOẠI Ô MỚI KHAI PHÁT





HỆ THỐNG KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG "KHU VỰC VEN MẶT NƯỚC NỘI THỊ"
CỦA THÀNH PHỐ BOSTON, MỸ

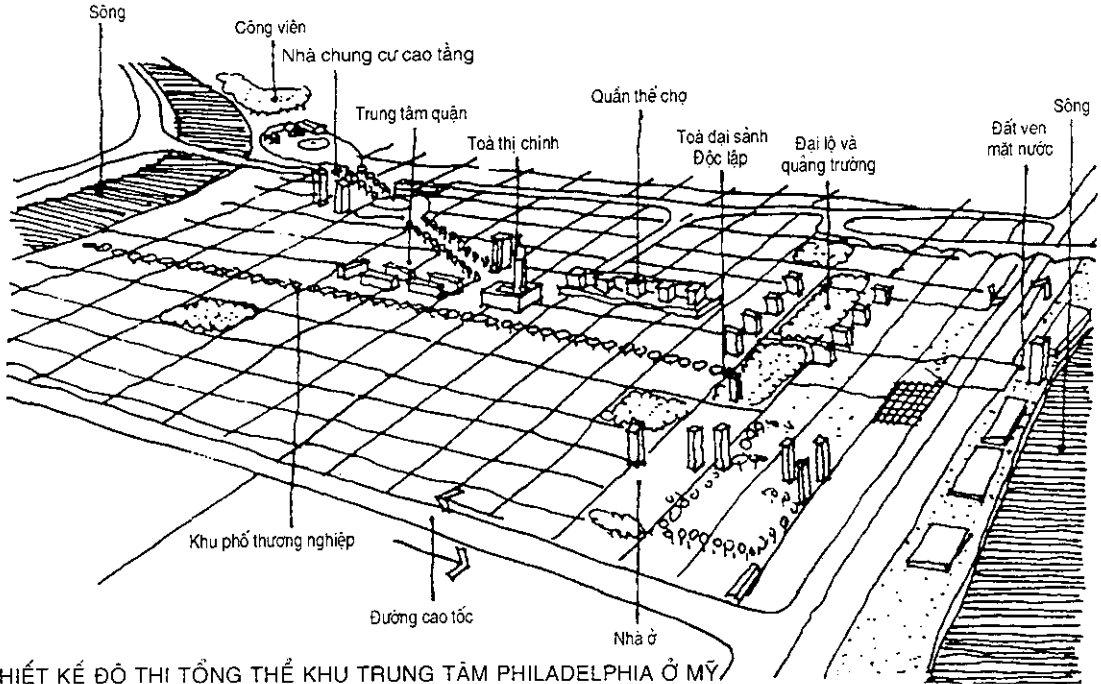
Trong thiết kế khống chế đô thị khu trung tâm thành phố Philadelphia Mỹ, từ ba mặt quần thể kiến trúc cao tầng, cây xanh, đường sá sẽ xác định được các nhân tố chủ đạo của việc phân chia khu vực hình thái không gian đô thị chủ yếu và cảnh quan đô thị, khiến cho xiluet đô thị theo chiều cao được khống chế một cách có hiệu quả.

- Nghiên cứu hệ thống đường sá, mặt nước và cây xanh đô thị. Từ góc độ chất lượng môi cảnh không gian đô thị đối với các yếu tố trên đây của môi trường hình thể đô thị, tiến hành quy hoạch và thiết kế tổng thể, xây dựng hệ thống sinh thái tự nhiên và hệ thống giao thông vận tải của đô thị. Quy hoạch hệ thống công viên cây xanh của khu Trung tâm đô thị của thành phố Boston đề xuất và thực thi năm 1982, đã gần như xây dựng được một hệ thống cây xanh đô thị liên tục, tạo điều kiện và cơ sở cho việc xây dựng thành phố - vườn sau này.

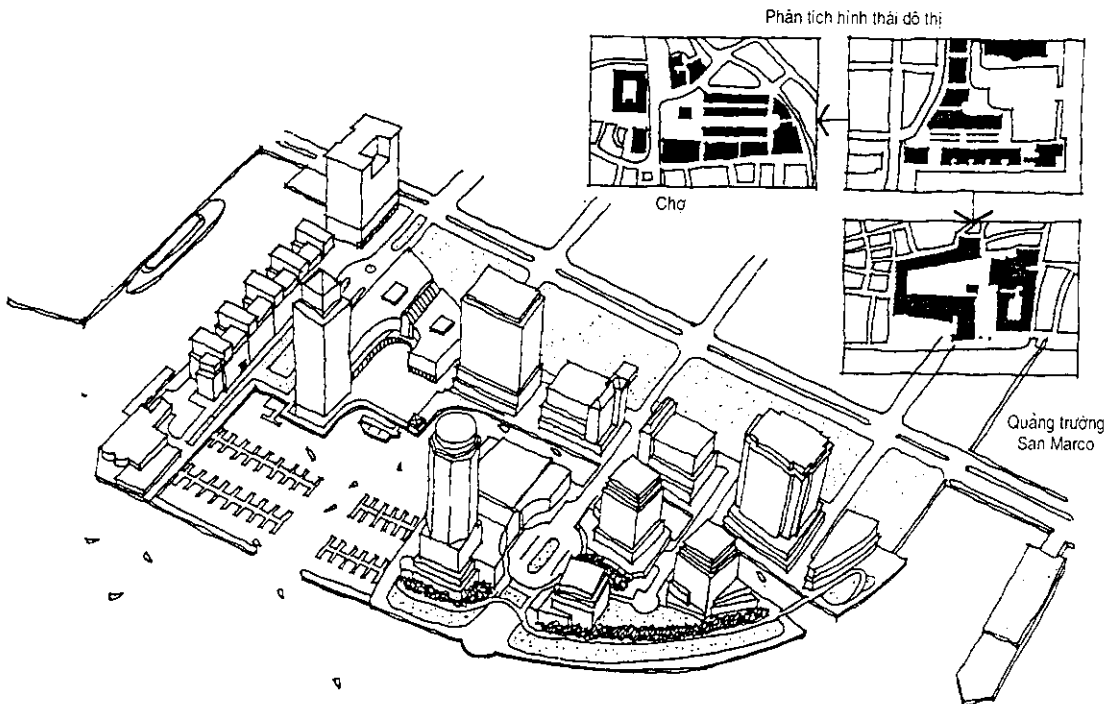
- Đề xuất màu sắc, chiếu sáng đô thị, phong cách kiến trúc, lôgô đô thị và hình thức kiến trúc nhỏ cũng như các đặc tính kiến trúc cơ bản khác, từ việc xây dựng bản sắc đô thị và yêu cầu đối với bản sắc đô thị xuất phát, đối với các nội dung nói trên thêm một bước đi sâu nghiên cứu các vấn đề kiến trúc chỉ đạo tìm ý.

PHẠM VI VÀ ĐẶC TRƯNG

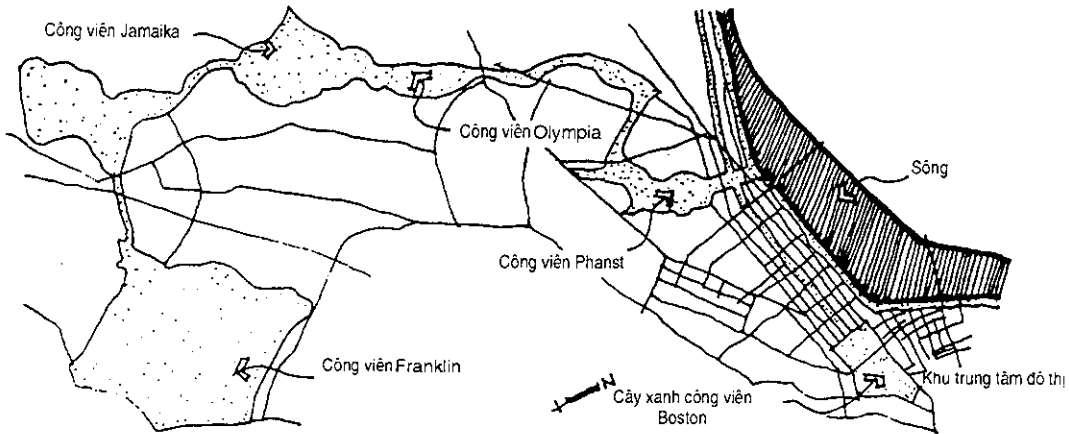
- Tổ chức các không gian hoạt động chủ yếu của thành phố, đối với các khu vực trọng điểm của đô thị tiến hành thiết kế hình thái không gian, đề xuất phương án tìm ý và kiến nghị sơ bộ, đề xuất việc chỉ đạo thiết kế cho việc thiết kế đô thị chi tiết cục bộ giai đoạn sau.



THIẾT KẾ ĐÔ THỊ TỔNG THỂ KHU TRUNG TÂM PHILADELPHIA Ở MỸ



THIẾT KẾ ĐÔ THỊ KHU BẾN TÀU BÊN MẶT NƯỚC CỦA THÀNH PHỐ BOSTON, MỸ



MẶT BẰNG HỆ THỐNG CÔNG VIÊN THÀNH PHỐ BOSTON, MỸ

2. Thiết kế đô thị cục bộ khu vực

- Thiết kế hình thái quần thể kiến trúc
- Thiết kế không gian công cộng đô thị
- Thiết kế các phương tiện giao thông đường sá
- Thiết kế cây xanh và kiến trúc nhỏ
- Chỉ đạo thiết kế màu sắc kiến trúc và phong cách kiến trúc
- Thiết kế chiếu sáng đô thị
- Thiết kế bảng quảng cáo và các phương tiện môi cảnh
- Thiết kế cá thể kiến trúc và môi trường kiến trúc

Qua tất cả những điểm đã nói ở trên, ta thấy phạm vi của thiết kế đô thị bao quát cả phạm trù lớn như một đô thị, nhỏ như một công trình kiến trúc và môi trường quanh nó, thậm chí có khi là một hình thức kiến trúc nhỏ.

(4) NỘI DUNG CỦA THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

Bất luận là thiết kế đô thị tổng thể hay là thiết kế đô thị cục bộ khu vực, những nội dung công việc chủ yếu của nó bao gồm những điểm sau đây :

- *Xử lý công năng đô thị*, mạng cốt lõi của không gian đô thị và chất lượng môi cảnh đô thị. Từ góc độ ba chiều đem việc sử dụng đất đai trên mặt bằng chuyển hoá thành bố cục kiến trúc lập thể, sắp xếp các phương thức giao thông và phương tiện đô thị thành dạng lập thể, tạo thành một mạng khung rõ ràng, từ đó có thể thiết lập các nguyên tắc khống chế, chỉ đạo xây dựng đô thị, khai thác và bảo vệ đô thị

- *Xử lý nhân tố cảnh quan đô thị*. Bao gồm việc bảo vệ và phát triển bản sắc đô thị, hình thức nghệ thuật của kiến trúc mới và cũ, xây dựng hệ thống không gian công cộng, thiết kế môi trường hoạt động, điều phối sự biến hoá cảnh quan theo thời gian và theo mùa .v.v...

- Chế định và chấp hành chính sách xây dựng khai thác quản lý đô thị. Kết quả thiết kế đô thị hoàn thành xong, sau khi có sự tham gia của công chúng và sự thẩm tra của các chuyên gia, sẽ được đem làm pháp quy địa phương chỉ đạo xây dựng đô thị. Cho nên, thành quả thiết kế đô thị có một quá trình chuyển hoá sang văn bản pháp luật và lập pháp. Trong quá trình xây dựng đô thị, nhà thiết kế đô thị không những tham gia vào việc lập pháp, mà còn nên là một thành viên trong nhóm người chấp pháp.

2. ĐẶC TRUNG

Những điều đã nói ở trên cho thấy thiết kế đô thị có mục tiêu đã được định sẵn từ trước, nội dung công tác và hình thức thành quả vốn đã có sẵn trong dự kiến., những đặc điểm đó khiến cho thiết kế đô thị biểu hiện ra rất nhiều đặc trưng không giống với các ngành khác, nó là một ngành độc lập, là sự nối tiếp và triển khai của bốn ngành mà nó bao quát là quy hoạch đô thị, kiến trúc học, cảnh quan kiến trúc và công trình học đô thị.

(1) ĐẶC TRUNG ĐỊNH HƯỚNG KHÔNG GIAN

Cái mà thiết kế đô thị đề cập đến là thiết kế không gian ba chiều đối với đất đai công cộng đô thị.

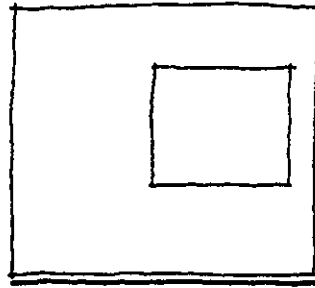
Trong quy hoạch sử dụng đất đô thị, nhìn chung có hai loại đất : một là đất đặc định của người sử dụng, là đất của tư nhân sử dụng hoặc của một tập đoàn người sử dụng; hai là đất sử dụng công cộng của đô thị, bao gồm công viên, đường sá, cây xanh và quảng trường đô thị .v.v... Nếu dùng một tuyến đường đi hoặc một tuyến đường đỗ kiến trúc để phân chia, phạm vi nghiên cứu của thiết kế đô thị là đất đai công cộng đô thị trong phạm vi không chế của hai tuyến đường đó, đó là "đất mà không ai được sử dụng cả".

Từ góc độ không gian mà nói đó là không gian giữa các công trình thiết kế , chúng được hạn định ra bởi các hình khối và bình diện của kiến trúc.

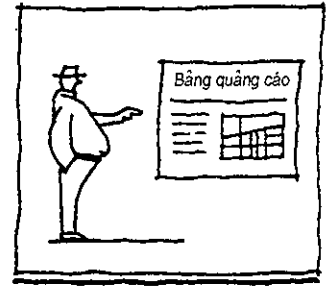
Về đất công cộng mà nói, phạm vi không gian mà thiết kế đô thị bao hàm rất lớn, nó xử lý những vấn đề tỷ xích không gian vừa phức tạp lại vừa mấu chốt, sự khác biệt về tỷ xích luôn luôn ảnh hưởng đến đối sách và phương pháp đối với vấn đề giải quyết đô thị của nhà thiết kế đô thị, cho nên đó là vấn đề hết sức quan trọng trong thiết kế đô thị.

Tỷ xích tức là mối quan hệ tương đối giữa độ lớn của không gian hoặc vật thể với độ lớn của con người, là một phương pháp đo lường trong thiết kế. Tỷ xích mà thiết kế đô thị đề cập đến có định nghĩa hẹp là tỷ xích trong phạm vi con người có thể cảm nhận thấy. Nhìn chung ta chia tỷ xích đó ra làm ba loại : một là tỷ xích con người, là tỷ xích lấy con người làm đơn vị đo lường và chú trọng đến phản ứng tâm lý của con người, đó là tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá không gian; hai là tỷ xích

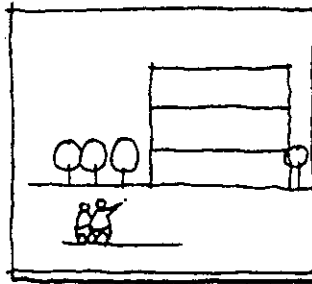
nhỏ, là tỷ xích thân mật, gần gũi, rất dễ đo lường và cảm nhận, là không gian có thể tiếp nhận hoạt động của một số ít người hay một tập đoàn người; như công viên nhỏ, đám cây xanh nhỏ.v.v... thường gây cho con người cảm giác thân thiết, dễ chịu, an toàn.v.v..., ba là tỷ xích lớn, là loại tỷ xích mang tính chất kỷ niệm, loại tỷ xích luôn luôn vượt ra khỏi phán đoán của con người, ví dụ như các quảng trường mang tính chất kỷ niệm, các bãi cây cổ lớn, đem đến cho con người cảm giác hùng vĩ, trang nghiêm, cao quý.v.v...



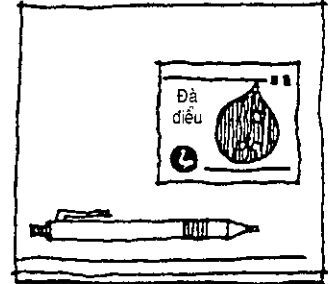
Cảm giác không có tỷ xích



Tỷ xích con người



Tỷ xích lớn



Tỷ xích nhỏ

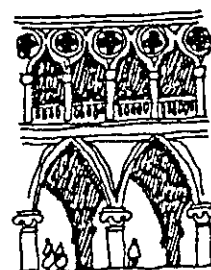
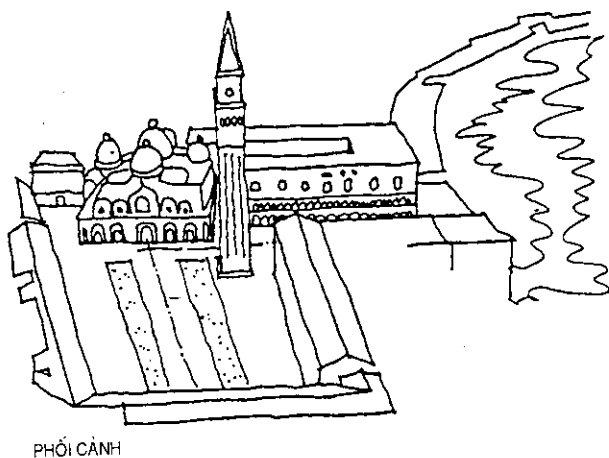
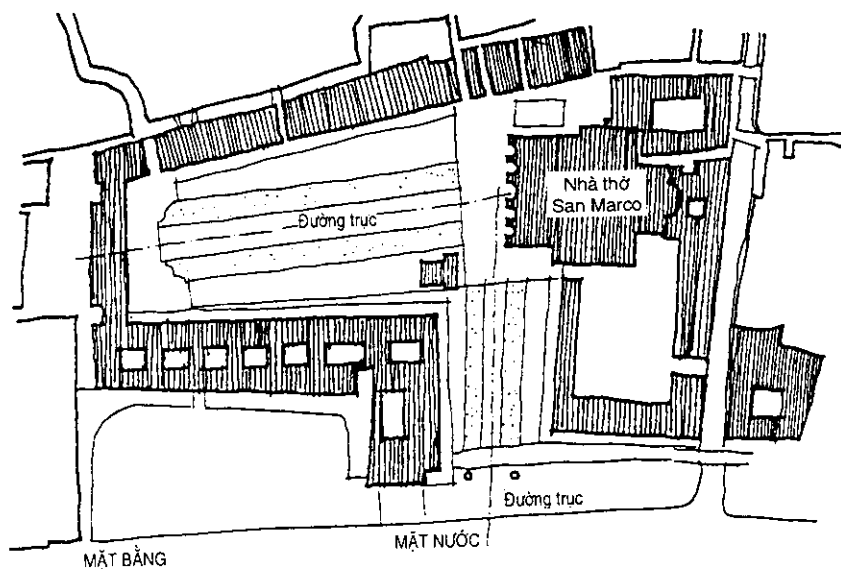
TỶ XÍCH VÀ CẢM GIÁC VỀ TỶ XÍCH

Thành phố hiện đại do sự phát triển của khoa kỹ thuật, không gian đô thị ngày mở rộng, vấn đề tỷ xích gặp phải là những vấn đề trước đến nay chưa từng có, như vậy các nhà thiết kế đô thị cần phải nắm vững một cách thận trọng.

(2) ĐẶC TRUNG ĐỊNH HƯỚNG THỜI GIAN

Đô thị là kết quả của sự tích lũy lịch sử, trong quá trình hình thành và phát triển của nó luôn luôn không ngừng đổi mới, không gian và kiến trúc của đô thị luôn luôn không ngừng chuyển hoá. Quảng trường San Marco ở Italia từ thế kỷ thứ IX đến thế kỷ XVIII, trải qua nhiều lần cải tạo và xây dựng thêm, nhưng mỗi lần đều giữ được sự hài hoà và thống nhất của quảng trường, là kiệt tác của nhiều người góp sức vào xây dựng, kinh qua một quá trình diễn biến dần dần và lâu dài.

Vấn đề mà thiết kế đô thị quan tâm là sự biến hoá của môi trường hình thể đô thị trong một thời gian tương đối dài, điểm này so sánh với quy hoạch đô thị có chỗ tương đồng. Nhà thiết kế đô thị không đem nhãn quan của mình để ý vào chi tiết cá thể các công trình kiến trúc, mà xem xét hình khối kiến trúc, chú trọng hình thức tổ hợp các công trình kiến trúc và hiệu quả tác dụng của hình thức tổ hợp đó đối với không gian, từ quá trình diễn biến của môi cảnh qua các thời gian khác nhau để phân tích và nghiên cứu hình thái tạo thành môi trường hình thể. Cho nên, đối với môi trường hình thể đô thị, nên vừa suy nghĩ một cách tổng thể, vừa phân tích theo từng giai đoạn, tìm cơ hội qua những biến đổi của hoàn cảnh, đem sự thay đổi của hoàn cảnh cùng với cuộc sống cũng như sự thụ cảm của người dân gắn bó lại với nhau, và cũng đem sự thay đổi của môi cảnh gắn liền sự cấu thành cảnh quan đô thị.



Mặt đứng cục bộ

QUẢNG TRƯỜNG SAN MARCO Ở VENISE, ITALIA

Đặc trưng tính chất giai đoạn của thiết kế đô thị được nhận thức là một quá trình tiệm tiến, đó cũng là nói đến việc nên để lại đủ chỗ để sửa chữa, bổ sung và hoàn thiện trong thiết kế đô thị.

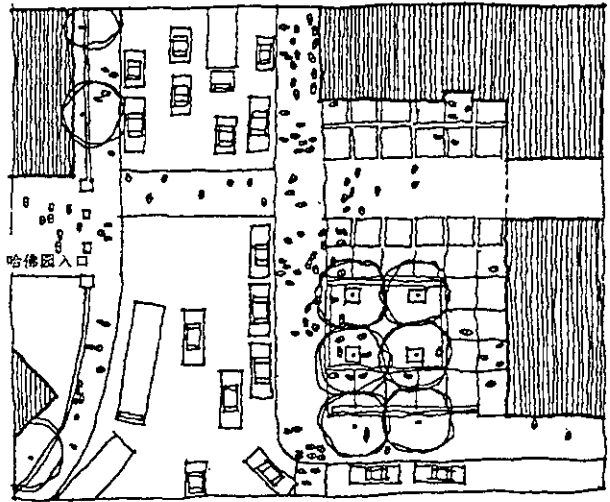
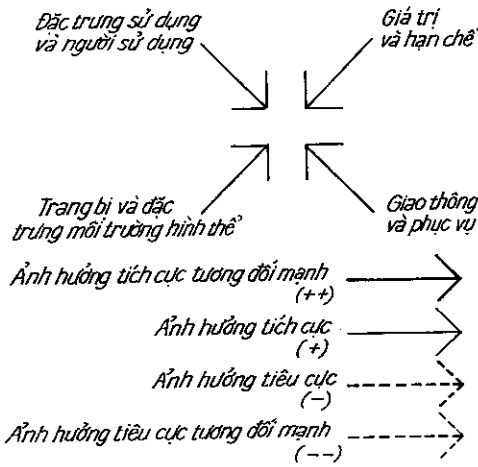
Một nhà thiết kế đô thị Mỹ đã đề xuất một đặc điểm của thiết kế đô thị, đó là tư tưởng thiết kế "nguyên tắc của người tiếp theo", Ieoh Ming Pei cũng đã từng nói : "Chúng ta chỉ là một khách du lịch trên hành tinh này, bươn chải vội vàng, còn đô thị thì vẫn mãi mãi tồn tại tiếp tục". Những vấn đề "thiết kế chặt chẽ", "khai thác bền vững" đều là những phản ánh của nhận thức trên.

(3) ĐẶC TRUNG NGƯỜI VÀ MÔI CẢNH

Đối tượng phục vụ của không gian đô thị là người sử dụng không gian, cho nên nhà thiết kế đô thị phải nghiên cứu mô thức người sử dụng hoàn cảnh trong không gian đô thị và ảnh hưởng của sự biến đổi môi cảnh đối với mô thức đó, hiểu biết hành vi và tâm lý của đa số người cùng với phản ứng và đánh giá của họ đối với không gian, lấy đó làm căn cứ và tiêu chuẩn đánh giá thiết kế đô thị

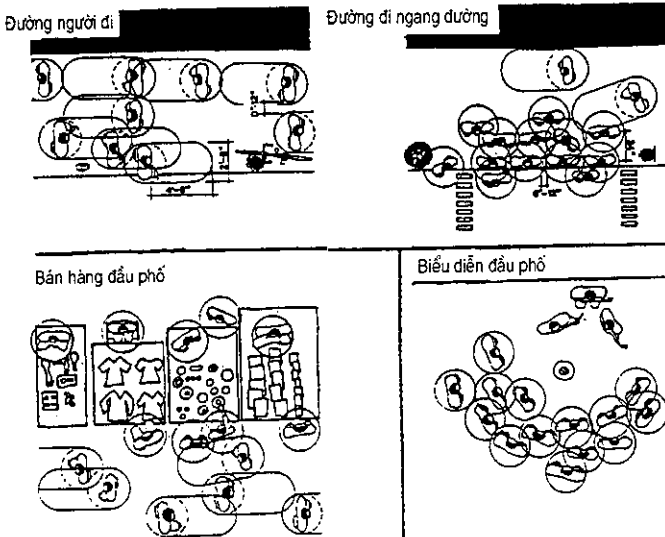
Đánh giá nhân tố chất lượng đô thị

	Đặc trưng sử dụng và người sử dụng			Giá trị và hạn chế		Trang thiết bị và đặc trưng môi trường hình thể					Giao thông và phục vụ				Ảnh hưởng	
	Đánh giá tổng hợp	Cấu thành người sử dụng	Người sử dụng và hành vi hoạt động	Hoạt động thương nghiệp	Hạn chế pháp luật	Giá trị xã hội	Vi môi cảnh	Tỷ xích chiều rộng	Vật liệu	Trang bị đường phố	Bãi cỏ	Mật độ người	Mật độ xe	Dòng hàng hoá	Sự cố và ùn tắc	Tham dự công cộng.
Trang thái	Người đi đường, công vụ, người già, học sinh, người bán hàng	Giao dịch, thăm viếng, gặp bạn bè, dạy dỗ, mua sắm, nghỉ ngơi	Thủ công nghệ phẩm, quán áo, thực phẩm, ngân hàng	cho phép 6 cái xe bán hàng	Xe bán hàng được người địa phương ưa thích	Tiếng ồn, bóng râm, không khí ô nhiễm	0,5 - 2m	Gạch, đá, cẩm thạch, tấm bê tông	Ghế ngồi bàn phẳng cột đèn	6 cái cây lớn	Rộng	Lớn	Không ảnh hưởng	Mỗi năm nhỏ hơn 7 sự cố	Không	
Thiết tướng	Tăng thêm du khách	Hạn chế một số hoạt động	Chất lượng thủ công nghệ phẩm nên nâng cao	Via hè chật	Không thay đổi	Chất lượng không khí chấp nhận được	Không thay đổi	Không thay đổi	Không thay đổi		Không thay đổi	Hạn chế tăng xe		Không thay đổi		
Bị chú				Cửa hàng mong muốn đầu tiên của đại học Harvard			Ở khu vực này tốt nhất				Do hợp dòng tăng thêm ùn tắc giao thông					



ĐIỀU TRA VÀ ĐÁNH GIÁ HÀNH VI HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI QUẢNG TRƯỜNG HARVARD TRONG THIẾT KẾ ĐÔ THỊ Ở CAMBRIDGE, MỸ

BIỂU ĐỒ CHẤT LƯỢNG SINH HOẠT

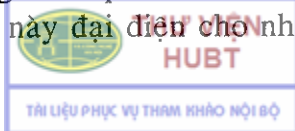


BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH HÀNH VI HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI CON NGƯỜI TRONG THIẾT KẾ ĐÔ THỊ QUẢNG TRƯỜNG HARVARD, CAMBRIDGE, MỸ

Phương diện công cộng	Phương diện tư nhân	Tổ chức dân gian
Thị trường, hội đồng thành phố	Nhà đầu tư xây dựng	Tổ chức bảo vệ đô thị
Cơ cấu quản lý đô thị	Xí nghiệp địa phương	Tiểu tổ khu phố
Cục quy hoạch đô thị	Công ty khai thác kinh tế	Đoàn thể dân gian
Các ngành hữu quan thành phố	Tổ chức quy hoạch	Các hội góp vốn
Môi giới thông tin	Kiến trúc sư	Thị dân

(4) ĐẶC TRUNG NHIỀU THÂN CHỦ

Trong toàn bộ quá trình thiết kế đô thị, có rất nhiều người tham gia hoặc lôi cuốn vào một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, đó có thể là cá nhân, đoàn thể, cũng có thể là công chúng. Những người này đại diện cho những lợi ích khác nhau, có những



giá trị quan niệm khác nhau, tham dự vào các hoạt động thiết kế đô thị với các mục đích và mong muốn khác nhau. Cho nên, về một ý nghĩa nào đó, sự hình thành và thực hiện thành quả của thiết kế đô thị là quá trình tranh thủ sự lý giải và ủng hộ của công chúng.

(5) ĐẶC TRUNG NHIỀU CHUYÊN NGÀNH

Trong công tác thực tế, những người thiết kế các hạng mục thiết kế đô thị là một nhóm người nhiều chuyên môn, nhà thiết kế đô thị chỉ là một thành viên trong một tập thể, xuất hiện như là một nhân vật trung gian và người đại lý trong một đội ngũ nhân viên kỹ thuật đa ngành, phương pháp tư tưởng, kỹ năng và mô thức công tác của nhà thiết kế đô thị khác với các nhà thiết kế khác. Do thiết kế đô thị liên quan đến nhiều chuyên môn, nhà thiết kế đô thị không thể tập trung vào mình tất cả các kiến thức và kỹ năng của tất cả các ngành chuyên môn đó, kỹ năng cơ bản của người đó là hiểu biết đặc điểm và giới hạn của các chuyên ngành liên quan, làm một cái "cầu nối" giữa các ngành với nhau, để hình thành một tập thể công tác có hiệu quả.

(6) ĐẶC TRUNG MANG TÍNH CHẤT CHỈ ĐẠO

Trách nhiệm cơ bản của nhà thiết kế đô thị là chỉ đạo các hoạt động khai thác môi cảnh ở các giai đoạn khác nhau để đạt được một kết quả lý tưởng về các mặt xã hội, kinh tế và mỹ học rút ra được sau khi có sự tham dự của công chúng, nghiệp chủ và nhân viên kỹ thuật. Đối với nhà thiết kế đô thị mà nói, sự đóng góp công phu vào thiết kế là cực kỳ quan trọng, nhưng đầy quá trình thiết kế đến chỗ thành công và thực hiện việc khai triển nó cũng quan trọng không kém, ngoài ra còn phải có năng lực phán đoán chuẩn xác đối với khái niệm, mục tiêu thiết kế đô thị, chỉ như vậy mới có thể thiết kế và quản lý đô thị một cách có hiệu quả.

Tác dụng chỉ đạo của thiết kế đô thị là đề xuất ra các quy tắc thiết kế mang tính khống chế và chỉ đạo đối với phương án khai thác và đề xuất ra các đánh giá xã hội, cũng như đề xuất ra các căn cứ công tác cho các kiến trúc sư, kiến trúc sư cảnh quan, các kỹ sư công trình, làm luận chứng khoa học, đánh giá và thực hiện đối với công tác mang giá trị của họ.

1. NGUỒN GỐC

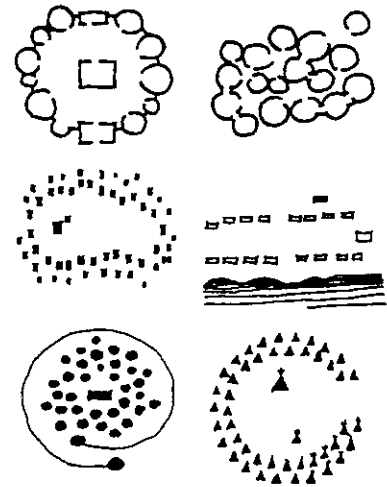
"Thiết kế đô thị từ xưa đã có", sự hưng khởi của nó và việc phát triển nó thành một ngành khoa học độc lập là kết quả của việc xây dựng phát triển đô thị đến một giai đoạn nhất định. Nó là một môn học mới phát triển lên từ bốn môn học: quy hoạch đô thị, kiến trúc học, cảnh quan kiến trúc và công trình học đô thị. Sau đây chúng ta nhìn lại một cách tóm tắt sự ra đời và phát triển của ngành thiết kế đô thị.

(1) THIẾT KẾ ĐÔ THỊ CỦA PHƯƠNG TÂY

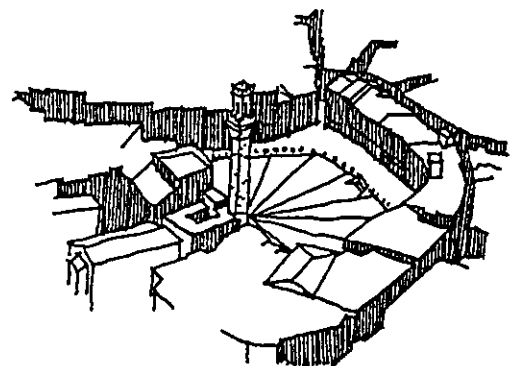
Từ thời Châu Á cổ đại, Hy Lạp cổ đại, La Mã cổ đại, khi con người bắt đầu định cư, quần tụ lại với nhau, thì họ đã có ý thức sắp xếp phòng ở và bố cục điểm dân cư của mình. Môi trường hình thể của nó bắt đầu có sự tồn tại của "hình dáng" và "mô thức".

Từ acropole ở Athenes Hy Lạp cổ đại, forum Hoàng gia La Mã cổ đại, đến quảng trường Campo ở Siena và quảng trường San Marco ở Venise thời kỳ Trung thế kỷ, từ việc xây dựng thành quách kiểu "Khảo Công Kỹ" đến xây dựng thành Tràng An đời Đường, thành Bắc Kinh đời Minh Thanh của Trung Quốc, quá trình phát triển dài lâu của đô thị Phương Đông và Phương Tây đã để lại cho chúng ta những di sản thiết kế đô thị quý báu đáng ca ngợi.

Tuy nhiên, lúc bấy giờ ngành thiết kế đô thị chưa được coi là một ngành chuyên môn riêng và chỉ có tác dụng đơn độc, cho đến thế kỷ XIX quy hoạch đô thị chỉ là một chi nhánh của ngành kiến trúc học.



HÌNH THÁI QUẦN TỤ CỦA CÁC BỘ LẠC DU MỤC TIỀN SỬ



QUẢNG TRƯỜNG CAMPO Ở SIENA, ITALIA

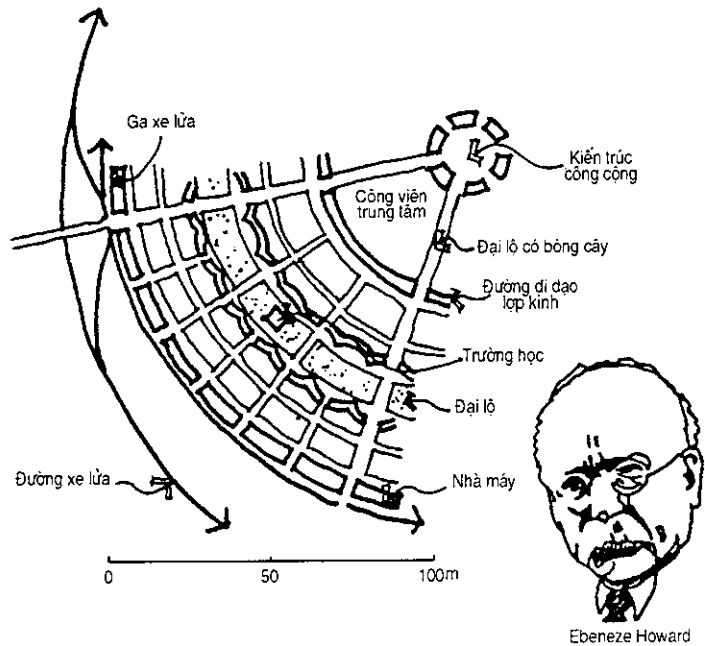


Cuối thế kỷ XIX, kiến trúc sư và nhà đô thị học người Áo Camillo Sitte xuất bản cuốn sách "Nguyên tắc nghệ thuật của quy hoạch đô thị".

Ông đã tổng kết những kinh nghiệm thiết kế đô thị, thiết kế quảng trường, đường phố thời cổ đại, đối mặt với vấn đề quy hoạch đô thị phẳng hai chiều, đề xuất ra khái niệm thiết kế không gian đô thị và cũng đề ra nguyên tắc kỹ thuật thiết kế theo tỷ xích con người. Việc đề xuất ra lý luận này đối với việc xây dựng và ra đời tư tưởng thiết kế đô thị có ảnh hưởng rất lớn, được cho rằng đó là tiền đề của khoa học thiết kế đô thị Phương Tây.

Năm 1898, nhà xã hội học Anh Ebenezer Howard đề ra ý tưởng "thành phố - vườn", không gian cơ bản tạo thành nó là một vòng tròn đồng tâm công cộng, có các đại lộ tán xạ ra phía ngoài, phần giữa chia thành các khu vực, đồng thời có các đường vòng tròn nối các khu lại với nhau. Khái niệm "thành phố - vườn" đối với việc xây dựng các thành phố mới bấy giờ có tác dụng rất tích cực.

Ở Mỹ, cuối thế kỷ XIX, Daniel Podamu đề xuất "Phong trào làm đẹp thành phố", là hoạt động thực tiễn thiết kế đô thị đại quy mô đầu tiên ở Mỹ. "Phong trào làm đẹp thành phố" không chỉ là việc xây dựng công viên trung tâm, đường phố, quảng trường và cải thiện cảnh quan đô thị, mà còn chủ trương thiết kế quy hoạch đô thị toàn diện. Đối với toàn bộ hệ thống giao thông đô thị, hệ thống công viên và không gian công cộng mở, bố cục quần thể kiến trúc khu vực... đã quy hoạch tổng hợp và suy nghĩ thấu đáo, đồng thời kêu gọi Chính phủ lập pháp hoá phong trào làm đẹp đô thị. Từ đó, ở Mỹ ra đời chuyên ngành quy hoạch đô thị và nghề nghiệp quy hoạch đô thị, và tới năm 1916 thì ở New York đã ra đời phương pháp quy hoạch đô thị phân vùng (Zoning)



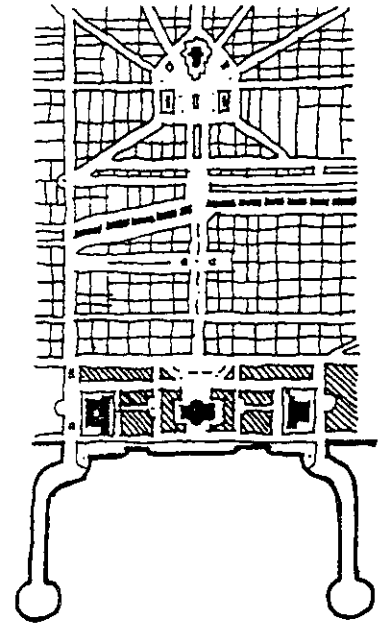
Ý tưởng này được đề ra vào năm 1898 với giả thiết tư tưởng muốn xây dựng "một thành phố lý tưởng kiểu mới có cực nam châm thành phố - nông thôn" nó bao gồm rất nhiều "thành phố - vườn" bao quanh một thành phố trung tâm, hình thành một quần thể đô thị nhất thể hóa đô thị và nông thôn.

Ý TƯỞNG "THÀNH PHỐ - VƯỜN CỦA NGÀY MAI"
CỦA NHÀ XÃ HỘI HỌC ANH EBENEZER HOWARD

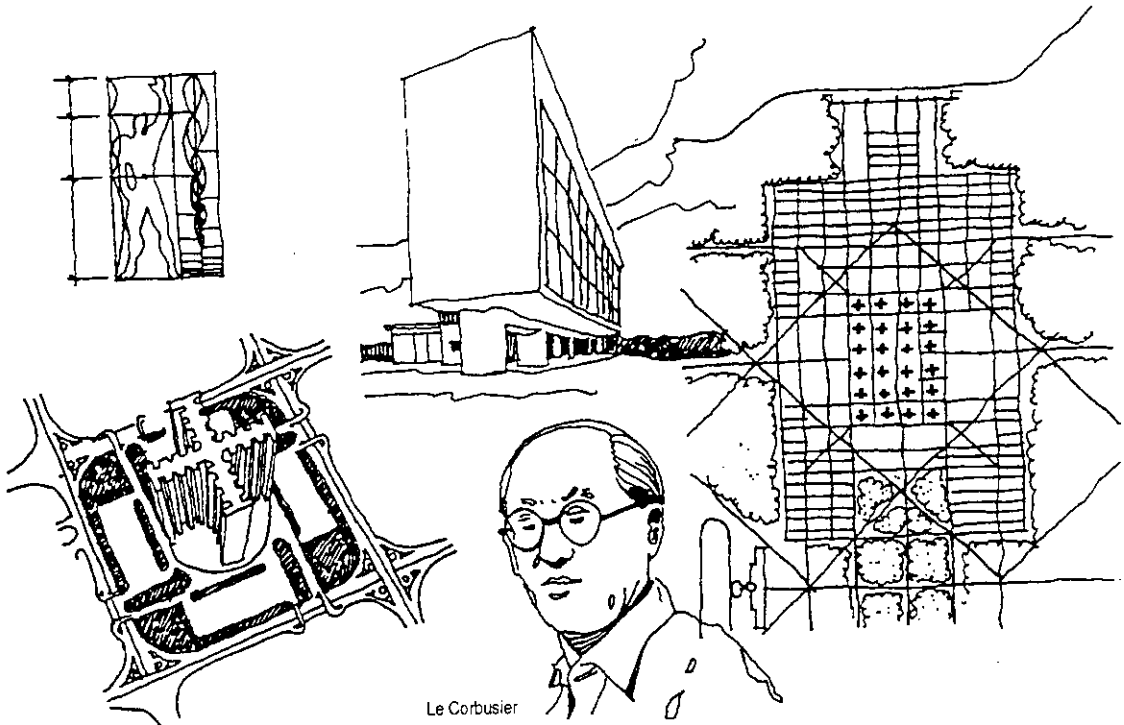
Năm 1922, Le Corbusier đề xuất ra ý tưởng "Thành phố của ngày mai", tiếp đó lại đưa ra "Plan voisin" cho Paris và phương án "Thành phố tươi sáng". Ba phương án thành phố lý tưởng này nói lên ý tưởng vĩ đại của Le Corbusier với mục tiêu chủ yếu là sơ tán trung tâm đô thị, gia tăng mật độ kiến trúc, cải thiện giao thông thành phố và trồng một diện tích cây xanh lớn để cải thiện môi trường tự nhiên cho đô thị.

Đầu thế kỷ XX, ở Anh trước tiên xuất hiện sự phân liệt, tách chuyên ngành quy hoạch đô thị ra khỏi kiến trúc - Năm 1914, ở Anh thành lập Hiệp hội Quy hoạch đô thị.

Mặc dù nội dung của thiết kế đô thị cũng cổ xưa như bản thân đô thị, nhưng cụm từ "thiết kế đô thị" xuất hiện tương đối muộn. Những năm 20 của thế kỷ XX, dưới Hiệp hội kiến trúc sư Mỹ



PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH KHU TRUNG TÂM CHICAGO, MỸ NĂM 1909



Le Corbusier

Ý tưởng này được đề ra vào năm 1922, tư tưởng thiết kế đô thị 3 triệu dân này là tổ chức mạng lưới đường đối xứng. Quy chỉnh, khu trung tâm bố trí 24 toà nhà cao tầng, diện tích cây xanh chiếm 85%, phương án này được gọi là thành phố lý tưởng.

Ý TƯỞNG "THÀNH PHỐ CỦA NGÀY MAI" CỦA KIẾN TRÚC SƯ HIỆN ĐẠI LE CORBUSIER



(AIA) người ta thành lập một "Hội đồng thiết kế đô thị", và nhiều bài luận văn nghiên cứu đã được công bố. Sau đó, ngành thiết kế đô thị được các kiến trúc sư và đô thị gia rất chú ý. Năm 1943, kiến trúc sư, đô thị gia Mỹ nổi tiếng Eero Saarinen xuất bản cuốn sách gây tiếng vang "Đô thị - sự phát triển, suy thoái và tương lai của nó"; trong cuốn sách này ông khẳng định những cố gắng của phong trào làm đẹp đô thị được đẩy lên hồi đầu thế kỷ, đồng thời đề ra khái niệm và nguyên tắc thiết kế đô thị, cho rằng nên suy nghĩ đến việc thiết kế môi trường hình thể đô thị trong khuôn khổ xã hội, kinh tế, văn hoá, điều kiện tự nhiên và điều kiện kỹ thuật, để có thể sáng tạo ra một môi trường đô thị tốt đẹp. Ông còn đề xuất ra việc thiết kế linh hoạt tự do, đề cao sức biểu hiện của kiến trúc, chú trọng nguyên tắc cấu thành không gian giữa các kiến trúc.

Gần như đồng thời với nó, Khoa kiến trúc của Học viện Nghệ thuật do Saarinen, chủ trì đổi tên là "Khoa kiến trúc và thiết kế đô thị" và trao tặng học thạc sĩ "Kiến trúc và thiết kế đô thị" cho nghiên cứu sinh. Nhưng sau khi Saarinen mất, những ý tưởng mới này không còn được tôn trọng và bị thủ tiêu.

Năm 1960, Đại học Harvard ở Mỹ đầu tiên thiết lập môn thiết kế đô thị riêng. Cuối những năm 60, nước Anh cũng thiết lập giáo trình này, sau đó các khoa kiến trúc, khoa quy hoạch và khoa thiết kế môi trường ở các nước cũng đều tiến hành giảng dạy những giáo trình tương tự.

Từ những năm 1950 trở lại đây, trong thực tiễn cuộc sống, thiết kế đô thị được một số trường học ở Mỹ và châu Âu phổ biến rộng rãi, về mặt lý luận bắt đầu phát triển mạnh mẽ. Các tác phẩm tiêu biểu gồm có :

- Năm 1956, Hiệp hội kiến trúc sư Mỹ xuất bản cuốn "Thiết kế đô thị", cuốn sách này được tái bản năm 1982. Trong cuốn tái bản cho rằng : "Thiết kế đô thị vốn không phải là một lãnh vực mới, mà là một lãnh vực nên khôi phục lại, đó là do có sự rạn vỡ về khái niệm trong quá khứ. Ngày nay chúng ta không thể không dùng từ "Thiết kế đô thị", phải tránh sự gạt bỏ và coi nhẹ nó".

- Năm 1960, nhà đô thị học Mỹ Kevin Lynch xuất bản cuốn "Hình ảnh đô thị" khiến ông nổi tiếng. Tiếp đó, nhà xã hội học Mỹ J.Jacobs xuất bản cuốn "Sự sống và cái chết của các thành phố lớn của Mỹ".

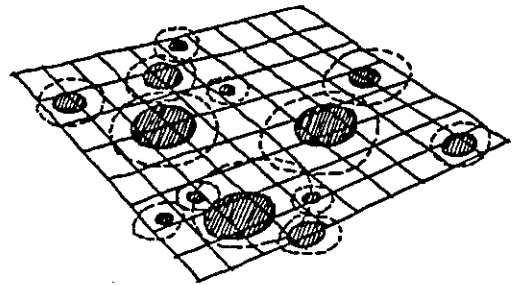
- Những năm 1970, lãnh vực thiết kế đô thị ở Mỹ càng thêm sôi động. Một nhân vật có ảnh hưởng ở New York lúc đó là Jonathan Panath đã phát biểu một luận văn "Thiết kế đô thị là một chính sách công cộng", và trên cơ sở đó mở rộng ra thành cuốn sách "Khái luận thiết kế đô thị". Trong cuốn sách này ông đề cập đến quan điểm thiết kế đô thị là "thiết kế đô thị mà không phải là thiết kế kiến trúc", nhấn mạnh là thiết kế đô thị không chỉ là thiết kế không gian, mà còn là quá trình nhào nặn thành phố. quan điểm của ông so với quan điểm của Saarinen tiến thêm một bước, cho đến nay câu nói "thiết kế đô thị mà không phải là thiết kế kiến trúc" của

ông vẫn được giới học thuật nhắc đến với trích dẫn, và gần như thành "đanh ngôn" đối với những người hiểu biết thiết kế đô thị.

- Những năm 1980, một nhà đô thị học Mỹ đã cho xuất bản cuốn "Quá trình thiết kế đô thị". Trong cuốn sách đề xuất thiết kế đô thị nên bao gồm ba loại hình khác nhau, đó là khai thác tổng hợp, bảo tồn đô thị và cải tạo khu nhà ở, ngoài ra nên từ góc độ quá trình thiết kế thảo luận một cách toàn diện nhân tố thiết kế, kỹ thuật, phân vùng.v.v... Khiến cho thiết kế đô thị ngày càng hệ thống hoá và tổng hợp hoá.

- Những năm 1980, kiến trúc sư Mỹ Owen Otto và Dany Ross cùng xuất bản cuốn sách "Kiến trúc đô thị Mỹ". Quyển sách xuất phát từ tình hình thực tế Mỹ, đề xuất khái niệm và lý luận đẩy nhanh sự phát triển đô thị, các nhân tố có thể sử dụng. Các tác giả cho rằng một công trình kiến trúc độc lập, một hạng mục thiết kế đô thị, một bản vẽ quy hoạch hoặc một văn bản chính sách đều có thể mang lại những ảnh hưởng liên quan đến nhau, cho nên chúng có thể ảnh hưởng đến phương hướng khai thác đô thị và làm thay đổi hình thức đô thị. Lý luận này đã làm cho mọi người xúc tiến việc liên hợp các ngành thiết kế, khai thác và quản lý đô thị lại với nhau, đem xây dựng khai thác mang tính chất hiện và kết cấu, kinh tế đô thị mang tính chất ẩn liên hệ lại với nhau.

Kiến trúc sư người Mỹ gốc Hoa Ieoh Ming Pei trong khi thiết kế quảng trường thị chính Boston, cũng đề xuất và vận dụng một quan điểm tương tự, làm cho thiết kế quảng trường càng mang tính chỉnh thể, làm biến đổi cả chất lượng môi cảnh xung quanh và nâng cao sự phồn vinh kinh tế của cả khu vực,



SƠ ĐỒ "LÝ LUẬN ĐẨY NHANH QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ" CỦA OWEN OTTO

Trên thực tiễn, thiết kế đô thị đã đạt được những tiến triển đáng kể. Trong quy hoạch đô thị của một số nhà đương cục các đô thị đã thành lập các "Tiểu tổ thiết kế đô thị" mang tính chất địa phương, làm các nhiệm vụ cụ thể của công tác thiết kế đô thị. Năm 1964, thành phố New York ở Mỹ đẩy mạnh công tác thiết kế đô thị, đem thiết kế đô thị làm thành một loại chính sách mới để cải tiến môi trường hình thể đô thị. Những năm 1970, thành phố San Francisco cũng xây dựng xong "tổng mặt bằng thiết kế đô thị", khu trung tâm Harvard cũng làm những thiết kế mang tính chất thí điểm. Sự phát triển của tư tưởng thiết kế đô thị trong tất cả các thành phố đã ăn sâu vào quy hoạch các vùng đô thị.

Nếu xem xét từ khía cạnh ngành chuyên môn thiết kế đô thị, từ sau những năm 1960, phạm vi môn thiết kế đô thị không ngừng mở rộng, đã từ quy hoạch đô thị

trên mặt bằng hai chiều phát triển sang toàn diện ba mặt quy hoạch xã hội, quy hoạch kinh tế và quy hoạch môi trường hình thể. Như vậy ngành quy hoạch đô thị gắn bó mật thiết với ngành kiến trúc đã chuyển sang gắn gũi với các ngành khoa học xã hội và khoa học nhân văn, và trọng điểm nghiên cứu của nó đã kết hợp việc coi trọng môi trường hình thể mang tính chất hiện với việc coi trọng quy hoạch xã hội và kinh tế mang tính chất ẩn.

Ở nước Mỹ, từ những năm 1970 trở về sau trên cơ sở "thiết kế đô thị" và "môi trường hiểu theo nghĩa rộng" đã xuất hiện khái niệm "thiết kế môi trường đô thị" (Urban Environmental Design), về mặt ngôn từ để hiểu thì gần như nó quan tâm đến vấn đề môi trường, nhưng trên thực tế, đó là quyết sách và phương pháp nghiên cứu xây dựng đô thị, là một ngành tổng hợp giải quyết các vấn đề xây dựng đô thị sao cho hài hoà, có xuất phát điểm là quản lý đô thị lấy chính quyền làm chủ thể xem xét vấn đề quản lý công cộng.

Cho đến nay, việc nghiên cứu thiết kế đô thị ngày càng có xu hướng tổng hợp hoá. Ví dụ như nhà thiết kế đô thị người Mỹ gốc Trung Quốc Lô Vĩ Dân đã nói rằng: "Thiết kế đô thị đã vượt quá những lãnh vực chuyên môn trước đây, thành quả của thiết kế đô thị cũng cần phải vượt ra khỏi những biểu đồ và bản vẽ phân bố khu vực một cách công thức hoá, vượt quá những cái gọi là nguyên tắc thiết kế và thẩm tra thiết kế trước đây, và sự hiểu biết của nhà thiết kế đô thị về chính trị và kinh tế xã hội là rất quan trọng".

(2) THIẾT KẾ ĐÔ THỊ Ở TRUNG QUỐC

Trên thực tế, phương pháp tư tưởng và nội dung cơ bản thiết kế đô thị ở Trung Quốc luôn luôn được quán xuyên trong hoạt động xây dựng đô thị. Môn quy hoạch đô thị của Trung quốc có bước khởi đầu tương đối muộn, đầu tiên đến từ ngành quy hoạch đô thị của các nước Tây Âu. Cụm từ "quy hoạch tổng thể thành phố" là dịch từ chữ "Master Plan" của nước Anh những năm 1940. Lúc đó nội dung chủ yếu của công việc này là sắp xếp cũng như quy hoạch sử dụng đất, còn từ "quy hoạch chi tiết" thì đa phần được giới quy hoạch ở Trung Quốc dùng đến vào những năm 50 chỉ thiết kế cụ thể và những căn cứ cho những hạng mục xây dựng trong một thời gian gần.

Từ khi thành lập nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, việc xây dựng đô thị gần như theo mô thức quy hoạch đô thị của Liên Xô, mô thức này tập trung thể hiện nguyên tắc quy hoạch của một nền kinh tế kế hoạch hoá, quy hoạch và kế hoạch hoà nhập làm một, quy hoạch phụ thuộc vào kế hoạch, mỗi tầng lớp của quy hoạch đô thị, bất kể là quy hoạch chung, quy hoạch vùng, quy hoạch chi tiết, thậm chí cả thiết kế kiến trúc, đều được hoàn thành dưới sự chỉ đạo của kế hoạch. Trên tổng thể đã hình thành một thể chế xây dựng liên tục nối ghép với nhau, quá trình xây dựng đô thị thuần tuý là một biểu hiện cao độ của hành vi của nhà nước "từ trên xuống dưới", nội dung cơ bản của thiết kế đô thị hoàn toàn được quán xuyên trong công tác quy hoạch, chưa được nhìn nhận một cách rõ ràng và được tách biệt ra một cách độc lập.

Cải cách mở cửa đã đem lại cho thể chế kinh tế Trung Quốc một sự thay đổi căn bản, đối với lãnh vực thiết kế đô thị mà nói, có hai phương diện sau đây : một là vốn xây dựng nguyên chỉ do quốc gia đảm nhận trở thành việc quốc gia là người điều chỉnh và khống chế vĩ mô, còn tập thể, cá thể, vốn đầu tư, vốn liên doanh.v.v.. là chính, hai là đất sử dụng của đô thị và kiến trúc trở thành thương phẩm lưu thông trên thị trường, xây dựng đô thị bước vào giai đoạn thị trường hoá, ảnh hưởng của hoạt động thiết kế đô thị đối với kinh tế xã hội càng ngày càng lớn, vốn xây dựng phải được tích lũy và thu hút, đất sử dụng phải có hiệu quả ích lợi về kinh tế, các hạng mục xác lập phải có nghiên cứu thị trường, quá trình khai thác phải được pháp luật bảo hộ.v.v.. mô thức xây dựng đô thị truyền thống bị xung kích và thách thức toàn diện bởi kinh tế thị trường và ý thức quần chúng. Đồng thời, ngành thiết kế đô thị ra đời do sự sản sinh và phát triển kinh tế thị trường Phương Tây bắt đầu du nhập vào Trung Quốc. Nửa sau những năm 80, sau khi vấn đề thiết kế đô thị được đề ra ở Trung Quốc, lập tức được giới quy hoạch và giới kiến trúc hưởng ứng và đẩy mạnh, trải qua gần mười năm, việc nghiên cứu lý luận và đúc rút thực tế đã sơ bộ xây dựng được một hệ thống lý luận và kinh nghiệm thực tiễn, cho đến nay việc nghiên cứu ngành thiết kế đô thị rất được cổ vũ.

Trước mắt, mục đích chủ yếu của thiết kế đô thị bao gồm :

- Thông qua thiết kế đô thị, khiến xây dựng đô thị thích ứng với hoàn cảnh kinh tế thị trường, vì sự tập trung vốn từ đa phương tạo điều kiện cho môi trường đầu tư.
- Thông qua thiết kế đô thị , đảm bảo và nâng cao chất lượng môi trường công cộng đô thị, đáp ứng yêu cầu của con người đối với sự tăng trưởng của sinh hoạt đô thị.

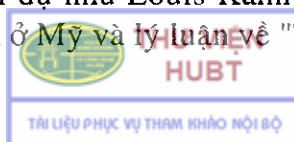
Từ xu thế phát triển mà xem xét, sau khi ban hành pháp lệnh quy hoạch đô thị, tích cực đề xướng thiết kế đô thị, bổ sung, hoàn thiện và phát triển thể chế thiết kế đô thị, xây dựng hệ thống pháp chế có lợi cho quản lý đô thị , khiến cho nó tiến lên con đường khoa học hoá và pháp chế hoá, sẽ có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc phát triển ngành thiết kế đô thị ở Trung Quốc.

2. LÝ LUẬN

Cho đến nay, việc nghiên cứu lý luận thiết kế đô thị ở các nước rất đa hình đa dạng và phong phú. Rất nhiều học giả đã làm công việc quy nạp và phân tích đối với lý luận thiết kế đô thị thế kỷ XX, đại thể có thể chia thành bốn loại :

A- Chủ nghĩa công năng, ví dụ như trong "Hiến chương Athènes" năm 1933 đề ra thành phố gồm bốn loại công năng lớn là : ở, làm việc, giải trí và giao thông, phương pháp này đã đặt cơ sở cho cách quy hoạch phân vùng sau này.

B- Chủ nghĩa hệ thống, ví dụ như Louis Kahn đã phân tích vấn đề giao thông, trong quy hoạch khu trung tâm ở Mỹ và lý luận về "Thành phố giải" do Kenzo Tange

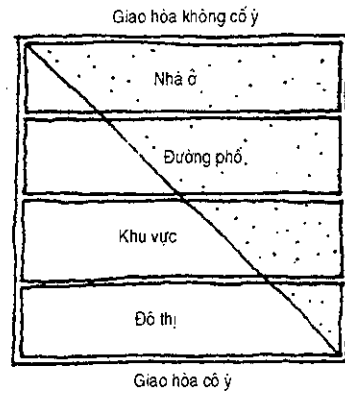


đề ra, trong trào lưu này còn có xu hướng hình thức chủ nghĩa như quan điểm thiết kế không gian của Camilo Sitte và "phong trào làm đẹp đô thị" của Daniel Podamu.

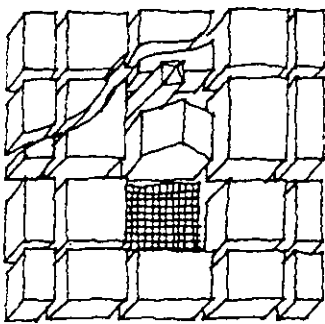
C- Chủ nghĩa nhân văn, ví dụ như cách nhìn nhân loại giai tầng hoà hợp do nhà ở, đường phố, khu vực và đô thị cấu thành, cũng như Alexander quan tâm đến sự tham gia của công chúng và người sử dụng.

D- Chủ nghĩa lý tính, ví dụ Leon Krier đề ra tính chất quan trọng của không gian công cộng và việc khôi phục mạng không gian đô thị truyền thống.

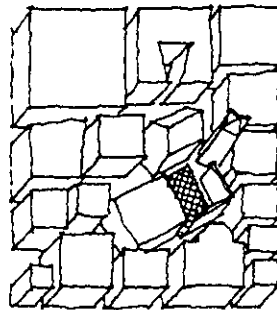
Giáo sư M. Kamona ở trường Đại học Nottingham, Anh, tổng hợp các lý luận và kinh nghiệm thực tiễn khác nhau, đã làm một hoạch định rõ ràng chi tiết hơn đối với lý luận thiết kế đô thị hiện đại. Ông dùng một hình bát giác để biểu diễn 8 quan điểm chủ yếu và các nhân vật tiêu biểu tương ứng đối với các loại lý luận thiết kế đô thị khác nhau, và đối với các tìm tòi về lý luận và thực tiễn đó đưa ra các thảo luận tường tận, đã đưa đến cho việc nghiên cứu của chúng ta một cái khung hệ thống các lý luận về thiết kế đô thị.



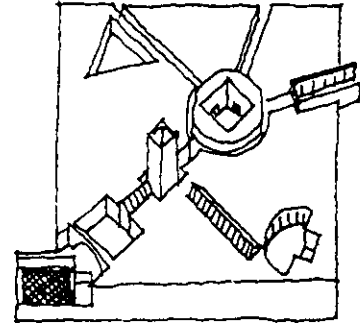
NHÓM "TEAM 10" ĐỀ XUẤT KHÁI NIỆM HÒA HỢP GIAI TẦNG NHÂN LOẠI



Mô thức đường phố



Mô thức phương



Không gian

BA LOẠI HÌNH KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ DO LEON KRIER ĐỀ XUẤT.

(1) BA LOẠI PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN

Giáo sư Roger Trancik trong cuốn sách "Đi tìm những không gian đã mất", đã bắt đầu bằng việc phân tích những diễn biến và lịch sử ở của không gian đô thị, đề xuất ra ba loại phương pháp nghiên cứu lý luận thiết kế đô thị cho hiện tại, đó là lý luận về quan hệ hình - nền, lý luận liên hệ và lý luận về địa điểm.

1. Lý luận về quan hệ hình - nền (Figure -ground)

Lý luận về quan hệ hình - nền là lý luận nghiên cứu về quy luật tồn tại giữa không gian và thực thể của đô thị. Mỗi một đô thị đều có một mô thức không gian và thực

thể riêng, loại lý luận này muốn thông qua việc nghiên cứu mối quan hệ hình - nền của môi cảnh hình thể đô thị để xác định kết cấu không gian tích cực và không gian tiêu cực của đô thị. Qua việc xem xét sự biến hoá của quan hệ hình - nền của đô thị qua các thời gian khác nhau còn có thể phát hiện ra động thái và xu hướng phát triển xây dựng đô thị.

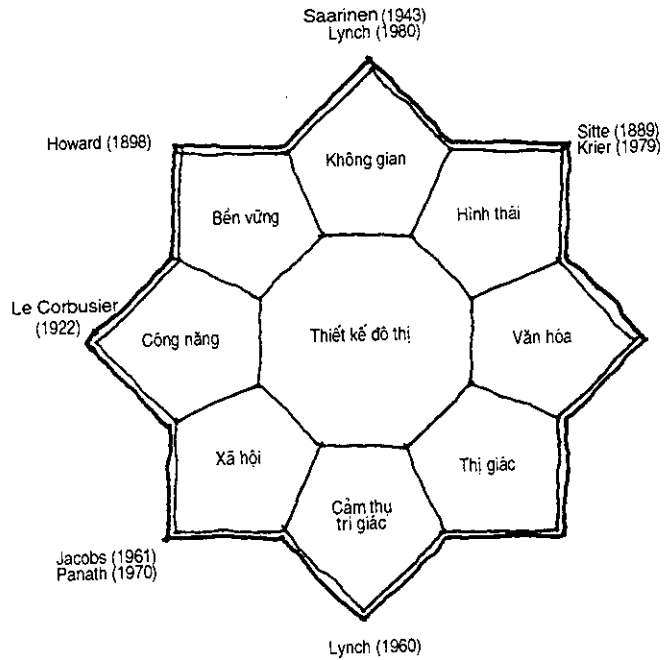
Lý luận này vốn bắt nguồn từ việc nghiên cứu tri giác thị giác trong tâm lý học. Tâm lý học cho rằng, sau khi cảm thụ các mảng của vật thể xong, thì sẽ có thể xây dựng một hình ảnh tổng thể, có nghĩa là hình thành tri giác. Tri giác có bốn đặc trưng cơ bản, trong đó có đặc trưng quan trọng là tính tuyển chọn. Nó chỉ việc khi con người tri giác các sự vật xung quanh, luôn luôn có ý thức hoặc không có ý thức tuyển chọn một số ít sự vật làm đối tượng tri giác, còn sự phản ảnh của một số sự vật khác chỉ tương đối mơ hồ.

Lý luận về quan hệ hình - nền lấy tính tuyển chọn của tri giác làm cơ sở, cho rằng con người khi quan sát môi trường hình thể, sự vật được tuyển chọn sẽ là đối tượng của tri giác, còn những sự vật không rõ rệt (mơ hồ) sẽ là nền (bối cảnh) của đối tượng đó.

Trong môi trường đô thị, thực thể kiến trúc luôn luôn có hình ảnh rõ rệt, kích thước lớn, có tính kích thích đối với con người mạnh, cho nên trở thành đối tượng tri giác của con người, còn không gian xung quanh thường bị coi nhẹ. Kiến trúc trở thành đối tượng được gọi là "hình", những sự vật không rõ nét được gọi là "nền".

Như vậy nếu đem kiến trúc tô đen và đem phần không gian để trắng, hình vẽ hình thành sau đó sẽ là hình vẽ quan hệ hình - nền. Trong hình vẽ biểu hiện mối quan hệ hình - nền, có lúc đem các phần không gian tô đen, phần kiến trúc để trắng, lúc đó hình vẽ tạo thành được gọi là hình đảo ngược quan hệ hình - nền. Qua sự phân tích hai mặt thuận và nghịch của mối quan hệ hình - nền của môi trường đô thị, ta có thể hiểu rõ hơn, sâu hơn và toàn diện hơn về môi trường không gian đô thị.

Trong bố cục không gian đô thị truyền thống Trung Quốc, ta có thể tìm thấy các "gốc" của sự đảo ngược mối quan hệ hình - nền. Khái niệm của bố cục không gian



HỆ THỐNG LÝ LUẬN THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

truyền thống là "âm dương hỗ trợ cho nhau", tính phù trợ cho nhau giữa hình và nền là cần thiết, hai khái niệm âm dương cùng tồn tại, mất đi một mặt đều không được. Dùng phương pháp phân tích quan hệ hình nền để phân tích kiểu nhà *Tứ hợp viện* Trung Quốc, ta sẽ thấy rõ ràng và dễ hiểu đặc điểm này. Ở đây không gian và thực thể đều quan trọng như nhau, hư và thực đều cùng tồn tại, trở thành một tổng thể hữu cơ. Ta cũng có thể thấy những nét tương đồng như vậy ở không gian đô thị Trung thế kỷ của Italia.

Trong không gian đô thị hiện đại, kiến trúc nhận được sự coi trọng quá mức, thực thể trở thành vai trò chủ đạo, không gian trở thành bối cảnh, mối quan hệ hình - nền không thể đảo ngược. Không gian xung quanh kiến trúc bị chia cắt vụn vặt, manh mún, đã xuất hiện "những không gian đã mất" mang tính tiêu cực.



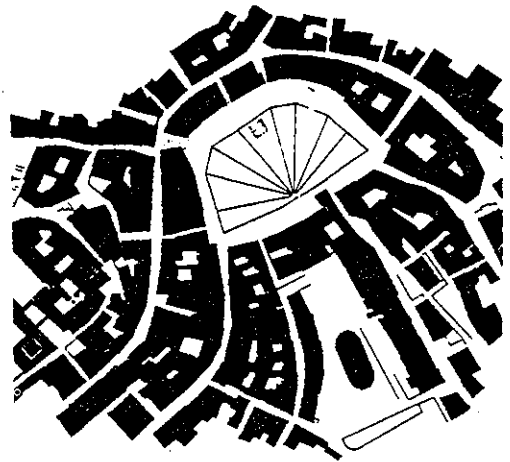
Âm dương hỗ trợ cho nhau- Thái cực Đồ



Kiến trúc là hình không gian là nền

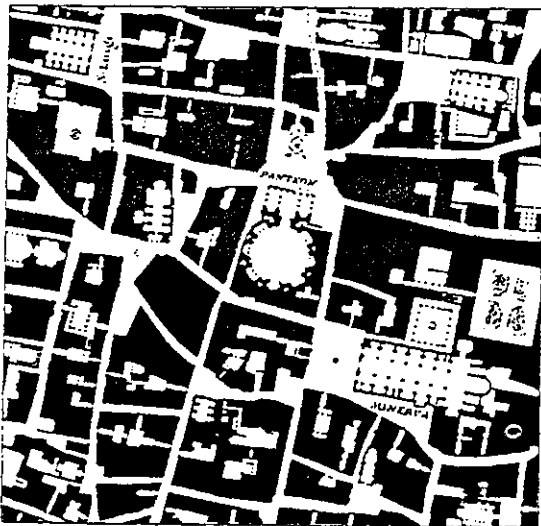


Kiến trúc là nền không gian là hình

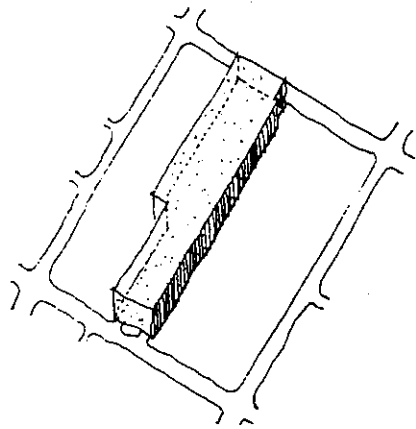


QUAN HỆ HÌNH - NỀN Ở QUẢNG TRƯỜNG CAMPO Ở SIENA, ITALIA

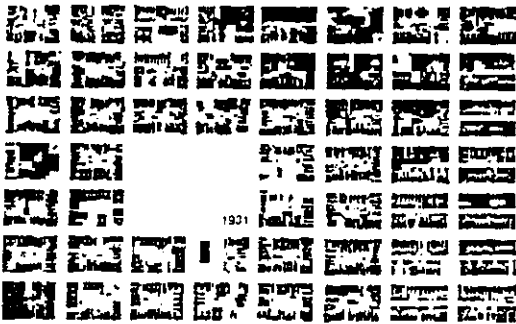
QUAN HỆ HÌNH - NỀN TRONG NHÀ Ở TỨ HỢP VIỆN, BẮC KINH



HÌNH VẼ MỐI QUAN HỆ HÌNH - NỀN Ở KHU NOLLI, RÔMA, ITALIA



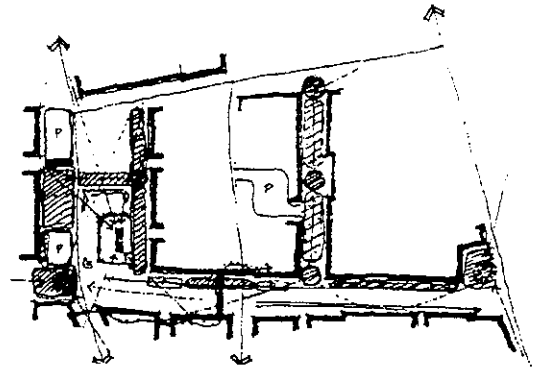
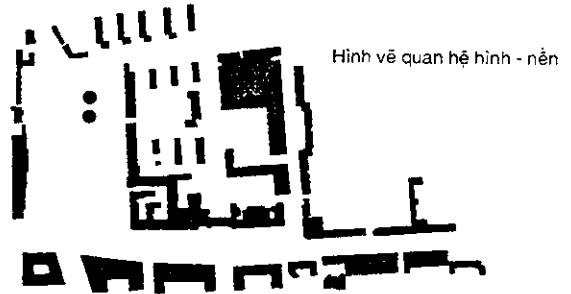
Khi phân tích thiết kế một đường phố ở một thành phố ở Đan Mạch, nhà thiết kế đem đảo ngược mối quan hệ hình - nền, không gian được coi là đối tượng trọng điểm của thiết kế, để sáng tạo nên những không gian tích cực.



Dùng hình vẽ mối quan hệ hình - nền, phân tích các tần số phát sinh trong xây dựng đô thị cùng một khu vực nhưng ở các thời gian khác nhau, có thể phân tích ra phương hướng phát triển của xây dựng đô thị.

Trong thiết kế đô thị và kiến trúc, dùng phương pháp quan hệ hình - nền có thể làm rõ phạm vi giới hạn không gian, không gian không cùng đẳng cấp và hiệu quả thu nhỏ hoặc phóng đại của không gian.v.v...

Từ đó trong thiết kế có thể nhấn mạnh một cách có ý thức giới hạn của không gian, sáng tạo ra các không gian tích cực.



Phác thảo - nhấn mạnh sự rạch ròi không gian

CẢI TẠO QUẢNG TRƯỜNG NHÀ GA SA NHÌ ĐỎ VÀ KHU VỰC PHỤ CẬN THÀNH PHỐ ĐẠI KHÁNH

2. Lý luận liên hệ (Linkage) là lý luận về quy luật liên hệ "tuyến tính" tồn tại trong các yếu tố cấu thành trong nghiên cứu môi trường hình thái đô thị. những loại tuyến này gồm tuyến giao thông không gian công cộng mang tính chất tuyến và tuyến thị giác, ví dụ như các loại đường giao thông, đường đi bộ, các chuỗi không gian, tuyến nhìn và điều kiện cảnh quan.v.v...

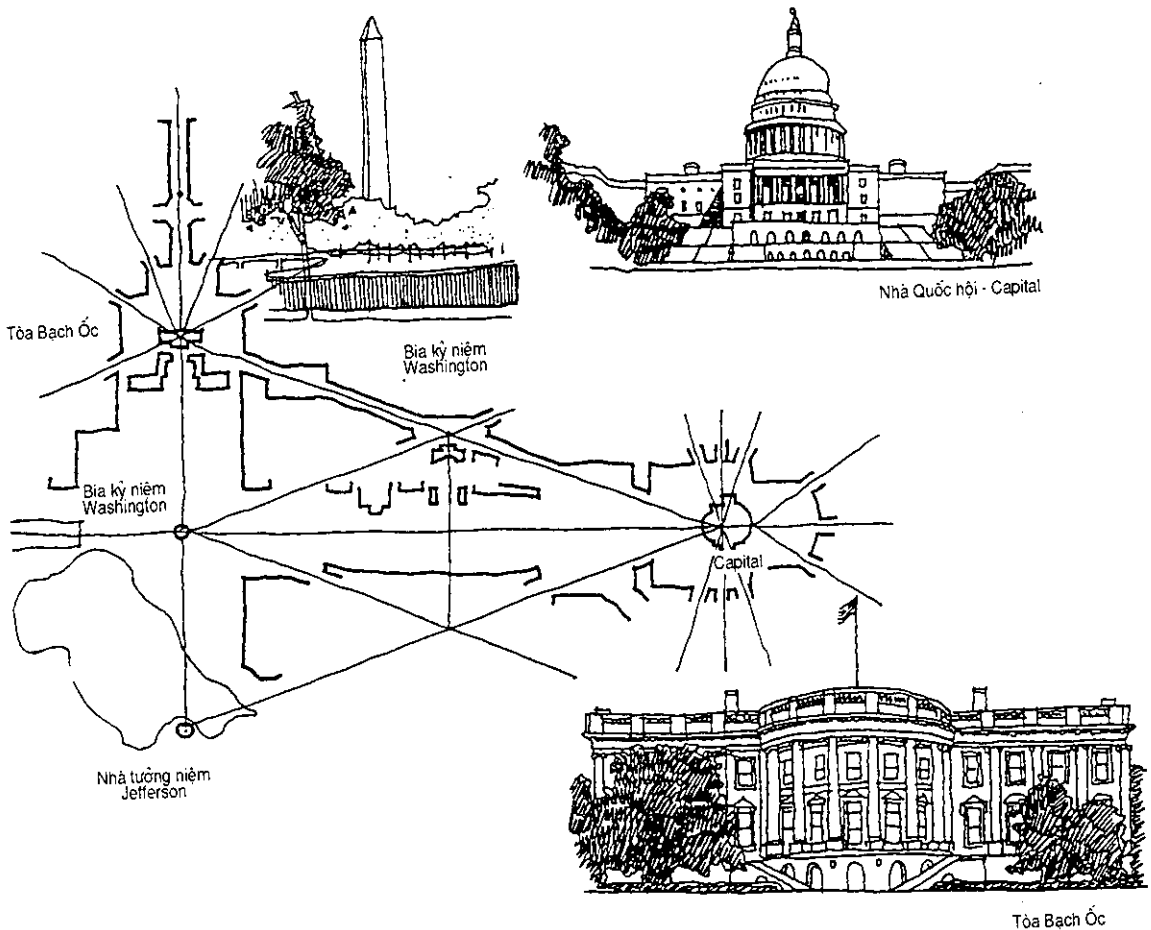
Thông qua việc phân tích lý luận liên hệ, có thể xác định rõ trình tự của không gian, xác lập các kiến trúc mang tính chất tiêu chí, tầng bậc khác nhau, xác định các kiến trúc chủ yếu trong đô thị và các lối đi liên hệ các không gian công cộng, nâng cao hiệu suất của đô thị. Lấy nó làm cơ sở để khống chế các yếu tố cấu thành



sự liên hệ và vùng lân cận, để có thể đạt được "sự giao thoa hài hoà của các loại hình thái lưu động" và một bố cục kết cấu trật tự hoá.

Năm 1791. L'Enfant trong thiết kế quy hoạch Washington đã nhấn mạnh các mối liên hệ kiến trúc và không gian chủ đạo của thành phố, thủ pháp chủ yếu của ông là sử dụng các yếu tố cây xanh, đường chính, và các loại không gian tuyến tính xây dựng một mối liên hệ vững chắc về giao thông và thị giác. Hai trăm năm sau, việc xây dựng thủ đô Washington vẫn luôn luôn được tiếp tục tiến hành theo mô thức đó, khiến nó trở thành một trong những đô thị ưu việt, đặc sắc nhất nước Mỹ.

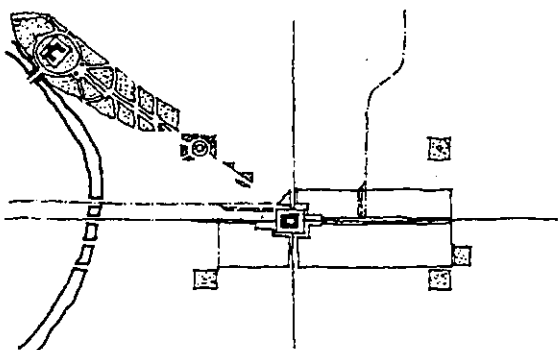
Tư tưởng thiết kế đó của L'Enfant được coi là ví dụ điển hình thiết kế đô thị theo lý luận liên hệ, đã được vận dụng một cách rất thành công vào một thời kỳ khá dài.



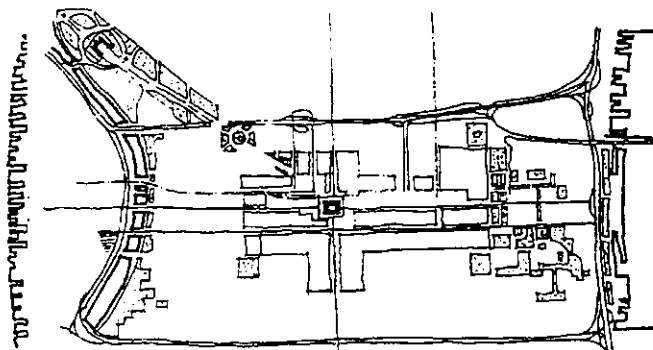
PHÂN TÍCH LIÊN HỆ KHÔNG GIAN
CỦA KHU TRUNG TÂM WASHINGTON, MỸ



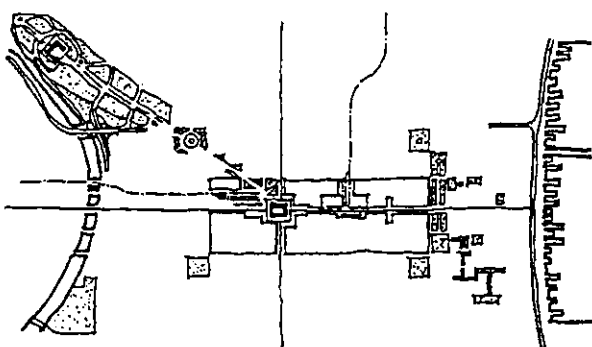
Lý luận liên hệ vào những năm 1960 đã rất được thịnh hành, sự kiện tương đối nổi tiếng hưởng ứng lý luận liên hệ là việc năm 1964 Bergan thiết kế khu Trung tâm Philadelphia, Mỹ, ông đã sử dụng lý thuyết liên hệ, lấy khái niệm chuyển động ở khu trung tâm Philadelphia để viết nên kiệt tác "Cấu trúc đô thị" (Urban Structure), lấy một trung tâm hoạt động cấu thành mạng công năng và thị giác cho toàn bộ thành phố, hình thành một không gian đi bộ chủ đạo, xây dựng một kết cấu đô thị hài hoà và trật tự.



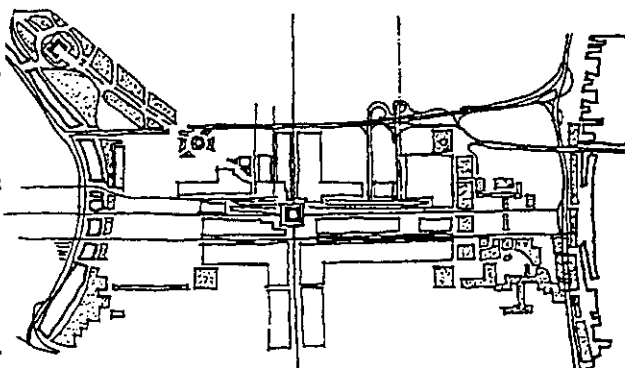
Năm 1920



Năm 1967



Năm 1947



Năm 1973

BẢN ĐỒ PHÂN TÍCH KHU TRUNG TÂM PHILADELPHIA, MỸ

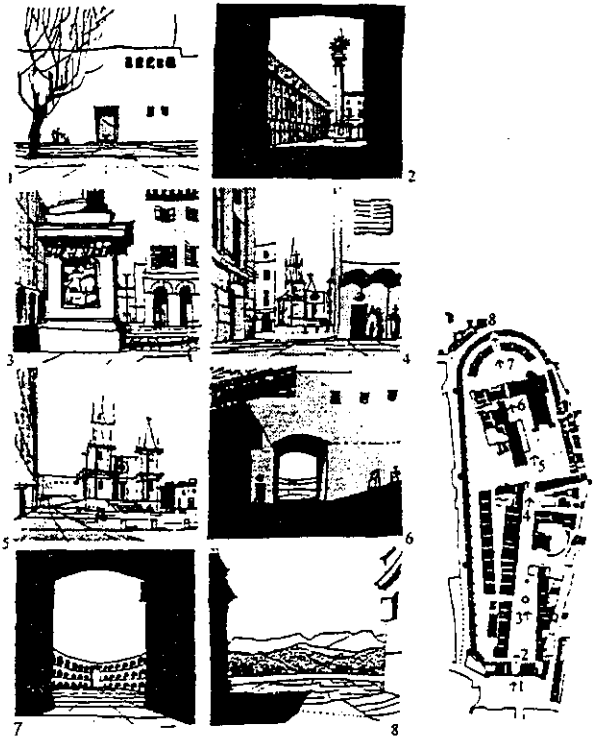
3. Lý luận về địa điểm (Place) là lý luận đem những nghiên cứu về nhu cầu, văn hoá, xã hội và tự nhiên đối với con người hoà nhập vào những nghiên cứu về không gian đô thị. Thông qua sự phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến môi trường hình thể đô thị đó mà nắm vững những nhân tố nội tại của hình thái không gian đô thị. Trong những nghiên cứu lý luận về địa điểm, các nhân tố xã hội, văn hoá và tri giác cảm thụ bị hoà tan với giới hạn bên trong của không gian, những nhân tố bên trong và bên ngoài đó kết hợp hữu cơ với nhau, kết hợp hữu cơ với địa điểm (Place) hay nơi chốn (Site)

So với lý luận hình - nền và lý luận liên hệ, nhận thức của con người đối với lý luận về địa điểm đến tương đối chậm. Đầu những năm 50 nhóm "Team 10" đề xuất

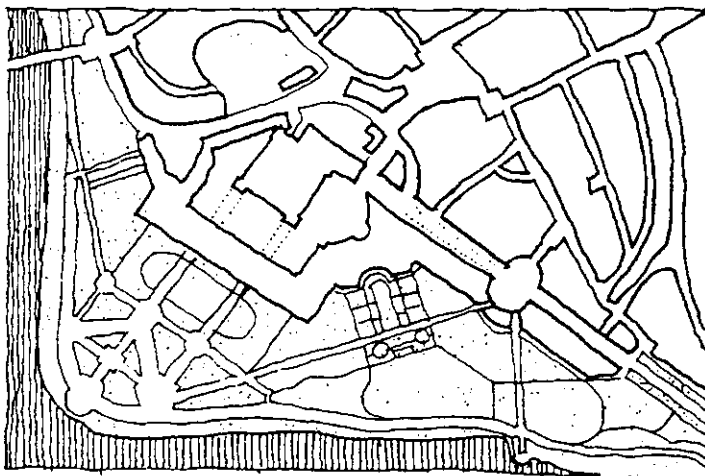
ra tư tưởng "lấy con người làm trung tâm" và "kết hợp con người và ngoại cảnh", chủ trương đem cuộc sống xã hội dân nhập vào không gian đô thị do con người sáng tạo ra, nên theo thời gian khác nhau, thời kỳ khác nhau và đặc điểm khác nhau để nghiên cứu vấn đề ở. Họ cho rằng hoạt động của con người là yếu tố cơ bản quyết định hình thức đô thị, hình thức đô thị ra đời trên cơ sở hoạt động xã hội, đề ra việc quan hệ hài hoà của con người phải phản ánh vào trong kết cấu đô thị, từ đó đạt được sự hài hoà giữa con người với môi trường đô thị .

Quan điểm của "Team10" đối với việc nghiên cứu của nhiều phương diện và nhiều học giả về sau này có ảnh hưởng rất lớn. Trong đó, tương đối nổi tiếng có :

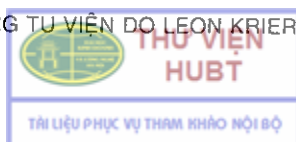
- Leon Krier đề xuất không gian đô thị nên thống nhất, hài hoà, có



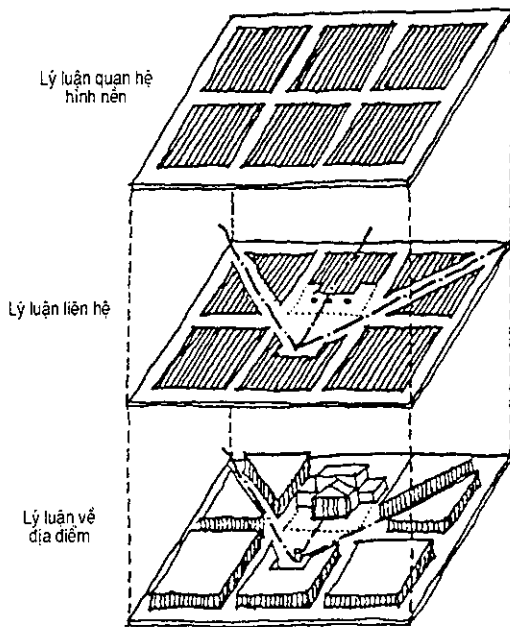
PHÂN TÍCH TRÌNH TỰ CỦA KHÔNG GIAN CỦA G.COLOMB



TỔNG MẶT BẰNG THƯ VIỆN DO LEON KRIER THIẾT KẾ



trật tự, độ lớn, mô thức và tính phương hướng của đường phố là những yếu tố quan trọng của không gian công cộng. Năm 1969, Krier trong khi xây dựng mở rộng một tu viện ở Đức, đã dùng quảng trường, hành lang cột, đại lộ có bóng cây. v.v.. để giải quyết các xung đột giữa lãnh vực công cộng và tư nhân, liên kết kiến trúc mới và cũ, công trình này được xem là tác phẩm tiêu biểu của chủ nghĩa Tân cổ điển.



1. Phương pháp phân tích lý luận quan hệ hình nền. Bắt đầu từ việc lý giải hình thái đô thị, hiểu biết mối quan hệ không gian của hình khối kiến trúc đô thị. Qua việc phân tích mối quan hệ hình nền, từ góc độ hai chiều nhận thức mô thức đô thị, trật tự không gian, đẳng cấp không gian

2. Phương pháp phân tích lý luận liên hệ. Qua việc phân tích mối liên hệ giao thông, thị giác, làm rõ sự liên hệ giao thông và thị giác giữa các nhân tố cấu thành cảnh quan và công năng chủ yếu, từ đó xác định tuyến giao thông, tuyến thị giác và hành lang thị giác chủ yếu và thứ yếu của đô thị

3. Phương pháp phân tích lý luận về địa điểm. Thông qua việc phân tích những nhân tố xã hội, lịch sử và văn hoá.v.v... ảnh hưởng đến môi cảnh đô thị, nắm vững đặc trưng nội tại của không gian đô thị.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA BA LOẠI LÝ LUẬN THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

- G.Colomb qua việc nghiên cứu thụ cảm đối với con người trong sự vận động trong không gian đã vẽ ra những bản vẽ cảnh quan đô thị, thông qua việc phân tích đặc trưng trong cá tính của trật tự không gian, đã nhấn mạnh cảm giác và ý tưởng của con người đối với địa điểm của không gian. Tiếp theo, việc phân tích "trình tự của không gian" đã được ứng dụng rộng rãi.

- Những năm 80, tác giả của cuốn sách "Tinh thần của địa điểm" đã đề xuất những vấn đề về sự bao hàm, ý nghĩa của địa điểm và việc bảo tồn lưu giữ các địa điểm, nhấn mạnh khái niệm quần tụ của đô thị, đề xuất ý nghĩa tinh thần của công trình

kiến trúc còn quan trọng hơn sự thực dụng. Quan điểm này có tác dụng tích cực đối với việc nghiên cứu môi trường định cư.

Nên nhấn mạnh rằng ba loại phương pháp lý luận trên đây mỗi cái đều có giá trị cũng như những hạn chế riêng của mình. Lý luận về quan hệ hình - nền nặng về phân tích giới hạn và đẳng cấp của không gian, có lợi cho việc hình thành những không gian đô thị tích cực, lý luận liên hệ lại nghiên cứu xây dựng mối liên hệ giao thông và liên hệ thị giác giữa các kiến trúc chủ yếu và không gian chủ yếu, có lợi cho việc tạo thành trật tự của không gian và nâng cao hiệu suất đô thị; còn lý luận về địa điểm lại xuất phát từ yêu cầu của con người, thông qua việc nắm vững những nhân tố nội tại ảnh hưởng đến môi cảnh đô thị, khiến cho môi trường hình thái đô thị đáp ứng được những nhu cầu nhiều tầng bậc của con người.

Có thể thấy, mỗi phương pháp lý luận đều từ một phương diện nào đó để phân tích môi trường hình thể đô thị, chỉ có kết hợp cả ba loại lý luận lại mới có thể giải quyết một cách toàn diện việc nghiên cứu vấn đề đô thị và làm cho nó càng có ý nghĩa.

(2) LÝ LUẬN HÌNH ẢNH ĐÔ THỊ

Trong rất nhiều lý luận thiết kế đô thị, lý luận tương đối có ảnh hưởng và được sử dụng rộng rãi là lý luận về "hình ảnh đô thị" do nhà đô thị học Mỹ Kevin Lynch đề ra vào năm 1960 với sự ủng hộ tài trợ của Quỹ Rockefeller, ông kết hợp việc điều tra phân tích "tính hình ảnh đô thị" của ba thành phố lớn Ở Mỹ là Boston, Kentucky, Los Angeles và qua việc xuất bản cuốn sách "Hình ảnh đô thị" mà đề ra lý luận này.

1. Việc xây dựng tính hình ảnh. Tính hình ảnh đô thị (Imageability) của Lynch đề xuất dựa trên tiêu chuẩn đánh giá hình ảnh đô thị mà đề ra, tức là "vật thể có hình tượng cụ thể khiến cho nó tạo ra được những ấn tượng mạnh mẽ cho số đông người quan sát nó"

Kevin Lynch cho rằng : "Hình ảnh môi trường là sản phẩm của quá trình lưỡng hướng giữa nguồn quan sát và môi trường của nó, môi trường đề xuất đặc trưng và quan hệ, còn nguồn quan sát - căn cứ vào năng lực thích ứng rất lớn và mục tiêu của họ - sẽ tuyển chọn, tổ chức, và sau đó gán cho sự vật trông thấy một ý nghĩa nhất định"

"Đặc trưng và quan hệ" của môi trường đề xuất ở đây là đặc điểm hình ảnh môi trường được con người lý giải và nhận biết, còn gọi là "tính chất đặc biệt có thể nhận biết" của môi cảnh, nó không chỉ khiến cho con người cảm thấy môi trường đô thị có tính khúc triết và tính an toàn, mà còn có thể tăng cường độ sâu và độ mạnh đối với việc thể nghiệm môi cảnh của con người.



Còn việc gắn cho sự vật trông thấy một "ý nghĩa" là chỉ hình ảnh và phác họa tâm lý sản sinh ra đối với môi trường của con người. Đó chính là "ấn tượng công chúng", là "phác họa tâm lý chung mà đa số dân cư thành thị có, đó là phạm vi nhất trí có thể thấy trong sự ảnh hưởng lẫn nhau của đặc trưng sinh vật cơ bản và thực thể vật chất, văn hoá cộng đồng"

Lynch đề xuất ra việc xây dựng tính hình ảnh đô thị có ba điều kiện: " Bản sắc (Identity), Cấu trúc (Structure) và Ý nghĩa (Meaning).

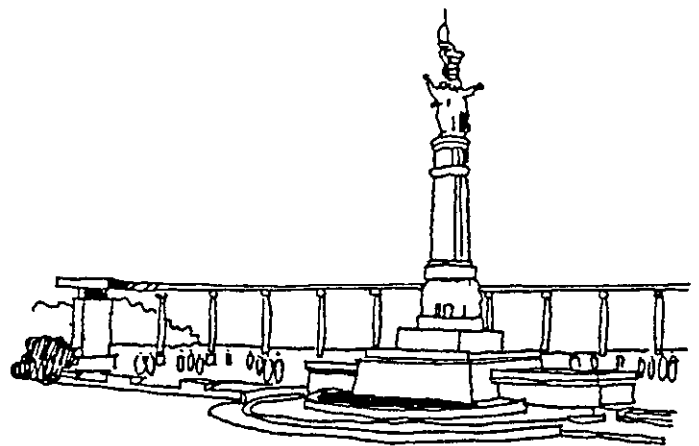
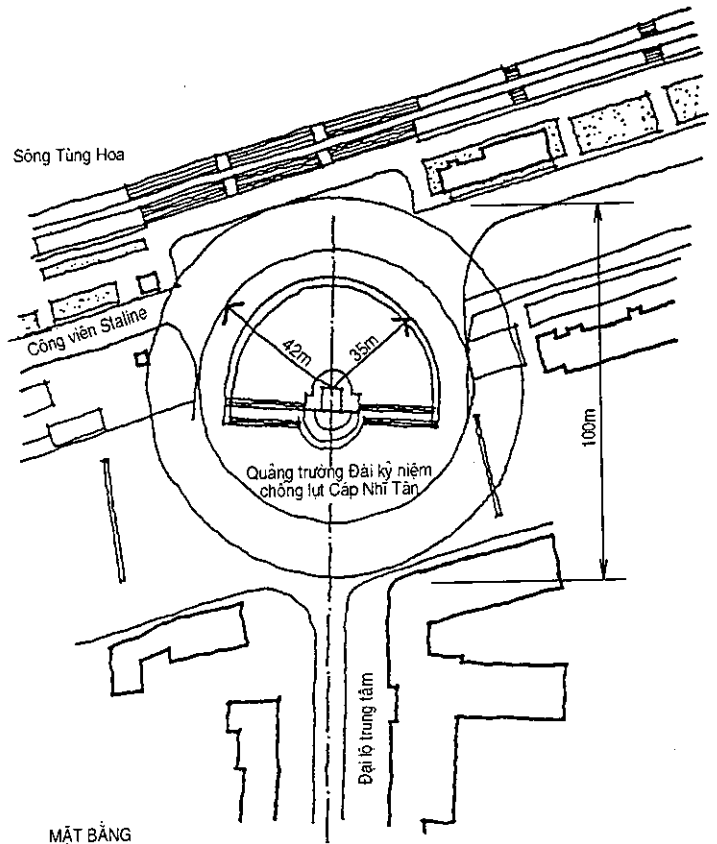
- *Bản sắc* chủ yếu chỉ đặc trưng và đặc điểm ngoại hình của vật thể.

- *Cấu trúc* chủ yếu chỉ quan hệ không gian nơi đặt vật thể và điều kiện thị giác.

- *Ý nghĩa* chủ yếu chỉ tính chất quan trọng về mặt sử dụng và về mặt công năng liên quan đến người quan sát.

Bất cứ một nhân tố hoàn cảnh nào nếu có đủ ba điều kiện trên đều có thể dễ dàng xây dựng được tính hình tượng của đô thị. Ví dụ như trường hợp Tượng đài chống lụt ở thành phố Cáp Nhĩ Tân đã hình thành hình ảnh tâm lý, trở thành một trong những nhân tố chủ yếu của thành phố.

Khi chúng ta thiết kế đô thị, đối với những công trình kiến trúc có ý nghĩa quan trọng, nên tạo những điều kiện thụ cảm thị giác tốt, về mặt xử lý kiến trúc phải tạo ra được một đặc trưng, khiến nó trở thành một kiến trúc mang tính biểu tượng. Còn



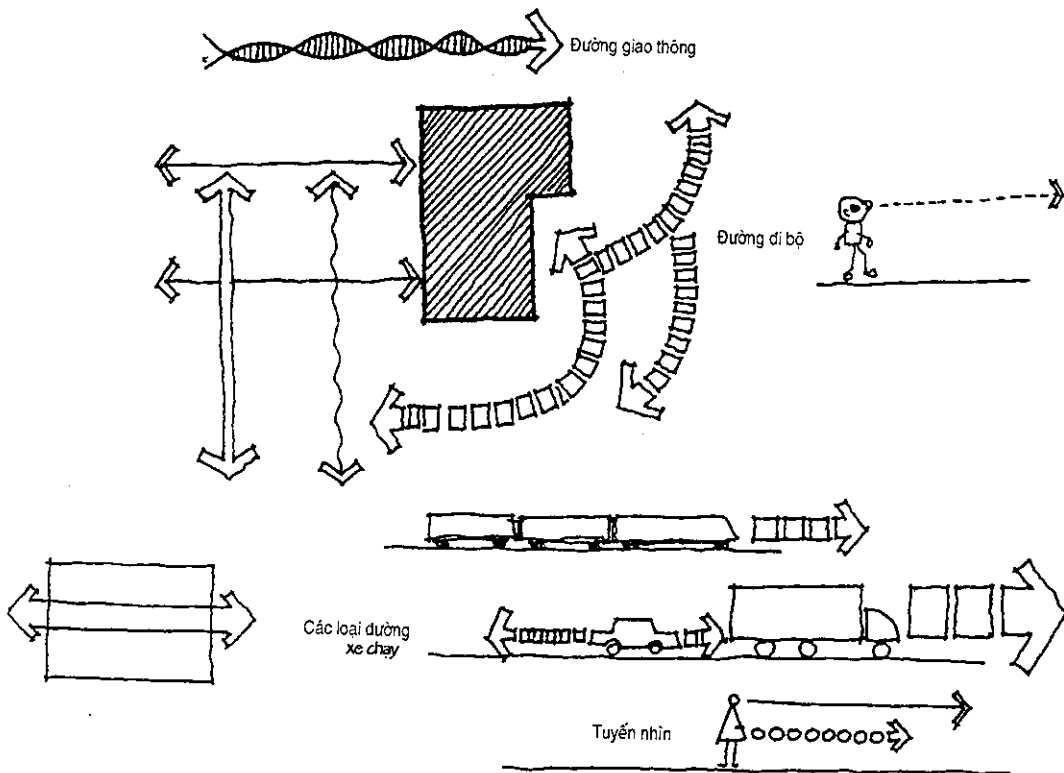
QUẢNG TRƯỜNG ĐÀI KỶ NIỆM
CHỐNG LỤT THÀNH PHỐ CÁP MỸ TÂN

đối với các công trình kiến trúc mang tính phổ biến, thì cần có bối cảnh cho cảnh quan, xử lý kiến trúc phải hài hoà thống nhất, khiến cho đô thị biến hoá mà lại trật tự, không gian đô thị vừa có bản sắc lại vừa có bố cục rõ ràng.

2. Các nhân tố cấu thành hình tượng. Trên cơ sở phân tích và điều tra, Kevin Lynch đề xuất ra 5 nhân tố cơ bản sau đây :

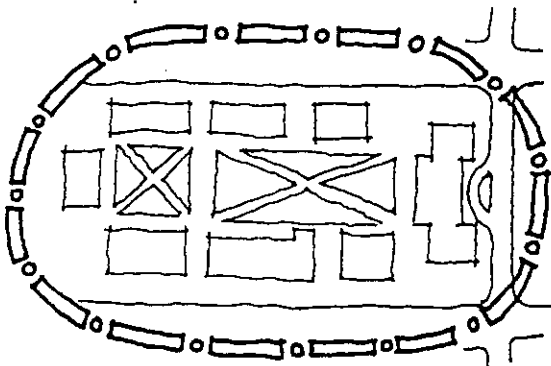
- *Lưu tuyến (Path)*. Trong đô thị, nhân tố được gọi là lưu tuyến có hai loại, đó là đường liên hệ giao thông và hành lang liên hệ thị giác. Nhìn chung, hai loại trên thông thường là một. Cho nên, con người quen nhận thức lưu tuyến là con đường đi lại hoạt động, gồm đường chính, đường phụ và đường đi bộ trong thành phố, ngoài ra còn đường sông, đường sắt.v.v. .. Những lưu tuyến đó cấu thành mạng không gian đô thị, là "hệ thống mạng" của đô thị.

Lưu tuyến là yếu tố cơ bản để con người nhận thức đô thị, các nhân tố khác đều phát triển men theo lưu tuyến. Cho nên, trong khi xây dựng hình ảnh đô thị, lưu tuyến chiếm vị trí chủ đạo.

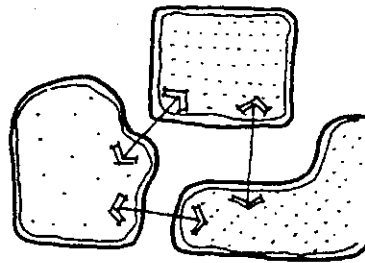


Từ góc độ tâm lý học mà xem xét, khi con người men theo lưu tuyến chuyển dịch và quan sát, lưu tuyến có thể hình thành hình ảnh mang tính liên tục và tính phương hướng đối với con người. Mặt phố hai bên lưu tuyến là cơ sở của tính liên tục và tính phương hướng, có lợi cho việc phán đoán cự ly của con người.

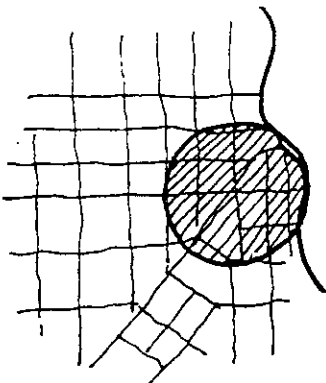
- *Khu vực* (Distric). Nhìn một cách tổng thể, sự thay đổi quy mô của khu vực tương đối lớn, nói chung là có hai mức phạm vi. Một khu vực nên có đặc trưng hình thái và công năng sử dụng đồng nhất, và có sự cách biệt rõ ràng đối với các khu vực khác. Ví dụ như khu lịch sử, khu cao tầng, khu nhà ở, khu công nghiệp.v.v... Hình thành khu vực nên có các đặc trưng sau đây : tính văn hoá xã hội, ví dụ các "China town" (khu đô thị Trung Quốc) trong các thành phố Mỹ và một số thành phố lịch sử khác mang đậm đặc trong văn hoá của tính lịch sử và tính dân tộc, được gọi là các "khu văn hoá Châu Á" đan xen vào các đô thị; các đặc trưng tiếp theo là có chung một loại người sử dụng, như các vườn trường trong các trường đại học; có cùng công năng sử dụng, ví dụ như các khu nhà ở, có cùng đặc trưng không gian, ví dụ các quảng trường đô thị các khu kiến trúc cao tầng.v.v...



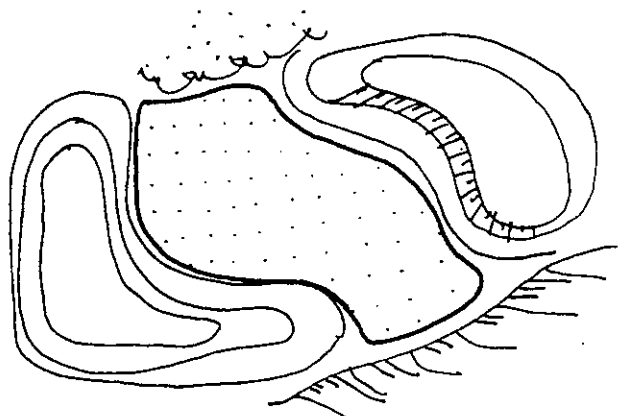
Phường hội đô thị



Công năng sử dụng giống nhau



Đô thị CBD

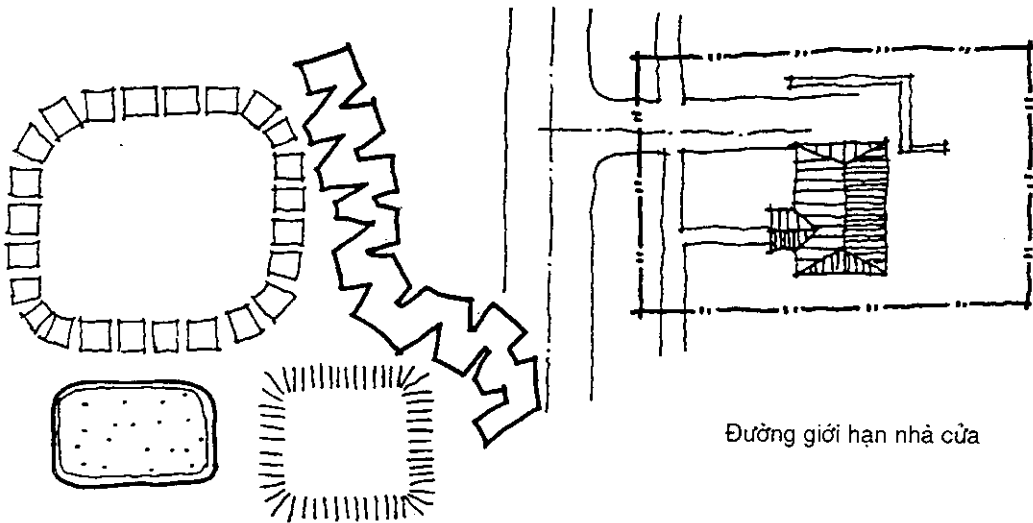


Khu vực bị giới hạn bởi địa hình địa mạo

- *Cạnh biên (Edge)*. Là giới tuyến của một khu vực hay giữa những khu vực, là những thành phần tuyến tính được biểu hiện ra thông qua những hình thái tự nhiên hay nhân tạo. Nó tiêu biểu cho phạm vi và hình dáng của khu vực. Như dải cây xanh, bờ sông, vách núi, mặt giới hạn của quần thể kiến trúc, phân giới của đường đi cũng như các cách phân chia không gian khác. Nhưng cũng có khu vực theo một hướng nào đó không có cạnh biên rõ rệt, hoà nhập tự nhiên với một khu vực khác, hình thành sự giao hoà và xen lẫn về không gian.

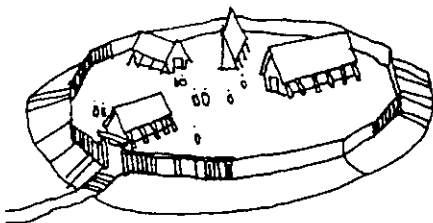
Cạnh biên là chuẩn mực để con người nhận thức đối chiếu xác định một hướng nào đó của môi trường hình thể đô thị, là bộ phận liên hệ và phân biệt một khu vực đối với một khu vực khác, có tác dụng phân chia và hạn định môi trường đô thị, con người thông qua cạnh biên nhận thức được đặc trưng của môi trường hình thể đô thị, tăng cường sự lý giải đối với hình ảnh đô thị.

- *Nút (Node)*. Nút là nơi tập hợp. Dùng để chỉ các tiêu điểm của các nơi có tính chiến lược mà người quan sát sẽ tiến vào, là những điểm quan trọng hoặc nơi con người tất yếu phải đi qua trong cuộc sống hàng ngày trong đô thị. Đại đa số những

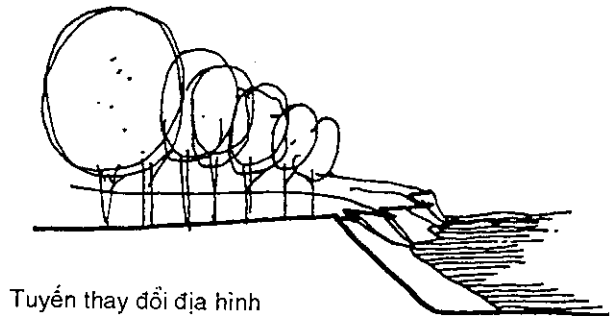


Đường phân cách không gian

Đường giới hạn nhà cửa

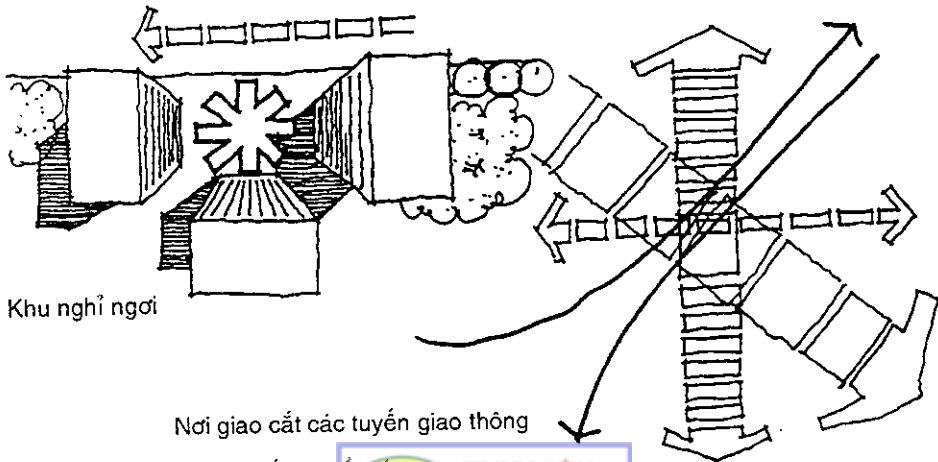
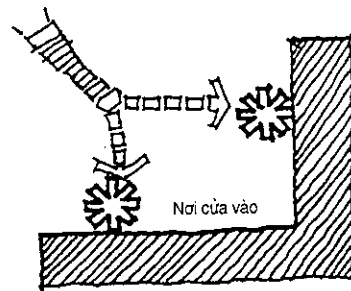
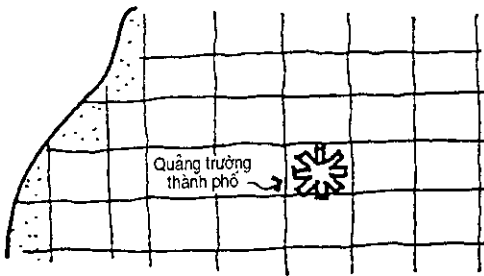
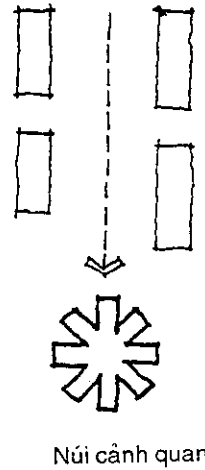
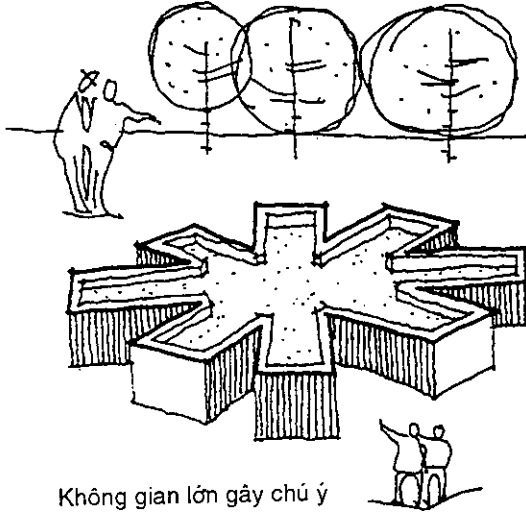


Hàng rào

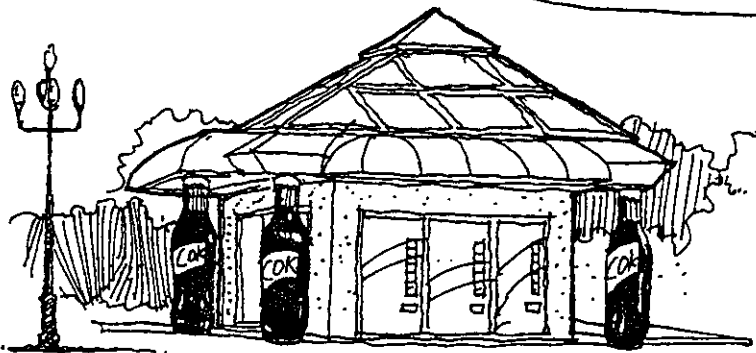
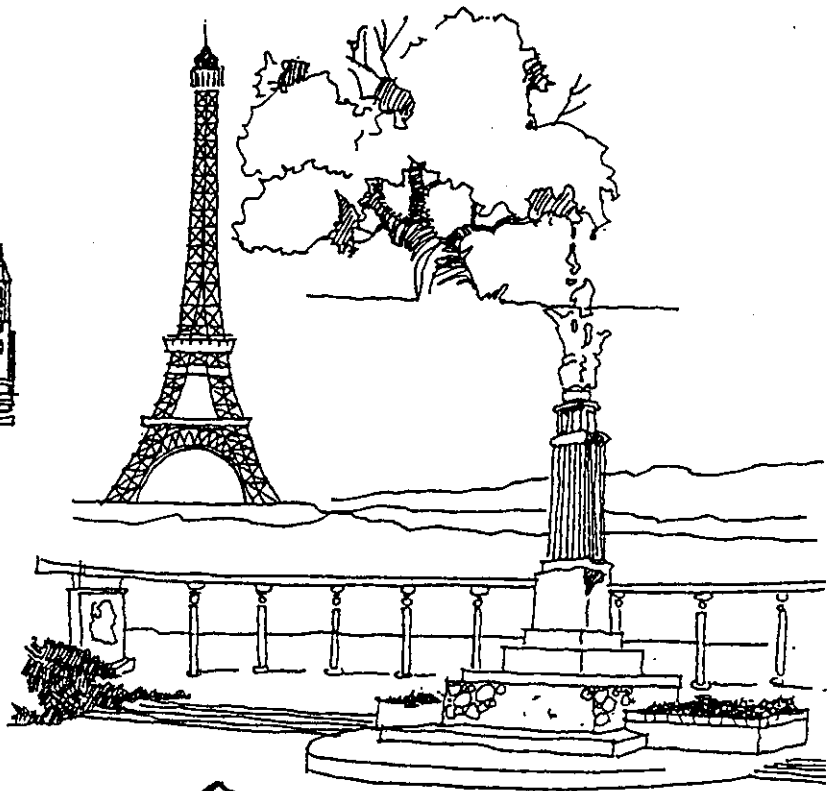
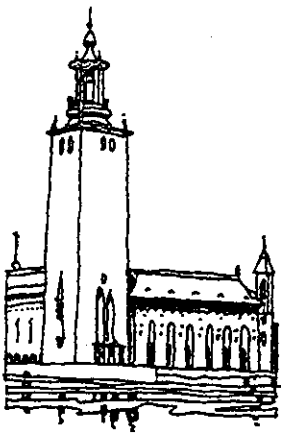


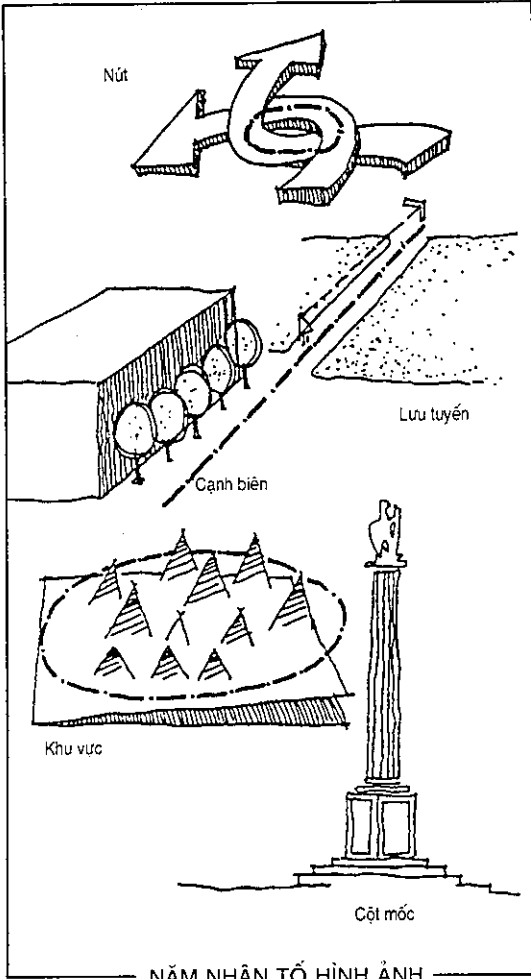
Tuyến thay đổi địa hình

nút là những nơi giao cắt của những đường giao thông, nơi chuyển phương hướng của đường sá, nơi thay đổi cấu trúc không gian. Nút là nhân tố quan trọng để con người nhận thức đô thị, tầm quan trọng của nó thể hiện ở chỗ nó là nơi tập trung một số công năng hoặc đặc trưng nhất định. Các nút loại tập trung như thế này cũng có thể là trung tâm của một khu vực nào đó. Đối với người nhận thức môi cảnh mà nói, nút có tầm quan trọng rất lớn, qua các nút con người có thể cảm thấy đặc trưng của chính bản thân chúng hay môi cảnh quanh chúng một cách rõ ràng hơn, cho nên nút còn được gọi là các "hạt nhân" của đô thị.



- *Cột mốc (Landmark)*. Cột mốc là một điểm xác định quy ước để nhận thức môi cảnh, người quan sát không đi vào bên trong cột mốc, chỉ nhận thức phía bên ngoài nó, thông qua nó mà phân biệt phương hướng. Nó là hình ảnh đột xuất gây ấn tượng cho con người trong đô thị, đặc trưng mấu chốt của nó là tính đơn nhất và tính tại ngoại, bao gồm cả việc đột xuất địa hình, địa mạo tự nhiên, những cây cối có hình dáng đặc thù, các công trình kiến trúc và đô thị có hình tượng đặc trưng rõ rệt.v.v... Cột mốc có thể mang tính dẫn hướng, tạo ra sự nhận biết về phương hướng vị trí trong thành phố hoặc trong khu vực, là một loại ký hiệu của cấu trúc đô thị. Cột mốc là nhân tố quan trọng để hình thành hình ảnh thành phố và nhận biết cấu trúc đô thị, có phạm vi ảnh hưởng nhất định đối với môi trường hình thể đô thị.





NĂM NHÂN TỐ HÌNH ẢNH ĐÔ THỊ DO KEVIN LYNCH ĐỀ XUẤT

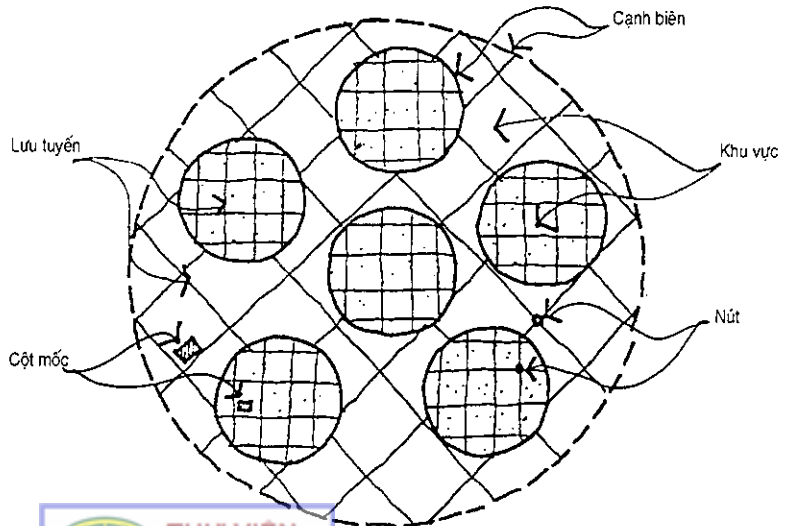
Những nhân tố trên đây tạo ra tính hình ảnh của đô thị và hợp thành bản sắc của đô thị. Tuy nhiên, các nhân tố nói trên không tồn tại một cách cô lập, khu vực do các nút tạo thành, chịu giới hạn của cạnh biên và lưu tuyến bao hàm bên trong nó, các một mốc cũng được phân bố trong nó. Các nhân tố đó đan xen và hoà hợp vào nhau một cách có quy luật, cấu thành nhận thức phức tạp đối với môi trường hình thể đô thị và cấu thành hình ảnh đô thị.

Chúng ta vận dụng những quan điểm của Lynch về các yếu tố cấu thành hình ảnh đô thị, có thể vẽ ra bản đồ trừu tượng của cấu trúc đô thị, càng có thể tăng cường chiều sâu của sự hiểu biết của chúng ta đối với môi trường hình thể đô thị.

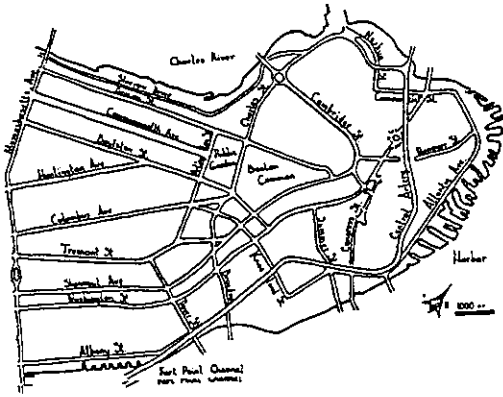
Lynch trong những tác phẩm sau này của ông đã bổ sung thêm vào ý nghĩa tượng trưng và các hàm ý chính trị, kinh tế, xã hội, đã làm phong phú và tăng cường thêm một cách đáng kể tính nội hàm và tính thao tác của hoạt động xây dựng hình ảnh đô thị.

Toàn bộ cuộc đời của Lynch chỉ chuyên tâm suy nghĩ đến giảng dạy, nghiên cứu và

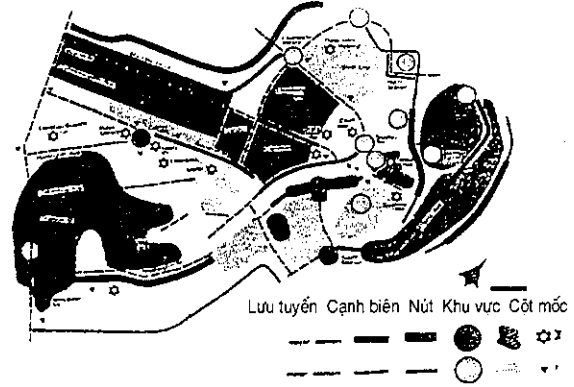
HÌNH VẼ SỰ CẤU THÀNH ĐÔ THỊ VẼ THEO CÁC YẾU TỐ HÌNH ẢNH ĐÔ THỊ DO KEVIN LYNCH ĐỀ XUẤT



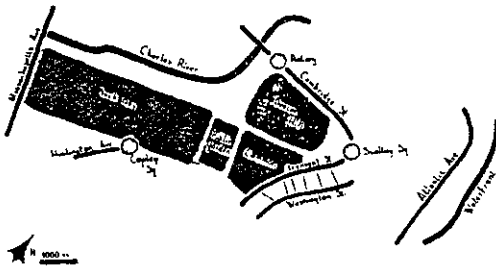
thực tế thiết kế đô thị, ông đã để lại cho đời sau những thành quả học thuật phong phú, mà tất cả những người quan tâm đến quy hoạch đô thị và thiết kế đô thị đều biết, những đóng góp của ông được xem là kiệt xuất nhất trong lĩnh vực quy hoạch và thiết kế đô thị.



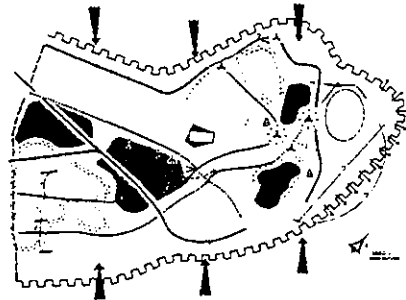
SƠ ĐỒ HIỆN TRẠNG



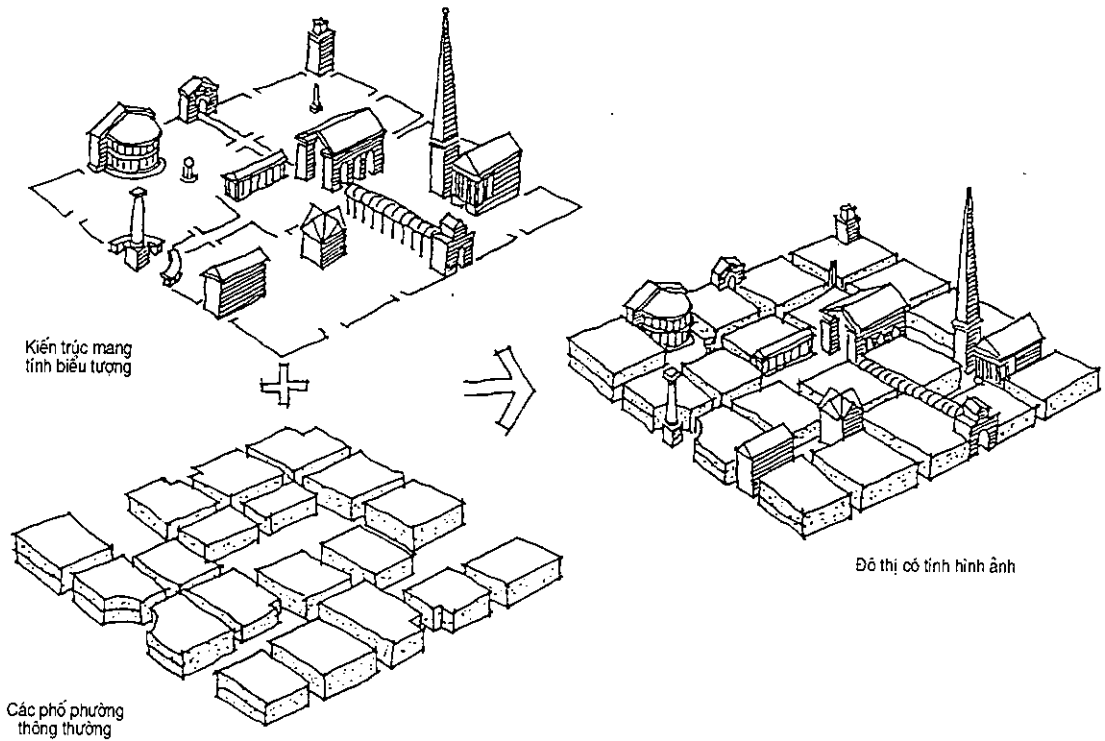
HÌNH THÁI THỊ GIÁC



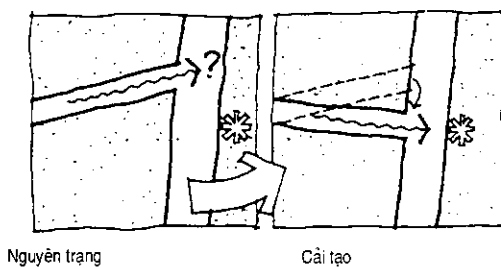
Ý TƯỞNG CÔNG CHỨC



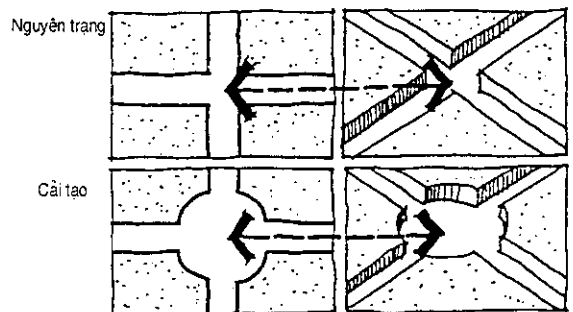
VẤN ĐỀ TỒN TẠI



TÁC DỤNG CỦA KIẾN TRÚC MANG TÍNH BIỂU TƯỢNG TRONG HÌNH ẢNH ĐÔ THỊ



ỨNG DỤNG NHÂN TỐ -
LỰA CHỌN LƯU TUYẾN



ỨNG DỤNG NHÂN TỐ -
TĂNG CƯỜNG CÁC NÚT

1. NHÂN TỐ

Thiết kế đô thị thuộc nội dung quy hoạch hình thể đô thị trong quy hoạch đô thị, khi tiến hành thiết kế đối với môi trường hình thể đô thị tất cả những nhân tố cấu thành môi trường hình thể đô thị đều lần lượt phân biệt xuất hiện. Mỗi một nhân tố đều có những vấn đề tạo hình, vật liệu, màu sắc. v.v... và những yếu tố đều có sự tổ hợp thích đáng, những tổ hợp này không đơn giản là đẳng thức $A + B + C = ABC$, mà là bằng X tức là đã sản sinh ra nhân tố hay cảnh quan mới. Cho nên, thiết kế tổ hợp các nhân tố khác nhau, không những phải suy tính đến bản thân các nhân tố và điều quan trọng hơn là sắp xếp quan hệ tương hỗ giữa các nhân tố với nhau.

Các nhân tố của thiết kế đô thị là :

(1) HÌNH THỨC VÀ TẦM VÓC KIẾN TRÚC (Form and bulk)

Công trình kiến trúc là nhân tố mang tính quyết định chủ yếu trong môi trường hình thể đô thị, công trình kiến trúc và tổ hợp quần thể các công trình kiến trúc của môi trường đô thị bố cục tốt hay xấu trực tiếp ảnh hưởng đến sự đánh giá của con người đối với môi cảnh đô thị.

Xem xét kiến trúc từ góc độ thiết kế đô thị, điều đầu tiên phải chú ý là tầm vóc kiến trúc, tức là sự cao thấp, lớn nhỏ và hình dáng của chúng; sau đó, vấn đề phải quan tâm nữa là hình thức kiến trúc, tức là phong cách, màu sắc, vật liệu và chất cảm của chúng.v.v.. Qua luận chứng và phân tích các góc độ của tổng thể không gian đô thị, đối với mỗi cá thể công trình kiến trúc phải đề ra được các yêu cầu khống chế về các mặt hệ số dung tích, hệ số đất trống, độ cao kiến trúc, tầm vóc, độ lùi xa khỏi đường phố, chất cảm, màu sắc và ảnh hưởng môi trường.v.v..., lấy đó làm căn cứ để quản lý thiết kế kiến trúc.

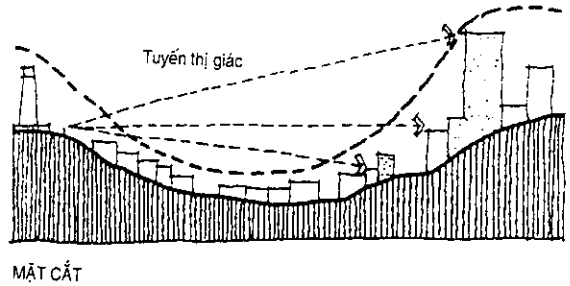
Có thể thấy, đó là vấn đề thiết kế đô thị tương đối cụ thể, việc thiết kế và khống chế đối với những nội dung đó chủ yếu thực hiện qua những chính sách quy chuẩn chỉ dẫn (Guideline) thiết kế đô thị. Ví dụ như những quy chuẩn thiết kế đô thị của khu trung tâm thành phố San Francisco, là căn cứ vào đặc điểm địa thế của khu trung tâm, xây dựng một nguyên tắc khống chế tầm vóc kiến trúc kiểu "tuyến Xi-lu-et chủ đạo hình núi",

Để xác định việc phân khu độ cao kiến trúc của thành phố, chỉ ra "kiến trúc thấp tầng nên bố trí ở chân núi, còn kiến trúc cao tầng nên bố trí ở đỉnh núi, để tăng cường sức biểu hiện của thế núi", nhằm đột xuất và sáng tạo ra bản sắc của đô thị vùng núi.

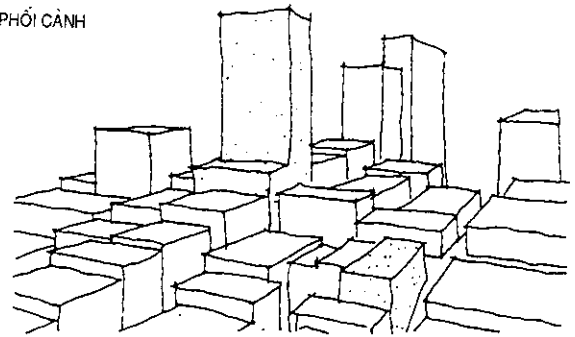
Một thành phố khác ở Mỹ lại lợi dụng sự khống chế mặt ngoài kiến trúc để hạn chế và tránh việc bên cạnh đường đi bộ xuất hiện những mặt tường cao to, sáng tạo nên một môi trường đường phố dễ chịu về mặt thị giác.

Nguyên tắc và phương pháp khống chế tầm vóc kiến trúc là :

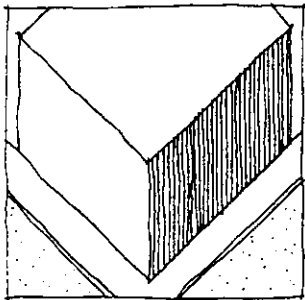
- Bảo đảm điều kiện chiếu nắng tốt cho cây xanh đô thị.



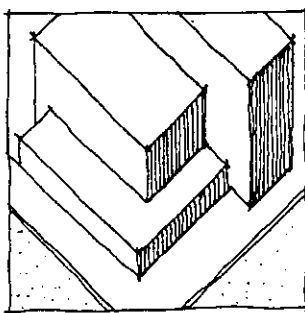
PHỐI CẢNH



NGUYÊN LÝ "TUYẾN XI-LU-ET CHỦ ĐẠO HÌNH NÚI"
CỦA THÀNH PHỐ SAN FRANCISCO



Hình khối lớn gây ra cảm giác áp chế đối với đường phố



Sự biến hóa của hình khối và việc xử lý các khối lùi vào phía sau có thể giảm nhỏ tỷ xích kiến trúc và giảm nhỏ cảm giác áp chế đối với thành phố

QUY CHUẨN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ
Ở MỘT THÀNH PHỐ CỦA MỸ THỂ HIỆN SỰ KHỐNG CHẾ
ĐỐI VỚI HÌNH KHỐI KIẾN TRÚC.

- Bảo đảm mối quan hệ hài hoà giữa cảnh quan kiến trúc lịch sử và các kiến trúc xung quanh.

- Bảo đảm chiếu nắng hợp lý và sự thụ cảm thị giác tốt cho đường phố, quảng trường, nơi đông người đi lại và dừng chân trong đô thị.

- Bảo đảm mối quan hệ nhân văn và tỷ lệ nhân văn giữa các công trình kiến trúc.

- Bảo đảm mỹ quan và đặc sắc cho đường chân trời đô thị .

Trong một môi trường đô thị nhất định, trên cơ sở thoả mãn các yêu cầu nói trên, sự khống chế đối với tầm vóc kiến trúc có thể có một sự mềm dẻo nào đó, như vậy mới có thể mang lại tính linh hoạt nhất định cho thiết kế môi trường đô thị và sáng tác kiến trúc.

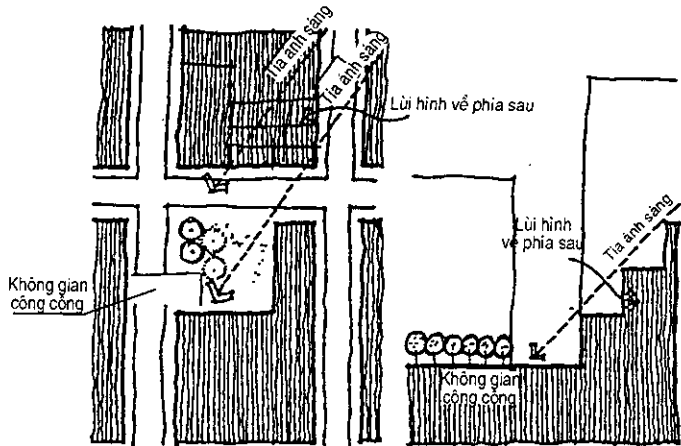
Các khái niệm tương quan bao gồm :

- *Điều kiện cao độ.* Trong phạm vi chiều cao kiến trúc quy định trong thiết kế đô thị, nếu nhà đầu tư có thể trong phạm vi đường đỏ, tức là trên mảnh đất tư nhân xây dựng các loại công trình phúc lợi công cộng, như quảng trường đô thị, không gian công cộng trong nhà .v.v..., hoặc đóng góp điều kiện và tiền của để bảo tồn kiến trúc lịch sử, thì có thể cho tăng thêm chiều cao kiến trúc ở mức độ nhất định và độ tăng cao đó chỉ cho phép khi đáp ứng một số điều kiện nhất định, đó là điều kiện chiều cao.

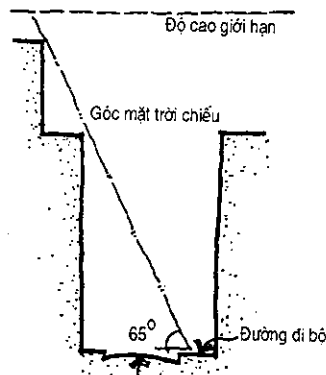
- *Đánh giá điều kiện chiếu nắng môi cảnh đô thị.* Biện pháp sử dụng thông thường là dùng ống kính máy ảnh có thể chụp 365° kết hợp với biểu đồ chiếu nắng của thành phố để đánh giá và phân tích điều kiện chiếu nắng của điểm đó vào các mùa khác nhau và các thời gian khác nhau, lấy đó làm căn cứ để khống chế tầm vóc kiến trúc.

- *Khống chế hình khối các kiến trúc cao tầng.* Trừ những cách khống chế độ cao kiến trúc nói trên, người ta còn từ góc độ cảnh quan đô thị và đường chân trời mà đề ra yêu cầu khống chế đặc biệt đối với hình khối kiến trúc các nhà cao tầng. Ví dụ việc khống chế hình khối kiến trúc các nhà cao tầng ở San Francisco, Mỹ được chia ra các loại khống chế phần bệ, phần giữa, phần đỉnh và hình thức mái, đã bảo vệ cảnh quan tổng thể thành phố một cách có hiệu quả.

Việc khống chế hình ảnh kiến trúc cao tầng còn có thể cải thiện điều kiện vi khí hậu cho nội thất kiến trúc các phòng ở phân bệ kiến trúc cao tầng.



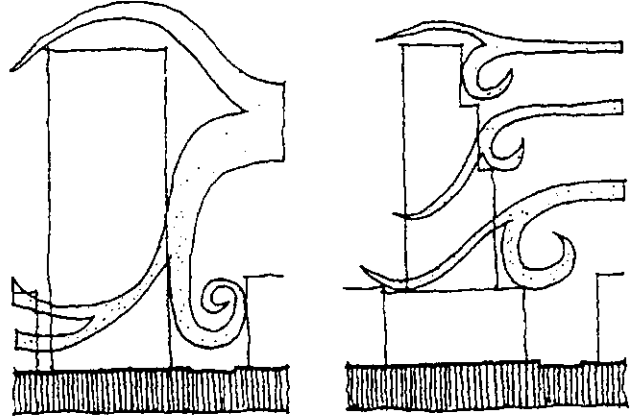
YÊU CẦU LÙI CÁC HÌNH KHỐI KIẾN TRÚC CAO TẦNG VỀ PHÍA SAU TRONG THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ SAN FRANCISCO, MỸ



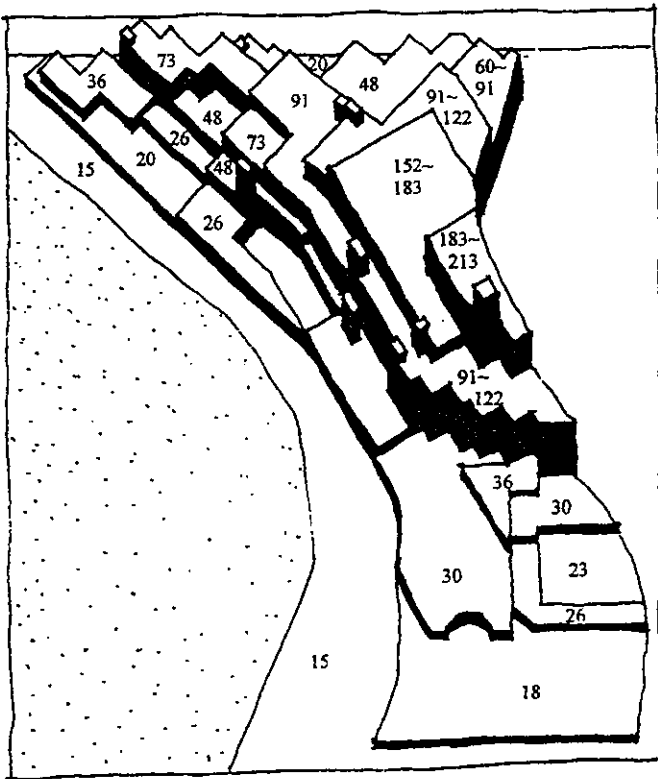
Bảo đảm điều kiện chiếu nắng vào 11 giờ trưa ngày 21 tháng 3 và 21 tháng 9 và bảo đảm kiến trúc có thể tăng chiều cao nhưng nằm trong phạm vi khống chế chiếu nắng.

YÊU CẦU LÙI CÁC HÌNH KHỐI KIẾN TRÚC VỀ PHÍA SAU TRONG THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ SAN FRANCISCO, MỸ

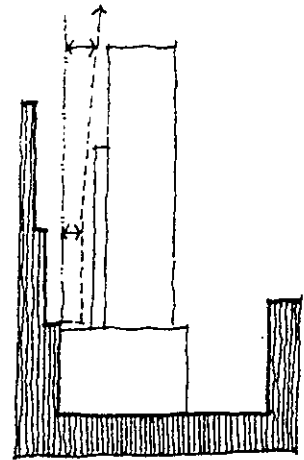
Việc khống chế mặt bằng kiến trúc cao tầng có thể bảo vệ sự phong phú của tầng lớp cảnh quan đô thị, việc khống chế mặt đứng không những có thể làm phong phú cảnh quan đô thị, mà còn cải thiện điều kiện khí hậu phần dưới kiến trúc cao tầng.



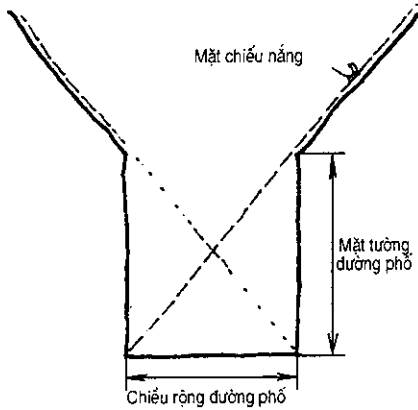
Ý NGHĨA CỦA VIỆC KHỐNG CHẾ HÌNH KHỐI KIẾN TRÚC CAO TẦNG



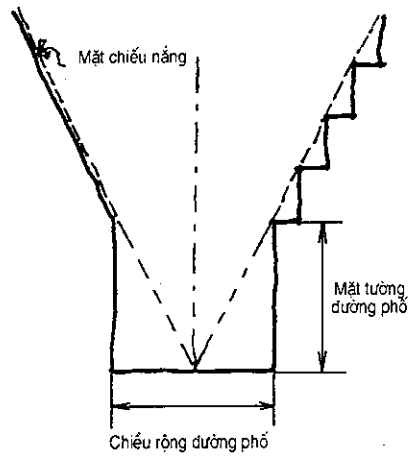
VIỆC KHỐNG CHẾ CAO KHU TRUNG TÂM THÀNH PHỐ CỦA THÀNH PHỐ SEATTLE, MỸ



YÊU CẦU KHỐNG CHẾ MẶT BÊN KIẾN TRÚC CAO TẦNG



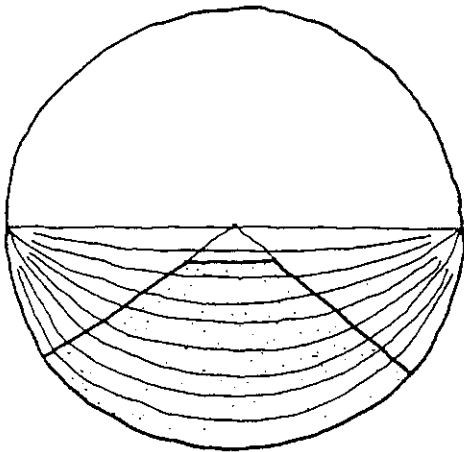
Khái niệm này có tác dụng tích cực đối với việc khống chế độ cao của kiến trúc sau này. Ông là người đầu tiên dùng phương pháp khống chế mặt chiếu nắng, hình thành một khống chế kiến trúc, để bảo đảm chiếu nắng cho đường phố. Phương pháp này đối với việc khống chế hình khối kiến trúc trong quy hoạch đã có ảnh hưởng rất lớn



Năm 1916, thành phố New York, Mỹ đã lần đầu tiên đề ra một phương pháp quy hoạch mới trong đó, có việc đề xuất khái niệm mặt chiếu nắng, quy định tỷ lệ mặt tường đường phố trên chiều rộng đường phố là từ 1,25 đến 2

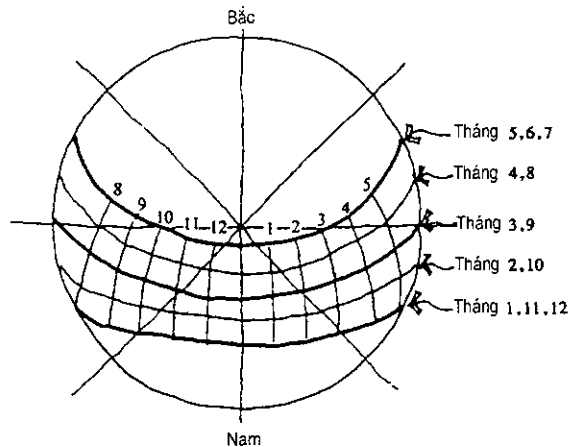
KIẾN TRÚC SƯ MỸ WILLIAM ATKINSON NĂM 1912
ĐÃ ĐỀ XUẤT RA KHÁI NIỆM KHỐNG CHẾ
KIẾN TRÚC CAO TẦNG

MỘT TRONG NHỮNG QUY CHUẨN QUY HOẠCH
NEW YORK NĂM 1916



Dùng phương pháp này có thể phân tích điều kiện chiếu nắng hoàn cảnh vốn có và ảnh hưởng của kiến trúc mới đối với điều kiện chiếu nắng vốn có.

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ MỨC CHẤN NẮNG
TRONG ĐÔ THỊ DO MỘT KIẾN TRÚC SƯ
THUY ĐIỂN ĐỀ XUẤT

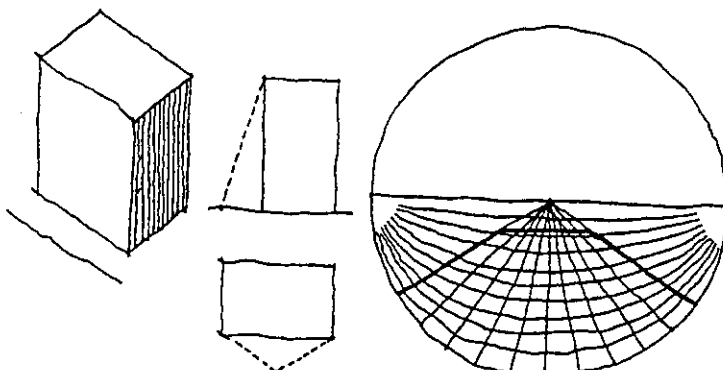


Nếu ta xem xét quỹ đạo mặt trời vào các mùa và các thời gian khác nhau, thì có thể biết được thời gian chiếu nắng bốn mùa trong năm của một điểm, phương pháp này có thể làm căn cứ cho quy chuẩn khống chế hình khối kiến trúc

BIỂU ĐỒ QUỸ ĐẠO MẶT TRỜI
VÀO CÁC MÙA KHÁC NHAU

Phương án kiến trúc có hình khối chữ nhật

12800 m²
FAR = 12
12 tầng

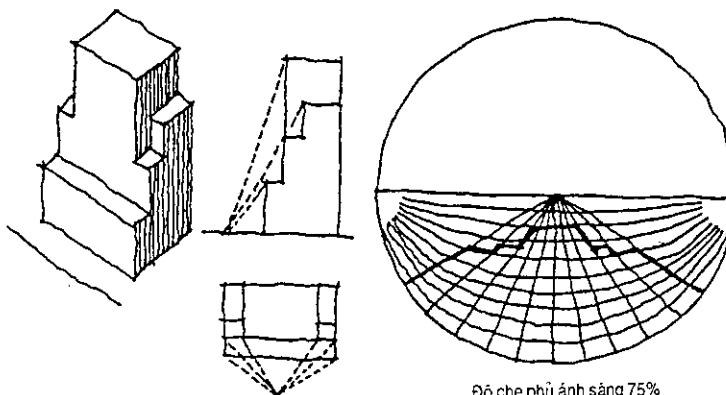


Mối liên hệ giữa hình khối kiến trúc và đường phố

Độ che phủ ánh sáng 82%

Phương án kiến trúc có hình khối giật cấp

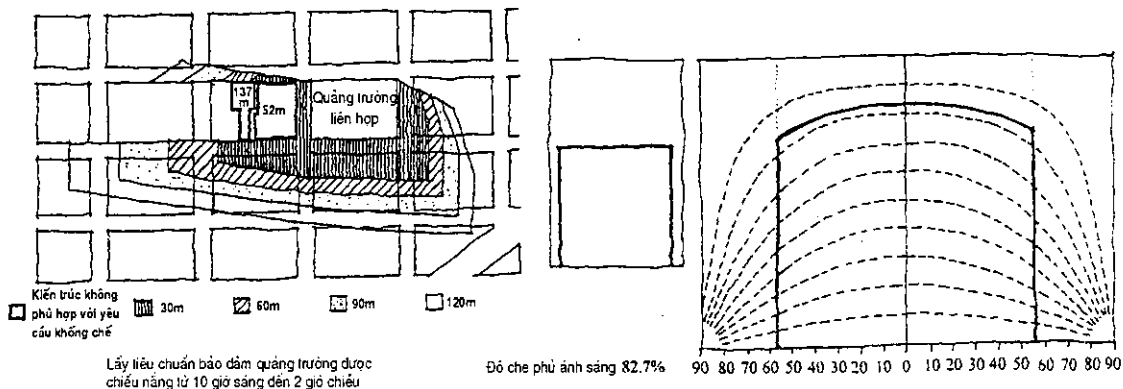
12800m²
FAR = 12
16 tầng



Mối liên hệ giữa hình khối kiến trúc và đường phố

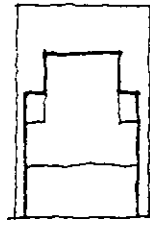
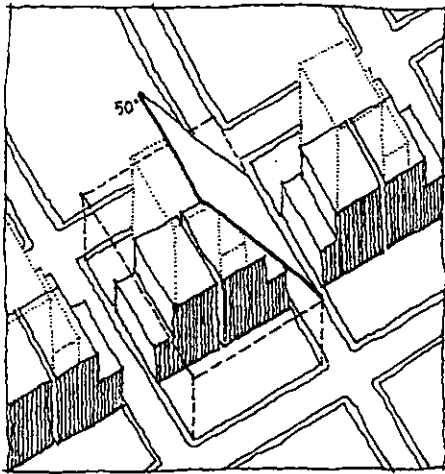
Độ che phủ ánh sáng 75%

ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN CHIẾU NẮNG ĐỐI VỚI TẦM VÓC KIẾN TRÚC Ở MỸ

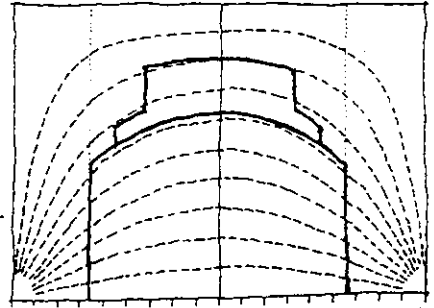


YÊU CẦU KHỐNG CHẾ HÌNH KHỐI KIẾN TRÚC XUNG QUANH QUẢNG TRƯỜNG LIÊN HỢP Ở SAN FRANCISCO, MỸ





Độ che phủ
ánh sáng 74.5%



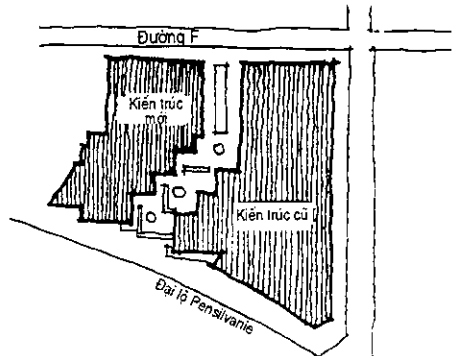
Hình khối kiến trúc giống nhau, phương pháp đánh giá khác nhau, nhưng kết quả gần giống nhau

MẶT KHỐNG CHẾ ĐỘ CAO KIẾN TRÚC CỦA
KHU VỰC BẮC THÀNH PHỐ SAN FRANCISCO, MỸ

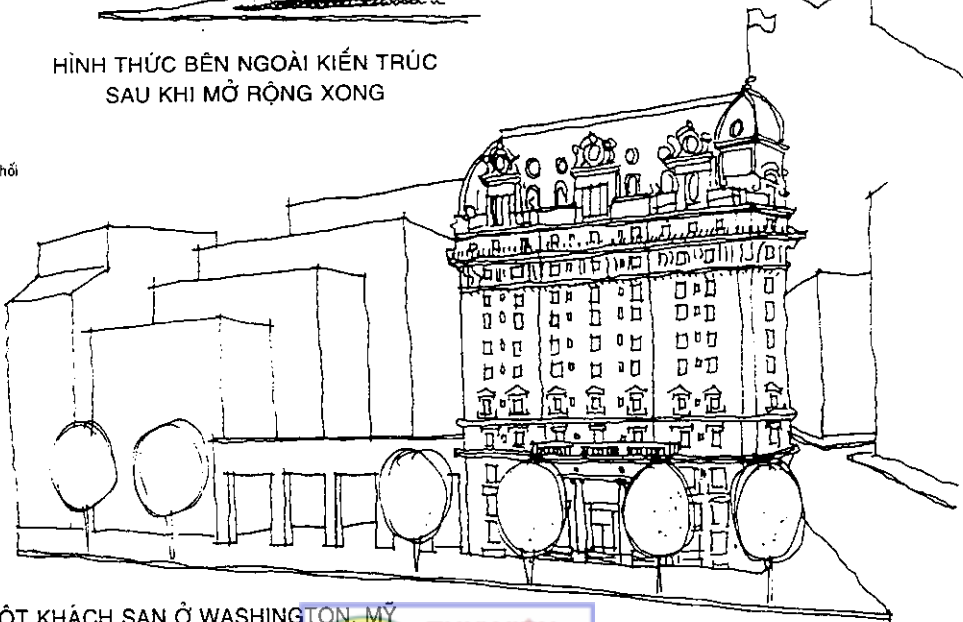
HAI PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN
CHIẾU NẮNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÂM VÓC
KIẾN TRÚC Ở BOSTON, MỸ



HÌNH THỨC BÊN NGOÀI KIẾN TRÚC
SAU KHI MỞ RỘNG XONG

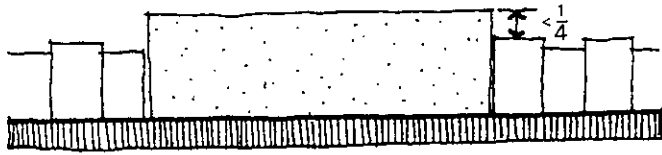


Việc khống chế hình khối
do thiết kế để xuất

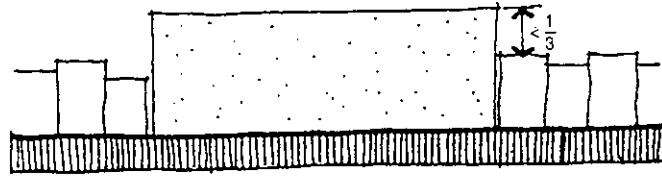


MỞ RỘNG MỘT KHÁCH SẠN Ở WASHINGTON, MỸ

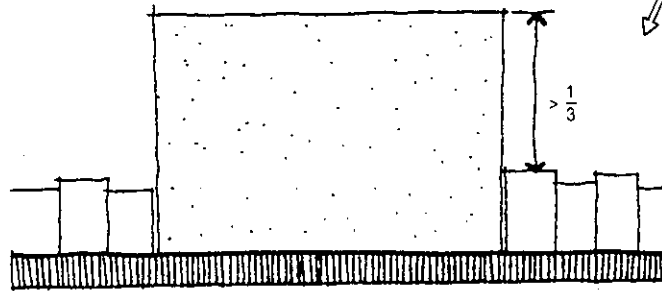
NHÂN TỐ VÀ NGUYÊN TẮC



Độ cao của kiến trúc mới vượt quá độ cao của kiến trúc cũ nhỏ hơn 1:4, phân vị tỷ lệ mặt đứng có thể hài hòa với mô cảnh.



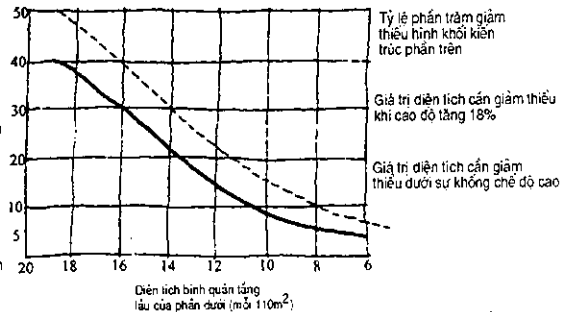
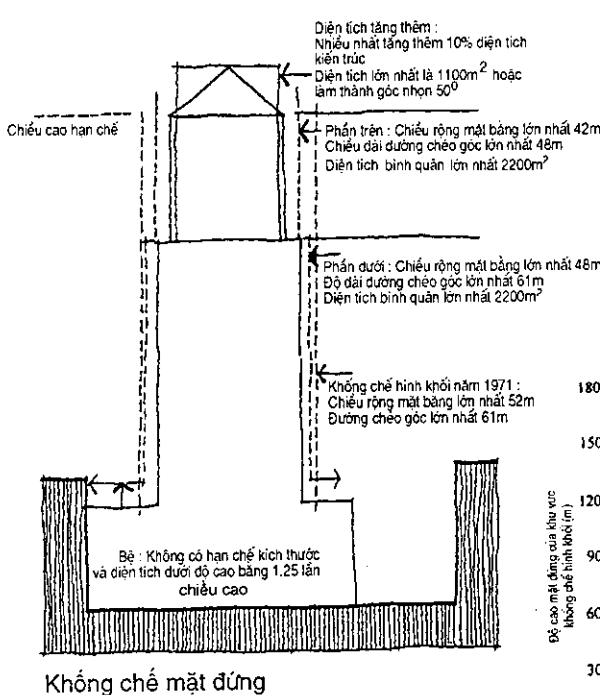
Độ cao của kiến trúc mới vượt quá độ cao của kiến trúc cũ nhỏ hơn 1:3, dựa trên việc phân vị tỷ lệ mặt đứng và xử lý mái có thể giải quyết sự hòa hợp với môi cảnh.



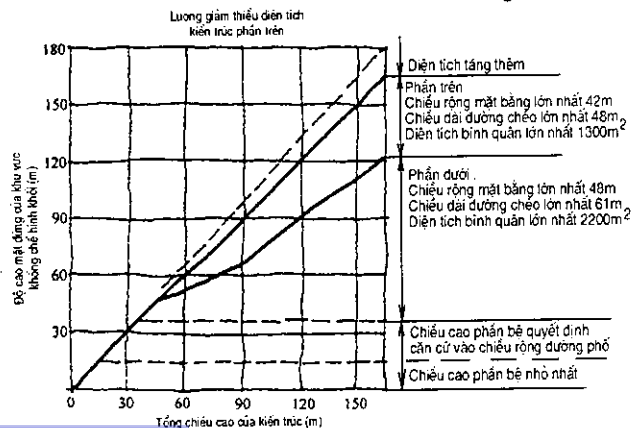
Độ cao của kiến trúc mới vượt quá độ cao của kiến trúc cũ lớn hơn 1:3, chỉ đơn thuần dùng thủ pháp kiến trúc sẽ không có cách nào giải quyết được mối quan hệ hài hòa với môi cảnh.

Trong một hoàn cảnh nhất định, theo sự gia tăng của độ cao những hình khối kiến trúc lớn, vấn đề thiết kế ngày càng khó giải quyết, nếu chỉ dùng thủ pháp kiến trúc không thôi thì không giải quyết được. Mục đích của việc khống chế hình khối trong thiết kế kiến trúc là đem vấn đề thiết kế quan hệ hoàn cảnh đưa vào phạm vi bản thân việc thiết kế kiến trúc để giải quyết cho có hiệu quả.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA THIẾT KẾ VÀ KHỐNG CHẾ HÌNH KHỐI KIẾN TRÚC



Biểu đồ khống chế



VẤN ĐỀ KHỐNG CHẾ HÌNH KHỐI KIẾN TRÚC THÀNH PHỐ SAN FRANCISCO, MỸ



(2) SỬ DỤNG ĐẤT (Land use)

Sử dụng đất không chỉ là nội dung quan trọng của quy hoạch đô thị, mà còn là một trong những vấn đề then chốt của thiết kế đô thị. Những suy nghĩ chủ yếu về sử dụng đất trong giai đoạn thiết kế đô thị bao gồm 4 phương diện:

- Cường độ khai thác và tính kinh tế trong sử dụng đất.
- Bảo vệ môi trường tự nhiên và sinh thái.
- Có lợi cho việc xây dựng hạ tầng cơ sở đô thị.
- Giao thông và khống chế mật độ dân số.

Trong thiết kế đô thị, việc sử dụng đất còn tiến hành phân tích các mặt hành vi tâm lý của người sử dụng môi cảnh, sự cảm thụ không gian, giao thông v.v..., từ hai mặt định tính và định lượng xác định đất sử dụng cho kiến trúc, đất sử dụng cho đường sá, quảng trường và đất sử dụng cho cây xanh v.v...

Xu thế sử dụng đất cho đô thị hiện đại là tổng hợp hóa, mục đích là nâng cao hiệu suất lợi dụng đất, xúc tiến sức sống liên tục trong 24 giờ hàng ngày của không gian đô thị.

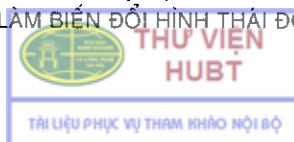
(3) KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG (Open space)

Không gian công cộng còn gọi là không gian mở. Dùng để chỉ loại không gian sử dụng cho công chúng toàn thành phố, chủ yếu bao gồm đường sá, quảng trường, cây xanh công cộng, sông ngòi và những khoảng không gian bên ngoài (công cộng) giữa các công trình kiến trúc. Nó hình thành một cặp song hành với các thực thể kiến trúc, âm dương hỗ trợ cho nhau.

Các không gian công cộng kiểu mới còn bao gồm các đại sảnh, các sân trong của các công trình kiến trúc mở cho công chúng, các đường phố trong nhà, quảng trường trong nhà và các không gian trung độ.



THIẾT KẾ ĐÔ THỊ MỘT CÁCH TỔNG THỂ
CÓ THỂ LÀM BIẾN ĐỔI HÌNH THÁI ĐÔ THỊ



Khi đô thị phát triển đến một giai đoạn nhất định, không gian công cộng là giải pháp để làm đẹp đô thị. Nhưng, thông thường việc thiết kế và nghiên cứu không gian công cộng vẫn chưa được coi trọng đúng mức, một số không gian công cộng thiết kế vẫn nặng về hình thức, mà còn coi nhẹ tính chất sử dụng, coi nhẹ yêu cầu của người sử dụng đối với điều kiện môi trường, có lúc bị coi như nơi để tán dương các chủ đầu tư và ca ngợi công đức của các viên chức nhà nước.

Trong thành phố hiện đại, cùng với việc phong phú thêm và đa dạng hóa của cuộc sống đô thị, cũng như những hoạt động nghỉ ngơi giải trí ngày một tăng thêm, không gian công cộng đô thị ngày càng được coi trọng, tỷ lệ không gian không cộng trên đất sử dụng đô thị ngày một tăng. Theo thống kê, không gian công cộng của đô thị hiện đại chiếm trên dưới 50% tổng số đất sử dụng của thành phố, có thể thấy ảnh hưởng của không gian công cộng đối với môi trường đô thị là rất quan trọng.

Gần đây, không gian công cộng được con người tặng cho vai trò "phòng sinh hoạt chung", "phòng khách" của sinh hoạt đô thị, hình thái của nó từ cá thể chuyển sang thành hệ thống, về mặt sử dụng có xu hướng phát triển nhiều các đường đi bộ, về mặt nội dung có xu hướng đa dạng hóa và mang tính văn hóa.

Những điểm chủ chốt trong thiết kế không gian công cộng là:

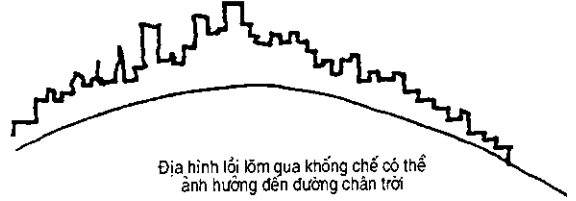
- Biên giới rõ ràng, hình thành những không gian tích cực;
- Chú ý khu vực hóa các đường bộ hành và trang thiết bị của không gian trọng điểm.
- Nhấn mạnh sự liên hệ về mặt sử dụng và về mặt thị giác của không gian công cộng.
- Đa dạng hóa và nhân văn hóa các hoạt động của không gian công cộng.

(4) HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG (Activity)

Con người sinh ra bản chất vốn thích hoạt động, thích quan sát người khác cũng như thích người khác chú ý đến mình. Hoạt động và trợ giúp hoạt động (Activity



Đường chân trời trên địa hình bằng phẳng



Địa hình lồi lõm qua không chế có thể ảnh hưởng đến đường chân trời



Đồi núi làm bối cảnh cho đường chân trời của đô thị



Đường chân trời và đồi núi hỗ trợ cho nhau

MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐƯỜNG CHÂN TRỜI VÀ ĐỊA HÌNH

Support) và những điều kiện môi trường hình thể cho phép phát sinh các hoạt động sẽ đáp ứng các nhu cầu trên của con người, chúng ảnh hưởng lẫn nhau và bổ sung cho nhau. Điều kiện môi trường hình thể chất lượng cao, có thể hấp dẫn sự sử dụng của con người, ở đây con người vừa là diễn viên vừa là người xem, những hoạt động trợ giúp đa dạng có thể làm cho môi cảnh thêm sôi nổi, thêm có sức sống. Có thể thấy hoạt động sử dụng là nhân tố thiết kế đô thị rất có tiềm lực.

Gần đây, sự trợ giúp hoạt động đã trở thành một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá chất lượng môi cảnh đô thị. Rất nhiều thành phố để làm sống động môi trường của mình đã luôn luôn thiết kế ra các dạng hoạt động mang đặc sắc văn hóa và lịch sử địa phương, ví dụ ở quảng trường Nhà Quốc hội Ottawa ở Canada thường xuyên tổ chức duyệt binh, trên đường phố Quebec cũng ở Canada tổ chức tham quan bằng xe ngựa, trên vỉa hè bố trí các chỗ ngồi uống cà phê và trên các đường phố nhỏ bố trí các tác phẩm nghệ thuật và hình thức kiến trúc nhỏ rất hấp dẫn. Ở Trung Quốc có thành phố Cáp Nhĩ Tân thường tổ chức các hội Băng Đăng. Các hoạt động văn hóa mang tính đặc trưng đó luôn luôn có tác dụng tăng cường sức hấp dẫn của đô thị.

James Colly trong cuốn "Cuộc sống đô thành giữa các công trình kiến trúc" đã đem các hoạt động bên ngoài căn hộ của không gian đô thị phân thành ba loại : hoạt động tất yếu, hoạt động chọn lọc và hoạt động xã giao căn cứ theo mức độ điều kiện và chất lượng môi cảnh hình thể:

(1) **Hoạt động tất yếu** là các hoạt động cần phải tiến hành trong cuộc sống thường ngày của con người, như đi học, đi làm, đi mua hàng, đợi xe, đợi người, đưa thư, đưa hàng hóa v.v... Những hoạt động này không có quan hệ lớn lắm đối với điều kiện và chất lượng môi cảnh, mà chủ yếu chỉ sử dụng đường phố.

(2) **Hoạt động chọn lọc** là các hoạt động mà mọi người mong đợi, trong khuôn khổ nhất định của điều kiện thời tiết, thời gian; chất lượng môi cảnh hình thể tốt xấu và tần suất đối với những hoạt động này có liên quan rất lớn. Đó là những hoạt động tản bộ, dừng chân ngoài nhà, nghỉ ngơi, tắm nắng, xem phường phố v.v... Những hoạt động này nói chung yêu cầu yên tĩnh và không gian rộng rãi.

(3) **Hoạt động xã giao** loại này đặc biệt dùng để chỉ các hoạt động giao tiếp phát sinh trong các không gian công cộng hoàn toàn. Ví dụ như trẻ em chơi, người lớn trò chuyện, các đoàn thể hội họp v.v.... Các hoạt động xã giao khác nhau tiến hành ở các nơi khác nhau, môn thiết kế đô thị do đó phải quan tâm đến các hoạt động xã giao xảy ra ở các không gian công cộng đô thị như đường phố và quảng trường. Hoạt động xã giao có thể xuất phát từ hoạt động tất yếu và hoạt động chọn lọc, khi con người tham gia vào hai hoạt động trên đó ở cùng một thời gian, cùng một địa điểm, với một khoảng cách xã giao nhất định có thể trở thành hoạt động xã giao.

NHÂN TỐ VÀ NGUYÊN TẮC

Nhìn chung cho rằng cự li xã giao của con người là trong phạm vi 100 mét. Cự thể chia ra như sau:

- 100m, là cự li có thể nhìn thấy thân thể con người, phạm vi này gọi là "Khu vực xã giao"

- 70m-100m, có thể phân biệt giới tính, tuổi tác và động tác của con người.

- 30m, có thể nhận ra người quen, vẻ mặt, đầu tóc, tuổi tác. Trong thiết kế kiến trúc nhà hát, không nên vượt quá khoảng cách này.

- 20m-25m, bắt đầu cự li ảnh hưởng chia thành cự li công cộng (trên 3,75m, giảng bài, xem chỗ đông), cự li xã giao (1,3-3,75m).

- Khoảng cách nói chuyện giữa bạn bè, đồng nghiệp, hàng xóm láng giềng, cự li cá nhân (0,45m ~ 1,3 mét, nói chuyện giữa người trong nhà, bạn bè thân thiết) và cự li thân mật (dưới 0,45 mét, cự li yêu đương).




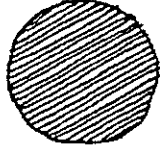


Nhà thiết kế đô thị khi nắm vững những con số trên sẽ có lợi cho việc xác định kích thước không gian công cộng và bố trí trang thiết bị cho môi trường hình thể.

Tuy nhiên, hoạt động xã giao chịu ảnh hưởng rất lớn của môi trường hình thể đô thị, ví dụ số tầng của kiến trúc, giao thông v.v...

Đối với số tầng của kiến trúc, như Alexander đã đề ra mô thức "bốn tầng trở xuống" trong cuốn "Ngôn ngữ mô thức kiến trúc", ông cho rằng "Đối với nhà ba, bốn tầng, anh vẫn có thể cảm thấy dễ chịu đi lên, đi xuống cầu thang, ra phố đi dạo, anh vẫn có thể ngắm cảnh qua cửa sổ, cảm thấy mình hòa nhập vào phong cảnh, anh có thể thấy mỗi một chi tiết trên đường phố, các khách bộ hành đi lại, anh có thể đứng trên tầng ba mà kêu gọi, khiến cho người ở bên dưới chú ý".

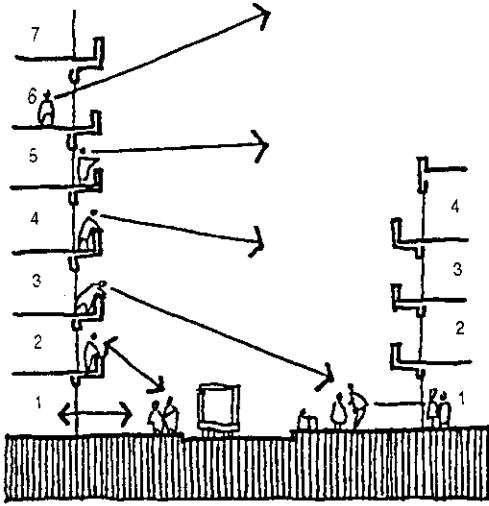
(5) GIAO THÔNG VÀ CHỖ ĐỖ XE (Transportation and Parking)

Vấn đề giao thông đô thị và chỗ đỗ xe trong đô thị hiện đại ngày càng trở lên bức xúc, đối với sự phát triển và hình thái đô thị có ảnh hưởng mang tính quyết định. Tổ chức giao thông đường phố, các đường chính, đường phụ, đường cao tốc, bãi đỗ xe, nhà đỗ xe và chỗ đỗ xe ven đường... việc bố cục và thiết kế chúng có thể hình thành mạng không gian đô thị, ảnh hưởng đối với việc vận hành và hiệu suất sản xuất. Cho nên, giao thông và việc đỗ xe đô thị là một tuyến chủ yếu của khoa học thiết kế đô thị.

Sinh hoạt đô thị	Chất lượng môi cảnh tốt	Chất lượng môi cảnh kém
Hoạt động tất yếu		
Hoạt động chọn lọc		
Hoạt động xã giao		

MỐI QUAN HỆ GIỮA BA LOẠI SINH HOẠT ĐÔ THỊ VÀ CHẤT LƯỢNG





MỐI QUAN HỆ GIỮA SỐ TẦNG VÀ KHÔNG GIAN NGOÀI NHÀ



Trên cùng một con đường lượng giao thông cơ giới ít hay nhiều ảnh hưởng rất lớn đến tần suất hoạt động của người trên đường phố.

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA ĐƯỜNG PHỐ Ở MỘT THÀNH PHỐ ĐAN MẠCH

Giao thông đô thị đối với môi cảnh đô thị có ảnh hưởng rất lớn, nếu xử lý không tốt có thể làm cho hoạt động bị gián đoạn, cảnh quan đô thị trở thành đơn điệu và khô cứng. Đối với vấn đề này, đối sách của các nước ngoài là: sử dụng nhiều loại phương thức đỗ xe, bao gồm nhà để xe nhiều tầng, bãi đỗ xe mặt đất và chỗ đỗ xe ven đường, và đặc biệt khuyến khích bố trí chỗ đỗ xe ngầm dưới đất. Bất luận với một loại phương thức nào, đều phải cố gắng giảm thiểu việc đỗ xe ảnh hưởng đến môi trường và cảnh quan đô thị.

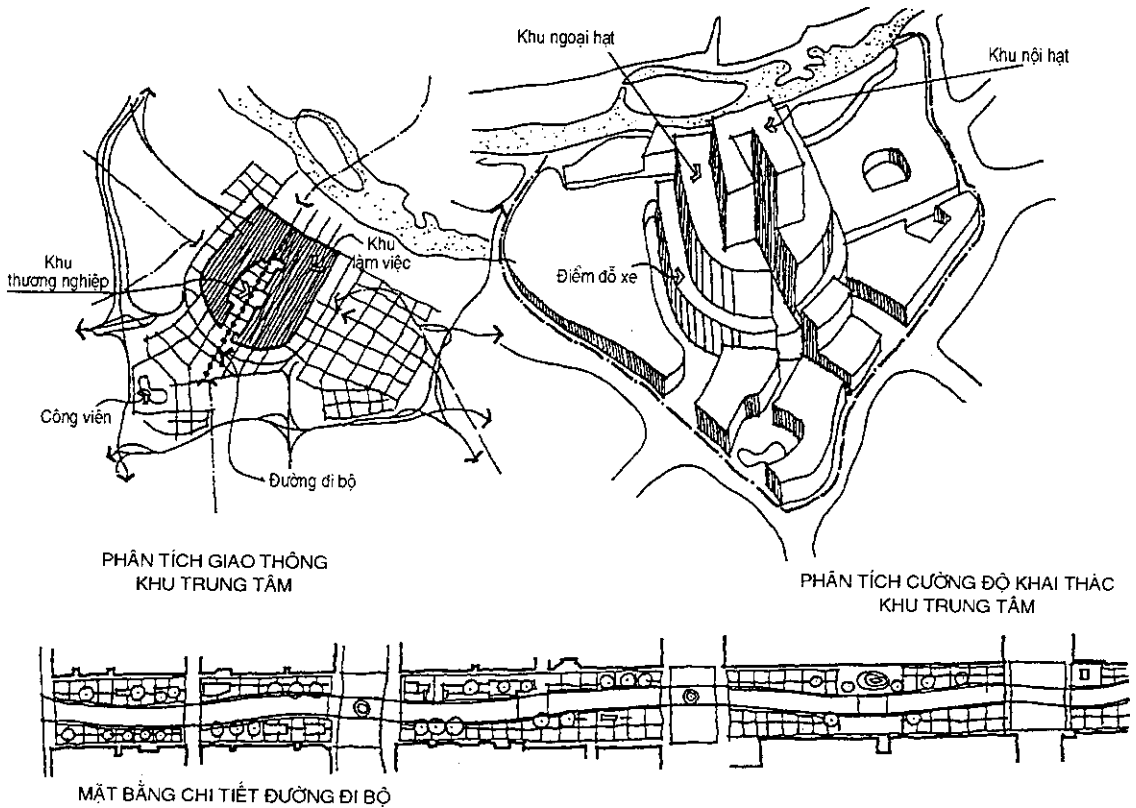
Những năm gần đây, rất nhiều thành phố đã làm nhà đỗ xe ở vùng ven khu trung tâm đô thị và vận dụng một loạt các biện pháp khuyến khích đỗ xe ở phía ngoài, giảm áp lực đối với việc đỗ xe ở khu trung tâm đô thị. Đồng thời, tổ chức xây dựng các đường đi bộ và quảng trường đi bộ ở trung tâm đô thị, vừa nâng cao chất lượng môi trường đô thị vừa tạo điều kiện ở tốt hơn cho đô thị.

Cũng có học giả đề xuất ra khái niệm "hạt nhân giao thông đô thị", mong muốn giải quyết mâu thuẫn giữa giao thông ô tô và giao thông đi bộ.

Đối với Trung Quốc vấn đề có phức tạp hơn, ngoài vấn đề phải giải quyết giao thông ô tô, giao thông đi bộ, còn có vấn đề giao thông xe đạp, cho nên giải quyết vấn đề giao thông có những khó khăn nhất định.

(6) BẢO TỒN VÀ TÔN TẠO (Preservation and Conservation)

Đô thị luôn luôn phát triển, mâu thuẫn giữa kế thừa và biến đổi ở thời kỳ nào cũng có. Hoàn cảnh môi trường đô thị là kết quả của tích lũy lịch sử, cho nên cần có tính liên tục của lịch sử rõ rệt, do đó việc bảo tồn văn hóa lịch sử đô thị cũng là một trong những nguyên nhân chủ yếu của sự ra đời và phát triển của khoa học thiết kế đô thị.



MỘT ĐƯỜNG PHỐ ĐI BỘ Ở THÀNH PHỐ MINNEAPOLIS, MỸ

Luận điểm về bảo tồn lịch sử đô thị của "Hiến chương Machupicchu" là: "Không những phải bảo tồn và tôn tạo tốt các di tích và cổ tích lịch sử của đô thị, mà còn phải kế thừa những truyền thống văn hóa nói chung". Đối với vấn đề bảo tồn lịch sử đô thị, trải qua những tìm tòi và thực tiễn dài lâu, về mặt khái niệm ngày càng rõ ràng hơn, tức là bảo tồn lịch sử đô thị lấy mục tiêu chủ yếu là bảo vệ sự đặc sắc của cảnh quan, văn hóa địa phương của đô thị và bảo vệ tính liên tục lịch sử của quá trình thay đổi đô thị. Cho nên, ngoài việc bảo vệ kiến trúc truyền thống và các thành phố lịch sử, còn phải bảo tồn cả các tác phẩm kiến trúc ưu tú, các đường phố lịch sử, những bản sắc cảnh quan mang tính lịch sử của các thời kỳ khác nhau và các phong tục, tập quán mang tính địa phương.

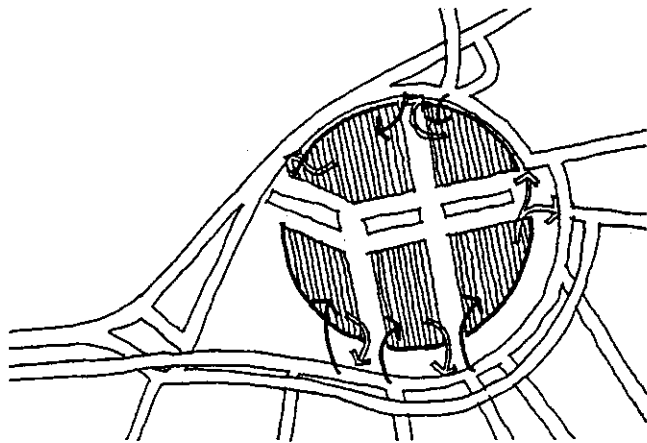
Các khu vực lịch sử là các đối tượng quan trọng khi quy hoạch, đem việc bảo tồn lịch sử đô thị quy nạp vào quỹ đạo của pháp chế. Đến cuối những năm 1980, chỉ nước Mỹ đã có hơn 2000 khu vực lịch sử. Ví dụ như ở một khu vực lịch sử ở thành phố Boston, Mỹ, là một khu vực trung tâm được bảo tồn một cách tổng thể,

khi con người đi vào khu vực này, sẽ cảm thấy đây không phải là một cá thể kiến trúc, mà là một cuộc sống xã hội và kinh tế của cả một khu vực, đô thị rất có bản sắc.

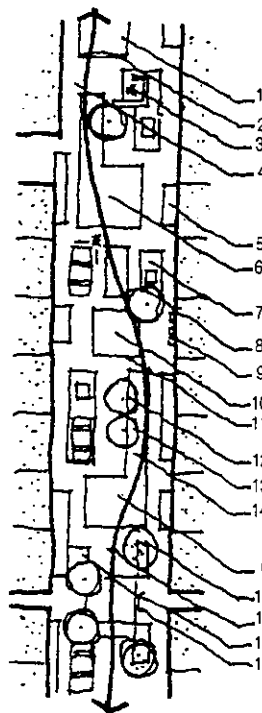
Ngoài ra, đối với việc bảo tồn đơn thể kiến trúc cũng đã có rất nhiều thành công, ví dụ như việc không chế cảnh quan xung quanh kiến trúc, sự hài hòa cộng sinh giữa kiến trúc mới và kiến trúc cũ, sự liên hệ thị giác với hoàn cảnh nhân văn của đô thị v.v...

Về mặt pháp quy có các khái niệm chuyển nhượng quyền khai thác không gian, chuyển nhượng mặt đứng kiến trúc, tuyển lựa sử dụng, và giảm thuế, miễn thuế, khuyến khích tăng thêm diện tích kiến trúc v.v...

Gần đây, ngành bảo tồn lịch sử đô thị, đã có những công nhận mang tính toàn thế giới, Hiệp hội Nghiên cứu Môi trường lịch sử và Văn vật kiến trúc Quốc tế (ICOMOS) năm 1963 là một tổ chức học thuật bảo tồn lịch sử mang tính quốc tế, ảnh hưởng của nó rất lớn, và cũng rất năng động, đã có tác dụng thúc đẩy tích cực công tác bảo tồn.



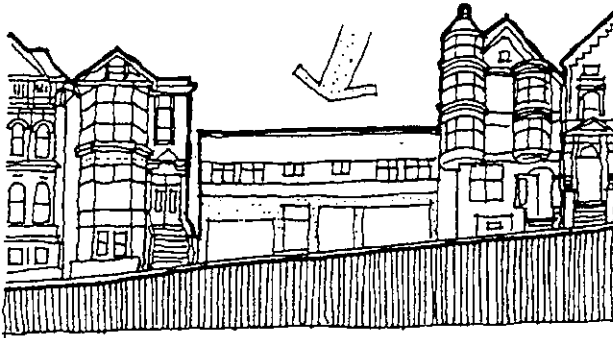
SƠ ĐỒ GỢI Ý HỆ THỐNG "HẠT NHÂN GIAO THÔNG ĐÔ THỊ" CỦA THỤY ĐIỂN



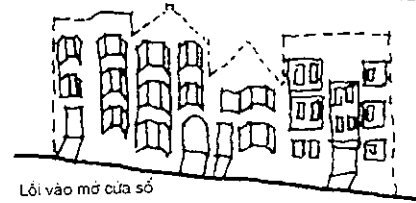
1. Đá lát bên đường không liên tục
2. Lối đi cá nhân
3. Khu nghỉ ngơi
4. Các cửa hàng
5. Khu đi dạo
6. Chỗ đường uốn khúc
7. Khu đỗ xe/khu vui chơi
8. Ghế dài
9. Thảm cỏ
10. Cây cối
11. Cột mốc mặt đường
12. Cột mốc dừng xe
13. Khu quá độ
14. Bồn hoa
15. Khu vui chơi
16. Cây xanh
17. Chỗ đỗ xe đạp

Woonerf của Hà Lan (còn gọi là vườn hoa sinh hoạt), là biện pháp giải quyết có hiệu quả vấn đề phức tạp về xe cộ và người trong khu nhà ở, đã được đánh giá cao và làm theo. Đó là một đường phố trong khu nhà ở dành cho người đi bộ là chính, xe cộ có thể đi vào khu vực này, nhưng với tốc độ hạn chế là 8-14km/giờ. Tuyến đường đi này ưu tiên dành cho người đi bộ, đường cho xe cộ có hình dích đặc, xe cộ đi lại do đó rất chậm và cẩn thận.

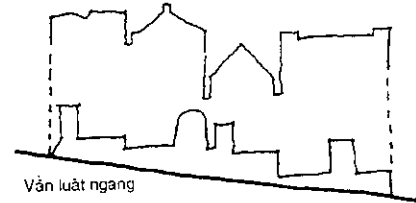
MẶT BẰNG TIÊU CHUẨN WOONERF, HÀ LAN



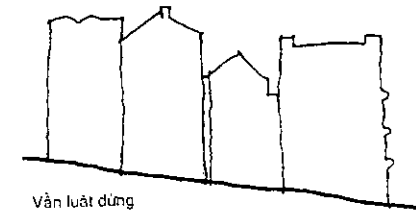
Hình khối



Lỗ vào mở cửa sổ



Vân luật ngang



Vân luật đứng

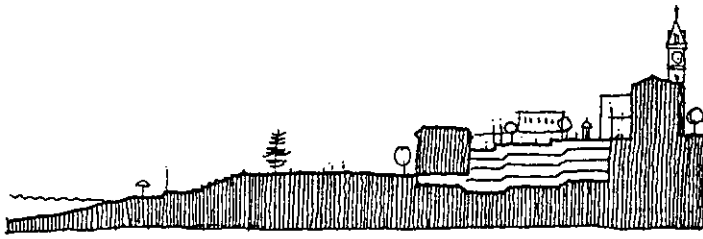
Yêu cầu kiến trúc mới phải suy nghĩ đến 11 mặt sau đây của thiết kế và quan hệ thị giác của môi cảnh:

1. Đường bao kiến trúc ;
2. Chiều rộng mặt kiến trúc;
3. Độ lùi sâu phía sau đường đỏ;
4. Tỷ lệ mở cửa sổ, bước nhà, cửa vào và các trang trí khác;
5. Hình thức tổ hợp kiến trúc;
6. Vị trí và phương pháp xử lý cửa vào;
7. Vật liệu và chất cảm mặt nhà;
8. Mô thức và đặc điểm trang trí bóng đổ;
9. Tỷ xích kiến trúc;
10. Phong cách nghệ thuật kiến trúc;
11. Cây xanh.

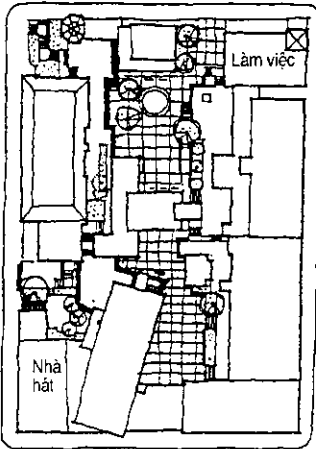
Trong 11 khía cạnh đó không nhất thiết phải đáp ứng toàn bộ, mà nên tùy trường hợp cụ thể, nhà kiến trúc sư đô thị sau khi căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể mà quyết định. Nếu một số nguyên tắc không được tôn trọng, mối quan hệ nhân văn của môi cảnh có thể bị phá hoại.

NGUYÊN TẮC KHỔNG CHẾ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC
NHÀ Ở THẤP TẦNG Ở SAN FRANCISCO, MỸ

CÁC NHÂN TỐ KHỔNG CHẾ
CẢNH QUAN ĐƯỜNG PHỐ

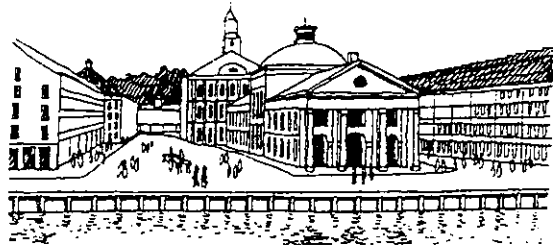


MẶT CẮT

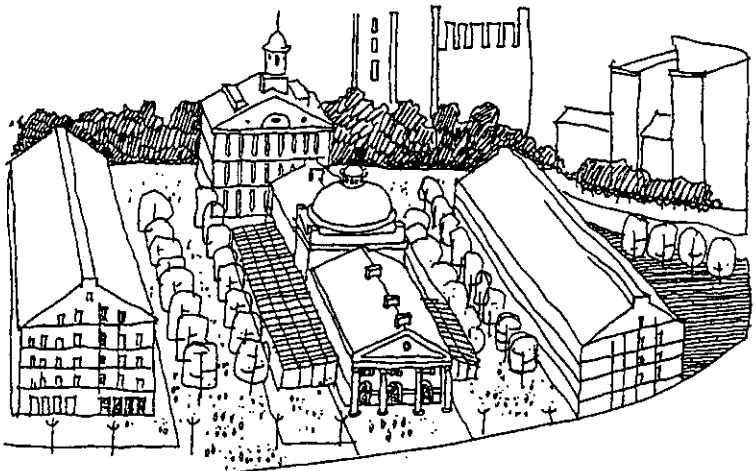


MẶT BẰNG

Ngoài những ghi chú trên bản vẽ, các công trình khác trên mặt bằng đều là kiến trúc thương nghiệp

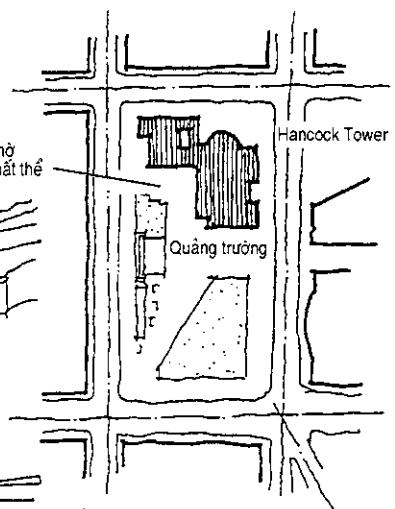


Năm 1825



CẢI TẠO MỘT QUẢNG TRƯỜNG Ở SAN FRANCISCO, MỸ

CẢI TẠO MỘT QUẢNG TRƯỜNG Ở BOSTON, MỸ



MẶT BẰNG

MỐI QUAN HỆ MỚI CŨ CỦA KIẾN TRÚC TRÊN MỘT QUẢNG TRƯỜNG Ở BOSTON, MỸ

Quảng trường trên đây ở khu phía sau lưng của khu Trung tâm Boston, xung quanh có nhà bảo tàng, thư viện và hai công trình bảo tồn trọng điểm khác, cũng là nơi trước đây đặt một số trường đại học nổi tiếng của Mỹ, diện tích chiếm đất là 1 ha. Một thế kỷ trở lại đây, sự thay đổi của quảng trường phản ánh sự thay đổi to lớn và sự đối chọi mãnh liệt giữa các nhân tố cấu thành đô thị, như truyền thống nghệ thuật, phong cách kiến trúc, bố cục quy hoạch, giao thông và công năng v.v...

Trong xây dựng và cải tạo phía bên quảng trường, đột xuất nhất là toà nhà John Hancock Tower do Ieoh Ming Pei thiết kế. Toà nhà đồ sộ cao 60 tầng này cùng với ngôi nhà thờ Tam vị Nhất thể được bảo vệ một cách trọng điểm, để giải quyết tốt mối quan hệ với nhau, người thiết kế đã dùng giải pháp sau đây: một là khi thiết kế mặt bằng dùng hình bình hành bốn cạnh, hai mặt đứng hình thành góc nhọn giao nhau, giảm bớt cảm giác nặng nề, nhất là phía mặt bên hướng về phía Nhà thờ trở một rãnh lõm tam giác, khiến cho tòa cao ốc trắng lẹ, đường bệ; thứ hai là toàn bộ tòa cao ốc đều dùng mặt tường kính, phản ánh toàn bộ ngôi nhà thờ vào trong mặt đứng của mình, do đó đạt được hiệu quả khuyếch đại không gian. Thành công của việc thiết kế tòa nhà tháp này là không những không phá hoại bản sắc và tỷ xích của toàn bộ quảng trường, mà ngược lại còn làm phong phú thêm không gian của nó.

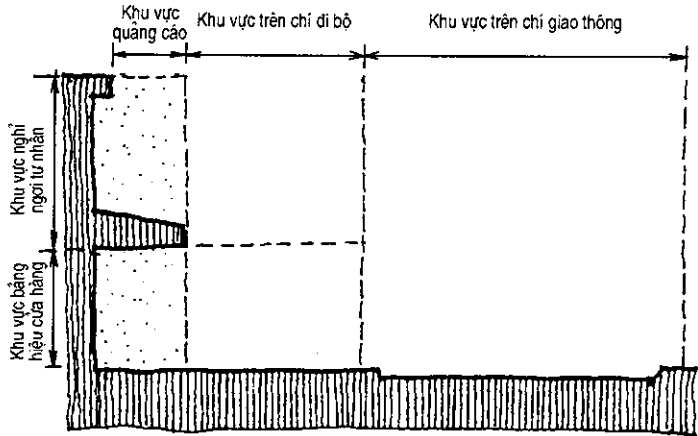
(7) TIÊU CHÍ VÀ KÝ HIỆU (Signage)

Thành phố hiện đại quy mô lớn, cấu thành phức tạp, hơn nữa cuộc sống thành phố hiện đại lại cần có hiệu suất cao. Trong cuộc sống hàng ngày các tiêu chí và ký hiệu có thể giúp cho con người khả năng định hướng và giúp họ nhận biết về đô thị, nơi họ đang sống.

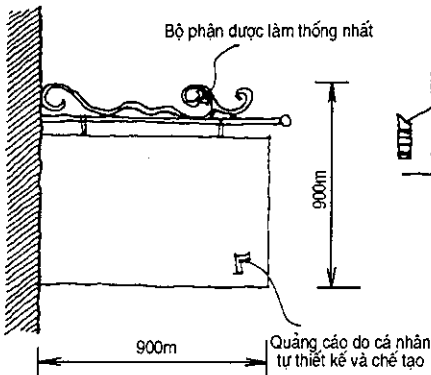
Tiêu chí và ký hiệu của đô thị là bộ phận thành phần của hoạt động thương nghiệp đô thị, nó khiến cho con người chú ý hơn cả các công trình kiến trúc. Nó bao gồm các biển chỉ đường phố, các quảng cáo, bảng tuyên truyền, bảng tin và hộp đèn. Nhìn chung, các tiêu chí và ký hiệu của đô thị đều nằm trong phạm vi khu vực thị giác của con người, hơn nữa màu sắc tươi tắn, tạo hình sống động, có khi có cả ánh sáng và âm thanh kết hợp thêm một cách kỳ diệu, có thể góp phần cải tạo bầu không khí của môi cảnh, tạo nên những nét chấm phá, và là những nhân tố quan trọng của cảnh quan đô thị.

Tiêu chí và ký hiệu là một trong những đặc sắc của cảnh quan đô thị xã hội phương Đông. Để loại bỏ những tiêu chí và ký hiệu không đúng quy phạm, các nhà thiết kế đô thị thành phố Đài Bắc, Đài Loan đã có các công trình nghiên cứu cẩn thận, cho rằng các tiêu chí và ký hiệu tuy là những thành phần phụ thêm của công trình kiến trúc, nhưng cũng là một trong những nhân tố thuộc về cảnh quan đường phố, nên thuộc về phạm vi thiết kế đô thị. Trong khi thiết kế đô thị, đối với độ cao, vị trí và kiểu dáng của việc đặt tiêu chí và ký hiệu, đều phải có quy định thống nhất khiến cho chúng đạt được hiệu quả cảnh quan liên tục và hài hòa.

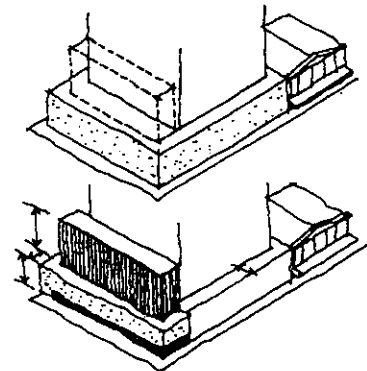
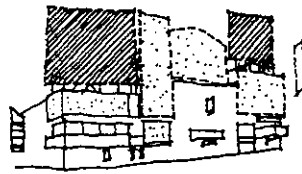
Đại lộ Trung tâm thành phố Cáp Nhĩ Tân khi cải tạo thành khu phố đường đi bộ, sở dĩ thu được thành công, là do đặc biệt lưu tâm đến đặc điểm sẵn có của đường phố, đã loại bỏ được các tiêu chí và tiêu bài quảng cáo hỗn loạn của kiến trúc hai bên, phục hồi được hình ảnh của mặt phố trước đây vốn có. Giải pháp này đã làm tăng cường thêm bản sắc văn hóa truyền thống của thành phố, được nhân dân thành phố hoan nghênh.



QUY ĐỊNH THIẾT KẾ BẢNG BIỂU QUẢNG CÁO
THÀNH PHỐ CHARLOTTE, MỸ



NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA
THÀNH PHỐ ĐÀI BẮC, ĐÀI LOAN,
ĐỐI VỚI BẢNG BIỂU QUẢNG CÁO



Nhấn mạnh các biển hiệu quảng cáo của quảng trường, nhấn mạnh bầu không khí đặc biệt của ánh sáng điện, quy định kích thước các loại chiếu bệ quảng cáo, chú ý khoảng lùi về phía sau của kiến trúc mặt phố và tiêu chuẩn chiếu sáng đèn điện

QUY ĐỊNH VỀ QUẢNG CÁO
TRÊN QUẢNG TRƯỜNG THỜI ĐẠI
Ở THÀNH PHỐ NEW YORK, MỸ

(8) CÁC ĐƯỜNG ĐI BỘ (Pedestrian Ways)

Khu vực đi bộ trong quy hoạch được gọi là "Traffic Free Zone", có nghĩa là khu vực người và xe cách li với nhau, nơi không có xe có động cơ đi lại. Do đó bảo đảm được an toàn cho người đi bộ, giảm nhỏ ô nhiễm không khí, duy trì sức sống của thành phố, làm phong phú thêm cảnh quan đô thị. Ngoài ra, việc xây dựng các khu vực đường đi bộ đối với việc nâng cao chất lượng môi cảnh đô thị và phát triển kinh tế đô thị còn có ảnh hưởng tích cực vượt ngoài dự kiến.

Ở châu Âu, từ rất lâu con người đã có ý thức xây dựng các khu vực đi bộ cho đô thị. Ngay từ sau khi có cuộc Cách mạng công nghiệp, đã xuất hiện các khu phố nửa

đi bộ (bán bộ hành) quy định cấm một số giờ nhất định đối với xe có động cơ. Tuy vậy, việc xem các khu vực đi bộ như một nhân tố của thiết kế đô thị chỉ được chính thức bắt đầu vào những năm 1950, 1960 mà ngành thiết kế đô thị đã đạt đến sự phát triển cao trào, nó trở thành sách lược để bảo tồn các khu vực lịch sử đô thị và trở thành biện pháp cạnh tranh với các trung tâm thương mại của các khu vực ngoại vi được con người quan tâm, do đó hoạt động thực tiễn lúc đó hết sức sôi nổi.

Xây dựng các khu vực đi bộ đô thị chủ yếu là xây dựng quy hoạch các không gian đi bộ với các đường phố đi bộ, quảng trường đi bộ, cầu vượt cho người đi bộ và đường ngầm cho người đi bộ trong một khu vực nhất định, hình thành một hệ thống đi bộ hoàn chỉnh, sáng tạo nên một môi trường đô thị có sức sống.

Xây dựng khu vực đi bộ có hai mặt cần phải suy nghĩ: một mặt là kế hoạch, có nghĩa là suy nghĩ về tính khả thi và tính đa dạng (tính khả thi là vấn đề xử lý giao thông, tổ chức giao thông, mối liên hệ người và xe cộ, sự thích nghi dung lượng và sự đi lại tiện lợi; tính đa dạng là giải quyết vấn đề nội dung hoạt động, mua bán, vui chơi giải trí, nghỉ ngơi và làm việc v.v...); vấn đề thứ hai là thiết kế, tức là thông qua việc suy nghĩ các phương tiện và công cụ môi cảnh, thích ứng chúng với công năng, tỷ xích, mỹ quan, vật liệu trên đó có thể đi lại, bảo đảm kiên cố bền vững, bố cục hợp lý v.v...



Trước khi cải tạo



Sau khi cải tạo

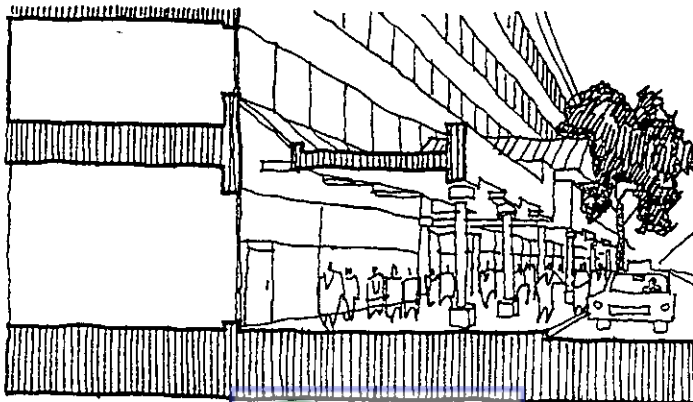
HIỆU QUẢ KHỐNG CHẾ BIỂN HIỆU QUẢNG CÁO ĐỐI VỚI MẶT ĐÚNG KIẾN TRÚC Ở MỘT THÀNH PHỐ Ở MỸ

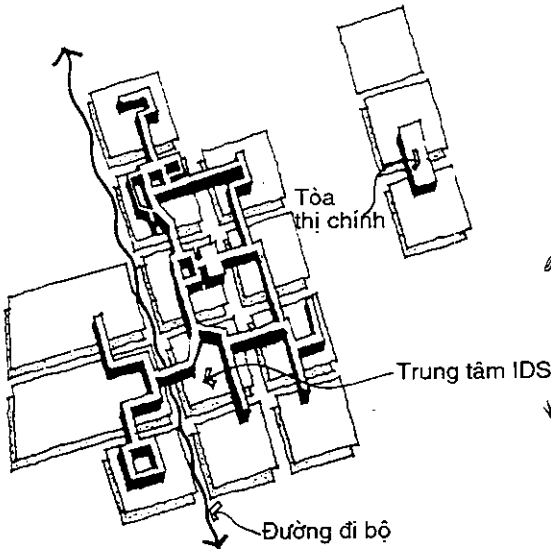
Ở Mỹ, khi xuất hiện hệ thống đường phố đi bộ và cầu vượt cho người đi bộ của khu đô thị đầu tiên ở Minneapolis; tuyến đường đi bộ này cho phép một số lượng ít các xe có động cơ lưu hành và đường xe lưu hành này có hình dạng ngoằn ngoèo, phù hợp với động thái của việc hạn chế tốc độ. Hệ thống cầu vượt bao quát hầu hết các đường phố của các khu vực then chốt và bên cạnh các khu vực này bố trí chỗ đỗ ô tô, người ta có thể thông qua các cầu vượt đi đến tất cả các công trình kiến trúc công cộng lớn, khiến cho khu trung tâm trở thành một "khu vực xã hội lớn" mang đậm tính chất nhân văn.

Ở Trung Quốc, các đường đi phố bộ bắt đầu được xây dựng vào đầu những năm 80, những đường phố đi bộ đầu tiên rất giản đơn, chỉ đơn thuần là việc đóng kín những đường phố vốn có từ cũ, hạn chế sự đi lại của xe cộ, mà làm thành đường đi bộ. Dần dần việc xây dựng các đường phố đi bộ được quy phạm hóa, trang thiết bị dần dần được hoàn chỉnh, và đã xuất hiện nhiều đường đi bộ và quảng trường đi bộ tốt. Ví dụ như việc xây dựng cải tạo đường phố lớn trung tâm ở Cáp Nhĩ Tân, đã phát huy một cách đầy đủ đặc sắc kiến trúc và ưu thế của các cửa hiệu hai bên đường, tạo thành đường đi bộ, xây dựng các khu vực nghỉ ngơi, xúc tiến tạo thành các không gian hoạt động đặc biệt, một khu vực đi bộ văn minh nổi tiếng ở trong nước cũng như nước ngoài. Sự thành công của đường phố trung tâm Cáp Nhĩ Tân cũng đã đem lại các lợi ích kinh tế lớn lao, theo thống kê một tháng sau khi cải tạo xong, các kim ngạch tiêu thụ của các cửa hàng ven đường tăng 25% so với cùng kỳ năm trước, cao nhất đạt được 30%, lưu lượng khách tăng 1,5 lần. Theo kết quả điều tra ý kiến của dân chúng, thì đường phố trung tâm này đã trở thành một trong những hình tượng đặc trưng quan trọng của thành phố trong tâm khảm của người dân Cáp Nhĩ Tân.

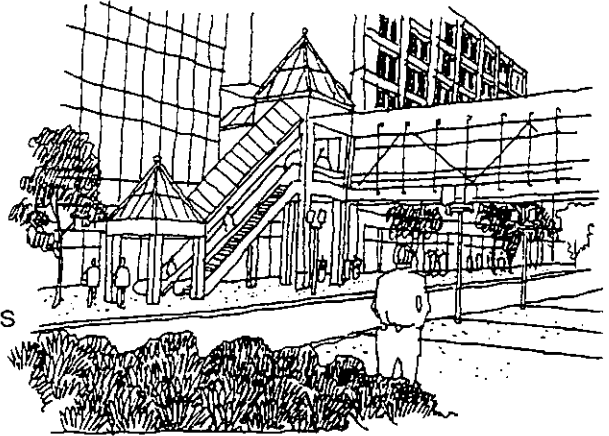
Gần đây, việc xây dựng các khu vực đi bộ trong thành phố đã ngày càng trở nên hoàn chỉnh và có nhà học giả đã đề ra khái niệm "hạt nhân sinh hoạt đô thị" và "tế bào đô thị", tin tưởng vào việc các khu đi bộ có thể đem lại các vận hội mới cho môi cảnh đô thị.

VÍ DỤ VỀ XỬ LÝ ĐƯỜNG ĐI BỘ

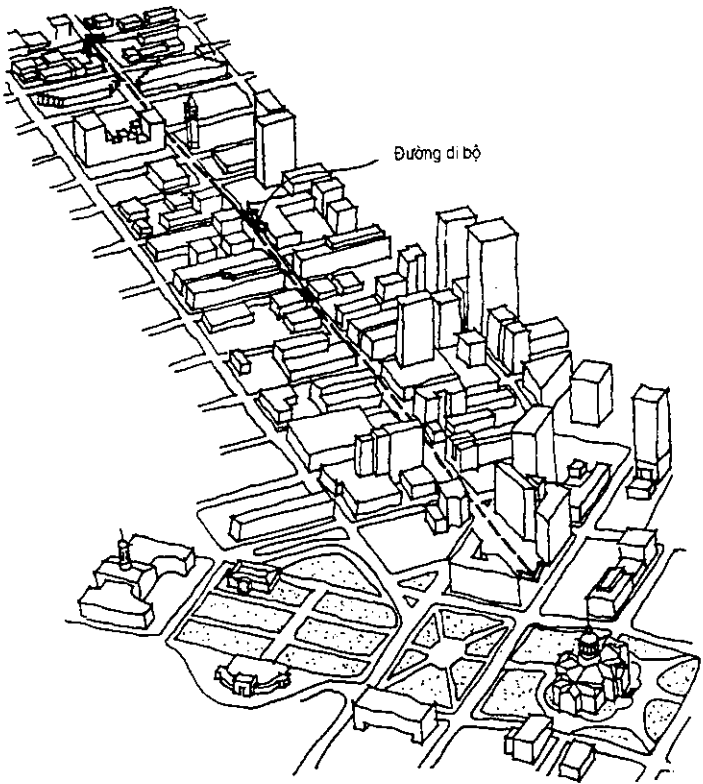




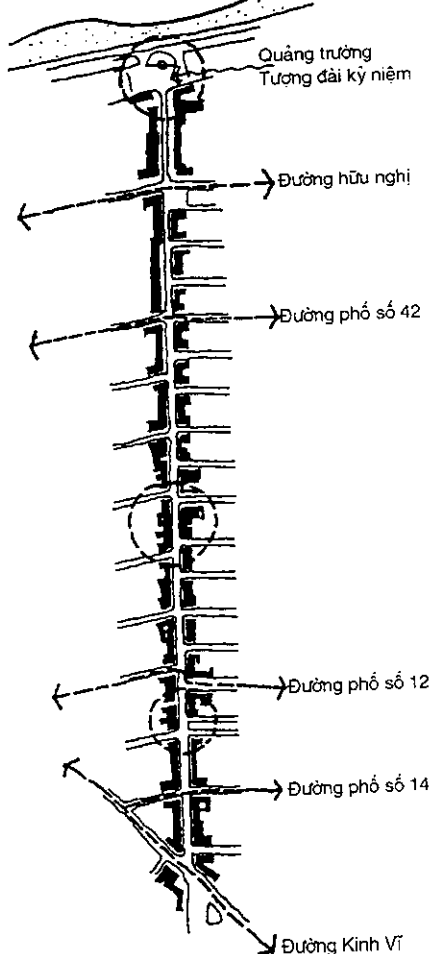
KHU VỰC ĐƯỜNG PHỐ ĐI BỘ VÀ HỆ THỐNG CẦU VƯỢT CHO NGƯỜI ĐI BỘ Ở MINNEAPOLIS, MỸ



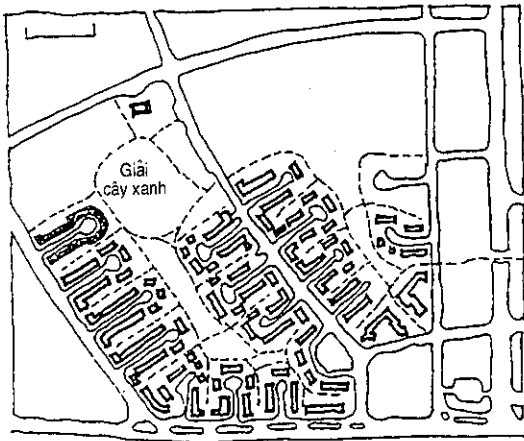
CẦU VƯỢT CHO NGƯỜI ĐI BỘ Ở KHU VỰC ĐƯỜNG PHỐ ĐI BỘ Ở MINNEAPOLIS



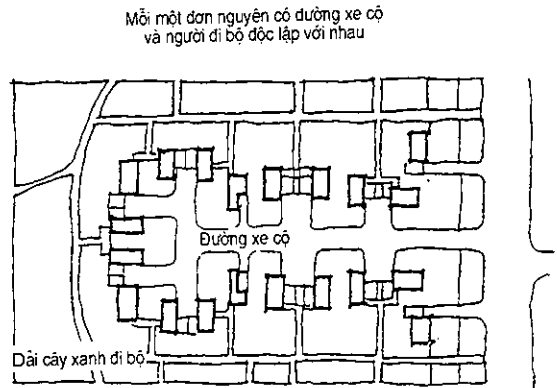
VÍ DỤ ĐƯỜNG ĐI BỘ Ở MỘT THÀNH PHỐ Ở MỸ



ĐƯỜNG ĐI BỘ Ở ĐẠI LỘ TRUNG TÂM Ở CẤP NHÌ TẦNG



Tổng mặt bằng



Mặt bằng điển hình

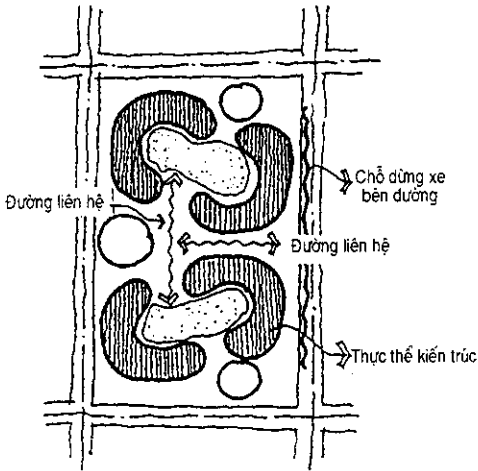


MẶT CẮT

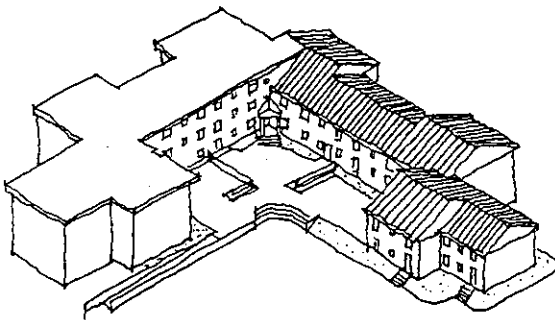


Nhà đô thị học Mỹ Steven năm 1929 dựa trên khái niệm các đơn vị lân bang gia đình đã đề ra việc quy hoạch khu nhà ở cách ly người và xe. Phần giữa là khu cây xanh đi bộ có diện tích lớn, con người ở đây tách khỏi dòng xe cộ, thậm chí còn không nhìn thấy xe cộ. Khái niệm này đối với việc xây dựng các khu ngoại ô ở Mỹ có ảnh hưởng tích cực, được ghi nhận là một cột mốc đánh dấu tiến trình xây dựng các khu nhà ở các vùng ngoại ô ở Mỹ.

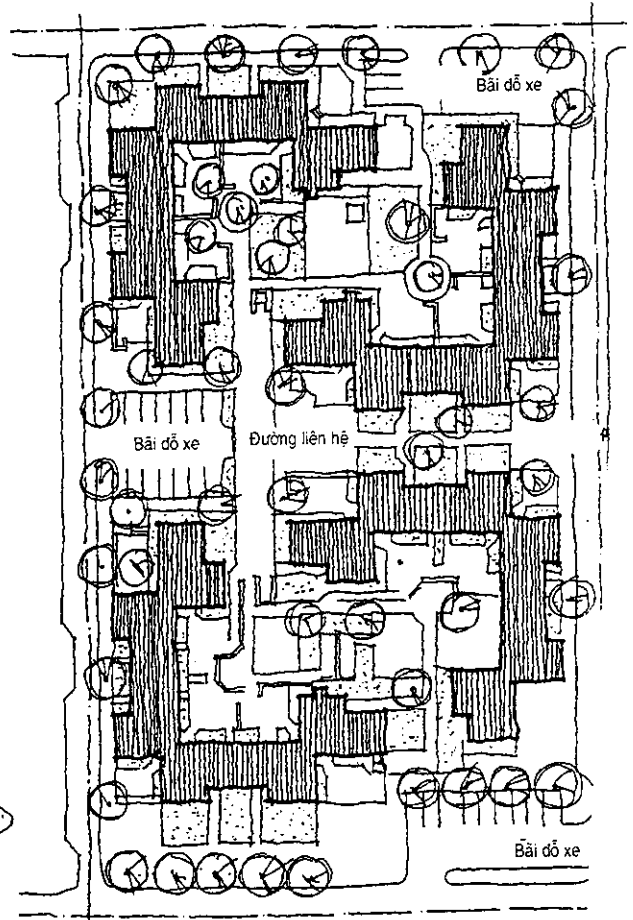
QUY HOẠCH KHU NHÀ Ở CÁCH LY NGƯỜI VÀ XE



SƠ ĐỒ KHÁI NIỆM THIẾT KẾ



HÌNH KHỐI KIẾN TRÚC VÀ SÂN TRÔNG



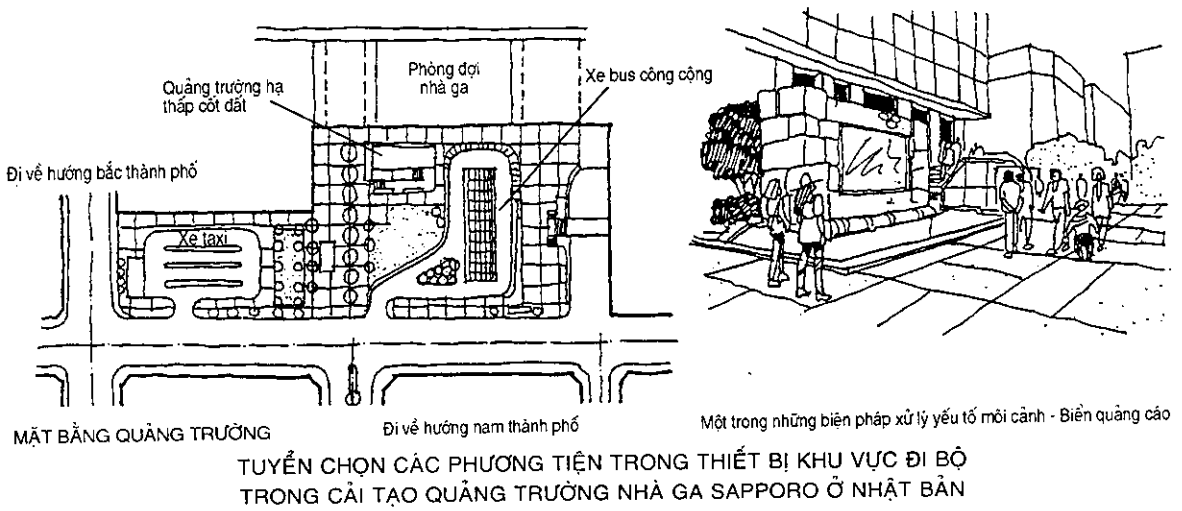
MẶT BẰNG CÁC NHÓM NHÀ

Trong phạm vi một nhóm nhà ở chia ra hai khu vực sân trong hoàn toàn dành cho hoạt động bộ hành, do hai nhóm nhà vây quanh nhưng vẫn có quan hệ tương đối độc lập, qua việc xử lý cảnh quan và tổ chức giao thông đã hình thành các nhóm nhà ở có không gian riêng tư, đáp ứng yêu cầu đối với môi trường ngoài nhà của các tầng lớp nhân dân đô thị.

CẢI TẠO MỘT KHU PHỐ Ở BOSTON, MỸ

Phương châm cải tạo quảng trường nhà ga và quan hệ tương ứng của yếu tố cấu thành môi cảnh khu đi bộ

Phương châm cơ bản thiết kế	Khái niệm và đối sách thiết kế	Các yếu tố cấu thành của không gian quảng trường					
		Quảng trường sinh hoạt		Đường liên hệ Bắc Nam		Quảng trường giao thông	Biên giới giữa quảng trường và bên cạnh.
		Quảng trường A	Quảng trường B	Đường phía Tây	Đường phía Đông		
Đặc sắc không gian của tuyến đường "phòng khách" hình thành đường đi bộ	Không gian mở, yếu tố nước và yếu tố tự nhiên	Không gian có phun nước, cây xanh tạo khối	Cây xanh, thủy cảnh	Khởi điểm trục đô thị của đặc điểm tự nhiên	Phương tiện nghỉ ngơi được cây xanh chia cắt	Khu để xe độc lập	
	Hình thành đặc sắc cảnh quan đô thị mùa đông	Quảng trường hạ thấp cốt				Nhất thể hóa không gian lưu thông xe cộ và dừng xe cộ	
Kịện toàn công năng giao thông và công năng sinh hoạt, xử lý tổng thể	Cách ly xe có động cơ và người					Nối kết với cửa vào đường ngầm	
	Đưa cây xanh vào giữa người và xe, bãi được trồng cây thân thẳng		Giải cây xanh nối kết			Cây xanh bãi đỗ xe	Xử lý địa hình
Có đường trên mặt đất, dưới mặt đất hoàn chỉnh từ Nam - Bắc sang Đông - Tây	Đường đi bộ trên mặt đất, ngầm, giao thông lập thể trên cao	Hai loại đường trên mặt đất và ngầm	Như bên trái	Như bên trái	Như bên trái	Như bên trái	
	Lợi dụng đặc điểm đường trên mặt đất và đường ngầm	Lối vào ra chính của đường ngầm và trên mặt đất	Như bên trái	Nhấn mạnh tính tiêu chí của cửa ra vào	Như bên trái		Kết hợp thiết kế cửa ra vào đường đi bộ
Tạo lập không gian hạt nhân cho hội hè lễ tết, giao lưu, đi lại	Không gian quảng trường để thị dân tham viếng, lễ tết, tụ họp, nghỉ ngơi	Sử dụng bốn mùa	Không gian quan sát biển đổi bốn mùa		Liên hệ với trung tâm thông tin		
	Có công năng sử dụng linh hoạt và phục vụ thông tin	Điểm phục vụ thông tin	Như bên trái	Như bên trái	Màn ảnh điện tử và bốn nước âm thanh nhân tạo	Tín hiệu thông tin giao thông được thiết kế thống nhất.	
Tôn chỉ thiết kế		Quảng trường hạ cốt nền kết hợp trên mặt đất và dưới mặt đất	Quảng trường có cây xanh đa công năng	Đường đi bộ nhân tạo kết hợp với tự nhiên	Đường đi bộ hiệu suất cao	Chỗ đỗ ô tô có cây xanh cách điệu	Không gian ngoại thất tràn ngập không khí tự nhiên.



2. NGUYÊN TẮC

(1) PHỤC TÙNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ CỦA ĐÔ THỊ

Trong biện pháp thiết lập quy hoạch đô thị của Trung Quốc đã chỉ rõ : "Trong các giai đoạn của quy hoạch tổng thể đô thị, đều phải vận dụng phương pháp thiết kế đô thị, suy nghĩ một cách tổng hợp hoàn cảnh tự nhiên, nhân tố nhân văn và nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của cư dân, đối với không gian đô thị thiết lập nên một quy hoạch thống nhất, nâng cao chất lượng của môi cảnh đô thị, chất lượng cuộc sống và trình độ nghệ thuật của cảnh quan đô thị". Có thể thấy, thiết kế đô thị nên quán xuyến toàn bộ trong quá trình quy hoạch đô thị và được phản ánh ra từ quy hoạch môi trường hình thể trong quy hoạch tổng thể đô thị và bố cục công năng, việc sử dụng đất đai đô thị và tài nguyên không gian, tầm vóc, hình thức và phong cách kiến trúc, hệ thống các không gian mở và hệ thống cây xanh, đường sá và giao thông, việc khống chế các cảnh quan chủ yếu của đô thị v.v...

Do thiết kế đô thị bao hàm nội dung một bộ phận quy hoạch môi trường hình thể của quy hoạch tổng thể, nếu xem xét từ các tầng lớp của xây dựng đô thị thì thiết kế đô thị là sự tiếp tục và đi sâu hơn của quy hoạch tổng thể, là sự quá độ của quy hoạch mặt bằng hai chiều sang xây dựng không gian ba chiều. Cho nên, thiết kế đô thị nên là tiền đề của quy hoạch tổng thể đô thị, bảo đảm được tính liên tục của mục tiêu tổng thể đô thị và sự phát triển hài hòa của xây dựng đô thị. Các chỉ tiêu bố cục công năng, mật độ dân số, cường độ khai thác đất đai v. v... mà quy hoạch tổng thể đô thị xác định cũng quyết định việc thiết kế hình thái không gian mỗi khu vực cụ thể. Thiết kế đô thị chỉ có cục bộ phục tùng tổng thể, chỉ có trong phạm vi khống chế của các chỉ tiêu đó mới có thể sáng tạo ra môi cảnh đô thị có chất lượng cao. Ngược lại những hoàn cảnh môi trường cục bộ đó lại có tác dụng đẩy mạnh một cách tích cực đối với sự phát triển hài hòa tổng thể môi cảnh đô thị.

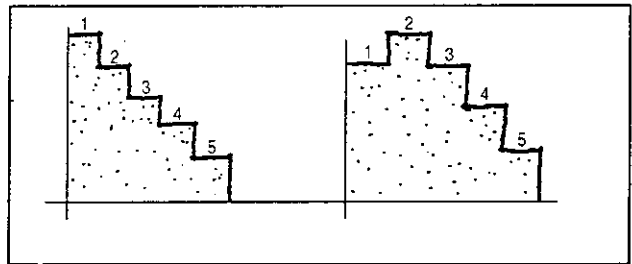
(2) THOẢ MÃN NHU CẦU CỦA CON NGƯỜI

Con người là chủ thể của không gian đô thị, tác dụng tương hỗ và qua lại của con người là căn cứ cơ bản cho sự tồn tại của đô thị. Không gian đô thị là nơi cung cấp tác dụng tương hỗ và sự giao lưu của quảng đại quần chúng nhân dân đô thị. Tuy nhiên, nhu cầu của con người không ngừng biến đổi và phát triển, đô thị cũng không ngừng đổi mới và chuyển hóa, cho nên thiết kế đô thị nên nghiên cứu quy luật sinh hoạt của đô thị, nghiên cứu đặc điểm hoạt động của con người vào các thời gian và địa điểm khác nhau, thoả mãn nhu cầu của con người đối với môi cảnh đô thị, nếu không thì thiết kế đô thị sẽ không có linh hồn.

Năm 1943, nhà tâm lý học nhân văn chủ nghĩa Mỹ Maslow trong cuốn sách "Lý luận động cơ nhân loại" của mình, đã đề ra lý luận "đẳng cấp nhu cầu", ông cho rằng con người có 5 loại nhu cầu chủ yếu, chia thành tầng bậc tuần tự từ thấp đến cao, năm loại nhu cầu đó là: nhu cầu sinh lý, nhu cầu an toàn, nhu cầu xã giao, nhu cầu tự tôn và nhu cầu tự mình thực hiện.

Mối quan hệ giữa các loại nhu cầu không phải là hoàn toàn cố định không gian, tùy theo địa điểm, tùy theo môi cảnh bên ngoài khác nhau mà xuất hiện cơ cấu nhu cầu loại hình khác nhau, trong đó luôn luôn có một loại nhu cầu chiếm địa vị ưu thế.

Năm loại nhu cầu nói trên có quan hệ đối với thiết kế đô thị, ví dụ như nhu cầu sinh lý liên quan đến điều kiện vi khí hậu của môi cảnh đô thị; nhu cầu an toàn - liên quan đến an toàn giao thông, trang thiết bị an toàn, và tính có thể nhận biết; nhu cầu xã giao - liên quan đến việc xây dựng các không gian công cộng đô thị; nhu cầu tự tôn - liên quan đến tính riêng tư của không gian, đến cảm giác quy thuộc; nhu cầu tự mình thực hiện - liên quan đến bản sắc đô thị, bản sắc khu vực.



HÌNH VẼ TẦNG BẬC NHU CẦU CỦA CON NGƯỜI.

Sau khi nhu cầu ở tầng thấp nhất được thoả mãn xong, mới có thể phát triển đến nhu cầu ở tầng cao hơn. Thiết kế đô thị nên dựa trên cơ sở thoả mãn nhu cầu của tầng tương đối thấp hơn, mà thoả mãn nhu cầu ở tầng cao hơn một cách lớn nhất.

Qua xu thế nghiên cứu lý luận thiết kế đô thị, ta có thể thấy việc coi trọng sinh hoạt đô thị nhấn mạnh con người là trung tâm, là nhận thức chung của con người đối với thiết kế đô thị từ những năm 80 trở đi.

Quá trình phát triển của nghiên cứu thiết kế đô thị

Giai đoạn phát triển	Những năm 50 → Những năm 60 → Những năm 70 → Những năm 80
Trọng điểm khai thác	Môi trường hình thể → Xã hội → Chính trị → Kinh tế → Tổng hợp
Môi trường hình thể	Tái khai thác → Khôi phục → Tự mình đổi mới → Bảo tồn
Phương diện xã hội	Tiêu chuẩn sinh hoạt → Phục vụ xã hội → Ý thức khu vực → Lý tưởng cá nhân → Ảnh hưởng lẫn nhau
Phương diện công chúng	Thông tin → Tìm tòi → Tham gia quyết sách → Tự mình hoạt động
Phương diện chính phủ	Tập trung quyền lực → Phân tán quyền lực → Phối hợp tổ chức → Chỉ đạo
Phương diện kinh tế	Đầu tư chính phủ → Nguồn vốn đa phương → Khuyến khích → Nhiều loại hình thức
Quy mô khai thác	Khai thác theo kế hoạch → Khai thác quy mô nhỏ → Nhiều loại quy mô

Trong suy nghĩ phương diện nhu cầu sinh lý của con người, môi trường hình thể đô thị nên thoả mãn nhu cầu sinh lý của hoạt động con người trong môi cảnh đô thị, sử dụng các loại biện pháp thiết kế để sáng tạo ra các điều kiện vi khí hậu thích hợp. Cố gắng tận dụng tối đa đem lại cho môi cảnh đô thị ánh sáng mặt trời, cây xanh và nước, giảm nhẹ tốc độ gió và độ ô nhiễm không khí. Một số thành phố còn sáng tạo ra rất nhiều giải pháp chế ngự các điều kiện khí hậu bất lợi, có được rất nhiều kinh nghiệm có thể học tập. Ví dụ như những tìm tòi lấy chủ đề là "Thành phố mùa đông" đã đề xuất ra các giải pháp không gian hợp lý cho các ngày và các khí hậu khác nhau. Ví dụ nổi tiếng nhất có hệ thống cầu dẫn kín dành cho người đi bộ ở thành phố Minneapolis, Mỹ; đường đi bộ kiểu "phòng ấm" ở Ottawa, Canada và hệ thống đường đi bộ ngầm ở Montreal, Canada v.v...

Tính chất có thể nhận biết của môi cảnh đô thị đối với việc thoả mãn các nhu cầu an toàn của con người có tác dụng quan trọng. Cấu trúc đô thị tốt không những có lợi cho con người nhận biết phương hướng và phương vị của đô thị, giảm nhẹ sự căng thẳng của con người khi có cảm giác căng thẳng và không an toàn do sự lộn xộn đối với đô thị gây ra, còn tạo ra được cảm giác thân mật đối với đô thị.

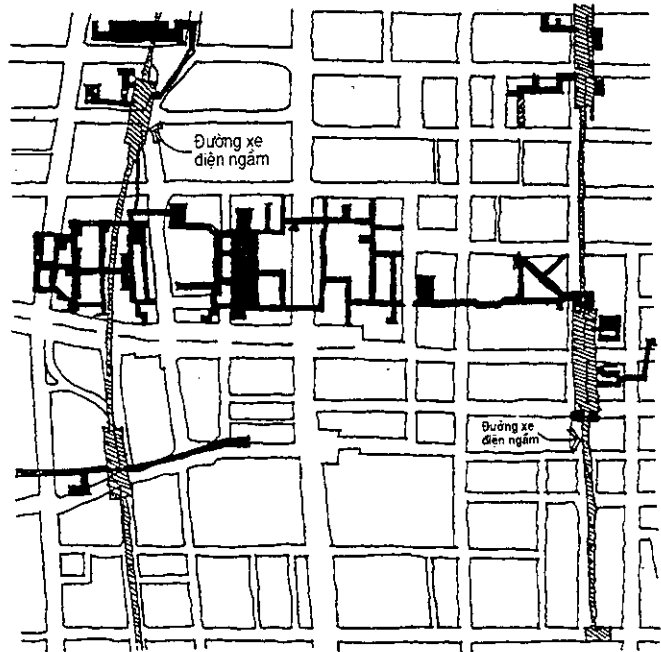
Trong bài viết "Lý luận và thực tiễn thiết kế đô thị đương đại" của một nhà đô thị học Mỹ, tác giả đã thống kê, phân tích và tổng kết việc nghiên cứu và thiết kế đô thị sau những năm 70, chỉ ra rằng mối quan tâm của thiết kế đô thị đối với đặc trưng môi cảnh ngày càng đột xuất, trong đó cơ cấu đô thị và vấn đề tính có thể nhận biết chiếm vị trí hàng đầu. Kevin Lynch đề xuất ra lý luận hình ảnh đô thị là căn cứ vào những cơ sở đó phát triển lên.

(3) ĐỘT XUẤT BẢN SẮC ĐỊA PHƯƠNG

Bản sắc của một thành phố là đặc trưng hình thái của thành phố đó khác với các thành phố khác như thế nào, nó không chỉ bao gồm hình thái môi trường hình thể, mà còn bao gồm hành vi hoạt động của cư dân đô thị, hình thái sinh hoạt và hình thái văn hóa phản ánh từ phong tục tập quán địa phương, mang tính tổng hợp và tính khái quát rất mạnh.

Đô thị trong quá trình phát triển của nó, luôn luôn mang những dấu ấn lịch sử và văn hóa của mình, ảnh hưởng của địa hình, địa mạo, điều kiện khí hậu của đô thị luôn luôn được biểu hiện ra, từ đó hình thành hình thái vật chất độc đáo của mình.

Mỗi một thành phố đều tồn tại một loại "cơ chế bản sắc", đều tồn tại một tiềm năng hình thành bản sắc. Thiết kế đô thị chỉ tôn trọng thực tế khách quan đó, đô thị mới có "cội nguồn", mới được nhân dân đô thị tiếp nhận và yêu mến, mới thu hút khách tham quan du lịch. Tuy nhiên, việc cảm thụ bản sắc của đô thị không phải là ý tưởng chủ quan của nhà thiết kế đô thị, mà phải từ việc điều tra và phỏng vấn "ấn tượng công chúng" đối với cư dân đô thị, từ đó quy nạp, phân tích và nhào nặn thành. Những kết luận có được từ đó sẽ trở thành căn cứ do việc sáng tạo, tìm ý thiết kế đô thị khiến cho người thiết kế đô thị hiểu rõ mục tiêu cần xác lập trong thiết kế đô thị.



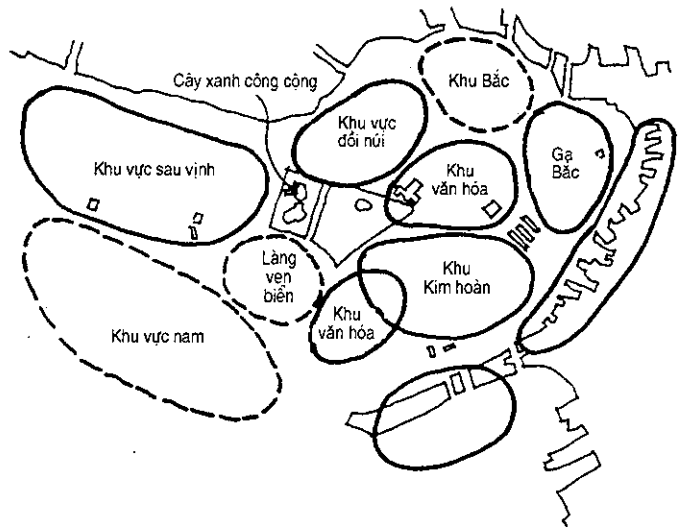
ĐƯỜNG ĐI BỘ NGẦM Ở KHU TRUNG TÂM
THÀNH PHỐ MONTREAL, CANADA

Ở Mỹ, "hình ảnh tự thân đô thị" (Urban Self - Image) là một khái niệm quan trọng phản ánh chủ đề tư tưởng của bản sắc đô thị. Việc xây dựng khái niệm này có lợi cho việc bảo tồn và phân tích bản sắc đô thị, ví dụ như hình ảnh tự thân đô thị của "khu vực đô thị đồi núi và ven biển" của thành phố San Francisco, cho rằng "đường phố và kiến trúc nếu không nhấn mạnh địa hình, sẽ khiến cho hình tượng và hình ảnh thành phố không được rõ ràng". Nguyên tắc không chế "Đường viền chủ đạo

hình núi" được đề ra không những đã bảo vệ diện mạo tự nhiên của đô thị và vẻ đẹp của đường chân trời, mà còn đồng thời làm tăng khái niệm hàng xóm láng giềng của cư dân đô thị và lòng tự hào của họ đối với thành phố.

Các nước khác cũng có những chủ đề tư tưởng tương tự, ví dụ như ở Tokyo, Nhật Bản từ những năm 70 đã đề ra khái niệm "Thành phố Tokyo của tôi"; một số quốc gia ở châu Âu trong Viện bảo tồn các đô thị lịch sử cũng đề xuất các con đường cảnh quan sinh hoạt của đô thị mang tên các "Lịch trình vinh quang", không những làm tăng thêm sự hiểu biết và yêu mến của nhân dân, mà còn phát triển được mục tiêu giữ gìn bản sắc đô thị một cách tự giác.

Trong phương án thiết kế đô thị khu trung tâm thành phố Boston, Mỹ, đã đem khu trung tâm chia thành các khu vực đặc sắc khác nhau, ví dụ như khu văn hóa, khu kim hoàn, khu lịch sử và khu ven biển v.v..., việc phân chia các khu vực căn cứ vào các hoạt động sử dụng, mô thức môi cảnh, bối cảnh lịch sử và vị trí địa lý v.v... Các khu vực vừa có liên hệ vừa có phân cách, cùng tạo thành một môi cảnh tổng thể của khu trung tâm, tính hợp lý và tính nhận biết của không gian rất mạnh.



SỰ PHÂN CHIA KHU VỰC KHU TRUNG TÂM BOSTON, MỸ

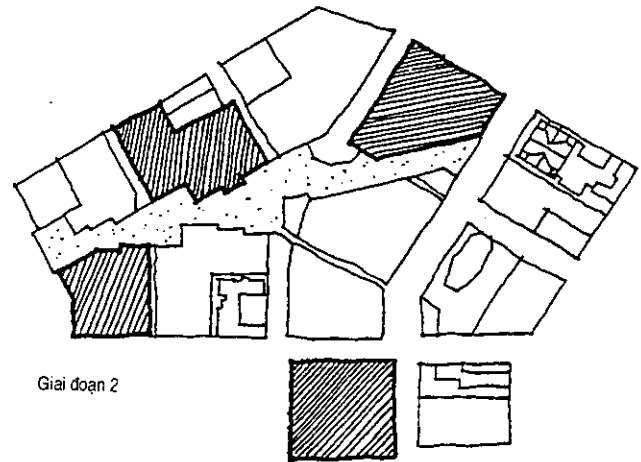
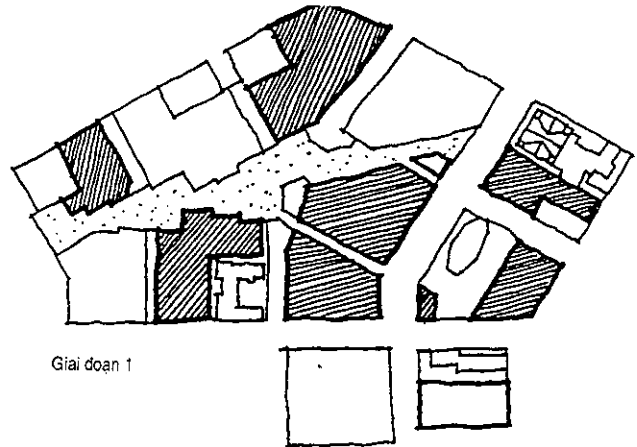
(4) SUY NGHĨ ĐẾN CÁC HIỆU QUẢ KHÔNG GIAN KHÁC NHAU

Thiết kế đô thị nên nghĩ đến hiệu quả của sự biến hóa môi trường hình thể và không gian, thời gian xây dựng từ ba phương diện : một là tính trình tự thời gian của việc thực thi xây dựng và khai thác, suy tính đến việc phát triển hữu cơ, trong quá trình thực thi và khai thác và suy tính đến hình ảnh cảnh quan đô thị trong các bước, các giai đoạn thực thi khác nhau; hai là sự thay đổi của mối quan hệ giữa người và không gian môi cảnh tùy theo thời gian, trình tự không gian triển khai khi con người vận động trong môi cảnh; ba là sự thay đổi cảnh quan theo bốn mùa, theo thời gian trong một ngày, ví dụ như ảnh hưởng của bốn mùa đối với cảnh quan và việc nghiên cứu cảnh quan vào ban đêm.

Trong cải tạo một khu vực có công viên ở Minneapolis, Mỹ tuy suy nghĩ ra một phương án thiết kế tổng thể khu vực, nhưng trong hoạt động khai thác lại chia ra hai bước để thực thi .

Trong thiết kế đối với mỗi giai đoạn thi công đều có điều lệ quản lý và quy chuẩn thiết kế tỷ mỉ, bảo đảm việc quán triệt tư tưởng thiết kế đô thị, tạo tiền đề cho việc nâng cao chất lượng không gian môi cảnh tổng thể.

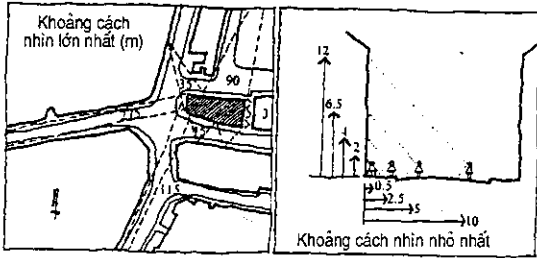
Không gian công cộng đô thị là một không gian có trình tự liên tục và đa nguyên, cho nên, trong thiết kế không gian nên suy nghĩ đến việc khi con người vận động trong không gian thì tác dụng của không gian đối với con người ra sao và sự thụ cảm của người với không gian như thế nào, khiến cho không gian đô thị hình thành một bức tranh nối tiếp hệ thống và liên tục từ đó gây cho con người một ấn tượng sâu sắc. Đối với các nhân tố cấu thành môi trường hình thể cũng nên suy nghĩ đến những điểm nhìn khác nhau, góc nhìn khác nhau khi con người vận động và cự ly quan sát các nhân tố đó, để có thể xác định được các yêu cầu cụ thể đối với việc xử lý mặt đứng kiến trúc như tỷ xích, chất cảm và độ sâu của chi tiết kiến trúc.



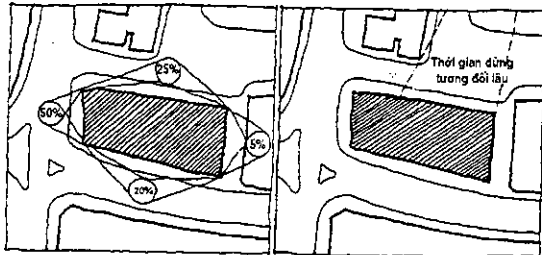
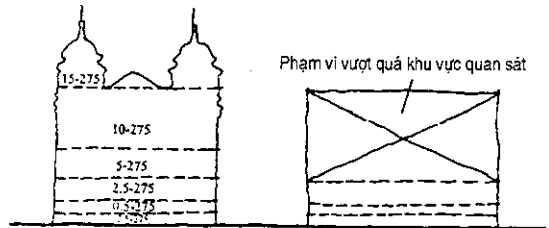
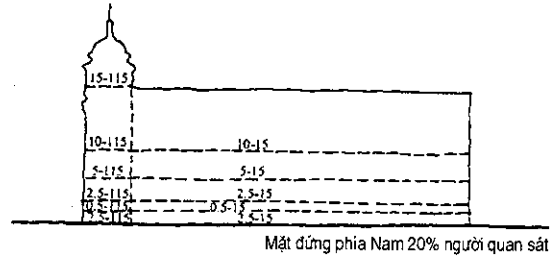
THỰC THI HAI BƯỚC TRONG QUÁ TRÌNH CẢI TẠO
MỘT KHU VỰC Ở MINNEAPOLIS, MỸ

Trong khi xử lý mặt đứng, nên suy nghĩ đến mức độ của tính phong phú của thị giác. Nó được quyết định bởi ba nhân tố: Khoảng cách nhìn quyết định cao độ của tuyến nhìn; số lượng người quan sát và thời gian dừng lại của người quan sát.

Việc đề xuất chuyên mục "Cảnh quan ban đêm của đô thị" là vấn đề mỹ học của sự biến hóa cảnh quan vào những thời điểm khác nhau, nó nhằm đáp ứng yêu cầu sinh hoạt đô thị của con người hiện đại, là biện pháp quan trọng để duy trì sức sống sôi động của đô thị trong suốt 24 giờ trong ngày. Mấy năm gần đây, ở Trung Quốc nhiều thành phố đã đạt nhiều thành tựu trong việc chiếu sáng các công trình kiến trúc, ví dụ như cảnh quan ban đêm ở khu vực Bờ sông Thượng Hải, hoạt động lễ hội Băng Đàng ở Cáp Nhĩ Tân, làm cho cảnh sắc các đô thị thêm tân kỳ và huyền bí.

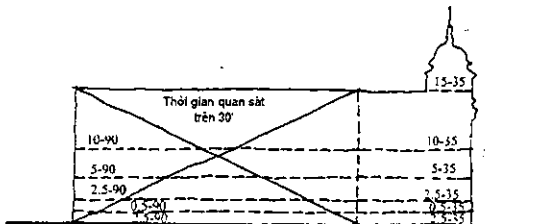


Khoảng cách nhìn quyết định độ cao của tuyến nhìn



Số lượng người quan sát

Thời gian người quan sát đứng lại

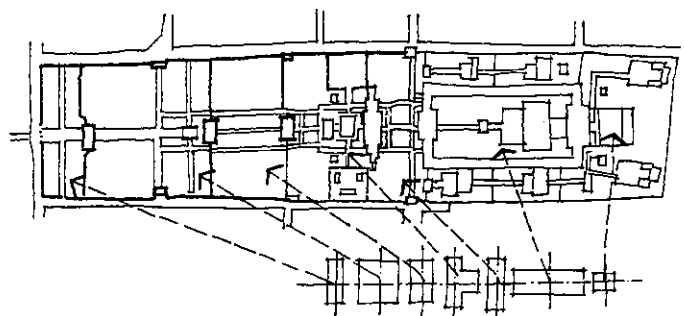


Mặt đứng phía Bắc 20% người quan sát

MỐI QUAN HỆ GIỮA XỬ LÝ MẶT ĐỨNG VÀ THỊ GIÁC

(5) TUÂN THEO NGUYÊN TẮC MĨ HỌC TỔ CHỨC NHÂN TỔ THIẾT KẾ

Sáng tạo trật tự cảnh quan có bố cục rõ ràng. Đối với mỗi một thành phố hoặc một khu vực đặc định mà nói, chúng đều có những hình thái riêng từ xa xưa, bộc lộ một trật tự ước định sẵn, hoặc là cần điều chỉnh và hoàn thiện, hoặc là cần phát huy tác dụng. Những trật tự này cần dựa vào sự mẫn cảm quan sát cộng với



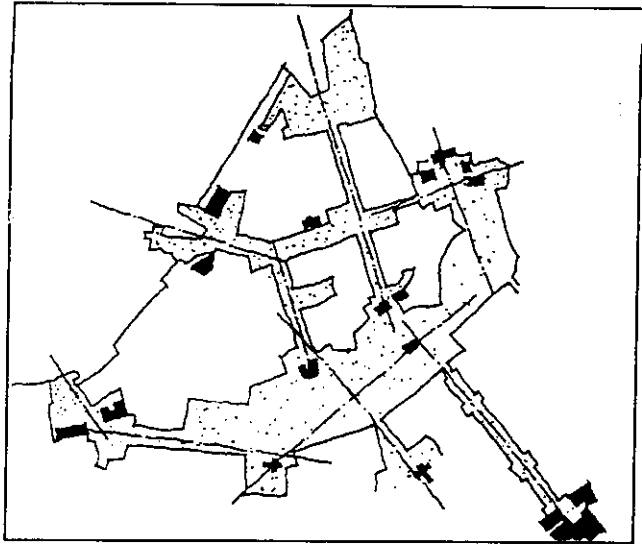
Trình tự không gian hình thành sự tương phản qua việc xử lý lớn nhỏ, hình dáng, phương hướng, kín, mở

tri giác của người thiết kế, và đối với nhà thiết kế, đó là một thách thức, và cũng là nguyên tắc chuẩn mực để đánh giá trình độ của quá trình sáng tác thiết kế.

Thiết kế đô thị xem đô thị là một chỉnh thể hữu cơ, từ trên tổng thể sáng tạo ra một bố cục kết cấu cảnh quan đô thị minh bạch rõ ràng, có tác dụng giống như các trục toán học Descartes, khiến cho con người dễ dàng nắm bắt và cảm nhận không gian cũng như định vị nó, cảm thấy rõ mối quan hệ lôgic của không gian đô thị. Lợi dụng và đột xuất các nhân tố cảnh quan tự nhiên và nhân tạo độc đáo chính là phương pháp có hiệu quả để sáng tạo trật tự cảnh quan đô thị, như tháp Eiffel ở Paris, thành lâu Thiên An Môn ở Bắc Kinh, nhà Quốc hội ở Canberra, toà nhà Chính phủ bang Massachusetts ở Boston v.v... đều là "những nhân tố có thể áp dụng" trong sáng tạo trật tự cảnh quan đô thị.

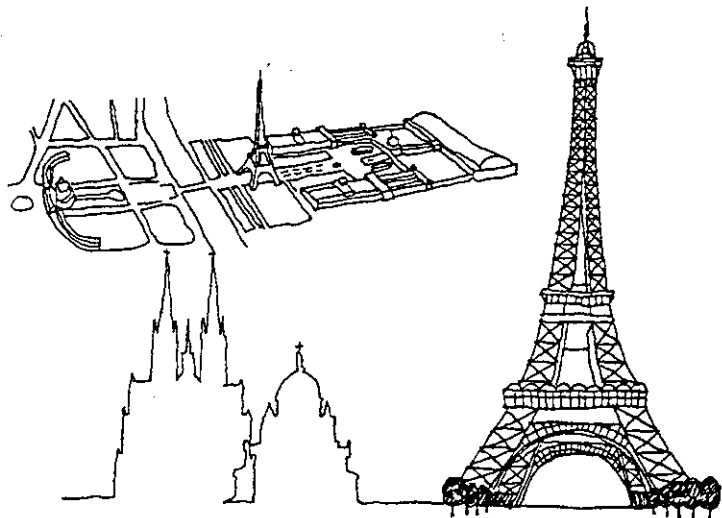
Mỗi một khu vực cụ thể trong mạng lưới chung của đô thị đều có sự độc lập tương đối, lại vừa có ảnh hưởng qua lại với nhau, giữa chúng luôn luôn tồn tại một sự trật tự tốt đẹp. Chỉ cần tìm ra loại "lực hấp dẫn của môi cảnh" của không gian đô thị, phương án thiết kế đô thị này mới được nhân dân đô thị tiếp nhận, mới có sức sống.

- *Bảo đảm sự liên tục và sự biến hóa của bề mặt không gian.* Bề mặt không gian đôi khi còn được gọi là mặt tường đô thị hoặc mặt tường đường phố, có xuất xứ từ



Qua việc phân tích mối liên hệ giữa kết cấu không gian và thị giác có thể sáng tạo xây dựng trật tự môi trường đô thị.

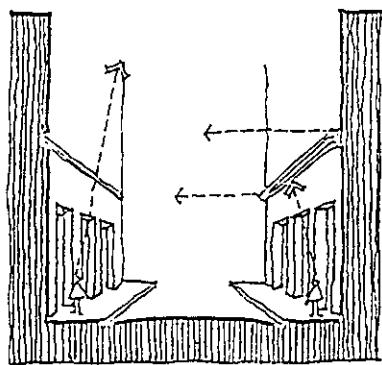
THIẾT KẾ ĐÔ THỊ MỘT THÀNH PHỐ Ở THỤY ĐIỂN



THÁP EIFFEL Ở PARIS

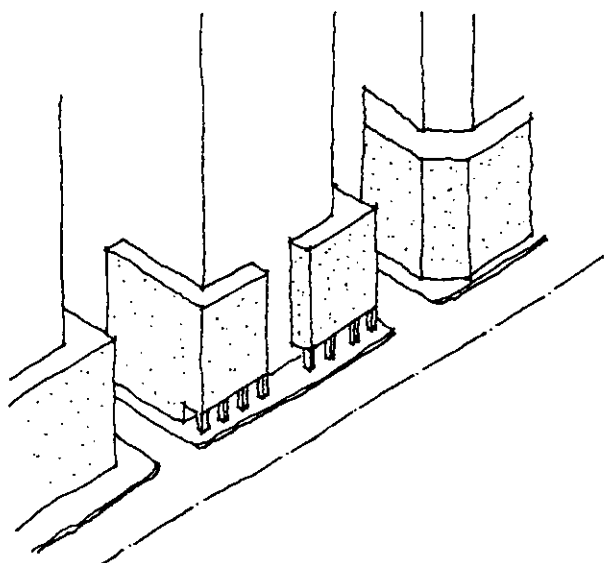
chữ Urban Wall hoặc Street Wall mà ra, là khái niệm để chỉ bề mặt giới hạn tạo thành đường phố, quảng trường và công trình kiến trúc, là một mô thức môi cảnh đặc biệt của không gian đô thị, sự tồn tại của nó đem lại cho thành phố một số tính chất như cõi mở, hùng vĩ, thân mật, dễ chịu v.v...

Trong thiết kế đô thị nên căn cứ vào điều kiện môi cảnh của khu vực thiết kế, đem việc xử lý giới hạn bề mặt không gian đô thị quy nạp vào trong môi cảnh, từ đó mới có thể sáng tạo ra một trật tự không gian sinh động, đảm bảo sự thống nhất giữa tính trật tự và tính đa dạng.



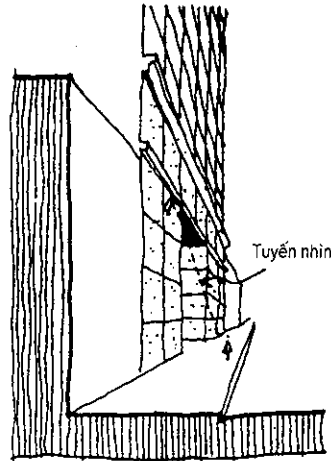
YÊU CẦU KHỐNG CHẾ VỀ MẶT TƯỜNG
TRONG THIẾT KẾ ĐÔ THỊ Ở SAN FRANCISCO, MỸ

Một trong những đặc trưng quan trọng của kiến trúc thành phố San Francisco là xử lý điểm mái kiến trúc, mặt tường đường phố của bộ phận nền, bộ kiến trúc nên áp dụng quy định về xử lý điểm mái, đối với kiến trúc cao tầng, yêu cầu độ cao phần bệ nhà nằm trong phạm vi 0,5 -1 bề rộng đường phố, làm những đường gờ nhỏ ra để hình thành hiệu quả của mặt tường. Hai bộ phận trên và dưới nên xử lý bằng phương pháp tương phản, từ đường gờ trở xuống nhấn mạnh tỷ xích con người



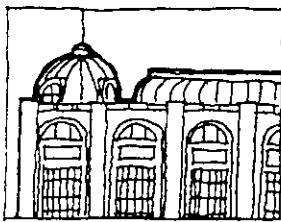
YÊU CẦU KHỐNG CHẾ CỦA MẶT TƯỜNG ĐƯỜNG PHỐ
TRONG THIẾT KẾ ĐÔ THỊ KHU MANHATTAN, NEW YORK, MỸ

Đối với độ cao tối thiểu và độ cao tối đa của mặt tường đường phố phải phân biệt đưa ra quy định, ngoài ra cũng cần quy định tỷ lệ giữa mặt tường xử lý với mặt tường toàn bộ của cả toà kiến trúc đối với những công trình ven theo mặt phố.

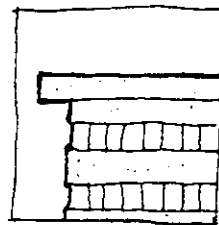


Về mặt thị giác, biện pháp "giới hạn quy định có hiệu quả" không gian đô thị có thể làm giảm cảm giác áp chế của kiến trúc cao tầng đối với không gian đô thị

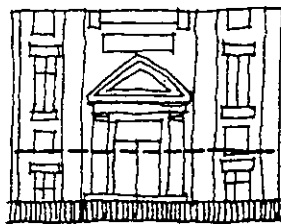
"GIỚI HẠN QUY ĐỊNH CÓ HIỆU QUẢ" ĐỐI VỚI KHÔNG GIAN ĐƯỜNG PHỐ



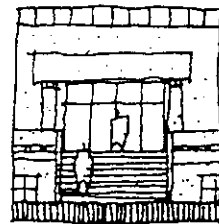
Phần mái: Xử lý kiến trúc phần tường, phần mái nên suy nghĩ đến mối quan hệ hài hòa với kiến trúc xung quanh, do công trình kiến trúc trên đây ở góc phố, phần mái chỗ góc chuyển nên nhấn mạnh trọng điểm.



Cửa sổ hình băng ngang và điểm mái lớn sẽ khiến cho kiến trúc không ăn nhập với môi cảnh



Cửa ra vào: Chỗ cửa ra vào nên có ít bậc cấp, sự chênh lệch về độ cao trong nhà và ngoài nhà nên giải quyết ở trong đại sảnh, bảo đảm đặc điểm của lối vào kiểu "đô thị mùa đông".



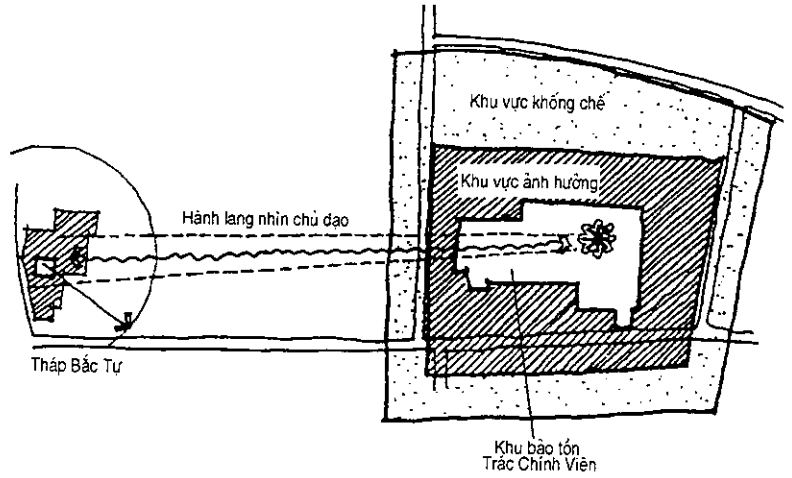
Việc xử lý bậc cấp lên xuống lớn không chỉ phá hoại các mô thức môi cảnh của các khu phố lịch sử, mà còn mang lại sự bất tiện cho người sử dụng.

- *Tạo trục cho cảnh quan.* Việc đi tìm trật tự cho không gian đô thị về một ý nghĩa nào đó có nghĩa là đi tìm mối quan hệ trục về mặt cảnh quan trong môi cảnh đô thị. Vận dụng sự truyền dẫn, bẻ góc, kéo dài của trục và tổ chức sự giao cắt giữa các trục là biện pháp xây dựng trật tự không gian.

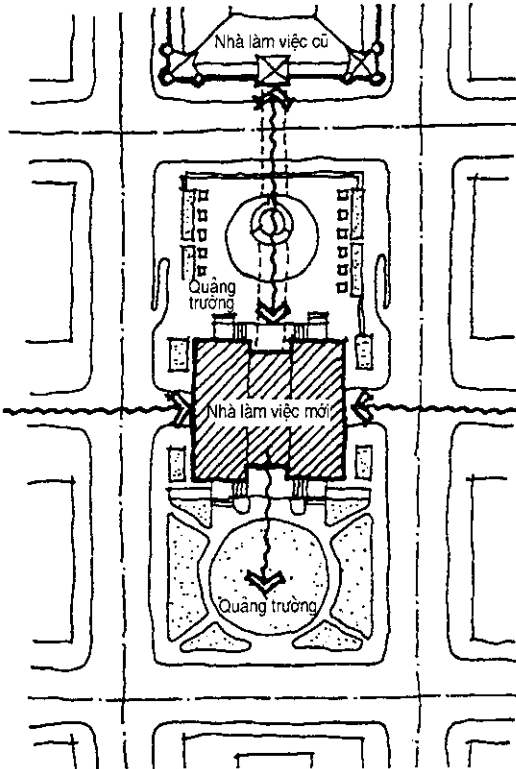
NHÂN TỐ VÀ NGUYÊN TẮC

Trên cơ sở xác định trục, thông qua việc tạo các thị vực (trường nhìn) cho mỗi tiết điểm, ví dụ các điểm nhìn, hành lang nhìn, sẽ hình thành các hiệu quả nghệ thuật đối cảnh, hòa nhập cảnh hoặc sự lưu động của không gian.

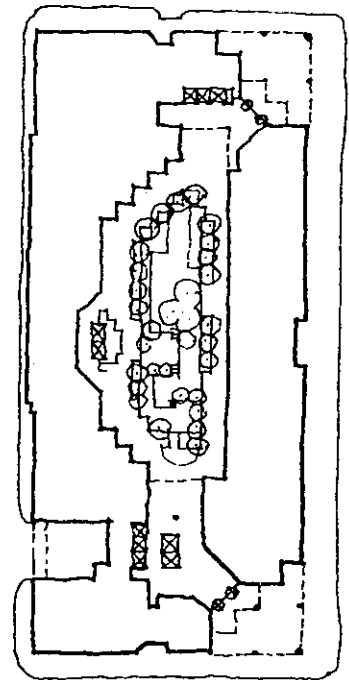
- *Chú ý sự giao hòa và thâm nhập giữa không gian nội, ngoại thất.* Không gian đô thị hiện đại không còn hạn chế ở không gian ngoại thất, tùy theo sự tổng hợp tính chất sử dụng của kiến trúc và sự tăng lên của quy mô kiến trúc các atrium (sân trong) và đường đi bộ các dãy cửa hàng trong nhà đã trở thành các loại hình mới của không gian đô thị. Cho nên, trong thiết kế đô thị nên chú ý sự giao hòa và thâm nhập giữa không gian nội ngoại thất, tạo thành các vùng trung độ - (các khu vực xám) xen cấy giữa trong và ngoài, có thể làm tăng thêm sự thú vị và tính phong phú, tính tầng lớp của không gian đô thị.



QUY HOẠCH BẢO TỒN TRÁC CHÍNH VIÊN, TÔ CHÂU



MẶT BẰNG KHU TRUNG TÂM LÀM VIỆC CỦA CHÍNH PHỦ CỦA THÀNH PHỐ MINNEAPOLIS, MỸ



MẶT BẰNG TÒA NHÀ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN HOUSTON, MỸ

1. QUÁ TRÌNH

Thiết kế đô thị là một ngành thuộc thể loại thiết kế, có nghĩa là cũng có quá trình và trình tự thiết kế giống như các ngành khác nhưng lại có quá trình và nội dung đặc biệt của riêng mình. Những quá trình này gồm 6 giai đoạn thiết kế tương đối độc lập dưới đây hợp thành, giữa các giai đoạn đều có thông tin phản hồi liên tục, từ đó đối chiếu với thiết kế và xây dựng tiến hành sửa chữa, cải tạo, khiến nó ngày càng hợp lý hóa và lý tưởng hóa.

Dưới đây là bàn thảo về những giai đoạn đó.

(1) ĐIỀU TRA HIỆN TRƯỜNG

Hoạt động thiết kế đô thị không bắt đầu bằng bản vẽ, mà bắt đầu bằng những nhận thức đối với môi trường hoàn cảnh đô thị. Để có được nhận thức chuẩn xác và chân thực đối với môi cảnh đô thị, nhà thiết kế nên hiểu biết một cách toàn diện tình hình cụ thể cục diện chung và các giai đoạn thiết kế, do đó cần thiết phải điều tra hiện trường, nhờ có điều tra hiện trường mà nhà thiết kế có thể có một sự hiểu biết và lãnh hội tương đối toàn diện về khuôn khổ thiết kế.

Điều tra hiện trường cần nắm vững các thông tin và tư liệu sau đây:

- *Quá trình phát triển lịch sử đô thị và tình hình quy hoạch tổng thể đô thị.* Bao gồm các sự kiện lịch sử liên quan, các mô thức phát triển và quá trình diễn biến, tư tưởng quy hoạch tổng thể, kết cấu đô thị, tình hình thực hiện quy hoạch và yêu cầu của khâu thiết kế và quy hoạch tổng thể đô thị; việc sử dụng đất của khâu thiết kế, các hạng mục xây dựng, điều kiện hạn chế, như hệ số khối tích, mật độ kiến trúc, độ cao kiến trúc v.v... Tình hình khu vực thiết kế và các mặt hình thái của môi cảnh xung quanh liên quan. Bao gồm điều kiện hoàn cảnh tự nhiên, điều kiện khí hậu, tình hình địa hình, địa mạo và địa chất; hiện trạng sử dụng đất đai, phạm vi thiết kế, vị trí đường đỏ, quyền sử dụng đất, hiện trạng kiến trúc cũ, tọa độ và cốt cao của khu vực thiết kế; hiện trạng giao thông, như quy hoạch giao thông, lượng giao thông, quy luật hoạt động của người sử dụng v. v...

- *Tập quán phong tục địa phương, phong cách và bản sắc kiến trúc.* Bao gồm sinh hoạt và tập quán khu vực, quy luật hành vi, tầm vóc và tỷ xích kiến trúc, màu sắc và vật liệu, mô thức không gian kiến trúc v.v.

QUÁ TRÌNH VÀ KẾT QUẢ

- *Tình hình các mặt xã hội kinh tế của môi cảnh khu vực.* Ví dụ tiềm lực khai thác, cơ hội phát triển, yêu cầu của công chúng v.v...

Đối với nhà thiết kế đô thị mà nói, thông thường có hai phương pháp điều tra hiện trường có hiệu quả và hay được dùng nhất là:

- *Phương pháp điều tra phỏng vấn.* Là phương pháp dùng phương thức phỏng vấn để thu nhập thông tin tư liệu, bao gồm đi điều tra đặt câu hỏi và phát phiếu điều tra. Trong đó việc phát phiếu điều tra đã được sử dụng rộng rãi, được cho là phương pháp điều tra có hiệu quả trong thiết kế đô thị. Thông qua việc thống kê và phân tích kết quả các phiếu điều tra có thể hiểu rõ ý tưởng và kiến nghị của người dân đối với việc xây dựng đô thị.

Tuy nhiên, việc soạn thảo phiếu điều tra là vô cùng quan trọng, phương thức lập phiếu điều tra và trình tự sắp xếp phải sáng tỏ, tránh gây ra hiểu nhầm, mập mờ. Các câu hỏi của phiếu điều tra phải mang tính khúc triết, tính độc đáo và tính lựa chọn.

Phiếu điều tra nói chung gồm hai phần, một phần hạn chế trong những thông tin mang tính sự thật, phương thức cụ thể giống như là một cái giấy mời tham gia công việc. Phần thứ hai là đề cập đến những thông tin liên quan đến quan điểm và thái độ.

Phiếu điều tra tốt là phiếu điều tra được người được điều tra cho là dễ hiểu, dễ trả lời, các thông tin thu được từ phiếu dễ sắp xếp, dễ lập bảng biểu và dễ phân tích.

- *Phương pháp điều tra bằng quan sát.* Là phương pháp mà người thiết kế tự mình đến hiện trường, từ một phía quan sát tình hình sử dụng của mọi người đối với khu vực thiết kế, từ đó thu thập thông tin. Phương pháp này thường dùng trong điều tra giao thông và điều tra hành vi người sử dụng. Do người được điều tra không có ý thức là mình bị điều tra, cho nên, kiểu điều tra này tương đối khách quan, các cách làm của phương pháp này bao gồm ghi âm, quay phim, chụp ảnh v.v...

Phương pháp điều tra bằng quan sát cũng thường vận dụng phương thức thống kê để có được những kết quả có tính định lượng.

Để tiện thống kê, trước khi điều tra bằng quan sát nên thiết kế sẵn các bảng biểu thống kê, ví dụ xây dựng các thông số tham khảo dựa trên các mùa khác nhau, thời gian khác nhau, thời tiết khác nhau.

Nhà đô thị học Mỹ Kevin Lynch rất khuyến khích và cổ vũ cho các phương pháp điều tra bằng phiếu và bằng khảo sát hiện trường, và cho rằng qua việc điều tra, sẽ tạo nên những căn cứ và chủ đề cho thiết kế đô thị, có thể chỉ đạo quyết sách và thực hiện việc thiết kế đô thị. Trước mắt phương pháp này trong quá trình thiết kế đô thị đã trở thành phương pháp chính thức.

Ngoài ra, việc công chúng tham gia vào điều tra, ví dụ như để cho người sử dụng căn cứ vào ký ức và ấn tượng của mình vẽ nên những ý tưởng về môi cảnh đô thị; cho đến việc các bộ môn quy hoạch và lưu trữ xây dựng đô thị đi phỏng vấn và sưu

tầm tư liệu, lắng nghe ý kiến, kiến nghị của ngành xây dựng của thành phố, cũng đều là những khâu quan trọng của điều tra.

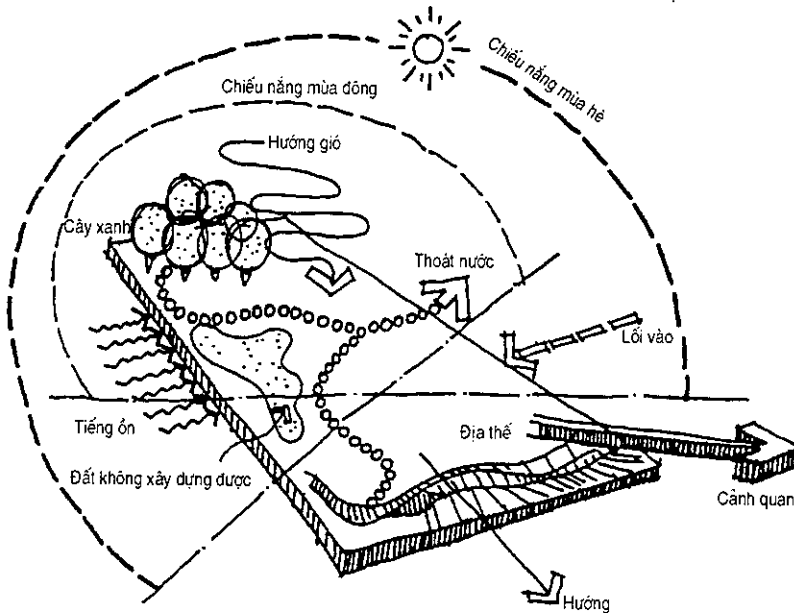
(2) PHÂN TÍCH TƯ LIỆU

Thực tiễn chứng minh, tất cả các hoạt động thiết kế đều không tách khỏi phân tích thiết kế. Nhờ có phương pháp phân tích hệ thống mà có thể thông qua những tư liệu, thông tin thu thập được, phát hiện vấn đề chuẩn xác, nắm vững cơ hội, làm cho thông tin tư liệu trở thành những chỉ dẫn cho phương án thiết kế.

Phân tích tư liệu thiết kế đô thị chủ yếu có mấy mặt sau đây:

- Phân tích công năng

Là nội dung phân tích cơ bản nhất, chủ yếu suy nghĩ đến quan hệ sử dụng đất đai của các hạng mục và việc liên hệ của chúng với giao thông đô thị. Công việc này tuy thuộc phạm trù nghiên cứu của quy hoạch đô thị, trong các văn kiện quy hoạch đô thị có thể tìm thấy các số liệu, nhưng cần phải kết hợp với các hạng mục khai thác của thiết kế đô thị, cho nên có thể đem các kết quả của quy hoạch sử dụng vào việc ứng dụng không gian ba chiều.



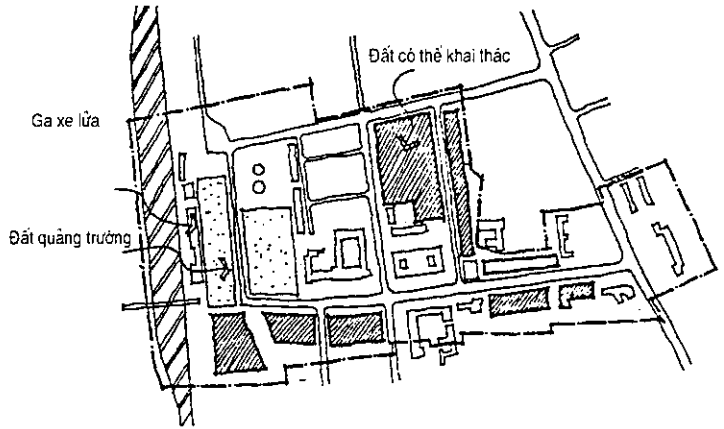
PHÂN TÍCH HOÀN CẢNH KHU VỰC THIẾT KẾ

Trên cơ sở phân tích các công năng, thiết kế đô thị sẽ trên cơ sở phân tích sự tiếp nối, bao gồm, song song tồn tại, tách biệt hoặc kết hợp giữa các công năng với nhau mà phán đoán, xác định các tổ hợp công năng hợp lý, mối quan hệ không gian tương quan và sự liên hệ với giao thông đô thị.

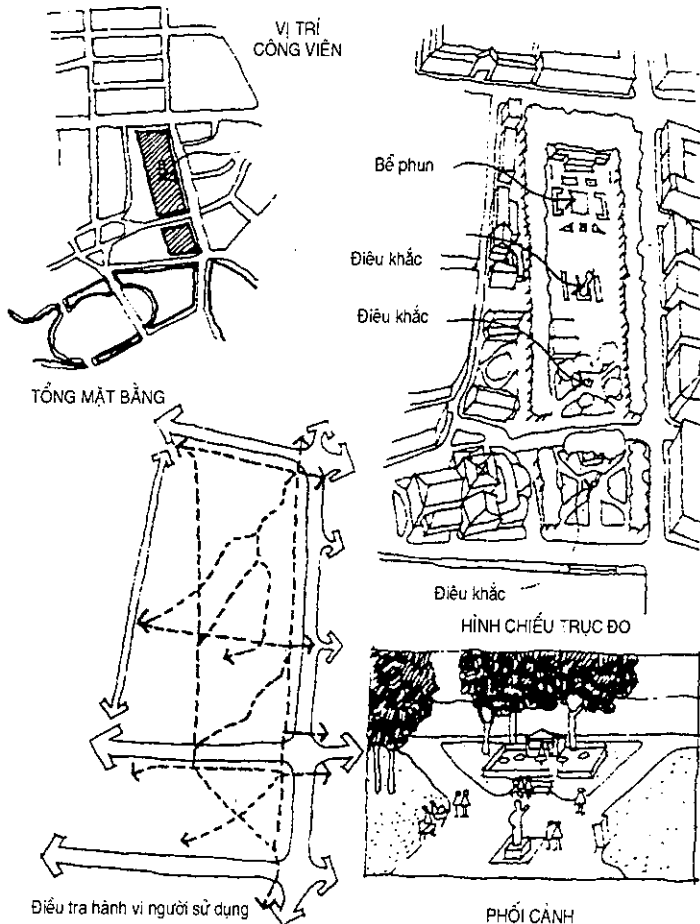
- Phân tích cảnh quan không gian. Vận dụng các loại thủ pháp phân tích không gian, ví dụ các phương pháp phân tích hình - nền, liên hệ, địa điểm v.v... đối với

QUÁ TRÌNH VÀ KẾT QUẢ

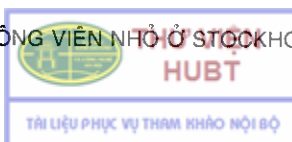
tầng lớp không gian, trình tự không gian, điều kiện thị giác, liên hệ giao thông và bề mặt giới hạn không gian, các vật tiêu chí v. v... của khu vực thiết kế... tiến hành phân tích, vận dụng phương pháp loại hình học để tiến hành phân tích hình thái đô thị, ví dụ như nguyên trạng của hình thái đô thị, tác dụng vật chất và tinh thần của chúng về các mặt cảnh quan đô thị, cảm giác phương vị, tình hình sinh hoạt và tổ chức giao thông v.v...



BẢN VẼ PHÂN TÍCH THIẾT KẾ CẢI TẠO QUẢNG TRƯỜNG VÀ KHU NGOẠI VI NHÀ GA SA NHÌ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ ĐẠI KHÁNH



THIẾT KẾ CÔNG VIÊN NHỎ Ở STOCKHOLM, THỤY ĐIỂN



Phương pháp phân tích trình tự không gian của Colomb và phương pháp phân tích hình ảnh đô thị của Lynch đều là phương pháp thiết kế đô thị thực dụng, đã được nhiều nhà thiết kế đô thị quen biết và sử dụng.

- *Phân tích hoạt động sử dụng.* Là để chỉ tần suất sử dụng, thành phần người sử dụng, điểm thu hút, sự cảm thụ không gian v.v... Thông qua việc phân tích hành vi và tâm lý của người sử dụng sẽ giúp ích cho việc sáng tạo các mô thức không gian và dễ làm cho người sử dụng có cùng nhận thức về mặt tình cảm.

- *Phân tích khai thác và bảo tồn.* Thông qua việc đánh giá chất lượng kiến trúc để xác định khu vực ổn định và khu vực biến động. Tính toán ra đất bảo tồn và diện tích kiến trúc bảo tồn, diện tích đất khai thác và tiềm năng khai thác về các mặt tính chất sử dụng, cảnh quan đô thị v.v...

(3) XÂY DỰNG MỤC TIÊU

Thông qua việc phân tích hiện trạng, sẽ tổng hợp được thông tin và số liệu của giai đoạn điều tra, có thể phát hiện những vấn đề còn tồn tại của hiện trạng, đồng thời cũng nắm vững biện pháp và cơ hội giải quyết vấn đề, kết hợp chính sách khai thác, xây dựng mục tiêu thiết kế và khái niệm thiết kế tương ứng, mục tiêu thiết kế và khái niệm thiết kế sẽ phản ánh ra sự lý giải của người thiết kế đối với nhu cầu và với hoàn cảnh đô thị.

Mục tiêu thiết kế nên là sự tổng hợp của ba phương diện giá trị kinh tế, vật chất và nghệ thuật. Căn cứ vào khu vực thiết kế, quy mô thiết kế, nội dung thiết kế khác nhau, mục tiêu thiết kế cũng thể hiện ra một cách rõ ràng tính chất tầng bậc và tính chất độc đáo. Ví dụ như mục tiêu thiết kế đô thị của quảng trường Thị chính thành phố Dallas, Mỹ bao gồm bốn mặt xử lý kiến trúc, giới định không gian, giao thông của người đi lại, hoạt động cảnh quan, còn đối với một quảng trường nhà ga của một thành phố ở Nhật Bản thì mục tiêu thiết kế bao gồm các phương diện bản sắc đô thị, công năng phục vụ, tính chất quảng trường, sức sống của không gian v.v...

Về mặt công tác thiết kế mà nói, xây dựng mục tiêu và tìm ý thiết kế là khâu quan trọng của sáng tác thiết kế, nó tạo điều kiện cho giai đoạn thiết kế tiếp theo xác định được những vấn đề trung tâm và ý tưởng cuối cùng, có ý nghĩa chiến lược và mang tính phương hướng.

MỤC TIÊU THIẾT KẾ	Sáng tạo một khu nhà ở kiểu mới hướng tới thế kỉ XXI, đáp ứng nhu cầu của con người, coi trọng sinh thái, thể hiện bản sắc, có môi trường tốt đẹp.				
	NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ	Nguyên tắc hài hòa tổng thể, thể hiện bản sắc, môi trường đẹp.	Nguyên tắc chủ trọng sinh thái.	Nguyên tắc công năng hoàn thiện, trang thiết bị đầy đủ sử dụng tiện lợi.	Theo đuổi nguyên tắc thông minh lợi ích của người ở, người khai thác và quốc gia.
TÌM Ý TƯỞNG THIẾT KẾ	Chủ trọng mối liên hệ với khu vực xung quanh, lấy đơn vị quy hoạch lớn hơn làm căn cứ, không gian bên ngoài tiểu khu tạo thành bởi 3 con đường cấp tiểu khu, 4 nhóm, một trung tâm, 3 đơn nguyên cảnh quan, mỗi đơn nguyên có chủ đề rõ ràng, bản sắc rõ ràng, trung tâm dễ chống cháy, thoát người.	Lợi dụng đầy đủ tài nguyên sinh thái, chủ trọng sử dụng và bố trí cây cối thực vật phù hợp với điều kiện khí hậu địa phương.	Thiết kế mỗi trường bên ngoài nên bố trí đầy đủ các địa điểm và trang thiết bị đáp ứng các nhu cầu của người ở, chú trọng thiết kế không có vật chướng ngại, trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu lâu dài.	Cần cử vào đường mốc sử dụng đất và công năng sử dụng đất tiến hành thiết kế cho mỗi nhóm nhà một đơn nguyên thiết kế ngoài nhà độc lập, thiết kế và quy hoạch môi trường ngoài nhà phù hợp với phân đợt xây dựng.	Xây dựng môi trường bên ngoài nên đồng bộ với xây dựng nhà ở, bố trí hợp lí các công trình công cộng.



Ngân sách	•	•	•	•
Hình thức kiến trúc	•	•	•	•
Màu sắc	•	•	•	•
Vật liệu nội thất	•	•	•	•
Sân bãi hoạt động	•	•	•	•
Tiêu phẩm	•	•	•	•
Kí hiệu lối vào	•	•	•	•
Hàng rào	•	•	•	•
Bảng hiệu	•	•	•	•
Bảng chỉ dẫn cho người khiếm thị	•	•	•	•
Đường dốc	•	•	•	•
Tranh tường	•	•	•	•
Ngựa gỗ	•	•	•	•
Già leo	•	•	•	•
Cầu trượt	•	•	•	•
Xích đu	•	•	•	•
Dàn hoa	•	•	•	•
Bụi cây	•	•	•	•
Đèn vườn	•	•	•	•
Vệ sinh công cộng	•	•	•	•
Thùng thư	•	•	•	•
Lều dã xe đạp	•	•	•	•
Bãi đỗ xe	•	•	•	•
Điền khác	•	•	•	•
Lát mặt đường	•	•	•	•
Thùng rác	•	•	•	•
Vỏ hoa quả	•	•	•	•
Đèn đường	•	•	•	•
Biển chỉ đường	•	•	•	•
Bảng chỉ dẫn	•	•	•	•
Bể phun	•	•	•	•
Bể nước	•	•	•	•
Bồn hoa	•	•	•	•
Ghế ngồi	•	•	•	•
Bãi cỏ	•	•	•	•
Cây cối	•	•	•	•
Nhân tố thiết kế	Đường đi	Nhóm nhà	Giữa	Xây dựng công cộng

(4) ĐÁNH GIÁ THIẾT KẾ

Khi có cùng một mục tiêu thiết kế và cùng một khái niệm thiết kế, sẽ có thể có nhiều phương án thiết kế không giống nhau. Mục tiêu cuối cùng của hoạt động thiết kế là có được một phương án tốt nhất thoả mãn mọi yêu cầu, điều đó do việc đánh giá thiết kế mà chọn được. Cho nên, nắm vững phương pháp đánh giá thiết kế là rất quan trọng.

Mấu chốt của công tác đánh giá thiết kế là xác định hệ thống và nội dung đánh giá. Nhìn chung, nội dung đánh giá chia ra làm bốn tầng bậc: vấn đề thiết kế đã chuẩn xác hay chưa, việc tìm ý thiết kế đã hợp lý hay chưa, các chỉ tiêu khống chế đã phù hợp yêu cầu quy hoạch đô thị hay chưa, kế hoạch thực thi có thể thực hiện được không?

Công tác đánh giá liên quan đến nhiều người và nhiều bộ môn, từ các giác độ khác nhau, phương diện khác nhau tiến hành bình luận phương án. Ví dụ như các hội nghị phân biện liên quan đến nhiều quan chức chính phủ, các chuyên gia cán bộ kĩ thuật và các nhà đầu tư, các hội nghị tham gia ý kiến và hoạt động biểu quyết của công chúng tham gia.

Đánh giá thiết kế về một ý nghĩa nào đó cũng là phân tích và bàn bạc lại một lần nữa nhưng ở phạm vi lớn hơn, kết quả của nó là xem xét lại kỹ hơn các thông tin và kiến nghị. Người thiết kế thông qua các quá trình đánh giá thiết kế có thể thu được các thông tin tư liệu nhiều hơn và sâu hơn, có lợi cho tiến trình thiết kế.

Nhìn chung lại, giai đoạn đánh giá thiết kế là quá trình tiến hành nhiều tầng lớp và phân tầng lớp, từ cá thể đến quần thể, lại tuần hoàn từ quần thể đi ngược lại cá thể. Nội dung và độ sâu của mỗi giai đoạn đánh giá luôn luôn không giống nhau, thông qua việc thảo luận và góp ý giữa người thiết kế và người tham gia, sẽ làm cho phương án thiết kế thêm hoàn thiện, cuối cùng có được phương án thiết kế tốt nhất.

(5) KẾ HOẠCH THỰC THI

Với một số tiền vốn đầu tư nhất định và điều kiện xây dựng nhất định, chiến lược thực thi thiết kế đô thị cũng muôn hình muôn vẻ. Đồng thời với việc hình thành và xác định phương án thiết kế đô thị, cũng quán xuyên luôn trong đó một loạt các nguyên tắc và sách lược về quản lý đất, sử dụng tiền vốn, kế hoạch khai thác v.v...

Trong điều kiện hoàn cảnh kinh tế thị trường, việc hoạch định kế hoạch thực thi chủ yếu phải nghĩ đến thu hút nguồn đầu tư và vốn đầu tư, thông qua việc xây dựng hạ tầng cơ sở, cải thiện điều kiện môi trường khai thác để khống chế giá cả đất đai, hướng dẫn mô thức và phương thức khai thác. Ngoài ra, việc tham gia của công chúng cũng là những giải pháp có hiệu quả cho việc khai thác v.v...



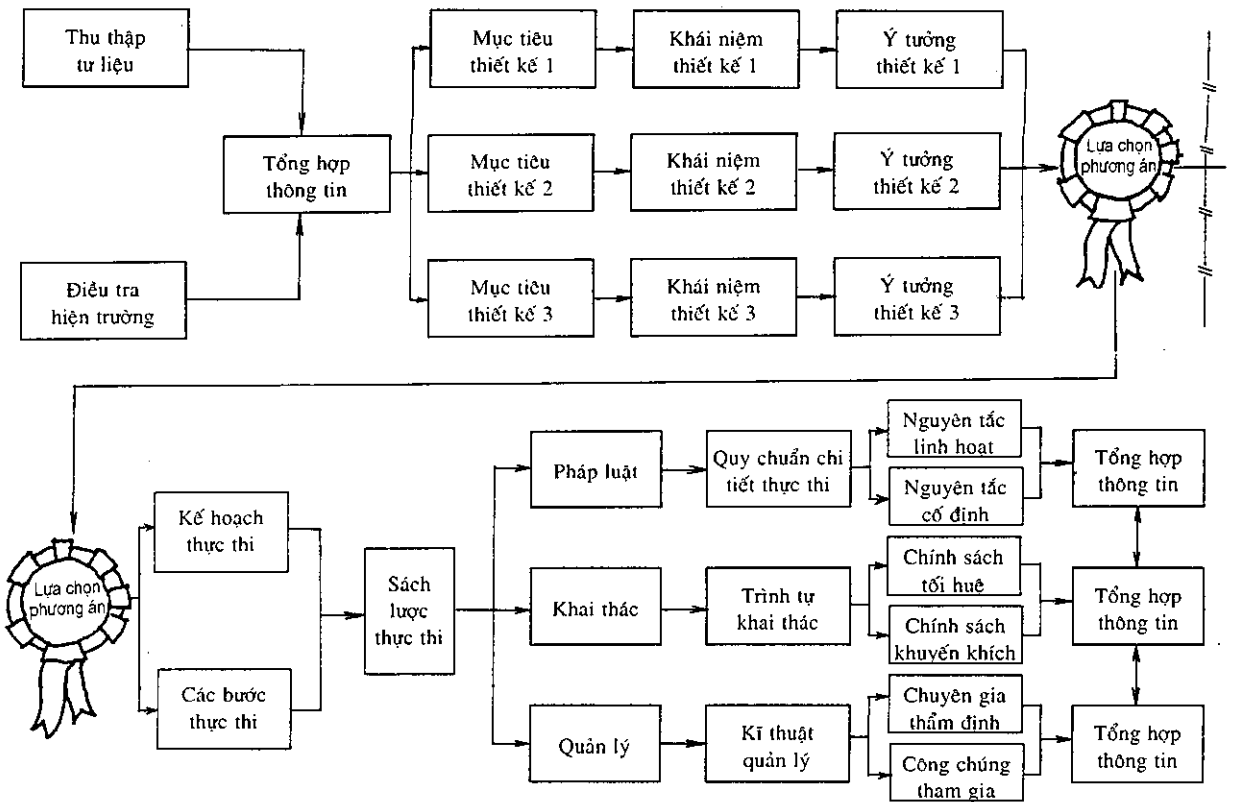
Trong thời kỳ đầu thực thi kế hoạch, nên căn cứ vào tính chất dài hạn và tính chất biến động của hoạt động lâu dài của thiết kế đô thị, về mặt khái niệm, trên cơ sở mục tiêu thiết kế và phương án thiết kế, hoạch định ra một loạt các điều lệ thiết kế, quy chuẩn thiết kế và sách lược thực thi. Và đem những kết quả thiết kế đô thị đó thông qua những biện pháp lập pháp hành chính, khiến nó trở thành những văn bản mang tính pháp luật của quốc gia hay địa phương, lấy hình thức pháp luật đó làm tăng thêm tính nghiêm túc của kết quả thiết kế đô thị.

Sau đó đề cập đến các bước thực thi của thiết kế đô thị, bao gồm phạm vi vị trí những khu vực đầu tiên và tình hình đồng bộ của hạ tầng, trang thiết bị và tiền vốn xây dựng. Thông qua một kế hoạch thực thi mang tính khoa học hoàn chỉnh, mới có thể bảo đảm cho thiết kế đô thị trong toàn bộ quá trình thiết kế của nó phát huy hết hiệu lực, chỉ đạo các nhân tố hình thành môi trường hình thể tùy theo các yêu cầu công năng, xã hội, kinh tế, thẩm mỹ của đô thị tùy theo các động thái thời gian tiến hành xây dựng các quần thể, từ đó bảo đảm phát triển bền vững môi cảnh đô thị.

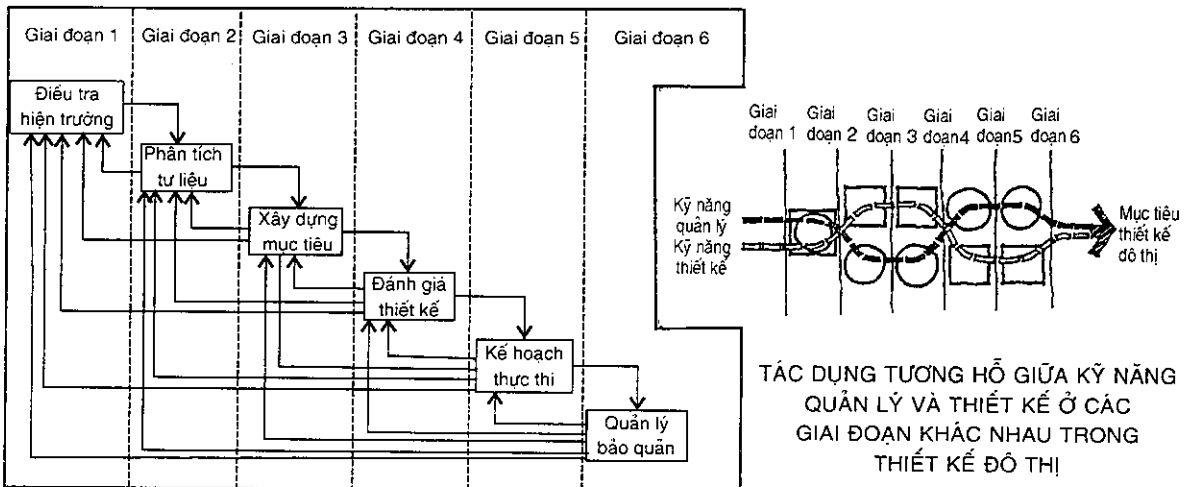
(6) QUẢN LÝ BẢO QUẢN

Khi phương án thiết kế thực thi đến một giai đoạn nhất định hoặc hoàn thành toàn diện và đưa vào sử dụng xong, quản lý và bảo quản môi trường, sự hình thành ý thức cộng đồng của cư dân, những thông tin phản hồi về đánh giá môi trường cũng là những bước quan trọng của thiết kế đô thị, được gọi là công tác tiếp theo của thiết kế đô thị.

Xem xét toàn bộ quá trình xây dựng môi trường hình thể đô thị, thì thiết kế môi trường hình thể chỉ là một giải pháp để nâng cao chất lượng môi trường hình thể thông qua việc đem kết quả thiết kế chuyển hóa thành quy định pháp luật và căn cứ quản lý hành chính để tạo dựng môi trường hình thể. Khi môi cảnh đô thị xây dựng xong, việc quản lý và bảo quản lại là công việc cần thiết tất yếu để duy trì kết quả thiết kế đô thị. Mà quản lý, bảo quản lại phải dựa vào sự tham gia của cư dân và việc xây dựng chế độ quản lý, để cùng hoàn thành, đó cũng là sự hình thành ý thức cộng đồng.



CÁC BƯỚC VÀ NỘI DUNG TRONG QUÁ TRÌNH THIẾT KẾ ĐÔ THỊ



TÁC DỤNG TƯƠNG HỖ GIỮA KỸ NĂNG QUẢN LÝ VÀ THIẾT KẾ Ở CÁC GIAI ĐOẠN KHÁC NHAU TRONG THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

QUÁ TRÌNH THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

Quản lý bảo quản có trình tự khoa học không những có thể nâng cao chất lượng môi trường đô thị, sáng tạo nên tính đa dạng của hoàn cảnh và đặc sắc của khu vực, về một ý nghĩa nào đó, còn có lợi cho việc giải quyết vấn đề xã hội.

Kiến trúc cộng đồng (Community Architecture) bao gồm "Quy hoạch cộng đồng", "Thiết kế cộng đồng" "Phát triển cộng đồng" và các loại hình "Hỗ trợ kỹ thuật cộng đồng"; khái niệm này được hưng khởi từ nước Anh sau những năm 1980 và được đại đa số quần chúng thừa nhận là một phong trào xã hội, phong trào này nhấn mạnh vai trò của nhân dân trong xây dựng và quản lý môi trường đô thị, cũng như nhấn mạnh quan điểm nhân dân tham gia, nhân dân cùng quản lý. Việc tin tưởng vào khuynh hướng xã hội này sẽ có thể thúc đẩy sự phát triển của ngành thiết kế đô thị.

Khái quát lại, 6 bộ phận của quá trình chủ yếu thiết kế là một mạng lưới công tác tuần hoàn, nhắc đi nhắc lại và hoàn chỉnh.

Trong toàn bộ quá trình thiết kế đô thị, từ đầu chí cuối, luôn luôn có công chúng tham gia, hơn nữa 6 bước của quá trình này đồng thời phát huy tác dụng, chỉ có là vào giai đoạn nào thì công việc ấy có vai trò chủ đạo.

(7) TÍNH ĐỘC ĐÁO CỦA QUÁ TRÌNH

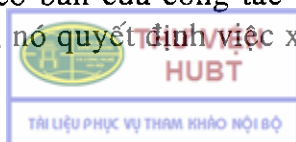
Trong quá trình thiết kế, những người tham gia vào hoạt động thiết kế có các cán bộ kỹ thuật các chuyên ngành, các quan chức chính phủ, các nhà quản lý xây dựng đô thị, các công ty khai thác và những người sử dụng, họ đóng các vai trò khác nhau trong công tác thiết kế đô thị, cùng tạo thành một tập thể thiết kế đô thị (Design group). Nhà thiết kế đô thị trong quá trình thiết kế đồng thời là người thiết kế lại vừa là người tham gia, là người điều phối, người tổ chức, công tác của họ không những là đề ra ý tưởng đối với khai thác xây dựng, tuyển chọn phương án thiết kế, mà còn nên tiến hành tuyên truyền tư tưởng thiết kế, giao lưu và quán triệt thực hiện.

Trong các giai đoạn của quá trình thiết kế đô thị, mục tiêu công tác, nội dung công tác và kỹ năng cơ bản cần thiết của mỗi một giai đoạn đều không giống nhau.

Trong giai đoạn điều tra hiện trường và phân tích tư liệu chủ yếu là thu thập, giao lưu và chỉnh lý những thông tin cơ bản, phát hiện vấn đề, đề xuất vấn đề; trong giai đoạn xây dựng mục tiêu và đánh giá thiết kế chủ yếu là xác định mục tiêu thiết kế, đề xuất ý tưởng thiết kế, hoạch định các hệ thống cơ bản giải quyết vấn đề, dự kiến những hiệu quả, lợi ích trong tương lai; đồng thời tiến hành đánh giá phương án, chọn phương án tốt đi sâu, làm cho vấn đề cụ thể hóa; trong bảo quản chủ yếu lại là xác định cơ chế và sách lược thực thi, hoạch định trình tự công tác khai thác, và công tác quản lý, bảo quản sau đó, tổ chức cộng đồng và đề xuất việc lắng nghe thông tin phản hồi.

Trong 6 giai đoạn nói trên, kỹ thuật thiết kế và kỹ thuật quản lý sẽ thay nhau trở thành kỹ năng chủ yếu của công tác mang tính giai đoạn, có lúc kỹ thuật thiết kế và kỹ thuật quản lý đều quan trọng, hai cái nhập làm một và cùng phát huy tác dụng trong hoạt động thiết kế đô thị.

Kỹ thuật thiết kế là phần cơ bản của công tác thiết kế đô thị, là tố chất cơ bản mà nhà thiết kế đô thị cần có, nó quyết định việc xây dựng mục tiêu thiết kế đô thị,

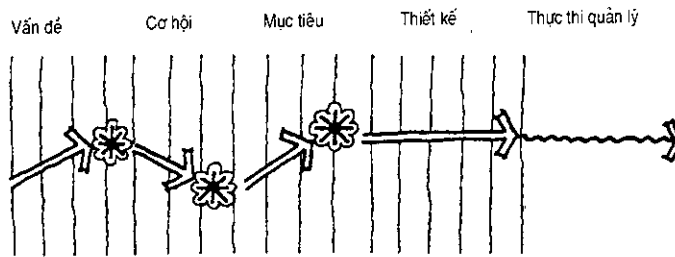


bảo đảm tính chính xác và tính khoa học trong việc tuyển chọn phương án thiết kế đô thị. Kỹ thuật quản lý lại nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu thiết kế và cụ thể hóa phương án thiết kế. Công tác thiết kế đơn thuần là công việc thăm sát và nắm vững môi cảnh đô thị, công tác giao lưu phối hợp giữa các chuyên ngành đối với người kiến trúc sư thiết kế đô thị, còn công tác thực thi quản lý lại là sự hợp tác của một tập thể (nhóm) người thiết kế đô thị.

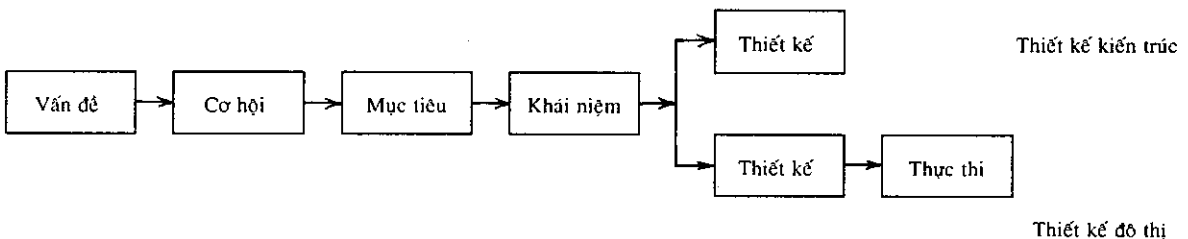
Công tác quản lý phức tạp hơn, đa dạng hơn, khó chèo lái hơn công tác thiết kế, cho nên nhiều người dùng câu "ba phần thiết kế, bảy phần quản lý" để miêu tả tỷ trọng giữa hai loại hình công việc, điều đó không phải là không có lý do.

Nếu so sánh với quá trình thiết kế kiến trúc, thiết kế đô thị có đặc điểm độc đáo riêng.

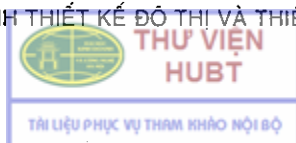
Một nhà giáo dục kiến trúc nước ngoài đã từng đem thiết kế kiến trúc gọi là "cuộc dạo chơi kiến trúc", để chỉ ra rằng quá trình thiết kế kiến trúc nên là quá trình người kiến trúc sư kết hợp điều kiện và yêu cầu cụ thể, đề xuất vấn đề, xác định khái niệm thiết kế... sau đó là phần thiết kế kỹ thuật, đó chính là quy luật chung của môn kiến trúc học. Dưới sự chỉ đạo của những tư tưởng nhất định, trình độ cao thấp của "trò chơi", quyết định ở việc nắm vững kỹ năng và tích lũy kinh nghiệm, và đối với kiến trúc mà nói, quyết định chủ yếu thể hiện ở trình độ nghiệp vụ và kinh nghiệm lịch duyệt. Nếu đem khái niệm này áp dụng vào thiết kế đô thị, hoạt động "trò chơi" này không đơn thuần chỉ là "trò" thiết kế, mà còn bao gồm "trò" quản lý. Kiến trúc sư thiết kế đô thị chỉ có vận dụng tổng hợp hai "trò" đó, mới có thể sáng tạo ra tác phẩm tốt.



QUY LUẬT SÁNG TẠO CƠ BẢN CỦA THIẾT KẾ ĐÔ THỊ!



SO SÁNH QUÁ TRÌNH THIẾT KẾ ĐÔ THỊ VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC



2. KẾT QUẢ

Kết quả thiết kế có một mối liên hệ trực tiếp với nội dung thiết kế của nó.

Nói một cách khái quát, nội dung thiết kế đô thị có hai mặt: một mặt là thiết kế môi trường hình thể các tầng lớp khác nhau, bao gồm thiết kế tổng thể đô thị và thiết kế chi tiết đô thị, đều nặng về thiết kế thực thể môi trường hình thể; mặt thứ hai là nặng về hoạch định chính sách công cộng, quản lý xây dựng và can thiệp xã hội. Cần thông qua thiết kế đô thị để có căn cứ cho hoạch định chính sách, tham gia của công chúng và quản lý xây dựng đô thị. Từ điểm này mà nói, thiết kế đô thị cũng là quá trình của một loạt những quyết sách.

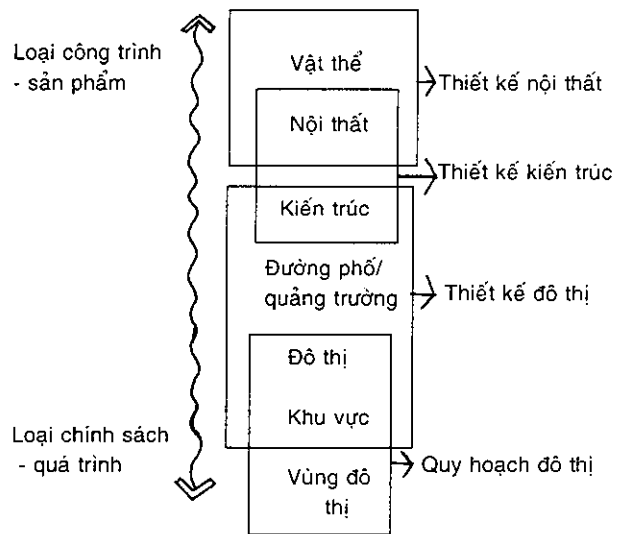
(1) HAI LOẠI KẾT QUẢ

Về phương diện thiết kế môi trường hình thể đô thị, kết quả thiết kế đô thị căn cứ vào các tầng bậc thiết kế khác nhau, thể hiện ra hai loại kết quả, đó là loại chính sách - quá trình và loại công trình - sản phẩm.

Loại kết quả chính sách - quá trình là loại kết quả thể hiện bằng văn bản là chính, kết quả bằng bản vẽ là phụ. Nói chung đó là sự diễn đạt định tính của quá trình thiết kế tổng thể đô thị, các quy định và chỉ tiêu khống chế.

Còn *loại kết quả công trình - sản phẩm* lại lấy bản vẽ làm chính, văn bản là phụ. Nói chung đó là những bản vẽ thiết kế chi tiết có khống chế tương đối chặt chẽ, các quy chuẩn thiết kế và các bản vẽ phối cảnh có thể nói lên ý đồ thiết kế. Quy mô thiết kế đô thị càng lớn, kết quả của nó càng thiên về loại kết quả chính sách - quá trình, ngược lại, sẽ thiên về loại công trình - sản phẩm. Nhưng bất kỳ một loạt kết quả nào cũng nên suy nghĩ đến một sự kết hợp hài hòa giữa môi trường không gian hình thể và hoàn cảnh kinh tế xã hội, đều nên làm ra kế hoạch thực thi và các bước xây dựng tương ứng.

Tóm lại, kết quả của thiết kế đô thị bao gồm hai mặt, kết quả văn bản và kết quả bản vẽ, và đều trở thành căn cứ chỉ đạo thực thi thiết kế đô thị.



HAI LOẠI KẾT QUẢ THIẾT KẾ

(2) KẾT QUẢ BẰNG VĂN BẢN

- *Chính sách thiết kế*. Là hệ thống văn bản mang tính chiến lược để tiến hành quản lý đối với quá trình khai thác, bao gồm chiến lược phát triển, biện pháp khuyến khích đầu tư và xây dựng, các điều lệ pháp quy v.v... là kết quả mang tính chính sách rất mạnh.

Chính sách thiết kế đô thị của Thâm Quyển bao gồm kết cấu đô thị và hình thể đô thị, đường sá và giao thông, dân số và mật độ dân số, kiến trúc cao tầng, khai thác công nghiệp, cây xanh môi cảnh và khai thác du lịch... về mặt vĩ mô đã khống chế một cách tổng hợp hình ảnh tổng thể của thành phố.

- *Quy chuẩn thiết kế.* Chủ yếu là những ý tưởng và miêu tả cụ thể của các yếu tố cấu thành môi cảnh hình thể đô thị và những khái niệm thiết kế tổng thể đô thị, là một kiểu hình mẫu khung khống chế mang tính chất kỹ thuật. Quy chuẩn thiết kế cũng là một phương án thiết kế, chỉ có điều là nó tương đối trừu tượng mà thôi, có người cho rằng quy chuẩn thiết kế "là hình thức trừu tượng của phương án thiết kế". Nó đến từ phương án thiết kế một cách trừu tượng, trở thành căn cứ cho công việc tiếp theo của thiết kế.

Ở Mỹ, quy chuẩn thiết kế đô thị có hai loại, loại mang tính chất quy định và loại mang tính chất thuyết minh. Quy chuẩn mang tính chất quy định sẽ quy định rõ những đặc điểm cơ bản của nhân tố hoàn cảnh, các mô thức nên thể hiện, cho nên dễ dàng nắm vững và đánh giá; quy chuẩn mang tính thuyết minh là để miêu tả nhân tố môi cảnh, thuyết minh yêu cầu thiết kế và kiến nghị, nó khuyến khích sáng tạo hơn nữa, có lúc còn thêm vào các ví dụ thực tế hoặc phương án thiết kế mang tính chất kiến nghị. Hai loại quy chuẩn này thường song song tồn tại, cùng phát huy tác dụng.

Việc biên soạn nội dung các quy chuẩn thiết kế nói chung có phân tích thiết kế và mục tiêu thiết kế, biện pháp và quy định về cụ thể, có phối cảnh khái quát và thuyết minh quy chuẩn v.v...

- *Kế hoạch thiết kế.* Là sự sắp xếp tỷ mỉ đối với các bước xây dựng, quá trình và kỹ thuật quản lý, xác định hạng mục xây dựng, điều kiện chuyển nhượng đất đai, vốn đầu tư, phân tích lợi ích và thuyết minh đối với những vấn đề mấu chốt của quá trình thực thi.

(3) KẾT QUẢ BẰNG BẢN VẼ

Là sự miêu tả cụ thể từ những kết quả văn bản liên quan đến xây dựng môi trường hình thể thành không gian ba chiều, bao gồm kích thước mặt bằng, tầm vóc lớn nhỏ, phạm vi khống chế không gian và những bản vẽ quy định khác. Ngoài ra, những kết quả bằng hình vẽ còn bao gồm một loạt các thiết kế và phối cảnh mang tính phương hướng khác.

Đối với các hạng mục thiết kế đô thị tương đối cụ thể, những kết quả bằng bản vẽ nói chung nhất trí về nội dung với kết quả thiết kế kiến trúc và thiết kế cảnh quan.

Hai nội dung kết quả bằng văn bản và kết quả bằng bản vẽ là những bộ phận cấu thành một cách hữu cơ, sự liên hệ và ảnh hưởng tương hỗ giữa chúng với nhau đối với việc thực thi thiết kế đô thị có khả năng hình thành việc chỉ đạo có tính bền vững cao. Tư tưởng cốt lõi của những kết quả này là nhấn mạnh tính khống chế và

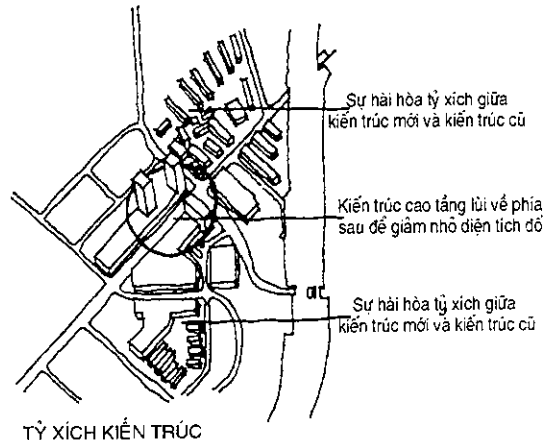
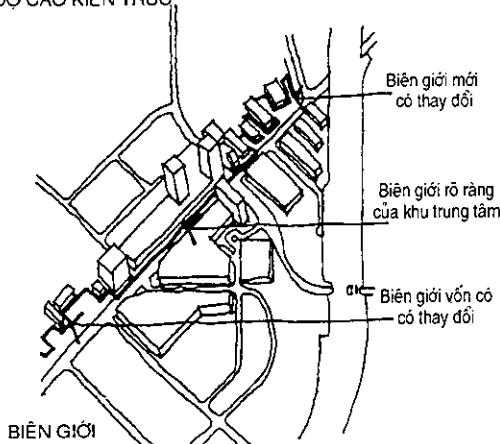
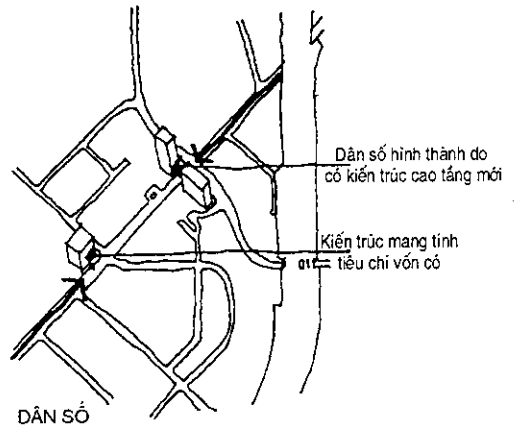
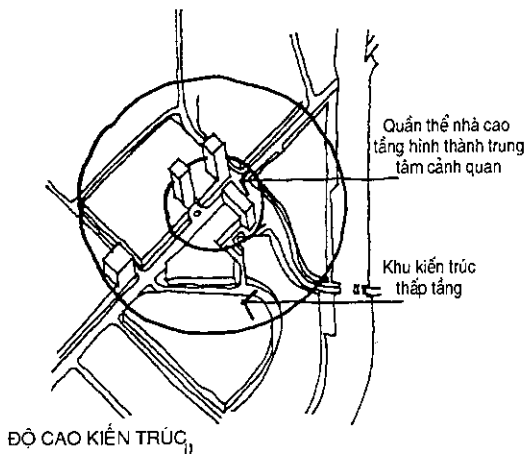
QUÁ TRÌNH VÀ KẾT QUẢ

tính chỉ đạo của kết quả, để đạt được việc khống chế phương hướng xây dựng đô thị, điều khiển sự thay đổi của hình thức đô thị, thực hiện mục đích của mục tiêu thiết kế đô thị.

Tính bền vững của kết quả thiết kế đô thị dựa vào tiền đề có tác dụng chỉ đạo của quá trình thực thi thiết kế đô thị, thể hiện tính chất uy lực và khả năng có thể tiếp tục của kết quả thiết kế đô thị.

Để thể hiện tính uy lực của kết quả, kết quả của thiết kế đô thị cần phải có những hình thức văn bản pháp luật cần trọng và mang tính quy phạm, và trong quá trình thực thi phải được chấp hành nghiêm chỉnh. Nếu có một số thay đổi nào đó thì phải thông qua trình tự công việc quy định, thông qua thẩm định và luận chứng mang tính khoa học mới được chấp hành. Như vậy, sẽ có thể bảo đảm việc quán triệt tính bền vững của kết quả, lại có thể nâng cao hiệu suất của công tác quản lý.

Việc thể hiện của tính liên tục lại là lợi dụng đầy đủ các loại môi giới biểu đạt và giao lưu, nâng cao tính thuyết phục và tính hình ảnh của kết quả, khiến cho những ý đồ thiết kế càng thêm dễ hiểu, trở thành những nhận thức chung.



QUY CHUẨN THIẾT KẾ ĐÔ THỊ KHU TRUNG TÂM THÀNH PHỐ CLEVELAND, BANG OHIO, MỸ



Những kết quả thiết kế nói trên chỉ là bước thứ nhất của xây dựng đô thị, điều quan trọng là nắm bắt được khả năng của phía đầu tư, tạo khả năng chỉ đạo và khuyến khích, giám sát; điều quan trọng hơn nữa là thông qua sự tham gia của công chúng và sự thẩm định của các chuyên gia mà cân bằng được lợi ích giữa công và tư trong xây dựng đô thị, nhằm đạt được những lợi ích chung lớn nhất.

(4) NGUYÊN TẮC HOẠCH ĐỊNH

Căn cứ vào sự khác nhau của nội dung thiết kế đô thị, tỷ lệ và nội dung giữa phần văn bản và phần hình vẽ trong kết quả cũng không giống nhau, yêu cầu kết quả cụ thể có thể tùy vào đặc điểm của giai đoạn thiết kế và tình hình cụ thể của đô thị mà xác định, nhưng phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

- *Nguyên tắc nghiêm túc.* Do thời gian thực thi thiết kế đô thị tương đối dài, trước khi kết quả thiết kế đô thị được đưa vào kế hoạch thực thi, nên tiến hành công việc lập pháp quản lý hành chính, khiến cho nó có hiệu lực pháp luật. Cho nên, việc hoạch định kết quả thiết kế đô thị phải mang tính nghiêm túc, cách hành văn phải thận trọng, rõ ràng, điều lệ quy định phải khúc triết, dễ hiểu, bảng biểu phải chính xác.

- *Nguyên tắc linh hoạt.* Việc xây dựng và phát triển đô thị được thực hiện trong một không gian rộng lớn và trong một thời gian dài lâu, nó chịu ảnh hưởng và bị khống chế bởi một loạt các yếu tố tự nhiên, kinh tế xã hội, chính sách, khoa học kỹ thuật, văn hóa v.v..., nhà thiết kế đô thị không thể thay thế kiến trúc sư công trình, kiến trúc sư cảnh quan đi vẽ các bản vẽ của họ. Do đó, nội dung và kết quả của thiết kế đô thị phải có độ đàn hồi lớn, phải có chỗ dự trữ thay thế đầy đủ cho những người sáng tạo tiếp theo.

- *Nguyên tắc giai đoạn.* Kết quả của thiết kế đô thị nên căn cứ vào nhiệm vụ các giai đoạn thiết kế khác nhau mà định. Giai đoạn thiết kế đô thị tổng thể nên chú trọng đến xây dựng cơ cấu của hệ thống cảnh quan đô thị, sự gọt rũa hình thái không gian và trật tự không gian, tạo căn cứ cho những giai đoạn thiết kế tiếp theo. Còn thiết kế đô thị chi tiết nên chú ý đến điều kiện tối ưu của không gian, sự hài hòa của không gian, đề ra những yêu cầu khống chế đối với các nhân tố thiết kế cá thể.

(5) ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Việc đánh giá đối với kết quả của thiết kế đô thị là một công việc hết sức phức tạp, việc xác định nội dung và tiêu chuẩn đánh giá luôn luôn là những vấn đề gây tranh luận. Một nhà đô thị học đã đem tiêu chuẩn thiết kế đô thị phân thành hai loại: loại tiêu chuẩn có thể đo lường được và loại tiêu chuẩn không thể đo lường được.

Tiêu chuẩn có thể đo lường được là tiêu chuẩn có thể lượng hóa, gồm có tiêu chuẩn hoàn cảnh tự nhiên, như khí hậu, chiếu nắng, địa lý và nước; tiêu chuẩn hình thái kiến trúc, như độ cao, hình khối, hệ số dung tích về phía sau, hệ số đất

QUÁ TRÌNH VÀ KẾT QUẢ

trống v.v... Trong đó, các yếu tố hoàn cảnh tự nhiên là tiêu chuẩn hoàn toàn khách quan, không thể thay đổi; các yếu tố hình thái kiến trúc là những tiêu chuẩn mà các nhà quy hoạch và các nhà thiết kế quy định, chịu ảnh hưởng và do con người xác định.

Những tiêu chuẩn không thể đo được là những tiêu chuẩn chịu ảnh hưởng của mỹ học, tâm lý và hành vi con người khi đánh giá môi trường hình thể, chỉ có thể mang lại những kết quả định tính.

Sau đây là những tiêu chuẩn không thể đo lường được chỉ xem xét từ việc thảo luận góc độ thiết kế môi trường hình thể. Chúng là những tiêu chuẩn sau:

- *Tính tiện lợi.* Chủ yếu chỉ mức độ có thể đạt được của giao thông và tuyến nhìn. Ví dụ vị trí của khu vực trong đô thị, tính tiêu chí; hướng đi của đường, hình thức của đường; khoảng cách đường xe có động cơ, bãi đỗ xe; điều kiện an toàn và điều kiện thị giác v.v...

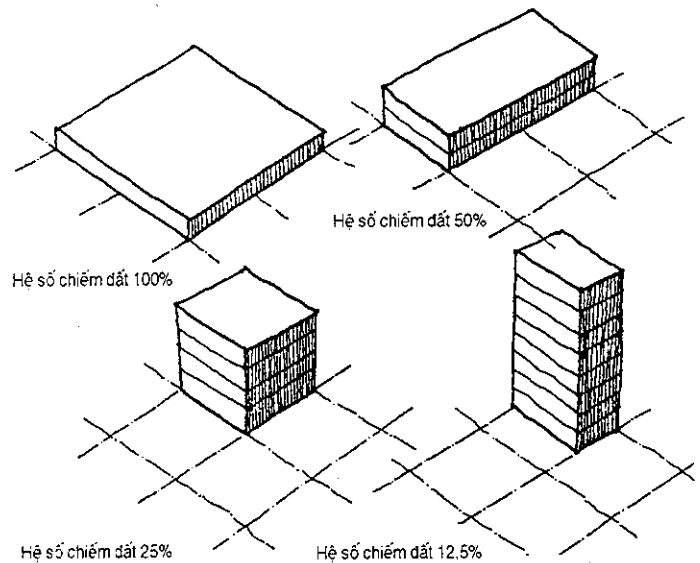
- *Tính đa dạng,* chỉ tính chất sử dụng và chủng loại của nội dung hoạt động, thời gian bền vững, tính chất hoạt động.

- *Tính dễ nhận dạng.* Chỉ khái niệm mức độ giới định của không gian, sự sáng tạo tích cực của không gian, tính dễ nhận dạng của hệ thống môi cảnh, tính hình tượng, tính dễ xem xét và dễ hiểu.

- *Tính linh hoạt:* Chỉ tiềm lực và cơ hội sử dụng mà môi cảnh đô thị đem lại cho người sử dụng, chỉ tính đa dạng của tổ hợp không gian và hình thức kiến trúc; tính bền vững phát triển tiếp theo.

- *Tính hấp dẫn:* Là sự đánh giá môi cảnh từ góc độ mỹ học. Như độ dễ chịu của không gian, cảm giác thú vị về mặt thị giác và hương vị tinh cảm; vẻ đẹp của môi cảnh và sự tôn trọng tự nhiên.

- *Cá tính:* Chỉ đặc trưng của môi trường không gian, hình thức kiến trúc; tính lịch sử và tính địa phương của môi cảnh.



CÁC BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KHI HỆ SỐ KHỐI TÍCH ĐỀU BẰNG 1.

1. KHAI THÁC

Khai thác đô thị là hoạt động kinh tế gắn bó mật thiết với đất đai, đô thị. Trong hoạt động khai thác, đất đai vừa là cái vốn có của tài nguyên, vừa là lực kéo của tài nguyên. Khai thác đô thị là sử dụng đất đai làm lực kéo cho không gian hoạt động của con người để đẩy mạnh hoạt động kinh tế lợi dụng không gian. Nó lấy sự phát triển kinh tế và xã hội làm nền, với mục đích là thoả mãn các yêu cầu của không gian đối với hoạt động đô thị, như các yêu cầu ăn ở, thương nghiệp, công nghiệp và vui chơi giải trí.

Do đô thị có chức năng hội tụ kinh tế, từ đó có sức thu hút nhân khẩu và nghề nghiệp. cho nên, nó tạo cho đất đai đô thị một áp lực rất lớn. Như thế nào để trong một phạm vi đất đai hạn chế mà có thể sắp xếp một cách hợp lý, một cách hữu cơ các hoạt động đô thị đa dạng và phức tạp, chính là vấn đề lớn nhất của việc sử dụng đất đô thị. Quy hoạch đô thị và thiết kế đô thị phải gánh vác cái nhiệm vụ trọng đại đó. Để thiết kế tốt và quản lý tốt đô thị, người kiến trúc sư thiết kế đô thị hiểu biết và nắm vững hoạt động khai thác đô thị là điều cần thiết tất yếu.

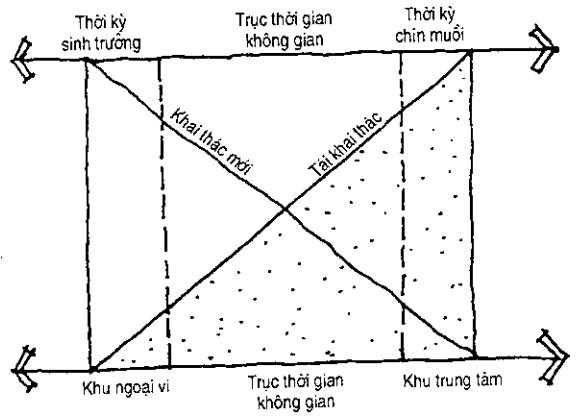
(1) LOẠI HÌNH KHAI THÁC

Khái quát mà nói, khai thác đô thị có ba loại hình:

- *Khai thác mới và tái khai thác.* Khai thác mới là quá trình khai thác đem đất từ cách sử dụng này chuyển hóa sang một cách sử dụng khác cho đô thị, nói chung trên những đất đai mới khai thác thường không có hoặc ít có những vấn đề khúc mắc. Tái khai thác là quá trình thay đổi vật chất của không gian đô thị và luôn luôn kéo theo sự thay đổi của công năng sử dụng. Ví dụ từ một công năng riêng lẻ biến thành một công năng tổng hợp, hoặc giả từ công năng ở biến thành công năng thương nghiệp, mật độ sử dụng đất cũng sẽ phát sinh sự thay đổi. Cái mà tái khai thác mang lại là sự chuyển đổi của kiến trúc cũ, sự sắp xếp lại nhân khẩu, sự cân bằng khối tích, sự hài hòa giữa kiến trúc mới và kiến trúc cũ và nhiều vấn đề phức tạp khác nữa.

Quy luật phân bố không gian của khai thác mới và tái khai thác là: từ thời kỳ sinh trưởng đến thời kỳ chín muồi của đô thị, hoạt động khai thác mới giảm đi, còn hoạt động tái khai thác dần tăng lên; còn từ khu vực trung tâm đến khu vực ngoại vi, hoạt động khai thác mới tăng lên, còn hoạt động tái khai thác dần giảm đi.

- Khai thác công cộng và khai thác phi công cộng. Khai thác công cộng nhìn chung là khai thác đối với không gian chung như cây xanh, đường sá, quảng trường, các trang thiết bị công cộng v.v..., lấy lợi ích công cộng làm căn cứ của quyết sách. Khai thác phi công cộng là khai thác đối với cách dùng đất cho hoạt động sản nghiệp và hoạt động cư trú, lấy sự cao thấp của lợi ích và sự lớn nhỏ của rủi ro để làm căn cứ cho quyết sách. Khai thác công cộng trong khai thác đô thị có tác dụng chủ đạo đối với xây dựng đô thị, không gian công cộng cấu thành hệ mạng phát triển không gian đô thị; các loại hoạt động khai thác phi công cộng tạo nên tính khả năng, và đồng thời cũng xác định sự cấp thiết của công việc. Theo thống kê, ở nước Anh những năm 70 trong xây dựng khai thác đô thị, khai thác công cộng chiếm 50% tổng số vốn đầu tư. Ở Trung Quốc, tỷ lệ khai thác công cộng còn lớn hơn nữa.



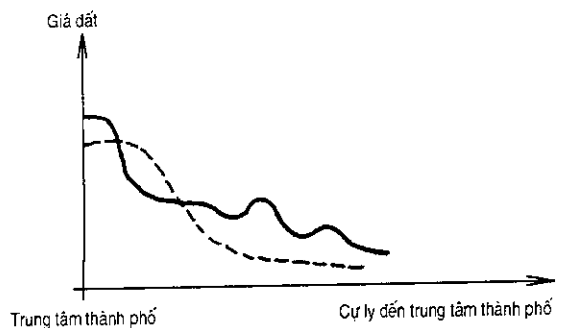
BẢNG KHÔNG GIAN THỜI GIAN CỦA KHAI THÁC MỚI VÀ TÁI KHAI THÁC

- Khai thác mang tính thương nghiệp và khai thác mang tính phi thương nghiệp. Sự phân chia ranh giới hai loại hoạt động khai thác này căn cứ vào mục đích khai thác của chúng, khai thác công cộng là nâng cao phúc lợi cho cộng đồng, nhìn chung là khai thác phi thương nghiệp, còn mục đích của đại đa số các khai thác phi công cộng là để chuyển nhượng bất động sản, từ đó thu được lợi nhuận trực tiếp, thuộc về loại khai thác mang tính thương nghiệp.

(2) KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA KHAI THÁC

Đối với người kiến trúc sư thiết kế đô thị mà nói, ít nhất cần phải nắm vững một số khái niệm liên quan đến khai thác sau đây:

- Vị trí khu vực đô thị và giá đất. Hoạt động khai thác và giá đất tỷ lệ với nhau. Cái gọi là giá đất nghĩa là việc dùng hình thức tiền để biểu thị giá trị của đất. Giá trị của đất cùng với vị trí của đất trong thành phố, điều kiện giao thông, tình hình địa chất và điều kiện hoàn cảnh môi trường đều có sự liên hệ nhất định.

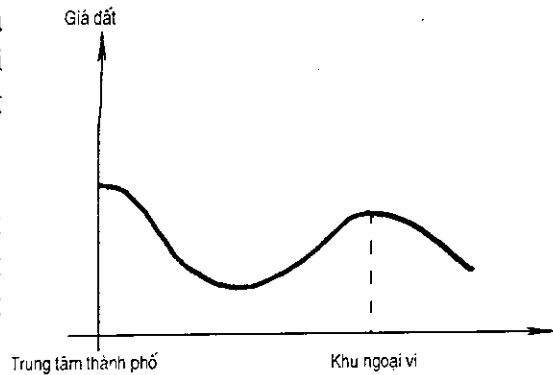


MỐI LIÊN HỆ GIỮA GIÁ ĐẤT VÀ TRUNG TÂM ĐÔ THỊ

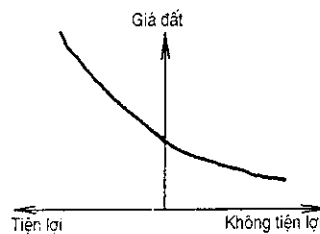
Quy luật chung của việc phân bố giá đất đô thị là: điều kiện vị trí tương đối tốt, tính khả thi cao lợi nhuận hoạt động khai thác tương đối cao thì giá đất tương đối cao, nếu ngược lại giá đất sẽ thấp. Xét theo tổng thể đô thị, trong tình huống thông thường, ở trung tâm giá đất tương đối cao, khoảng cách đến trung tâm càng xa, giá đất xuống dần.

Trong một số đô thị ở các nước phương Tây, sự phát triển của đường cao tốc đã đẩy mạnh việc phát triển các khu vực ngoại vi đô thị, do đó đô thị giá đất có thay đổi lớn, giá đất khu ngoại vi tăng lên đáng kể, nhưng các khu vực thương mại dịch vụ trung tâm (CBD), giá đất cũng vẫn cao.

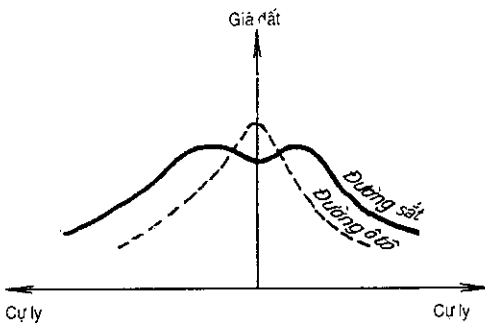
Đối với các khu vực cục bộ của đô thị, giá đất ở các khu vực có sự tiện lợi, an toàn giao thông cao sẽ tương đối cao, những nơi tụ hội nhiều công trình có



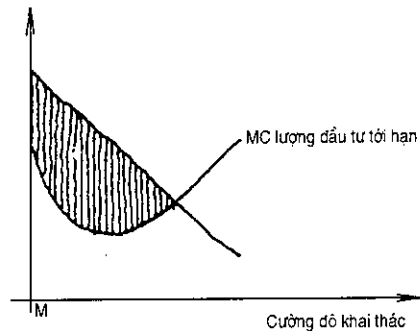
ĐƯỜNG CONG PHÂN BỐ GIÁ ĐẤT TRONG THÀNH PHỐ HIỆN ĐẠI



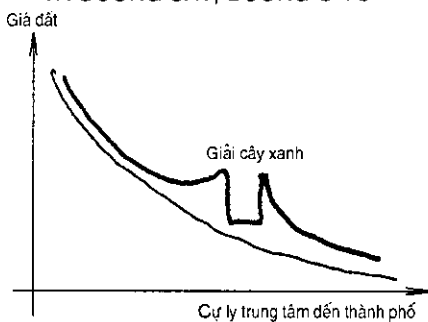
MỐI LIÊN HỆ GIỮA GIÁ ĐẤT ĐÔ THỊ VÀ GIAO THÔNG



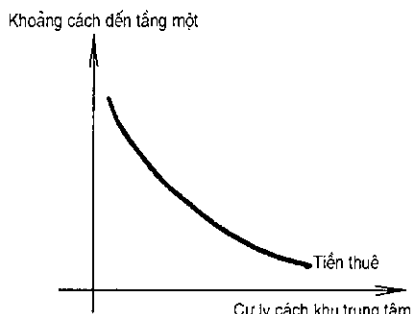
MỐI LIÊN HỆ GIỮA GIÁ ĐẤT VÀ ĐƯỜNG SẮT, ĐƯỜNG Ô TÔ



PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ LỢI ÍCH KINH TẾ KHAI THÁC



MỐI LIÊN HỆ GIỮA GIÁ ĐẤT ĐÔ THỊ VÀ CÂY XANH



MỐI LIÊN HỆ GIỮA TẦNG NHÀ VÀ TIỀN THUÊ

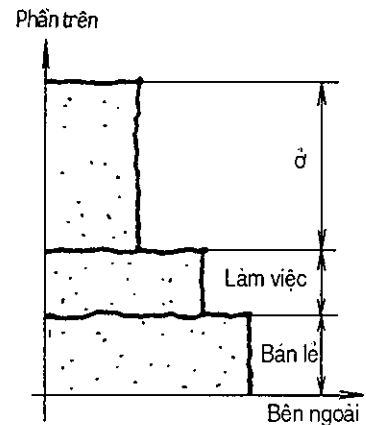
những chức năng sử dụng cần thiết như nhà ga, cửa hàng, công viên và nhà ở v.v... giá đất cũng tương đối cao. Một số nơi khác như nhà máy có tiếng ồn cạnh khu ở, đường sắt cạnh khu ở v.v... giá đất có thể thấp. Còn đường sá và cây xanh có thể làm giá đất tăng lên.

- *Cường độ khai thác và lợi ích.* Từ góc độ kinh tế học mà nói, cường độ khai thác có nghĩa là đầu tư cho đất đai bao nhiêu tiền của. Nói một cách trực quan, đó là xây dựng bao nhiêu diện tích kiến trúc trên đơn vị đất đai, có nghĩa là hệ số khối tích. Khi khai thác đến một giai đoạn nhất định, đất đai trở thành một nhân tố cố định, còn việc đầu tư tiền của lại là một nhân tố có thể biến đổi.

Căn cứ vào nguyên lý kinh tế học vi mô, cùng với việc tổng lợi ích tăng dần, đường biên tới hạn thu lợi nhuận sẽ giảm dần. Khi lượng đầu tư tới hạn bằng với lượng sản xuất ra tới hạn, lợi ích tới hạn bằng không, tổng lợi ích thu được đạt đến tối đa. Trong hoạt động khai thác, cùng với sự gia tăng của diện tích kiến trúc, giá thành công trình (lượng đầu tư tới hạn) từ giảm đến tăng, còn thu nhập của diện tích đơn vị (lượng sản xuất tới hạn) sẽ ngược lại giảm dần.

- *Công năng sử dụng và số tầng.* Xét về mặt số tầng của kiến trúc, tầng một được ưa chuộng nhất, càng lên cao giá trị càng giảm. Nói chung, mấy tầng giáp mặt đất được đánh giá cao, thích hợp với hoạt động mua bán, có thể có hiệu quả kinh tế cao, cho nên có thể trả tiền thuê nhà cao. Nhưng thu nhập của hoạt động bán lẻ đối với sự thay đổi của số tầng là tương đối nhạy cảm, cho nên hoạt động bán hàng từ tầng bốn trở lên rất ít thấy. Bên trên các cửa hàng thường thường là văn phòng, tiếp đó có thể là nhà ở, đó là kiểu nhà thường gọi là tổng hợp đa chức năng.

Tuy nhiên, thang máy và băng chuyền trong kiến trúc công cộng và nhà ở được sử dụng rộng rãi, về một mức độ nào đó đã trung hòa mâu thuẫn giữa công năng sử dụng và số tầng, tạo khả năng cho kiến trúc ngậm xuống đất hoặc vươn lên cao.



MÔ HÌNH TẠO THÀNH CÁC KIẾN TRÚC TỔNG HỢP CHO ĐÔ THỊ.

(3) THIẾT KẾ ĐÔ THỊ VÀ KHAI THÁC

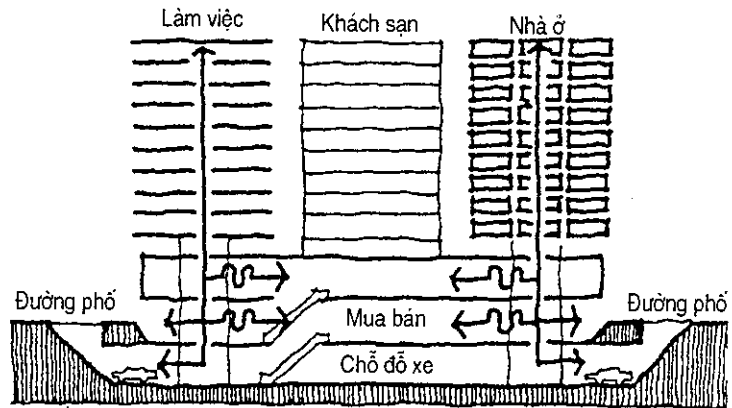
Hoạt động khai thác đô thị bị ảnh hưởng và khống chế bởi rất nhiều nhân tố, trong đó hành vi của con người có ảnh hưởng lớn nhất. Sự khống chế và hướng dẫn đối với hoạt động khai thác ngoài việc thông qua những biện pháp hành chính và kỹ thuật của quản lý xây dựng đô thị, công việc thiết kế đô thị đối với hoạt động khai thác cũng có ảnh hưởng rất lớn. **Chú ý:**



- *Chất lượng môi cảnh.* Đối với người sử dụng, việc chọn lựa địa điểm nhà ở, mua bán và công tác, chất lượng môi cảnh ngày càng trở thành điều kiện số một phải suy nghĩ đến, bởi vì, chất lượng môi trường tốt ngoài việc đáp ứng những yêu cầu vật chất đối với người sử dụng còn đáp ứng các nhu cầu về tâm lý. Cụ thể mà nói, chất lượng môi trường là chỉ kích thước của không gian công cộng và cây xanh, chất lượng sử dụng và chất lượng nghệ thuật của trang thiết bị và không gian. Trước mắt, rất nhiều các nhà đầu tư đã nhận ra giá trị kinh tế tiềm ẩn trong chất lượng môi cảnh, đặc biệt là môi trường ở, họ đã không tiếc tiền của xây dựng các vườn hoa trung tâm và cây xanh trong khu nhà ở. Hiện tượng này đã khiến các ngành quản lý đô thị và các kiến trúc sư thiết kế đô thị chú ý, từ đó tìm ra những hướng đi tốt, tránh những lệch lạc.

- *Hình thái không gian.* Cái đầu tiên ảnh hưởng đến hình thái không gian là mật độ. Trong bài viết "Tìm tòi trong thiết kế đô thị", Jacobs đã cho rằng mật độ dân số thích hợp là 70-150 người/ha; nếu 225-300 người/ha cũng vẫn bảo đảm được sự dễ chịu của cuộc sống đô thị, còn khi mật độ 12-24 người/mẫu Anh, thì không hình thành được cuộc sống đô thị. Nếu mật độ dân số vượt quá 500 người/ha thì điều kiện ở của môi trường đô thị sẽ trở nên tồi tệ.

Ngoài ra, công năng, giới định, tỷ xích của không gian, sự phân chia lãnh vực và bản sắc của hoàn cảnh cũng có ảnh hưởng rất lớn đối với hình thái không gian.



KẾ HOẠCH KHAI THÁC SỬ DỤNG TỔNG HỢP QUẢNG TRƯỜNG WESTMOUNT, THÀNH PHỐ MONTRÉAL, CANADA

2. QUẢN LÝ

Nhà lý luận thiết kế đô thị Mỹ Kevin Lynch đã từng nói, rất nhiều vấn đề trong đô thị vốn không phải là do bản thân đô thị sai, mà chủ yếu là do con người không thạo quy hoạch, kinh doanh và quản lý.

Ở Trung Quốc, rất nhiều đô thị nảy sinh ra các vấn đề đại đa số là do hành vi con người can thiệp vào quá nhiều, các hành vi tác động trong một thời gian ngắn quá nhiều, do thiếu sót của khoa học quản lý đô thị mà tạo nên. Thiết kế đô thị là một ngành khoa học nhấn mạnh tính năng động và khả năng hợp tác hài hòa. Một

KHAI THÁC VÀ QUẢN LÝ

kế hoạch thiết kế đô thị tốt hoàn toàn không phải chỉ là công việc trên bản vẽ hoặc là một cuộc thảo luận trong phòng họp, mà là một chuỗi các quá trình quyết sách của thiết kế đô thị và quản lý thực thi.

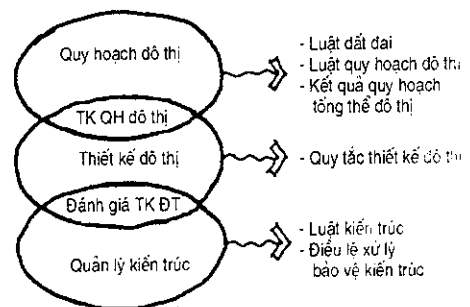
Từ lịch sử phát triển đô thị cận hiện đại phương Tây mà xem xét, lý luận, xây dựng và quản lý đô thị là đồng thời phát triển, bổ sung tương hỗ cho nhau. Cho nên có thể thấy quản lý là một bộ phận không thể chia cắt của thiết kế đô thị.

Thực thi quản lý thiết kế đô thị bằng các con đường khác nhau, tổ chức sự tham gia của các nhân viên có liên quan, bảo đảm sự khả thi hợp lý của phương án thiết kế đô thị, đem kết quả thiết kế đô thị chuyển hóa thành các quy tắc và điều lệ pháp luật có hiệu quả, trong quá trình thực thi vận dụng được khoa học kỹ thuật quản lý. Có nguồn đầu tư ổn định, có trật tự khai thác tuân hoàn tốt đẹp, có cơ chế vận hành khoa học hóa và pháp chế hóa.

Pháp chế hóa là sự bảo đảm căn bản của quản lý thực thi thiết kế đô thị. Mục đích cuối cùng của việc hoạch định pháp chế xây dựng đô thị là bảo vệ lợi ích công cộng, bảo vệ sức khỏe của nhân dân, bảo vệ môi trường đô thị lành mạnh, sạch sẽ và an toàn, xuất phát từ mục đích đó, con người dần dần hoàn thiện các loại luật pháp và tiêu chuẩn liên quan đến đô thị và kiến trúc. Năm 1848, nước Anh đã xây dựng "Luật vệ sinh công cộng", trong đó có nhiều chương mục viết về tiêu chuẩn ở. Năm 1905, lại ban bố "Pháp lệnh về nhà ở và quy hoạch đô thị". Năm 1916, ở thành phố New York, Mỹ đã ra đời "Luật phân vùng" đối với việc sử dụng đất đai và kiến trúc cao tầng. Những pháp lệnh đó ảnh hưởng đến xây dựng và phát triển hình thái đô thị, trong đó ảnh hưởng lớn nhất là "Luật phân vùng".

Năm 1979 và năm 1986, Trung Quốc lần lượt ban bố "Pháp lệnh bảo vệ môi trường" và "Pháp lệnh Quản lý đất đai", sau đó lại tiếp tục ban bố "Điều lệ quy hoạch đô thị" v.v... và những bộ luật về quy hoạch đô thị hoặc liên quan đến quy hoạch đô thị. Năm 1989, lại ban bố "Pháp lệnh quy hoạch đô thị nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa"; bộ luật này đã tạo lập được những chính sách hoàn chỉnh và căn cứ quy phạm cho việc xây dựng quy hoạch, quy tắc xây dựng đô thị, đã đặt được những cơ sở tốt cho việc pháp chế hóa các pháp quy và điều lệ thiết kế, kỹ thuật quản lý thực thi.

Kết quả thiết kế đô thị thu được phải trải qua việc thực hiện một loạt các quá trình khai thác, cho nên sau đây sẽ bàn đến kỹ thuật quản lý thực thi thiết kế đô thị theo trình tự thời gian triển khai trong hoạt động khai thác đô thị.



KHÁI NIỆM THỂ CHẾ PHÁP QUY KẾT HỢP
BA LÃNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ, THIẾT KẾ
ĐÔ THỊ VÀ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC

(1) TRƯỚC KHI KHAİ THÁC

Xét về mặt toàn thể đô thị, rất nhiều công việc của quản lý thiết kế đô thị là mang tính thường xuyên và tính lâu dài, ví dụ như công việc điều tra đô thị, giáo dục nhân dân v.v... Điều tra đô thị là một bộ phận của công tác lưu trữ, nó bắt đầu từ điều tra kiến trúc, cảnh quan, không gian, các phương tiện môi cảnh của đô thị, tiến hành thu thập và nắm vững một cách toàn diện tình hình hiện trạng và lịch sử môi trường hình thể đô thị, xây dựng hồ sơ lưu trữ xây dựng đô thị. Trước mắt công việc này kết hợp với việc xây dựng hệ thống thông tin địa lý đô thị. Thông qua công việc này, người tham gia xây dựng đô thị sẽ giả thiết ra sự lý giải đối với xây dựng thành phố và cũng là một trong những căn cứ để làm quyết sách quản lý.

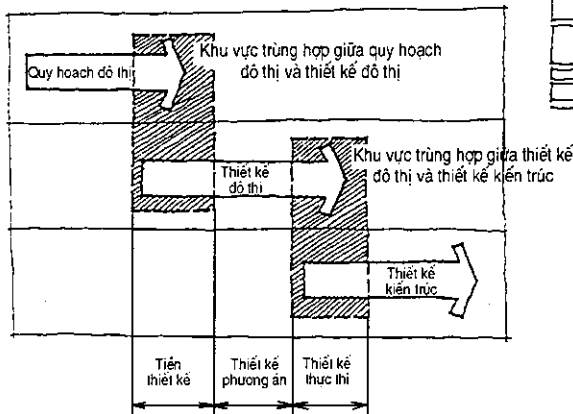
Giáo dục nhân dân đô thị thông qua việc biên soạn các loại sách hướng dẫn, sách công cụ, sổ tay quy chuẩn thiết kế, các loại tài liệu tuyên truyền khác nhau, khiến cho dân chúng hiểu biết đô thị, hiểu biết các điều lệ pháp quy xây dựng đô thị, tăng thêm ý thức tham gia vào xây dựng đô thị. Ví dụ như những hoạt động tuyên truyền "Tôkyô của tôi" ở Nhật và "Hình ảnh tự thân đô thị" ở Mỹ, đã khơi dậy sự quan tâm và lòng yêu mến của người dân đối với thành phố, đã tạo ra các điều kiện và hoàn cảnh tốt cho việc thực thi xây dựng đô thị.

Công tác quản lý liên quan chặt chẽ với hoạt động khai thác đô thị là công tác "Tiền thiết kế" thuộc giai đoạn trước khi khai thác, đó là một trong những biện pháp kinh tế mà các ngành của chính phủ sử dụng để điều khiển hoạt động khai thác đô thị. Khái niệm này được dịch ra từ chữ "Predesign", từ này xuất hiện trong pháp lệnh phân vùng đô thị Mỹ từ rất sớm. Đó là giai đoạn khởi đầu của thiết kế đô thị, nhiệm vụ của công việc "Tiền thiết kế" là thông qua việc xác định mục tiêu khai thác và phương châm thiết kế, xác định được một cái "trục hạt nhân" cơ bản của hoạt động thiết kế đô thị, giới định ra những vấn đề giải quyết và phạm vi nghiên cứu của giai đoạn sau.

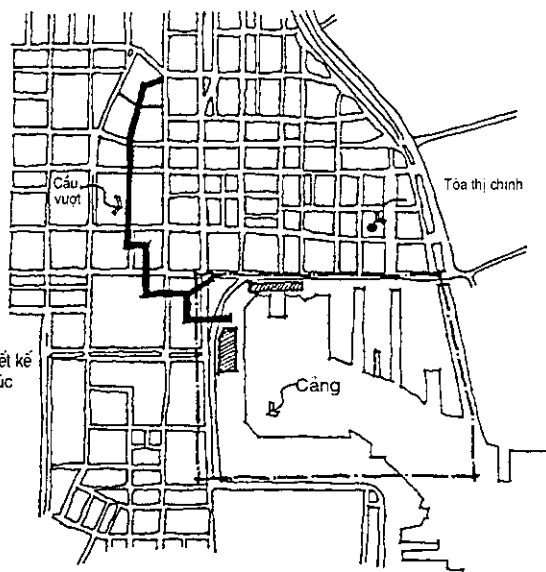
Tiền thiết kế là sự quá độ của quy hoạch đô thị sang thiết kế đô thị, đó là "khu vực trùng hợp" của hai chuyên ngành, thông qua tính tích cực của tiền thiết kế, có thể khởi động, xúc tiến và ảnh hưởng đến sự phát sinh và phát triển của thiết kế đô thị, nâng cao tầm ảnh hưởng mang tính quyết định đối với việc hình thành môi trường hình thể đô thị.

Về mặt quản lý xây dựng đô thị của Chính phủ, tiền thiết kế cũng là một biện pháp điều tiết thị trường khai thác. Thông qua việc "xây tổ dụ chim", giúp cho mọi người nhận thức được tiềm năng khai thác và khái niệm thiết kế của khu vực đô thị đặc định, khiến cho đất đai có tiềm lực khai thác thể hiện ra giá trị của nó, từ đó thu hút đầu tư, xúc tiến khai thác, cải tạo đô thị, triển khai kinh tế đô thị một cách có kế hoạch.

Việc cải tạo cảng trong của thành phố Baltimore, Mỹ là một ví dụ thành công tiêu biểu, thông qua việc tích cực tiến hành tiền thiết kế và các biện pháp hành chính,



MỐI QUAN HỆ GIỮA BA NGÀNH XÂY DỰNG ĐÔ THỊ, THIẾT KẾ ĐÔ THỊ VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC



MẶT BẰNG CẢI TẠO KHU VỰC CẢNG TRONG THÀNH PHỐ BALTIMORE, MỸ

sự kết hợp mật thiết giữa thiết kế và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công cộng để cải thiện môi trường đầu tư. Và từ cơ sở đó mở rộng ảnh hưởng, tranh thủ các hướng đầu tư rộng rãi hơn nữa, chỉ trong 10 năm đã khiến cho khu vực cảng đổi mới hẳn bộ mặt.

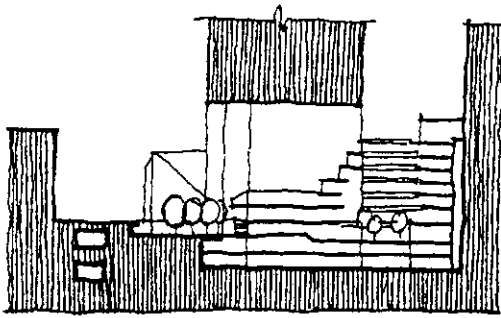
(2) TRONG KHI KHAI THÁC

Trong quá trình khai thác, công tác quản lý thiết kế đô thị rất phức tạp, phải dùng biện pháp pháp luật để đẩy mạnh việc thực thi thiết kế đô thị. Trước mắt hay dùng nhất là phương pháp phân vùng (Zoning).

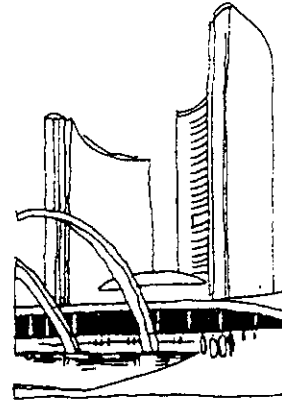
Phương pháp phân vùng là đem đô thị chia thành nhiều khu vực khác nhau, thông qua việc thực hiện khâu tiền thiết kế đối với mỗi khu vực, lấy hình thức pháp luật đề ra các quy định khác nhau, trong đó bao gồm phạm vi tính thích dụng, tính kiêm dụng và tính loại bỏ của việc sử dụng đất, cường độ khai thác, định vị kiến trúc, hoàn cảnh ngoại thất hạ tầng cơ sở cũng như các điều kiện trói buộc khác.

Mục đích của phương pháp phân vùng là xúc tiến sự hài hòa trong việc sử dụng đất, tăng cường việc làm đẹp cảnh quan của cộng đồng; phát huy lợi ích kinh tế của đất đai, bảo đảm mức độ phục vụ và phương tiện công cộng thích hợp. Phương pháp phân vùng là phương pháp cơ bản của thiết kế đô thị, cái mà nó nghĩ đến là những khống chế cơ bản đơn thuần, rất dễ tạo ra những cảnh quan đô thị đơn điệu. Cho nên trên cơ sở phương pháp phân vùng, quản lý thực thi thiết kế đô thị còn phải có nhiều phương pháp linh hoạt.

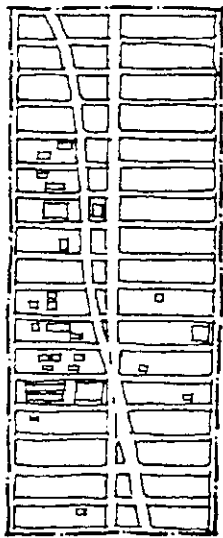




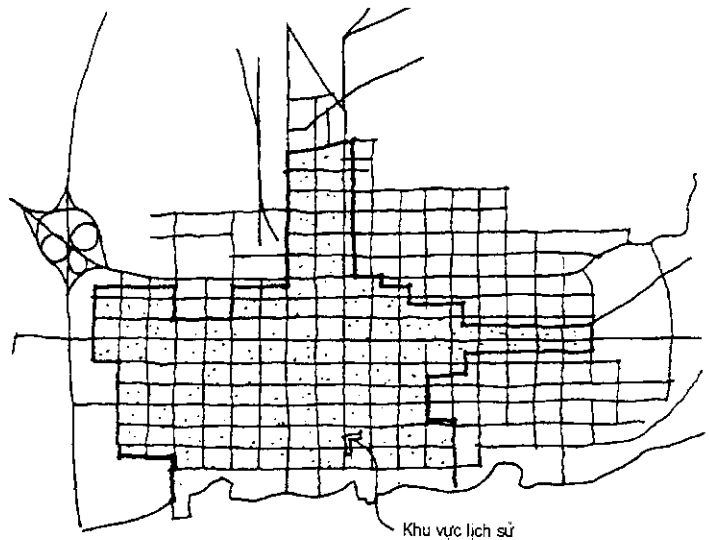
MẶT CẮT PHẦN DƯỚI
MỘT NHÀ NGÂN HÀNG Ở MỸ



TÒA THỊ CHÍNH TORONTO, CANADA



MẶT BẰNG KHU NHÀ HÁT Ở NEW YORK, MỸ



KHU VỰC BẢO TỒN LỊCH SỬ
Ở THÀNH PHỐ ALEXANDER BANG VIRGINIA, MỸ

1. Phân vùng đặc biệt từ những năm 1960 trở lại đây, càng ngày việc phân vùng đặc biệt càng được đưa nhiều hơn vào trong việc quản lý thực thi của thiết kế đô thị. Cái gọi là phân vùng đặc biệt có nghĩa là tách ra những khu vực có giá trị, có đặc sắc trong thành phố tạo cho chúng một điều lệ quản lý riêng biệt, để bảo đảm tính chất đặc biệt của khu vực đó đồng thời khuyến khích xây dựng phát triển của khu vực đó. Phân vùng đặc biệt đem việc thực thi quản lý liên hệ chặt chẽ với đặc sắc văn hóa, kinh tế, xã hội của đô thị, biến sự khống chế tiêu cực thành sự chỉ dẫn tích cực, tăng thêm tính linh hoạt về mặt quản lý.

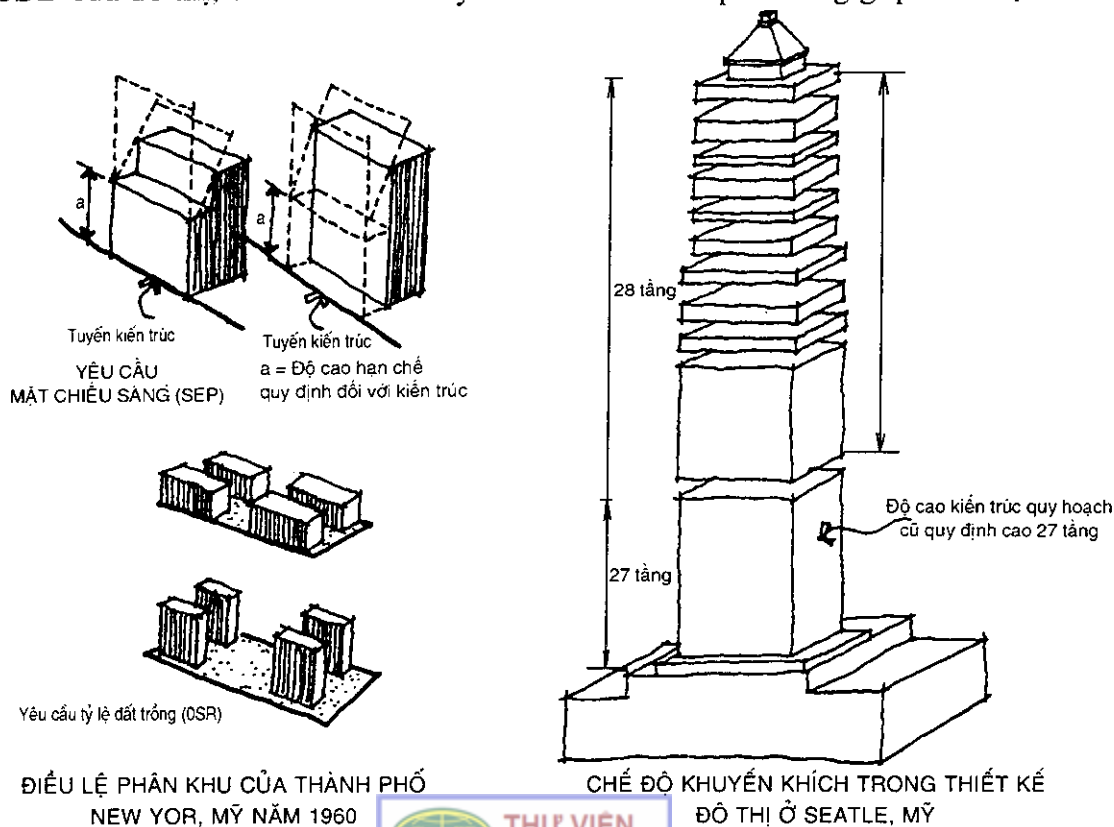
- *Khu lịch sử*: Tách khu vực có giá trị lịch sử và ý nghĩa lịch sử trong đô thị riêng ra để dễ dàng bảo tồn tổng thể khu vực, ví dụ như khu vực đồi núi đặc biệt ở Boston, Mỹ, khu vực lịch sử ở thành phố Alexander, bang Virginia, Mỹ.

- *Khu sử dụng hỗn hợp*. Đó là một khái niệm sử dụng hỗn hợp phát triển lập thể; khuyến khích sự hội nhập các chức năng sử dụng bổ khuyết cho nhau, để đảm bảo sức sống của khu vực suốt 24 giờ trong ngày, như tòa thị chính thành phố Toronto, Canada.

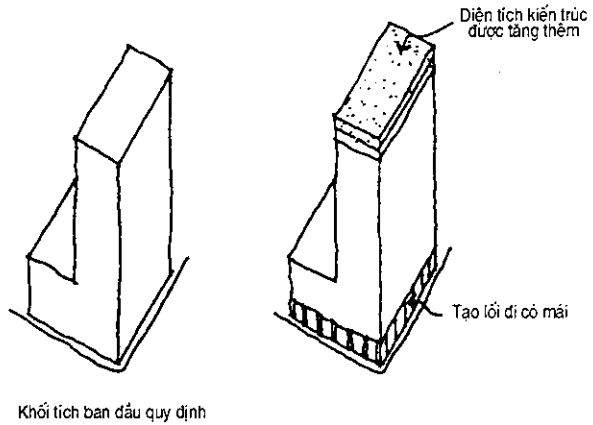
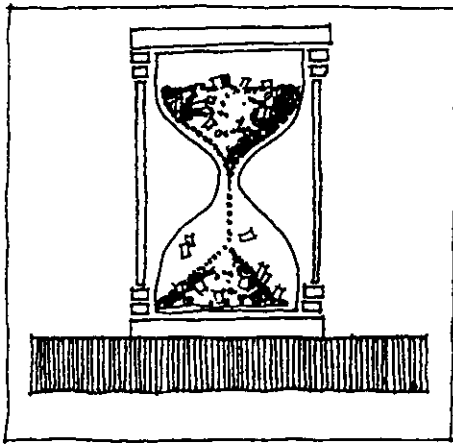
- *Khu sử dụng đặc biệt*. Ví dụ như khu vực Nhà hát ở New York, đem khu vực này xếp hạng thành một khu đặc biệt để bảo tồn đặc điểm văn hóa và tính tiêu chí của khu vực trong thành phố, để hấp dẫn khách du lịch. Còn ví dụ như các khu vực cư trú của các dân tộc ít người, như các khu vực Tiểu Italia, China Town ở New York.

2. Nguyên tắc linh hoạt đối với các yếu tố môi cảnh hình thể đặc biệt và phân tán không tập trung trong thành phố, phương pháp phân vùng còn rất nhiều nguyên tắc linh hoạt muôn hình muôn vẻ, chủ yếu là:

- *Phân vùng khích lệ (Incentive Zoning)*. Căn cứ vào sự đóng góp và cống hiến của chủ đầu tư cho môi cảnh công cộng nhiều hay ít mà áp dụng những biện pháp quản lý khích lệ, tức là ngoài việc trong quy hoạch vùng cho phép hệ số khối tích nhất định, cho tăng thêm một diện tích kiến trúc nhất định. Ví dụ như đối với các khu CBD của đô thị, chủ đầu tư theo yêu cầu của thành phố đóng góp vào việc khai

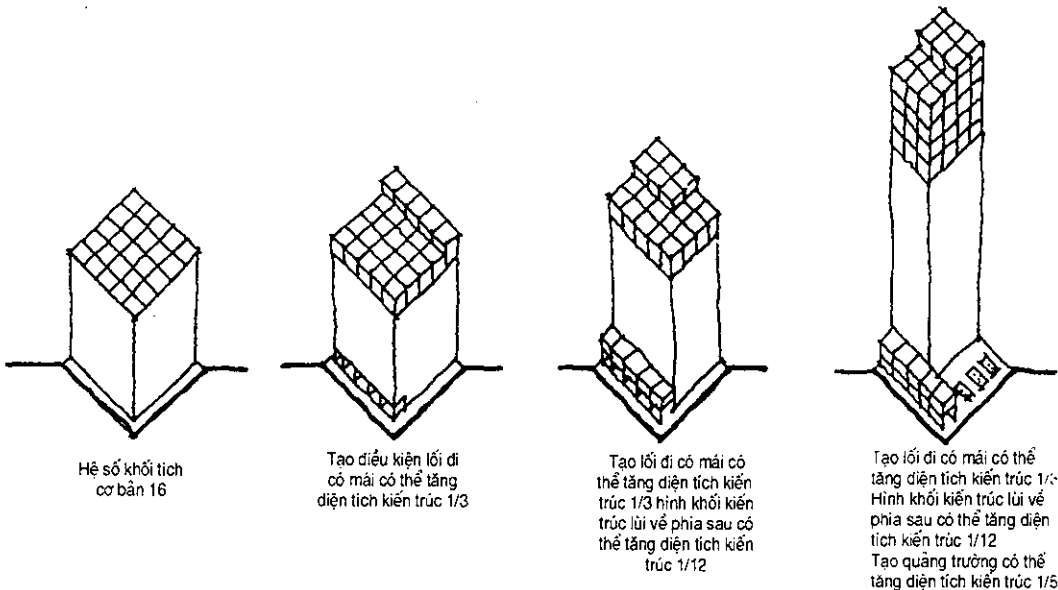


thác tổng hợp các quảng trường công cộng, hành lang cuốn, cầu vượt cho khách đi bộ, các đài quan sát phong cảnh trên đỉnh nhà cao tầng, hoặc trong các khu cư trú tạo điều kiện chiếu nắng, tỷ xích tốt hay xây dựng các khu cây xanh trung tâm v.v... đều có thể là những điều kiện cho phép khích lệ trong quy hoạch. Các hạng mục trên đều có tỷ lệ nhất định trong tỷ lệ toàn bộ, căn cứ vào tỷ lệ đó có thể tính ra diện tích kiến trúc được tăng thêm là bao nhiêu.

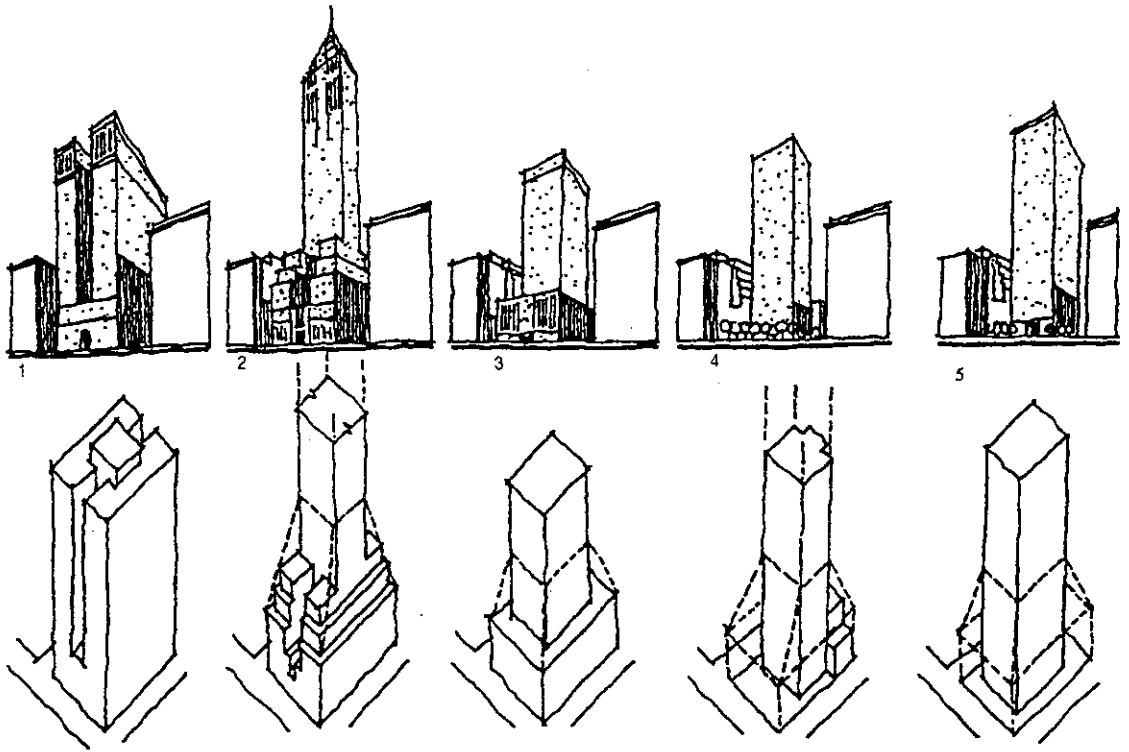


Khối tích ban đầu quy định

CHẾ ĐỘ KHÍCH LỆ TRONG QUY HOẠCH KHU VỰC MỸ



ĐIỀU LỆ KHÍCH LỆ TRONG QUY HOẠCH KHU VỰC Ở CHICAGO, MỸ NĂM 1957.



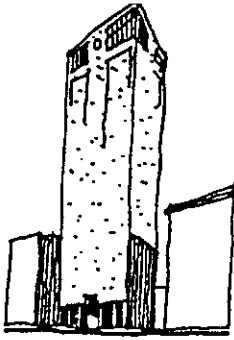
Trước năm 1916, nói chung kiến trúc khu Manhattan ở New York là xây dựng trực tiếp vươn lên cao men theo đường đô kiến trúc, kết quả là toàn bộ đường phố tối tăm, không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Năm 1916, thành phố New York thông qua Luật quy hoạch khu vực thứ nhất, để ra việc kiến trúc phải xây lùi về phía sau, cứ lùi vào một khoảng thì có thể tăng thêm độ cao kiến trúc, độ cao kiến trúc không hạn chế, kết quả là xuất hiện một số công trình kiến trúc xấu.

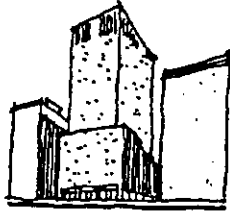
Luật quy hoạch khu vực sửa đổi năm 1961 lấy "mặt được chiếu sáng" (SEP) thay cho quy định lùi về phía sau của khu vực hạn chế cao độ. Để phối hợp với không gian cần diện tích lớn của những nhà làm việc, phần tháp cao không bị hạn chế bởi bề mặt chiếu sáng.

Một điều khoản khác của Luật quy hoạch khu vực sửa đổi năm 1961 là tăng thêm không gian mở của công trình kiến trúc, để xuất ra khái niệm "Quảng trường trong kiến trúc cao tầng".

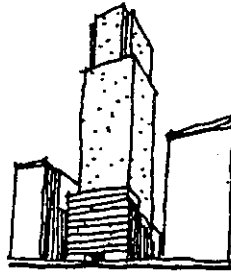
Theo quy định của Luật quy hoạch khu vực năm 1961, nếu bố trí quảng trường thì có thể tăng thêm diện tích kiến trúc 20%, hệ số khối tích có thể tăng lên 18, mở ra một con đường mới cho quy hoạch kích lệ.



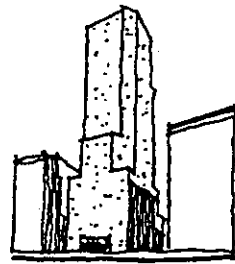
6



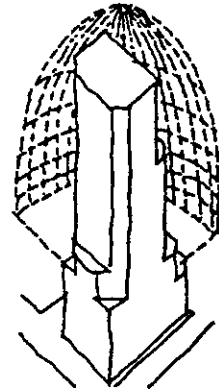
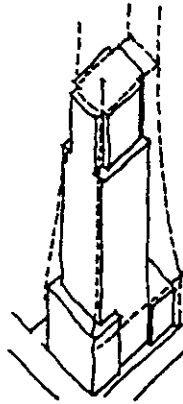
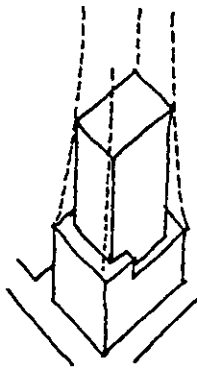
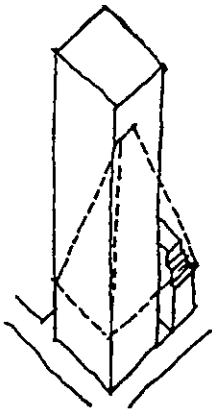
7



8



9



Để không phá hoại tính liên tục của đường phố, luật kích lệ mở rộng đến cả không gian công cộng bên trong. Nếu tạo lập quảng trường công cộng bên trong nội thất, thì hệ số khối tích có thể từ 15 nâng cao đến 21,6 tuy vậy không gian công cộng bên trong bất lợi cho việc lấy ánh sáng cho đường phố, cho nên quá trình thực thi gặp rất nhiều khó khăn.

Để cho đường phố được chiếu nắng tốt, căn cứ vào đường cong chiếu nắng hoặc việc có che chắn nắng hay không mà quyết định điều lệ quy hoạch kích lệ. Thiết kế kiến trúc nếu phù hợp với tiêu chuẩn chiếu sáng, sẽ thu được tinh linh hoạt cao hơn.
Theo yêu cầu của đường cong chiếu nắng, hệ số khối tích là 15 đối với kiến trúc cao tầng.

Theo yêu cầu của đường cong chiếu nắng, hệ số khối tích là 18 đối với kiến trúc cao tầng.

Theo biểu đồ chiếu nắng mới, sử dụng các mạng ô vuông lấy ánh sáng để xác định hình khối kiến trúc cao tầng có hệ số khối tích là 18.

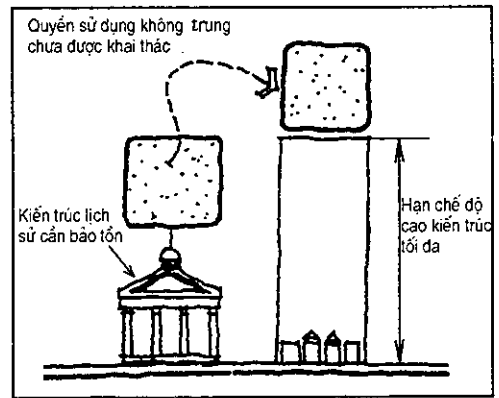
ẢNH HƯỞNG CỦA LUẬT QUY HOẠCH KHU VỰC Ở KHU MANHATTAN, MỸ
ĐỐI VỚI KIẾN TRÚC CAO TẦNG.



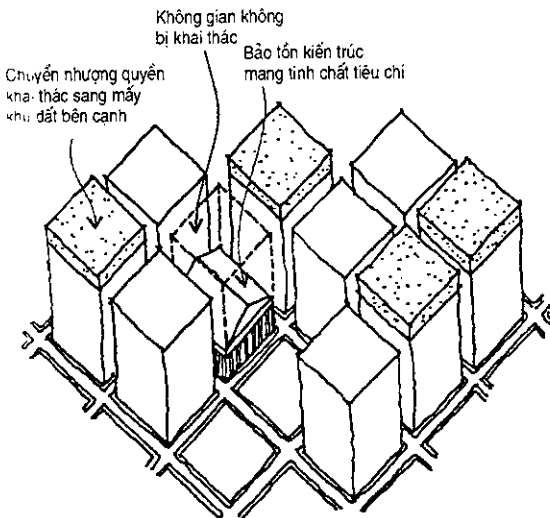
KHAI THÁC VÀ QUẢN LÝ

- *Chuyển nhượng quyền khai thác trên cao (Development Hight Transfer)*. Kỹ thuật này chủ yếu dùng cho việc bảo hộ những tài nguyên quan trọng cần thiết trong xây dựng đô thị, ví dụ các kiến trúc mang tính tiêu chí, các kiến trúc mang tính lịch sử, các điều kiện tự nhiên đặc biệt v.v... khiến chúng không bị những hoạt động khai thác mới đe dọa, có nghĩa là đem quyền chuyển nhượng những không gian trên cao của những tài nguyên đó chuyển nhượng sang khu vực khác, chủ đầu tư được quyền khai thác sẽ được phép tăng diện tích kiến trúc ngoài phạm vi nhất định. Thông qua việc chuyển nhượng và bổ sung thêm như vậy, không những bảo vệ được bản sắc của tài nguyên đô thị, mà còn từ khía cạnh kinh tế giải quyết những khó khăn trong việc bảo vệ những tài nguyên nói trên.

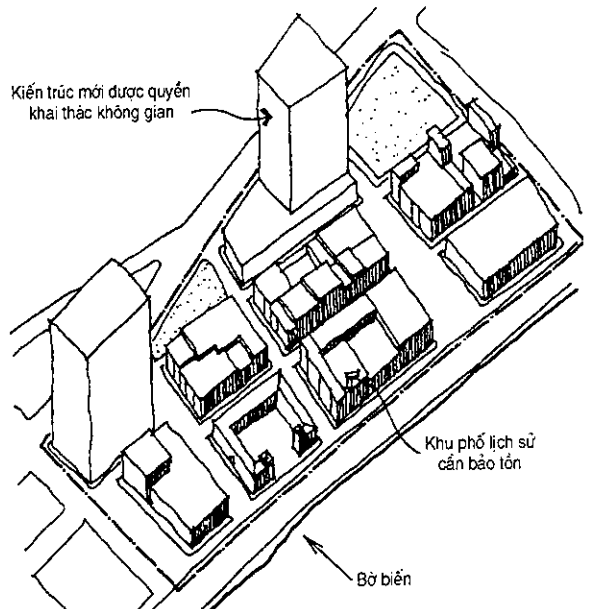
- *Liên hợp khai thác đơn vị quy hoạch (Planned Unit Development)*. Trong sự không chế nghiêm ngặt của việc phân khu quy hoạch, bố cục và thiết kế kiến trúc của khu đất thông thường tỏ ra đơn điệu, không gian bên ngoài không đủ và vụn vặt, không có cách nào sửa đổi và sử dụng, cho nên đã ra đời khái niệm liên hợp khai thác đơn vị quy hoạch. Khái niệm cơ bản của nó là: trong khi khai



CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC KHÔNG TRUNG



CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC KHÔNG TRUNG TRONG LUẬT QUY HOẠCH KHU VỰC MỸ



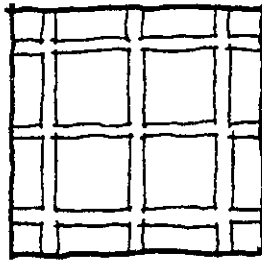
VÍ DỤ VỀ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC KHÔNG TRUNG Ở MỘT KHU VỰC THUỘC THÀNH PHỐ NEW YORK, MỸ.

thác khu nhà ở, kế hoạch khai thác không bị hạn chế bởi quy hoạch khu vực, mà cho phép có một thiết kế có độ linh hoạt lớn nhất. Kỹ thuật này tạo điều kiện dễ dàng cho việc hình thành quần thể kiến trúc một cách hoàn chỉnh và sử dụng đất một cách tổng thể, có lợi cho việc dùng vốn đầu tư hạ tầng cơ sở ít nhất mà mang lại tính linh hoạt trong thiết kế lớn nhất lại vừa có thể bảo tồn nhất định diện mạo của tự nhiên, bảo đảm sự cân bằng sinh thái. Công việc này vừa lợi cho công chúng vừa lợi cho các tư nhân tiến hành khai thác.

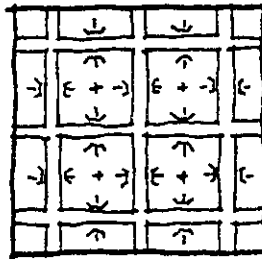
Ngoài ra, nguyên tắc linh hoạt còn áp dụng cho khối phố siêu lớn (Super block), xây dựng mặt đứng bao gồm việc có quyền chuyển nhượng, miễn thu thuế, miễn nộp thuế hạ tầng cơ sở, miễn đầu tư công cộng để cải thiện môi trường đầu tư.

3. Mô thức tác động khu vực đặc biệt. Quản lý thực thi thiết kế đô thị và nguyên tắc linh hoạt đã đẩy mạnh việc đa dạng hóa môi cảnh đô thị và tạo bản sắc cho đô thị, nhưng cũng đem lại cho việc thực thi quản lý những khó khăn. Cho nên, thực thi quản lý thiết kế đô thị càng ngày càng tiến tới cấu

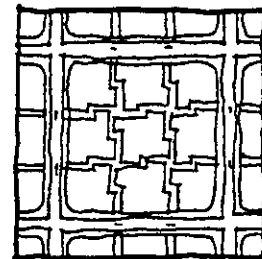
Trên đường phố xe cộ và người cùng đi, xe cộ là chính



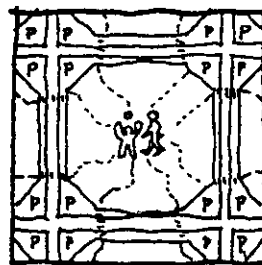
Trên đường phố người và xe cộ đi lại tách khỏi nhau, tăng thêm cảm giác an toàn của người trên đường phố



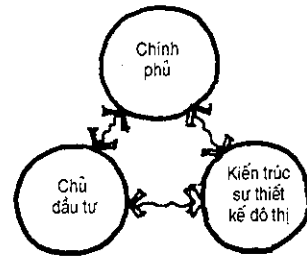
Đường phố biến thành hai hình thức tổ hợp lấy người làm chính và lấy xe làm chính tổ chức giao thông như vậy rất có hiệu quả, lại tiện lợi cho người



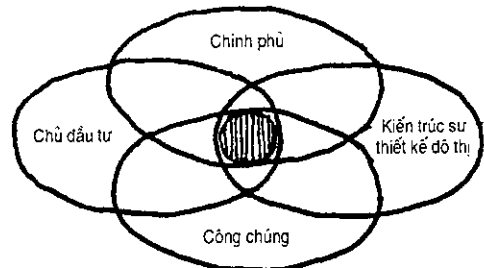
Khu vực khối phố siêu lớn khiến cho ý tưởng tạo thành khu vực hoạt động cho người đi bộ có diện tích lớn trở thành hiện thực



MÔ THỨC VẬN HÀNH THIẾT KẾ ĐÔ THỊ TRUYỀN THỐNG



MÔ THỨC VẬN HÀNH THIẾT KẾ ĐÔ THỊ HIỆN ĐẠI



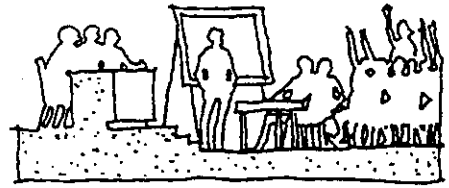
SƠ ĐỒ DIỄN BIẾN QUAN HỆ GIỮA NGƯỜI VÀ ĐƯỜNG PHỐ ĐÔ THỊ

HAI LOẠI MÔ THỨC TÁC ĐỘNG THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

trúc mở, về mặt quản lý ngoài các nhân viên quản lý hành chính thiết kế đô thị, cán bộ thiết kế chuyên môn và các chủ đầu tư ra, còn tăng thêm những chuyên gia đánh giá thiết kế và công chúng tham dự.

- *Đánh giá thiết kế (Design Review)*. Là khâu chủ yếu để đánh giá đối với nguyên tắc linh hoạt. Là một hội đồng được tạo thành bởi cán bộ quản lý hành chính, cán bộ thiết kế, chủ đầu tư, đưa ra những nhận xét đánh giá về nguyên tắc linh hoạt và phương án thiết kế. Thiết kế sau khi được đánh giá xong mới có được sự khích lệ tương ứng và cho phép thực thi.

- *Công chúng tham gia (Public Participation)*. Là người sử dụng môi cảnh và cư dân thành thị tham gia vào việc điều tra, phác họa, bình luận, làm quyết sách đối với môi cảnh đô thị cũng như các quá trình thiết kế đô thị khác. Hiến chương Machupicchu đã đề xuất một cách rõ ràng việc công chúng tham gia vào quản lý xây dựng đô thị, từ đó phương pháp này được ứng dụng rộng rãi, đem lại các thành công cho rất nhiều thành phố, được coi là "cũng quan trọng giống như kết quả cuối cùng của thiết kế".

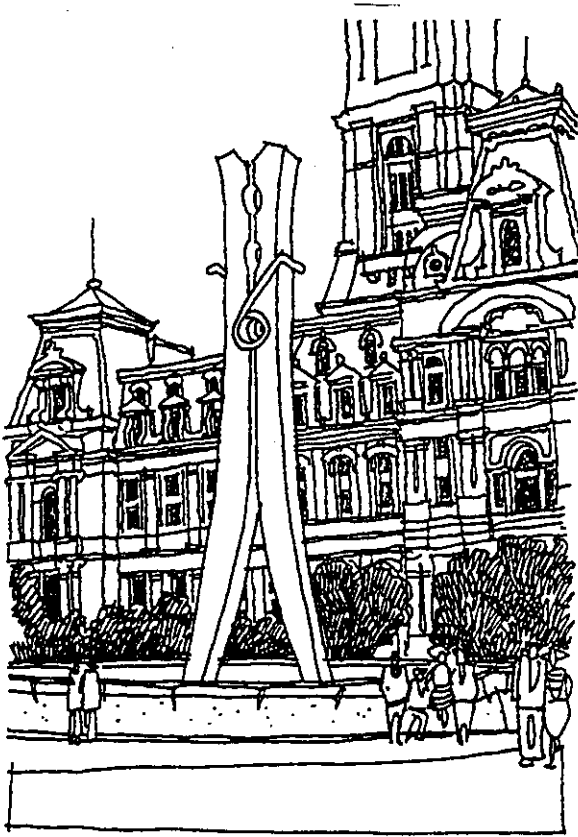


HỘI NGHỊ NGHE VÀ BÀN LUẬN -
MỘT HÌNH THỨC THAM GIA CỦA CÔNG CHÚNG

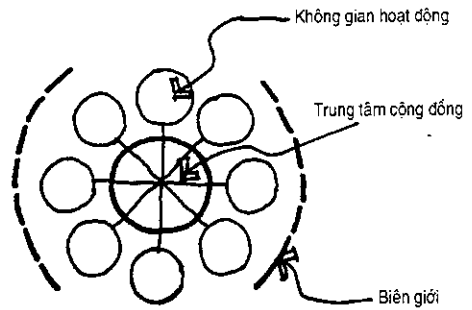
4. Nghệ thuật công cộng khái niệm nghệ thuật công cộng bắt đầu có do Cục Tái phát triển đô thị của thành phố Philadelphia, Mỹ đề ra trong đề án "Kinh phí nghệ thuật". Trong đó đề ra : bất cứ một công trình công cộng nào trong khi làm dự toán, cũng phải có 1% để mua vị trí và bố trí các tác phẩm nghệ thuật công cộng. Năm 1967, trong pháp lệnh "Nghệ thuật công cộng" của Quỹ tài trợ Quốc gia Mỹ cũng đề xuất ra nội dung này và chú ý nhiều đến vấn đề môi trường tổng thể của tác phẩm nghệ thuật.

(3) SAU KHI KHAI THÁC

Phương pháp thiết kế của thiết kế đô thị và kỹ thuật quản lý thực thi là công tác trực tiếp của việc tạo dựng môi trường hình thể của đô thị. Sau khi việc thực thi thiết kế đô thị được hoàn thành, việc duy trì chất lượng môi cảnh là biện pháp tất yếu để giữ gìn kết quả thiết kế đô thị. Cho nên, việc bảo vệ và quản lý môi trường đô thị cũng là công việc hết sức quan trọng. Nó là công tác tiếp tục về sau của thiết kế đô thị, có lợi cho việc hình thành và sáng tạo của cộng đồng, góp phần hình thành một xã hội ổn định và có sức hấp dẫn.



ĐIỀU KHẮC TRONG MÔI TRƯỜNG
KHU TRUNG TÂM PHILADELPHIA, MỸ



CẤU TRÚC KHÔNG GIAN
CỦA HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

1. CẢNH QUAN

(1) KHÁI NIỆM VÀ CẤU THÀNH

Cảnh quan đô thị là hình thức thị giác của các loại hình thái vật chất do môi trường đô thị và sinh hoạt đô thị cùng góp phần hình thành, là những hình ảnh thu được sau khi cảm nhận của người quan sát, thuộc về phạm trù nghiên cứu cái đẹp của đô thị. Cho nên, thiết kế cảnh quan đô thị cũng có thể nói là sự thể hiện cụ thể vào thời gian, không gian, mỹ học đô thị, nó là một trong những biện pháp có hiệu quả để thực hiện việc sáng tạo môi cảnh đô thị có chất lượng cao.

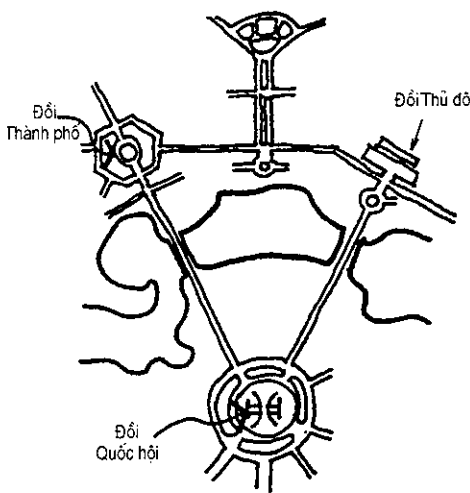
Cảnh quan đô thị bao gồm ba yếu tố : cảnh vật, sự thụ cảm cảnh vật và điều kiện chủ quan, khách quan. Cảnh vật là bản thân hình thức cảnh quan đô thị, là vật liệu cơ bản. Các cảnh vật khác nhau thông qua các thiết kế khác nhau, sử dụng và bố cục khác nhau, có thể hình thành các cảnh quan đô thị khác nhau. Thụ cảm cảnh vật là sự phản ánh cảm giác của con người đối với cảnh quan đô thị, thụ cảm cảnh vật của những người khác nhau sẽ khác nhau. Cảnh vật trong đô thị là điều kiện khách quan của cảnh quan đô thị, còn con người trong quá trình thưởng ngoạn cảnh quan của đô thị, thì thời gian, địa điểm và tình hình cá nhân của người thưởng ngoạn lại là điều kiện chủ quan của cảnh quan đô thị.

Cùng với việc nâng cao chất lượng cuộc sống của đô thị hiện đại, con người mong muốn hoàn cảnh sinh hoạt nên có ý nghĩa nội tại, nên có mỹ cảm, yêu cầu đối với cảnh quan đô thị ngày một nâng cao. Cho nên, khi xây dựng thành phố con người yêu cầu đem hình ảnh cảnh quan của hạng mục thiết kế và ảnh hưởng của cảnh quan đối với môi trường đô thị ra để làm một trong những căn cứ cơ bản để đánh giá hạng mục thiết kế.

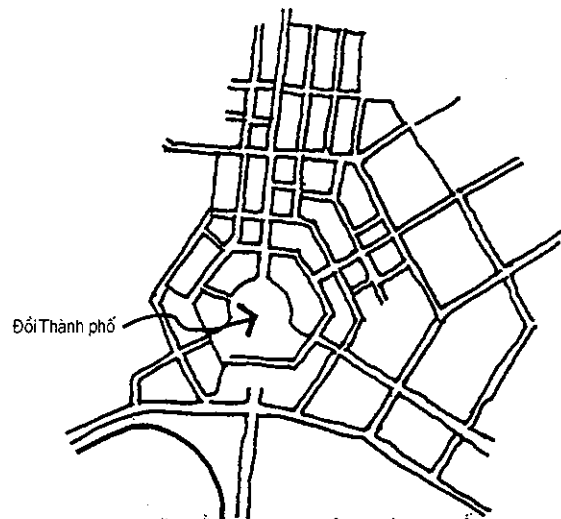
Cảnh quan đô thị được cấu thành bởi cảnh quan tự nhiên, cảnh quan nhân tạo và cảnh quan hoạt động.

Cảnh quan tự nhiên là trạng thái hoàn cảnh tự nhiên sẵn có của đô thị, đó là núi sông, mặt nước, địa hình, địa mạo, điều kiện khí hậu và những đặc trưng hoàn cảnh đô thị chịu ảnh hưởng của những yếu tố đó.

Bất cứ một đô thị nào cũng đều là sản phẩm của các điều kiện tự nhiên, địa lý và khí hậu nhất định, đó cũng là căn cứ và cơ sở để bố cục và phát triển đô thị. Đỉnh núi có thể tạo nên tiêu điểm thị giác cấu thành cảnh quan đô thị, bờ sông rộng



CẤU TRÚC CHỦ YẾU CỦA ĐÔ THỊ

MẶT BẰNG TRUNG TÂM THÀNH PHỐ
THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ
CANBERRA, AUSTRALIA

rãi có thể tạo nên những hình ảnh đẹp để cho cảnh quan đô thị. Cảnh quan tự nhiên đã mang lại cho hình ảnh đô thị những điều kiện trời cho độc đáo, đã tạo cơ sở cho công tác thiết kế đô thị. Ví dụ như quy hoạch thành phố Canberra ở Australia, đã lợi dụng một cách đầy đủ đôi Thành phố, đôi Thủ đô và đôi Quốc hội, ba ngọn đồi này tạo thành một bố cục đô thị hình tam giác đều, gây cho con người những ấn tượng sâu sắc. Còn có những ví dụ khác như Tây Hồ của Hàng Châu, Sơn thủy của Quế Lâm, Trường giang của Vũ Hán, băng tuyết của Cáp Nhĩ Tân v.v... Trong quy hoạch và thiết kế đô thị chỉ có bảo tồn và lợi dụng các điều kiện tự nhiên đó, mới có thể làm tăng thêm hào quang sức sống cho thành phố.

Cảnh quan nhân tạo là cảnh quan chủ yếu của thành phố, bao gồm các kiến trúc mới và cũ của đô thị, đường viên đô thị hình thành bởi các quần thể kiến trúc, các không gian công cộng và các tác phẩm nghệ thuật trong môi trường đô thị v.v...

Những kiến trúc lịch sử trong đô thị phản ánh sự phát triển và các chứng tích lịch sử của đô thị, là kết tinh trí tuệ của các nghệ nhân và các nhà khoa học từ đời này qua đời khác, không những có ý nghĩa văn hóa, mà còn có thể thoả mãn các nhu cầu tâm lý của con người. Các kiến trúc mới về mặt cảnh quan có thể biểu hiện thành quả khoa học kỹ thuật hiện đại, mang lại cho thành phố không khí thời đại. Kiến trúc mới và cũ kết hợp lại với nhau, tổ chức lại và thiết kế khéo léo, có thể bổ trợ cho nhau, bộc lộ sự phong phú đa dạng của cảnh quan đô thị.

Cảnh quan hoạt động có thể phản ánh cuộc sống hàng ngày của dân đô thị, phản ánh hoạt động, phong tục tập quán của địa phương. Nhiều lúc ấn tượng do cảnh quan hoạt động mang lại cho con người những ấn tượng sâu sắc, có sức hấp dẫn rất mãnh liệt. Ví dụ như những đám đông ồn ào ở các khu thương nghiệp, những sinh

hoạt của thị dân mang phong tục tập quán đặc biệt ở các khu dân cư, các hoạt động diễu hành, lễ hội mang đậm nét đặc trưng văn hóa địa phương v.v...

Gần đây, rất nhiều đô thị đã sử dụng các loại cảnh quan hoạt động hấp dẫn mọi người để phục vụ cho phát triển kinh tế đô thị, ví dụ như các lễ hội hoa đăng, băng tuyết, chùa chiền v.v..., đã tăng thêm màu sắc cho kiến trúc cảnh quan đô thị.

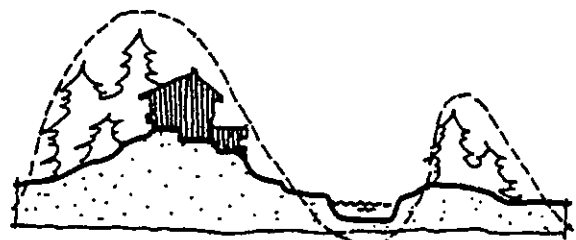
Việc tổ chức tổng hợp và vận dụng một cách hợp lý ba loại cảnh quan nói trên trong thiết kế đô thị đối với việc nâng cao hình ảnh đô thị và chất lượng môi trường đô thị có tác dụng rất lớn. Ví dụ như việc bảo tồn và lợi dụng cảnh quan tự nhiên, việc bảo vệ và sáng tạo cảnh quan nhân tạo, việc nghiên cứu và tổ chức cảnh quan hoạt động.

Nên nhấn mạnh là việc quan tâm đối với cảnh quan đô thị không đơn thuần là công việc làm đẹp thành phố, nó không chỉ là một hạng mục công việc của kế hoạch trước mắt, mà còn là một công việc của kế hoạch tương lai, phải phản ánh lên được quá trình biến hóa cảnh quan bền vững. Trong xây dựng không thể chỉ vì cảnh quan mà tạo cảnh, nên tránh hình thức chủ nghĩa ngoài mặt, mà nên đem việc xây dựng cảnh quan kết hợp với nhu cầu thực tế của nhân dân đô thị.

(2) SÁCH LƯỢC XÂY DỰNG CẢNH QUAN ĐÔ THỊ

Là một bộ phận của nội dung thiết kế đô thị, xây dựng và phát triển có lợi dụng đầy đủ các điều kiện địa hình sẵn có cảnh quan đô thị là nội dung cơ bản của mục tiêu thiết kế đô thị, là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá phương án thiết kế đô thị. Đồng thời nó cũng là kết quả cuối cùng của thiết kế đô thị, có ảnh hưởng to lớn đến cư dân và sự phát triển đô thị. Cho nên, đối với việc xây dựng cảnh quan đô thị, nên suy nghĩ một cách tổng thể và hệ thống. Các sách lược đó cần bao gồm:

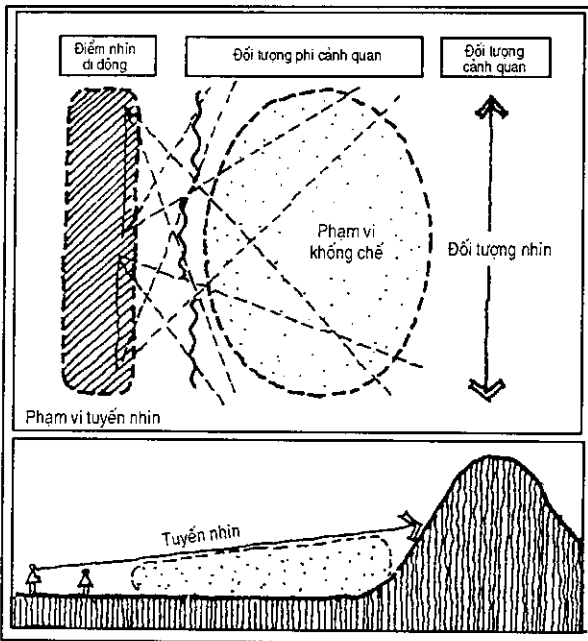
- Tăng cường việc nghiên cứu đối với các vấn đề cảnh quan đô thị, hoạch định các kế hoạch xây dựng cảnh quan dài hạn và ngắn hạn thông qua việc điều tra nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế, lịch sử và hiện trạng đô thị, thông qua việc phân tích điều tra đối với cư dân về mặt hình ảnh đô thị, phối hợp thời gian giữa các khâu quy hoạch đô thị và xây dựng đô thị, thực thi các bước quy hoạch xây dựng cảnh



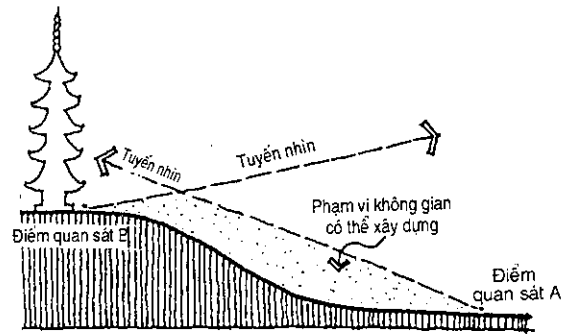
quan, bao gồm bản sắc bộ mặt đô thị, phong cách kiến trúc, tính chất văn hóa lịch sử v.v... Và cũng tuân theo quy luật kinh tế, ứng dụng các biện pháp hành chính khiến cho quy hoạch có hiệu quả, bảo đảm tính chất có thể điều phối được. Rất nhiều thành phố trong quy hoạch tổng thể đã thêm vào nội dung thiết kế đô thị và nội dung quy hoạch bản sắc diện mạo đô thị. Ví dụ như yêu cầu giữ gìn bản sắc trong quy hoạch các thành phố của tỉnh Hắc Long Giang, các nghiên cứu về "phong cách độc đáo của đô thị" của Đài Bắc v.v...

- *Kiến tạo hệ thống cảnh quan.* Nội dung bao gồm hình thức đường chân trời đô thị, sự phân bố các kiến trúc cao tầng, hệ thống tiêu chí hình ảnh đô thị, bố cục các không gian công cộng chủ yếu, sự hình thành và giữ gìn tuyến nhìn, góc nhìn, hành lang nhìn, địa vị của cảnh quan trong kiến trúc đô thị và môi cảnh đô thị, vị trí và thiết kế các bảng biểu quảng cáo đô thị, bố cục và ý tưởng đối với nghệ thuật công cộng đô thị v.v...

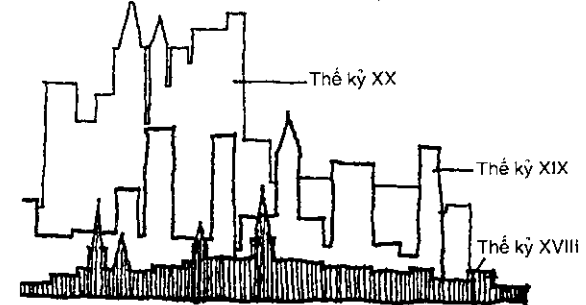
- *Xây dựng điều lệ quản lý cảnh quan,* việc thực hiện chế độ đánh giá thiết kế trong đó bao gồm chất lượng cảnh quan. Từ những pháp quy xây dựng, xây dựng những tiêu chuẩn và quy định cụ thể cho bảo tồn và sáng tạo cảnh quan đô thị. Trong hội đồng đánh giá thiết kế đô thị có thành phần các chuyên gia về nghệ thuật công cộng. Công tác của hội đồng bao gồm quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị, thiết kế cảnh quan đến thiết kế kiến trúc, đối với mỗi hạng mục thiết kế đều nên tiến hành đánh giá hình ảnh cảnh quan, ngoài ra còn đánh giá ảnh hưởng hiện tại và ảnh hưởng tiềm tàng của các hạng mục xây dựng đối với cảnh quan đô thị.



SƠ ĐỒ KHÔNG CHẾ CẢNH QUAN KHU VỰC ĐÔNG SƠN Ở THÀNH PHỐ KYOTO, NHẬT BẢN



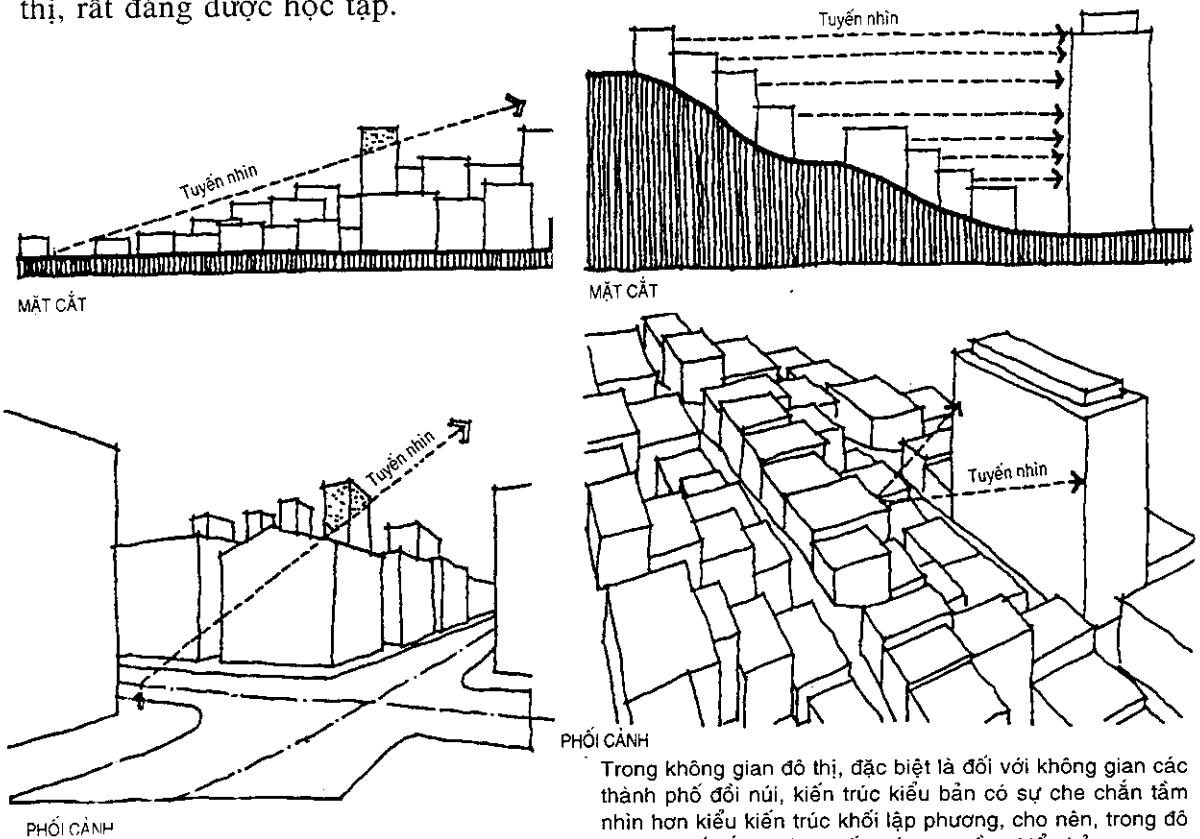
KẾ HOẠCH BẢO TỒN CẢNH QUAN THÀNH PHỐ NARA, NHẬT BẢN



SỰ THAY ĐỔI VÀO NHỮNG THỜI GIAN KHÁC NHAU ĐƯỜNG VIỄN ĐÔ THỊ KHU MANHATTAN, NEW YORK, MỸ.

- Trong lĩnh vực thiết kế đô thị cần tăng cường sự liên hệ giữa các ngành kiến trúc cảnh quan và nghệ thuật môi trường công cộng, đem môn thiết kế kiến trúc cảnh quan và môn sáng tác nghệ thuật công cộng kết hợp vào với quy hoạch cảnh quan trong môi trường tổng thể đô thị.

"Điều lệ khuyến khích nghệ thuật công cộng" của thành phố Đà Bắc ban bố đã có một ảnh hưởng tích cực đối với việc nghệ thuật hóa môi trường công cộng đô thị, rất đáng được học tập.



Trong không gian đô thị, đặc biệt là đối với không gian các thành phố đồi núi, kiến trúc kiểu bản có sự che chắn tầm nhìn hơn kiểu kiến trúc khối lập phương, cho nên, trong đô thị, nên cố gắng tránh kiến trúc cao tầng kiểu bản.

HIỆU QUẢ KHÁC NHAU GIỮA ĐÔ THỊ VÙNG ĐỒI NÚI
VÀ ĐÔ THỊ VÙNG ĐỒNG BẰNG

2. KHÔNG GIAN

Không gian bàn đến ở đây là không gian đô thị hình thành bởi các kiến trúc, công trình, cây cối, tường phân cách ngoài nhà, các bề mặt thẳng đứng, mặt đất và mặt nước, các công trình kiến trúc nhỏ trong đô thị hoặc là các bộ phận không gian bị khống chế hoặc ảnh hưởng bởi kiến trúc, công trình, cây cối, các tường ngăn ngoài nhà và các thực thể thẳng đứng... Không gian này được phân cách ra từ trong không gian tự nhiên lớn, có độ giới hạn nhất định, được sử dụng phục vụ cho sinh hoạt của nhân dân đô thị.

(1) SỰ CẤU THÀNH CỦA KHÔNG GIAN

Từ góc độ cấu tạo, không gian đô thị được cấu thành bởi bình diện nền, bình diện thẳng đứng và bình diện trên cao, chúng cũng quyết định tỷ lệ và hình dáng của không gian.

Bình diện nền tức là mặt đất, sự cấu thành hình thái của nó bao gồm đường sá, quảng trường, cây xanh và mặt nước v.v...

Bình diện thẳng đứng là giới hạn theo chiều đứng tập hợp bởi các mặt đứng kiến trúc, nó phản ánh lịch sử và văn hóa của đô thị, nó ảnh hưởng đến tỷ lệ và tính chất của không gian.

Bình diện trên cao là phần đỉnh giới hạn bên trên của các bình diện thẳng đứng, nó là bình diện biến hóa phong phú nhất, tự nhiên hóa nhất và cũng là bình diện có thể tạo điều kiện tự nhiên.

Ba loại bình diện nói trên là những bình diện cơ bản của không gian đô thị, chúng quyết định cấu trúc của không gian đô thị, là "cái khung" của không gian. Trong không gian đô thị, ngoài những bình diện cơ bản tạo thành "cái khung" đó, còn nhiều vật trang trí nổi bật lên có tác dụng "bổ sung", nhiều khi chúng có tác dụng quan trọng trong không gian đô thị.

Tác giả cuốn "Mỹ học của đường phố" đem "hình thái quyết định vẻ ngoài của kiến trúc" gọi là "tuyến Xi-lu-et tầng thứ nhất", còn đem "hình thái của những vật nổi trội lên hoặc thêm thắt vào trên mặt tường ngoài của kiến trúc gọi là "tuyến xi-lu-et tầng thứ hai" việc phân chia như vậy, có lợi cho sự lý giải và nhận thức của chúng ta đối với các giới hạn không gian đô thị.

Nhưng cách phân chia như vậy chỉ là nói về giới hạn mặt bên, nếu xét từ khía cạnh tổng thể không gian, thì ba loại bình diện cơ bản nói trên đều có thể được gọi là "tuyến xi-lu-et tầng thứ nhất", trên các bề mặt của chúng xuất hiện các vật trang trí hoặc các phương tiện khác được gọi là "tuyến xi-lu-et tầng thứ hai".

Ví dụ như trên bình diện nền có các lớp lát bề mặt đất, ghế, hình thức kiến trúc nhỏ, cây xanh, hạ tầng cơ sở, kể cả những người hoạt động trên mặt đất.

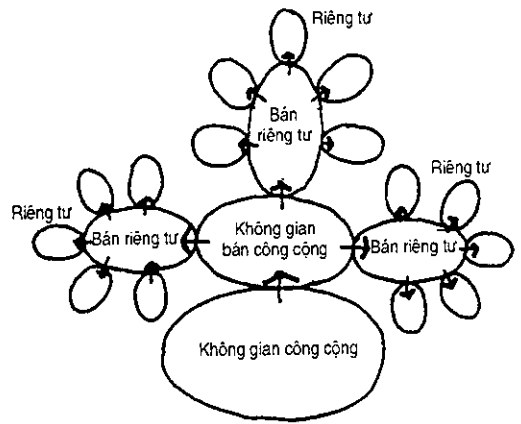
Còn các bình diện thẳng đứng có quảng cáo biển báo, vật trang trí, các thương phẩm bày bán, đèn điện; tiếp đến các bình diện trên cao có màn treo, giá khung, cờ xí v.v...

Tóm lại, "tuyến Xi-lu-et tầng thứ hai" nói chung là dễ bố cục, linh hoạt đa dạng, tỷ xích thích hợp với con người, màu sắc tươi tắn, đó là do các nhân tố vật chất có tính chất trên cấu thành. Sự xuất hiện của chúng nhằm xúc tiến các nhu cầu hoạt động kinh tế, là biện pháp cần thiết để nâng cao chất lượng môi cảnh và sáng tạo không khí của không gian.

(2) PHÂN LOẠI KHÔNG GIAN

Không gian đô thị có thể căn cứ theo tính lĩnh vực của không gian mang tỷ lệ xích khác nhau mà phân loại.

Tính lãnh vực (Territoriality) là khái niệm về không gian đô thị được Oscar Newmann đề ra đầu tiên. Oscar Newmann trên cơ sở nghiên cứu mối quan hệ giữa hành vi hoạt động của con người và môi trường hình thể của đô thị, đã xác định rằng các loại hành vi hoạt động của con người yêu cầu có những lãnh vực riêng tương ứng, đặc biệt trong môi trường, cư trú, ông đã đề ra những giả thiết hệ thống không gian cấu thành bởi không gian riêng tư, không gian bán riêng tư, không gian bán công cộng, không gian công cộng. Nếu quan sát kỹ lưỡng, trong rất nhiều nơi hoạt động công cộng của đô thị, như là quảng trường, đường phố hoặc công viên, chúng ta đều phát hiện con người đòi hỏi các không gian mang tính lãnh vực riêng. Ví dụ như trên một quảng trường rộng lớn, nếu anh đối mặt với một không gian hoàn toàn mở, mà không tìm thấy một nơi có thể nghỉ ngơi yên tĩnh hoặc trao đổi chuyện trò với bạn bè, có nghĩa là các không gian bán công cộng hoặc không gian riêng tư, anh sẽ cảm thấy chán nản vô vị. Cho nên tính lãnh vực của không gian đô thị còn có thể phân chia ra không gian mở, không gian bán mở và không gian riêng tư.



Cách phân chia như trên là theo chiều ngang, còn có thể phân chia theo chiều đứng. Ví dụ không gian chia theo vị trí trong môi trường hình thể, có không gian công cộng trên mặt đất, không gian công cộng dưới mặt đất và không gian công cộng trên không trung.

Mấy năm gần đây, sự tìm tòi của con người và việc đi sâu nghiên cứu của họ đối với không gian dưới mặt đất và không gian trên mặt đất ngày càng được coi trọng, đã mở rộng phạm vi của sinh hoạt đô thị, tăng thêm sự phong phú và thú vị của không gian đô thị, đẩy mạnh việc sử dụng tài nguyên đô thị.

(3) ĐẶC ĐIỂM KHÔNG GIAN VÀ KHÔNG GIAN CHỦ YẾU

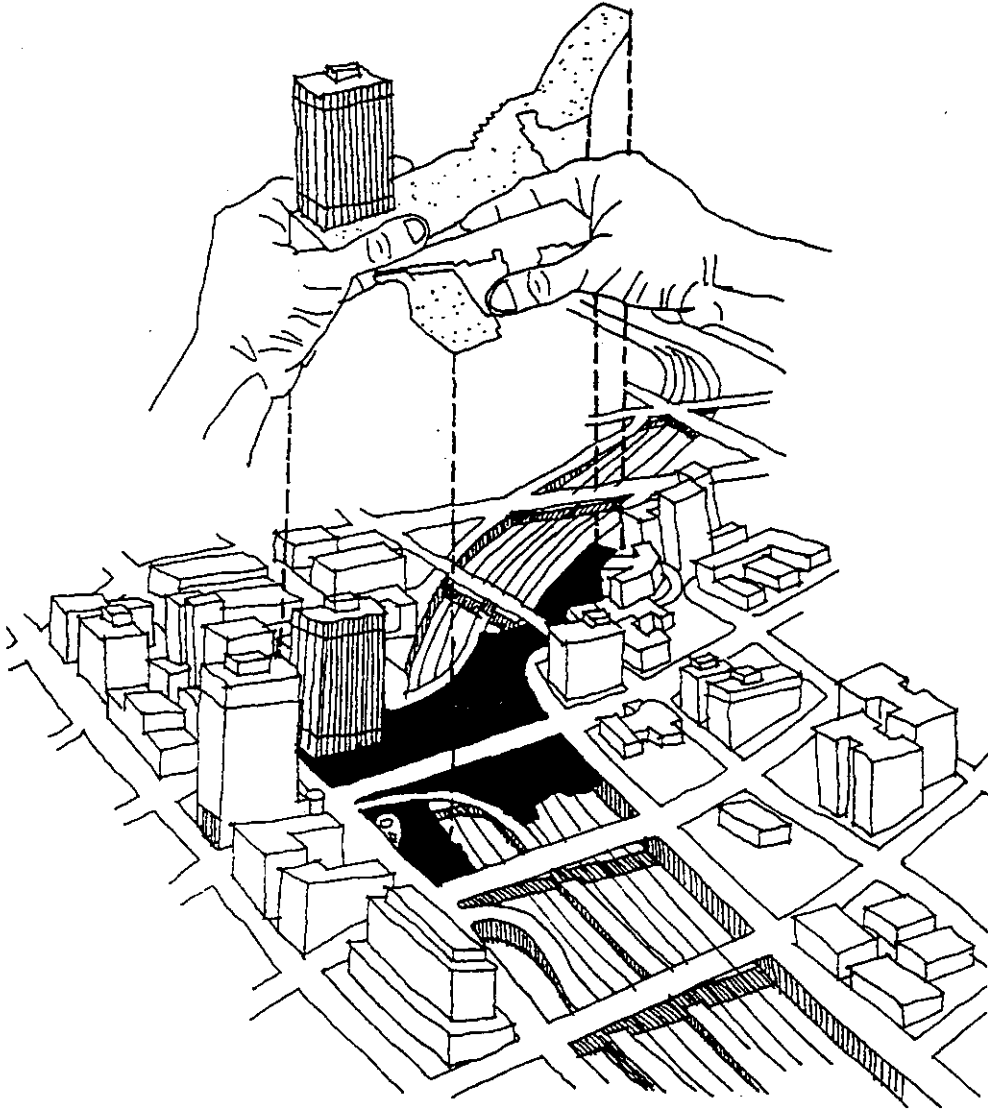
Không gian đô thị cũng như không gian kiến trúc, có thể là không gian tổng thể tương đối độc lập, cũng có thể là không gian tuần tự có liên hệ với nhau.

Cái khác với không gian kiến trúc là, trong không gian đô thị, loại không gian tuần tự có liên hệ với nhau chiếm địa vị chủ yếu. Nó là các loại không gian có công năng khác nhau, diện tích khác nhau, hình thái khác nhau như quảng trường, đường phố, công viên, cây xanh, sân vườn trong nhà ở v.v... tương hỗ giao hòa với nhau mà hình thành một chuỗi hệ thống.

Cho nên điều chủ yếu nên suy nghĩ trong thiết kế không gian đô thị là xây dựng tốt một trình tự không gian và thời gian, suy nghĩ đến sự thể nghiệm của con người

đối với không gian khi họ đi lại từ không gian này sang không gian khác, cụ thể là trong trường hợp các không gian đan xen, hòa nhập, chuyển đổi, dẫn hướng v.v...

Trong thiết kế đô thị, luôn luôn phải cố gắng giữ gìn tính liên tục và tính hoàn chỉnh của trình tự không gian, khiến cho những hành vi hoạt động và tuyến nhìn của con người không bị cắt đoạn, cho nên, nên xúc tiến hình thành các khu đi bộ và sự hòa nhập liên tục. Thiết kế đô thị một số thành phố đã lấy đó làm mục tiêu và đã thu được rất nhiều thành công.



CÔNG VIÊN HIGHWAY Ở SEATTLE, MỸ

Công viên này được xây dựng trên hệ thống đường cao tốc, nối liền hai khu vực bị đường cao tốc chia cắt lại với nhau, công viên này do một kiến trúc sư phong cảnh Mỹ nổi tiếng thiết kế. Năm 1980, công trình này được giải thưởng về thiết kế đô thị Mỹ.

Thiết kế đô thị chủ yếu là thiết kế không gian công cộng của đô thị, trong đó bao gồm thiết kế đường phố, quảng trường, mặt nước, cây xanh v. v... nhiều nhất là đường phố và quảng trường.

Trong đô thị, thể loại không gian công hữu hóa lớn nhất là đường phố. Đó cũng là mọi hoạt động phong phú và thú vị nhất. Sự phân loại và diễn biến của đường phố phản ánh sự thay đổi là phát triển của đô thị. Việc phân loại đường phố trong thành phố hiện đại càng ngày càng nhiều và càng chi tiết, điều này chúng ta có thể thấy trong những từ chỉ đường phố của tiếng Anh. Trong tiếng Anh những từ tương ứng với khái niệm đường phố có rất nhiều, như các từ *Street, Road, Highway, Expressway, Freeway, Drive, Sidewalk, Skyway* v.v., đã phản ánh lên sự đa dạng của loại hình đường phố.

Một nhà xã hội học Mỹ nói: "Nếu đường phố của thành phố xem ra thú vị, cái thành phố đó sẽ thú vị, nếu các đường phố đơn điệu, thành phố sẽ đơn điệu". Như vậy có thể thấy tầm quan trọng của đường phố.

So sánh với các đô thị Châu Âu, đô thị Trung Quốc thiếu các quảng trường, sinh hoạt của nhân dân đô thị tiến hành trên đường phố, các ngõ xóm, do vậy đường phố trong không gian đô thị chiếm địa vị chủ đạo.

Quảng trường thành phố là nơi hội tụ những tinh hoa của đô thị, được xem là "salon" của thành phố cách nói này là do Napoléon đặt ra, ông đã từng gọi quảng trường San Marco ở Venice là "cái phòng khách hào hoa nhất Châu Âu", cách ví von này rất xác đáng.

Nếu từ tổng thể xem xét, thì toàn bộ đô thị giống như một ngôi nhà ở lớn, như vậy đường phố là một lối đi của kiến trúc, không gian bên trong của kiến trúc có thể coi như các phòng ngủ và phòng làm việc có tính riêng tư lớn, còn phòng khách thì như là quảng trường của thành phố.

(4) GIỚI HẠN CỦA KHÔNG GIAN

Không gian là yếu tố vật chất cơ bản nhất cho sự sinh tồn của con người. Không gian còn có thể đem đến những sắc màu, tình cảm đặc biệt mà nó bao hàm cho con người, có tác dụng vô cùng lớn lao đối với cuộc sống của chúng ta.

Thiết kế đô thị là thiết kế không gian giữa các công trình kiến trúc. Trong cuốn sách "Không gian bên ngoài của kiến trúc", tác giả đã đề xuất ra hai loại tính chất của không gian, đó là tính tích cực (Positive) và tính tiêu cực (Negative).

Không gian có tính tích cực nên có giới hạn rõ ràng, tỷ lệ xác đáng, bảo đảm những hoạt động hàng ngày tốt và có trang thiết bị hoàn thiện, được gọi là không gian tích cực. Ngược lại sẽ là không gian tiêu cực.

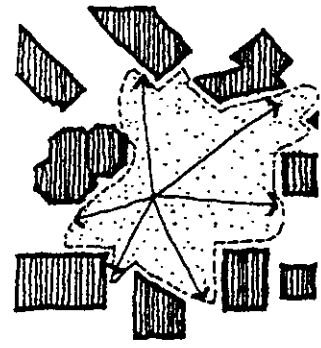
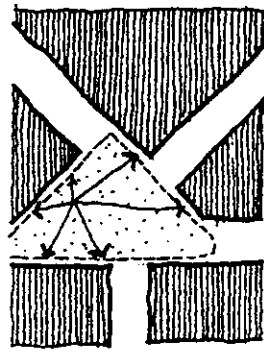
Như trên đã nói, không gian đô thị có bề mặt giới hạn hai loại tầng lớp, dưới đây chỉ nói đến vấn đề giới hạn không gian của tầng lớp thứ nhất, nó là cơ sở của việc hình thành không gian đô thị.

Trong không gian đô thị mang tính tích cực, việc đóng mở của không gian, đối với mức độ dễ chịu ảnh hưởng rất lớn. Kiến trúc sư Mỹ Richard Heiderman cho rằng, nếu muốn cho không gian đô thị dễ chịu, phù hợp với con người, phải tạo cho mối quan hệ giữa các bề mặt giới hạn không gian đô thị phù hợp với quy luật thị giác của con người, bảo đảm yêu cầu mặt cắt khu vực nhìn tối ưu, con người mới có thể tiếp thu được. Một số đô thị nổi tiếng trên thế giới sở dĩ thu được thành công, đó là do các mặt giới hạn không gian đã được nghiên cứu tường tận.

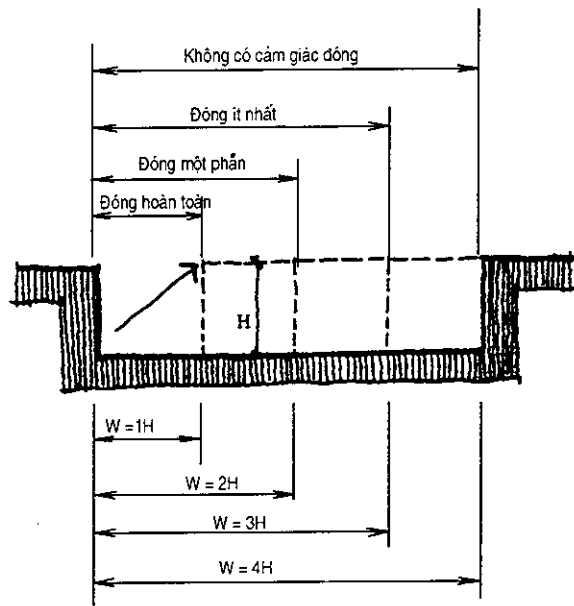
Đối với lý luận về thị giác của con người đã có rất nhiều nghiên cứu và luận điểm, nhưng tựu trung đều tập trung ở góc nhìn và khoảng cách nhìn. Ở đây xin dẫn ra khái niệm "Phạm vi khu vực nhìn" của Richard Heiderman, thông qua việc phân tích phạm vi khu vực nhìn của con người, để xác định những bề mặt giới hạn của không gian.

Trong tình huống bình thường, phạm vi khu vực nhìn của con người theo phương ngang là khoảng 180° , theo phương thẳng đứng là khoảng 130° , hướng lên trên so với hướng xuống dưới nhỏ độ 20° . Phân biệt là 55° và 75° . Trong phạm vi như vậy, con người có thể nhìn thấy tất cả mọi vật thể, nhưng không nhất thiết nhìn rõ và chú ý đến tất cả các vật thể.

Căn cứ vào phạm vi khu vực nhìn đó, chúng ta có thể phân biệt xác định vấn đề mặt giới hạn của không gian đường phố và quảng trường trong đô thị. Đặc điểm của không gian đường phố là có thể xác định rõ rệt mặt giới hạn theo một hướng, còn



Không gian có trật tự
Không gian không có trật tự
HIỆU QUẢ GIỚI HẠN CỦA KHÔNG GIAN KHÁC NHAU

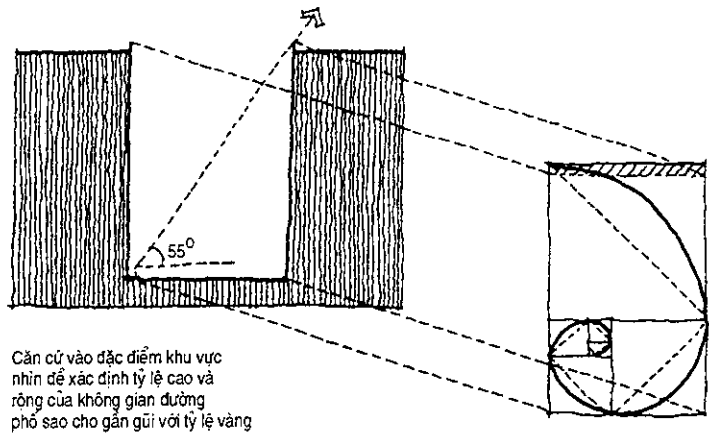
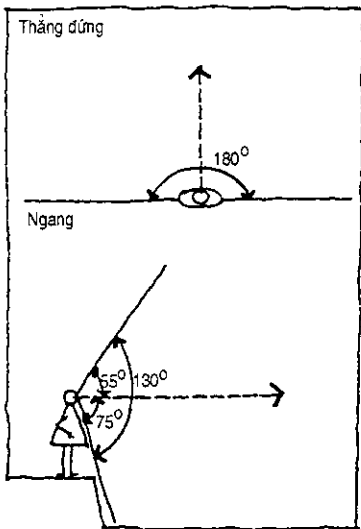


CẢM GIÁC ĐÓNG CỦA KHÔNG GIAN

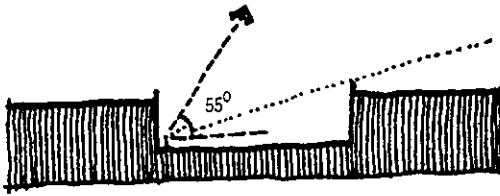
một hướng khác không có giới hạn, cho nên việc giới định không gian đường phố chỉ từ mặt cắt của đường phố tiến hành nghiên cứu mối quan hệ giữa chiều rộng của đường phố với độ cao mặt giới hạn đường phố. Chúng ta chọn một số loại hình thức tỷ lệ điển hình, dùng phạm vi khu vực nhìn của người để nhận xét, sẽ có thể rất dễ dàng lý giải sự cảm thụ của con người trên đường phố đối với các giới định không gian khác nhau.

Khi chiều cao: chiều rộng = 1 : 4, cảm giác giới định của không gian không mạnh, khiến con người cảm thấy rất khoáng đạt, lúc đó thiết kế đường phố nên dùng hai loại phương pháp: một là ở khu vực thích đáng làm những khu nghỉ ngơi có cốt thấp xuống, hoặc làm những quảng trường có cốt thấp xuống liên hệ với những không gian dưới mặt đất; hai là trong không gian đường phố bố trí những tiểu phẩm môi trường có độ cao nhất định hoặc bố trí cây xanh với những cây thân thẳng.

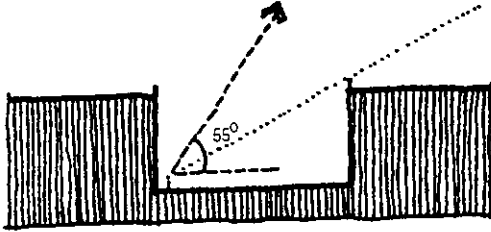
Khi chiều cao: chiều rộng = 1 : 2, cảm giác giới hạn của không gian tương đối mạnh, không gian đường phố tương đối chật chội, quan hệ giữa kiến trúc và đường phố tương đối gắn bó. Lúc đó thiết kế đường phố không nên bố trí thêm thắt những hình thức thiết kế quá nhiều và quá lớn.



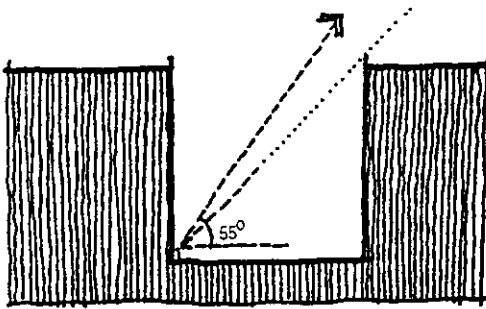
Căn cứ vào đặc điểm khu vực nhìn để xác định tỷ lệ cao và rộng của không gian đường phố sao cho gắn gũi với tỷ lệ vàng



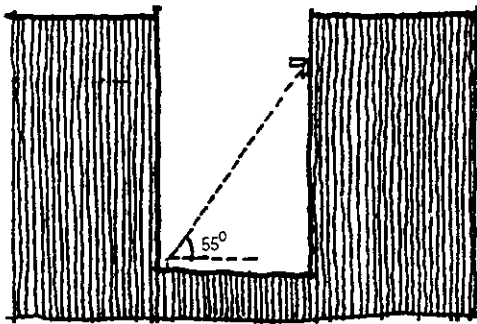
Khi chiều cao : chiều rộng = 1:4, có thể thấy tỷ lệ diện tích của bầu trời tương đối lớn, bằng gấp 3 lần mặt tường. Cảm giác về tỷ lệ không gian đường phố tương đối yếu, khi con người sử dụng không gian sẽ không xem không gian như một chỉnh thể để cảm thụ, mà thường lãnh hội các chi tiết của không gian, đó là bề mặt giới định, các bảng quảng cáo, các đèn đường.



Khi chiều cao: chiều rộng = 1:2, có thể thấy tỷ lệ diện tích bầu trời và tỷ lệ diện tích mặt tường gần như bằng nhau, nhưng, do bầu trời ở vào phần bên cạnh của trường nhìn, ở vào một vị trí phụ trợ, cho nên, quan hệ tỷ lệ loại này tương đối tốt, có lợi cho việc sáng tạo nên những không gian tích cực.



Khi chiều cao: chiều rộng = 1:1, có thể thấy tỷ lệ diện tích bầu trời tương đối nhỏ, và ở phần mép bên của trường nhìn, tuyến nhìn của con người về cơ bản chú ý phần mặt tường, cho nên mặt tường phải được xử lý cẩn thận, cảm giác hạn chế của loại tỷ lệ không gian này rất mạnh.



Khi tỷ lệ giữa chiều cao và chiều rộng lớn hơn phạm vi trường nhìn, phía trong trường nhìn sẽ nhìn không thấy diện tích bầu trời, khiến cho con người mất đi khả năng phán đoán đối với độ cao kiến trúc. Nếu độ cao kiến trúc tiếp tục gia tăng, ánh sáng chiếu xuống đường phố bị tối, gây cho con người cảm giác sợ hãi.

PHÂN TÍCH TỶ LỆ CAO VÀ NGANG CỦA KHÔNG GIAN ĐƯỜNG PHỐ TRONG PHẠM VI TRƯỜNG NHÌN BÌNH THƯỜNG

Khi chiều cao : Chiều rộng = 1:1, cảm giác giới hạn của không gian rất mạnh, tuyến nhìn của người chú ý nhiều đến kiến trúc hai bên, lúc đó thiết kế đường phố nên chú ý xử lý theo kiểu nhất thể hóa kiến trúc và đường phố, chú ý sự hài hòa giữa trang trí kiến trúc và đường phố.

Khi tỷ lệ chiều cao trên chiều rộng lớn hơn phạm vi trường nhìn, cảm giác giới hạn của không gian mạnh nhất, do việc vượt quá phạm vi khu vực nhìn của con người, khiến cho con người mất đi năng lực phán đoán tỷ xích, sẽ sinh ra cảm giác bị áp chế và cảm giác sợ hãi. Lúc đó thiết kế đường phố phải sử dụng một số thủ

pháp để cải thiện, ví dụ như thủ pháp "giới hạn quy định có hiệu quả", tức là sử dụng khái niệm "mặt tường đường phố", dùng phương pháp kiến trúc đem tuyến nhìn của con người hạn định trong một phạm vi nhất định có tỷ lệ tương đối tốt và dùng vật liệu, chất cảm khác nhau cho phần cao và phần thấp của kiến trúc, làm cho chúng hình thành sự tương phản, đối với vẻ ngoài chú ý tác dụng về mặt tâm lý và về mặt thị giác của con người. Ở nước ngoài đối với việc thiết kế phần dưới của kiến trúc cao tầng có những yêu cầu rất chặt chẽ.

Không gian quảng trường so với đường phố lại khác, hiệu quả không gian của nó bị ảnh hưởng rất lớn bởi quy mô to nhỏ. Cho nên, trước khi thảo luận vấn đề giới định của nó, cần phải có một sự bàn bạc sơ bộ về quy mô của quảng trường.

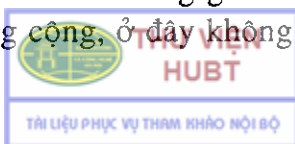
Quy mô của quảng trường liên quan mật thiết đến công năng của nó. Có những quảng trường kỉ niệm hoặc mang tính chính trị, tính tổng hợp để tụ tập, lễ hội có thể dung nạp hàng nghìn người đến hàng vạn người, ví dụ như quảng trường Thiên An Môn ở Bắc Kinh, quảng trường Đông Phương ở Thượng Hải, quảng trường Nhân dân ở Trường Xuân, đều có quy mô từ 8ha trở lên. Tuy nhiên, đại đa số các quảng trường bên trong thành phố là các quảng trường thị dân, kích thước lớn nhỏ của quảng trường nên căn cứ vào số người mà nó dung nạp và quy mô của công trình kiến trúc mà quyết định. Căn cứ vào việc điều tra các quảng trường tốt thời kỳ Trung thế kỉ châu Âu, nói chung cho rằng kích thước hợp lý nhất của các quảng trường thị dân nên vào khoảng 60m × 150m. Khi vượt quá kích thước đó, không gian quảng trường sẽ rất khó quy định giới hạn. Gần đây các quảng trường đô thị ở Trung Quốc cũng có khuynh hướng nhiều công năng hơn và có kích thước nhỏ hơn, xuất hiện rất nhiều quảng trường đẹp và khu cây xanh đẹp.

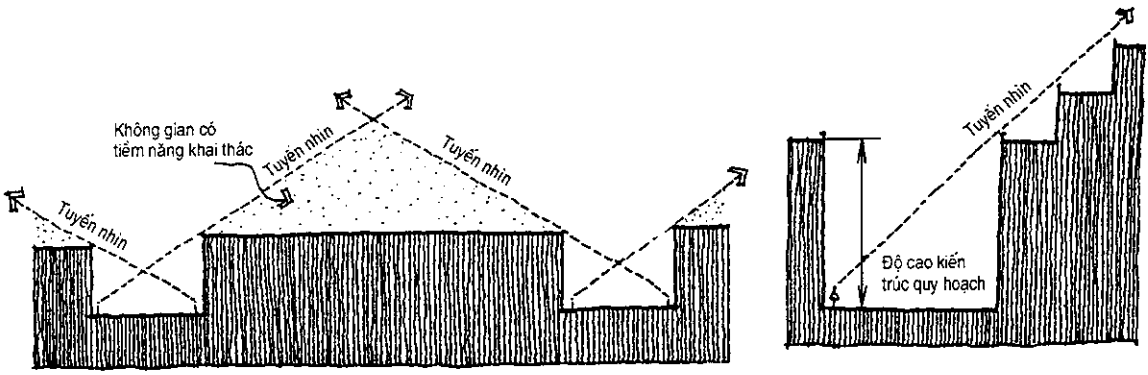
Đối với quảng trường mà nói, không gian quảng trường tương đối tốt nên có tỷ lệ cao trên rộng bằng 1 : 3. Khi chiều cao : chiều rộng = 1:4, cũng có thể hình thành các quảng trường có quy định giới hạn không gian tốt, nhưng bề mặt giới hạn của quảng trường nên có sự tương phản, cần có một tòa nhà tháp có chiều cao tương đối cao, để làm "điểm đỡ" cho không gian, để từ đó có thể hình thành "hiệu ứng cái ô".

Bất luận là đường phố hay quảng trường, tính nhất trí của các vật quy định giới hạn không gian về mặt độ cao là rất quan trọng. Sự thay đổi của độ cao nên khống chế trong phạm vi bằng $\frac{1}{4}$ tổng độ cao, làm cho tính thống nhất, liên tục. Nếu có sự thay đổi về độ cao thì nên đặt vào vị trí trọng yếu, ví dụ như ở góc ngoặt của ngã tư, điểm quá độ không gian v.v...

Ngoài việc quy định giới hạn không gian, vấn đề tính tiêu chí và tỷ xích của vật giới định đều rất quan trọng, khiến cho con người dễ dàng phán đoán vị trí, phương hướng và cự li.

Mặt giới hạn tầng lớp thứ hai của không gian liên quan đến kiến trúc học cảnh quan và ngành nghệ thuật công cộng, ở đây không bàn đến.

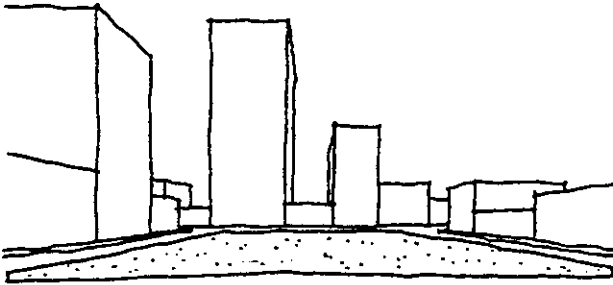




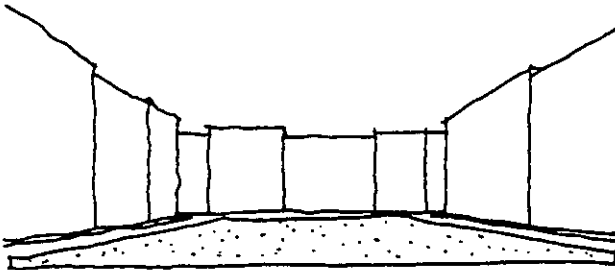
Trong khu vực chấm chấm, có thể tăng thêm diện tích kiến trúc, người đi trên đường phố không nhìn thấy.

Yêu cầu khống chế góc nhìn : tuyến nhìn của người đi trên đường không thấy được bất kỳ hình khối kiến trúc nào ở trên độ cao kiến trúc quy định.

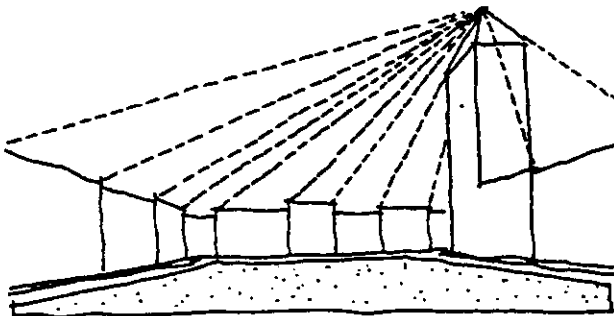
TIỀM NĂNG KHAI THÁC CỦA KHÔNG GIAN ĐƯỜNG PHỐ



Sự khác biệt về độ cao của kiến trúc tạo thành quang trường quá lớn, có thể khiến cho cảm giác không gian được quy định giới hạn không gây ấn tượng mạnh.



Khi cao độ kiến trúc xung quanh có độ khác biệt không lớn, mà chiều cao trên chiều rộng của quang trường là 1:3, có thể quy định giới hạn không gian quang trường một cách có hiệu quả.



Khi tỷ lệ chiều cao trên chiều ngang của quang trường là 1:4, cần phải bố trí ở vị trí trọng điểm một công trình kiến trúc có độ cao lớn, như vậy có thể thu được "hiệu ứng cái ô", và có thể hình thành bản sắc mang tính tiêu chí của quang trường.

QUY ĐỊNH GIỚI HẠN KHÔNG GIAN QUẢNG TRƯỜNG

1. QUY CHUẨN KHAI THÁC QUẢNG TRƯỜNG HARVARD VÀ KHU VỰC NGOẠI VI THÀNH PHỐ CAMBRIDGE, MỸ

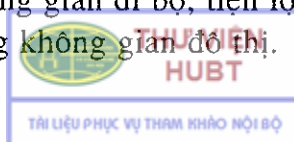
Thành phố Cambridge thuộc bang Massachusetts phía Đông Bắc nước Mỹ, chỉ cách thành phố Boston có một con sông, là một đô thị chủ yếu được tạo thành bởi hai trường Đại học lớn là trường Đại học Harvard và Học viện Công nghệ Massachusetts (MIT), nên còn được gọi là " một thành phố Đại học thuần túy".

Quảng trường Harvard gắn liền với công viên Harvard nằm ở phía Tây thành phố Cambridge, là trung tâm của Đại học Harvard và cũng là một trong những trung tâm thương nghiệp sầm uất nhất của thành phố.

Khái niệm quảng trường Harvard không giống với khái niệm một quảng trường thành phố thông thường, nó không phải là một quảng trường lớn kiểu tập trung, mà là một mạng không gian đô thị kiểu tuyến tính giàu tính chất động thái tạo thành bởi những nút và những đường phố liên quan tới nó. Quy chuẩn khai thác quảng trường Harvard được soạn thảo trên cơ sở hai lần điều tra, đánh giá và phân tích đối với quảng trường vào năm 1975 và năm 1984, mục đích của nó là thông qua việc phân tích và tổng kết kết quả của hai lần điều tra trên, đề xuất ra sự chỉ đạo khoa học về sự phát triển, thay đổi của quảng trường trong tương lai bảo đảm tính tổng thể của môi trường không gian khu vực. Nó chủ yếu bao gồm hai phần là quy chuẩn khai thác tổng thể quảng trường Harvard và quy chuẩn khai thác các khu vực liên quan.

(1) QUY CHUẨN KHAI THÁC TỔNG THỂ QUẢNG TRƯỜNG HARVARD

- Bảo tồn và phát triển các kiến trúc lịch sử vốn có.
- Tôn trọng hình thức kiến trúc quảng trường và tính đa dạng của quy mô quảng trường, khuyến khích trong phạm vi giới định mặt tường đường phố được phân định rõ rệt, sáng tạo một chuỗi không gian tích cực hợp thành bởi các kiến trúc độc lập, khu cây xanh và sân vườn.
- Ở trung tâm quảng trường, xây dựng một môi cảnh không gian chất lượng cao và trang thiết bị hoàn thiện.
- Hoàn thành hệ thống không gian đi bộ, tiện lợi cho hoạt động của khách đi bộ và nâng cao hiệu suất sử dụng không gian đô thị.

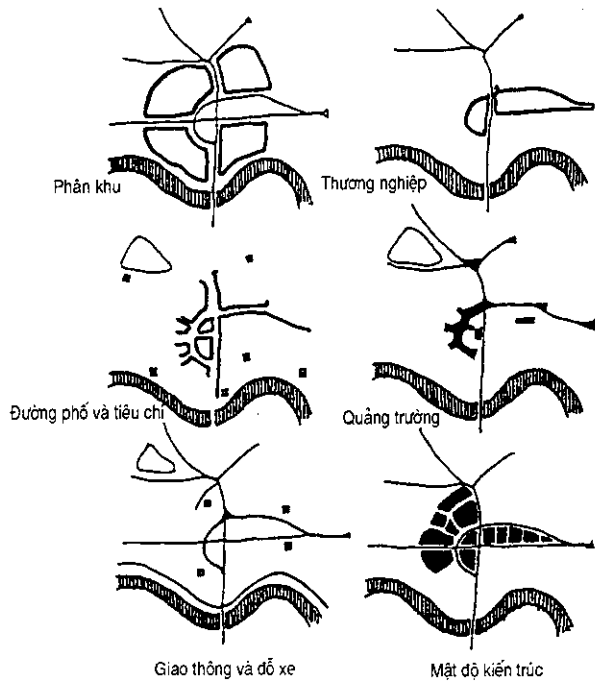


- Duy trì tính đa dạng của tính chất sử dụng quảng trường, tăng cường bầu không khí văn hóa cộng đồng.

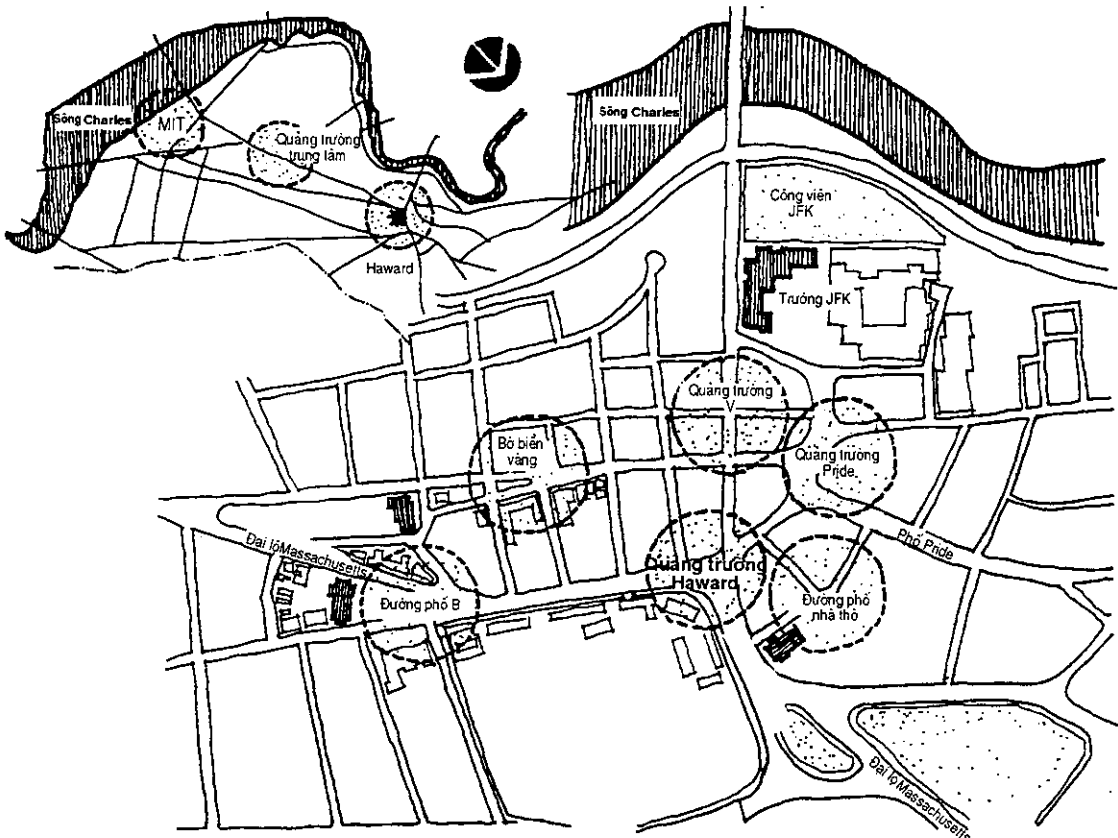
- Tạo những chỗ đỗ xe hợp lý.

(2) QUY CHUẨN KHAI THÁC CÁC KHU VỰC LIÊN QUAN

Căn cứ vào không gian công cộng quảng trường và đặc điểm kiến trúc, có 6 khu vực liên quan cùng tạo thành bản sắc và hệ thống không gian công cộng quảng trường Harvard. Cho nên khi khai thác, ngoài việc quan tâm tới bảo tồn bản sắc của từng khu vực, còn phải chú trọng tới mối quan hệ tương hỗ giữa chúng với nhau.



PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ HÌNH THÁI QUẢNG TRƯỜNG HARVARD NĂM 1975



MẶT BẰNG QUẢNG TRƯỜNG HARVARD



1. Quảng trường Harvard và đại lộ Massachusetts

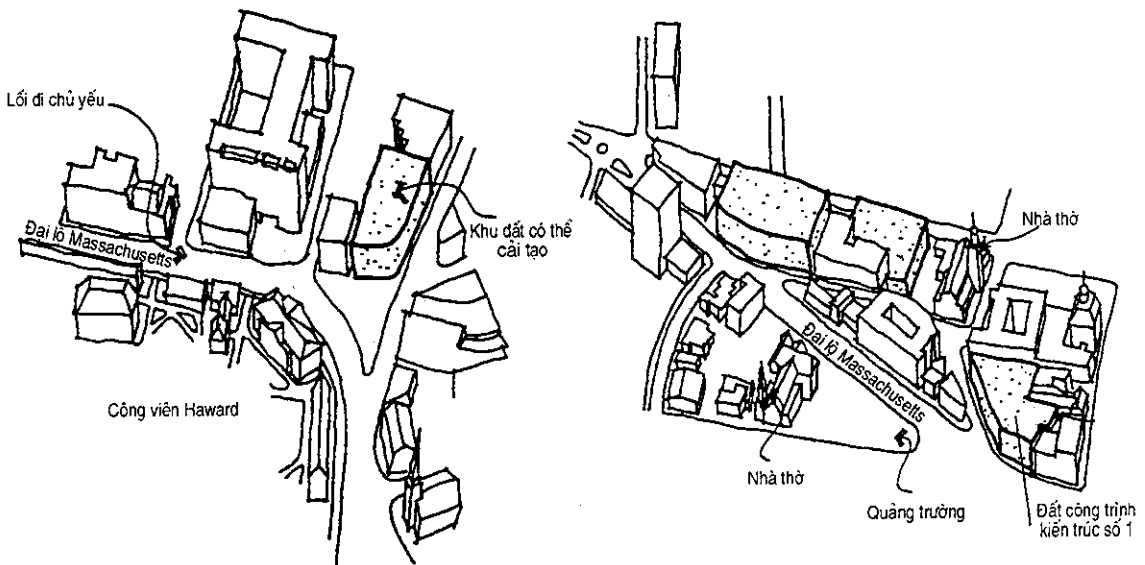
Quảng trường Harvard lấy nhà ga xe điện ngầm mới xây dựng làm trung tâm, lấy đại lộ Massachusetts làm tuyến giao thông chính và hành lang nhìn chính, phía Nam là khu trung tâm của thành phố, có chức năng sử dụng tổng hợp và mật độ cao.

- *Không gian công cộng.* Để tránh sự chật chội quá đáng của quảng trường, nên bảo đảm tính chất mở của quảng trường và khuyến khích, một số không gian ngoại thất của các tư nhân mở ra phía công chúng.

- *Khối tư nhân.* Khối này không nên có hoạt động tái phát triển tương đối lớn. Kiến trúc mới nên tôn trọng sự hòa hợp với độ cao của cả khu vực, mang đặc điểm chiết trung. Trong đánh giá thiết kế nên chú ý các mặt có thể phản ánh các đặc điểm lịch sử của môi cảnh như hình khối, vật liệu, bảng biểu quảng cáo và cách xử lý mặt đất. Cải tạo mặt đất nên hài hòa với nhà ga xe điện ngầm, nên có cây xanh và lớp lát mặt nền đẹp.

2. Đối với đường phố B. Khu vực này có mấy cái nhà thờ, là những kiến trúc mang tính tiêu biểu của khu vực. Hình mẫu đường phố này rất giống với các đường phố châu Âu, là một khu vực rất có bản sắc. Đường phố này là khu vực quá độ liên hệ giữa quảng trường Harvard với các khu nhà ở xung quanh.

- *Không gian công cộng.* Quảng trường trước nhà thờ cần phải tiến hành cải tạo, khiến cho nó thêm an toàn, trở thành không gian công cộng hấp dẫn con người hơn, nên làm tương tự như cách cải tạo quảng trường Harvard, khi thiết kế mặt cắt đường nên mở rộng diện tích cho người đi bộ.



QUẢNG TRƯỜNG HARVARD
VÀ ĐẠI LỘ MASSACHUSETTS



ĐƯỜNG PHỐ B.

- *Khối tư nhân.* Do mảnh đất số 1 gần quảng trường trước nhà thờ, lại ở vào chỗ mấy tuyến giao thông gặp nhau, nhìn sang phía nhà thờ, về mặt không gian và cảnh quan rất quan trọng, cần phải tôn trọng giá trị của nhà thờ và quảng trường, ngoài ra cần phải trở thành một tiêu chí, một dấu ấn đánh dấu lối vào của khu vực, bảo đảm tính đa dạng của hình thức kiến trúc và tỷ xích của khu vực này.

Bất cứ một hạng mục khai thác mới nào của đường phố đều phản ảnh tính quá độ từ khu nhà ở sang quảng trường Harvard.

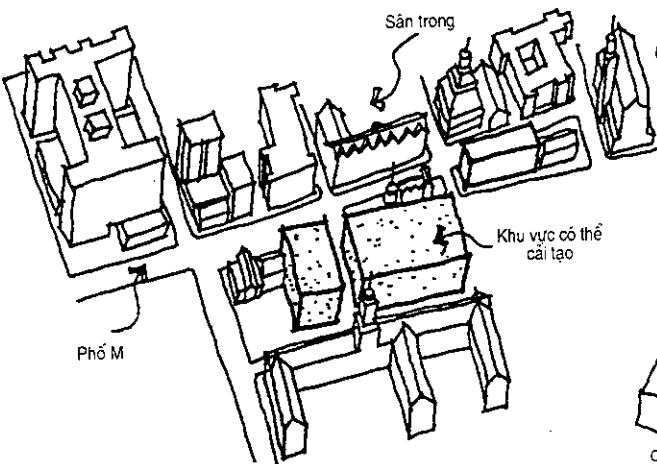
3. Khu vực Bờ biển Vàng có đường phố M là chính, kiến trúc về cơ bản có các nhà ở chung cư kiểu cũ chiếm phần lớn, còn có các kiến trúc truyền thống kết hợp đa chức năng là nhà ở, thương nghiệp, giải trí, hình thành một khu vực rất đặc sắc, độc đáo.

- *Không gian công cộng.* Khu vực này ngoài việc không gian đường phố có cảm giác giới định rất mạnh ra, còn có một số chỗ đỗ xe, không có không gian công cộng chủ chốt. Việc cải tạo khu vực này nên tăng cường tính tiện lợi và tính an toàn cho đường đi bộ, khi có điều kiện trồng thêm cây xanh.

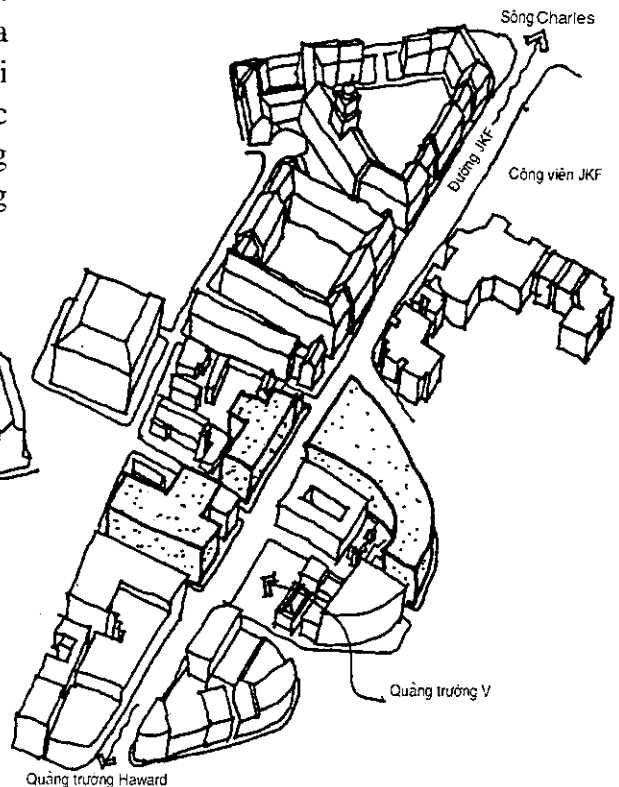
- *Khối tư nhân.* Rất nhiều khu đất tư nhân ở đây có những sân nhỏ rất có sức hấp dẫn, làm tăng thêm tính phong phú của cảnh quan. Nên có sự chỉnh lý các không gian ngoài nhà và trồng thêm cây xanh, bất cứ một tư nhân nào khi khai thác cũng phải bảo đảm sự cân bằng giữa kiến trúc và các khoảng không gian trống.

4. Quảng trường V và đường JKF.

Đường JKF là con đường nối quan trọng giữa quảng trường Harvard và sông Charles. Hai bên đường JKF là ký túc xá của Đại học Harvard và nhà ở, công viên JKF là không gian công cộng chủ yếu của bờ sông, quảng trường V, ở vào đoạn giữa của đường phố.



KHU VỰC BỜ BIỂN VÀNG



QUẢNG TRƯỜNG V VÀ ĐƯỜNG JKF



- *Không gian công cộng.* Công viên JKF là lối vào chính của quảng trường Harvard, nên tăng cường chất lượng đường đi bộ giữa công viên và quảng trường, đặc biệt là việc cải tạo quảng trường V.

- *Khối tư nhân.* Có mấy công trình kiến trúc có bảng quảng cáo và màu sắc không thích hợp, không gian đơn điệu nghèo nàn, cần phải được cải tạo, nâng cấp.

Các công trình kiến trúc gần quảng trường V. Cần được cải tạo, sẽ có lợi cho việc nâng cao chất lượng của quảng trường.

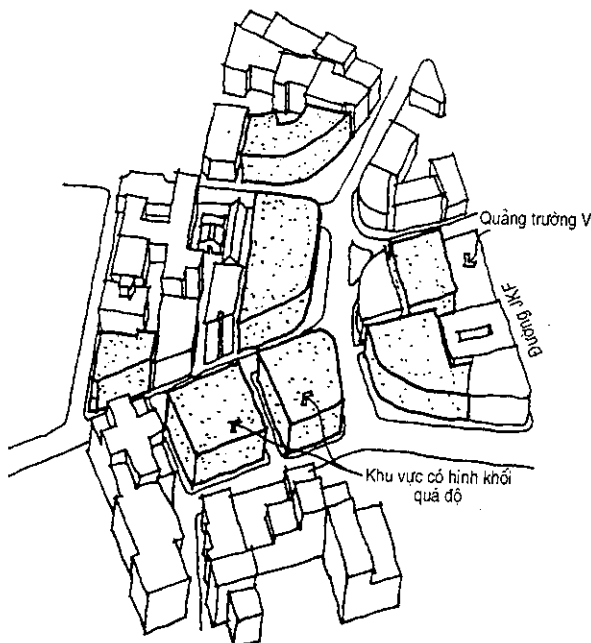
5. Quảng trường Pride. Khu vực này nối liền giữa hai khu vực mới và cũ, là khu vực quá độ quan trọng.

- *Không gian công cộng.* Cây xanh ở khu vực này nâng cao tính hình ảnh của quảng trường Pride, và cũng tăng cường mối liên hệ với quảng trường Harvard, nhưng giữa một số không gian chính với nhau còn thiếu sự liên hệ, cần được tăng cường mối liên hệ này thông qua việc cải tạo.

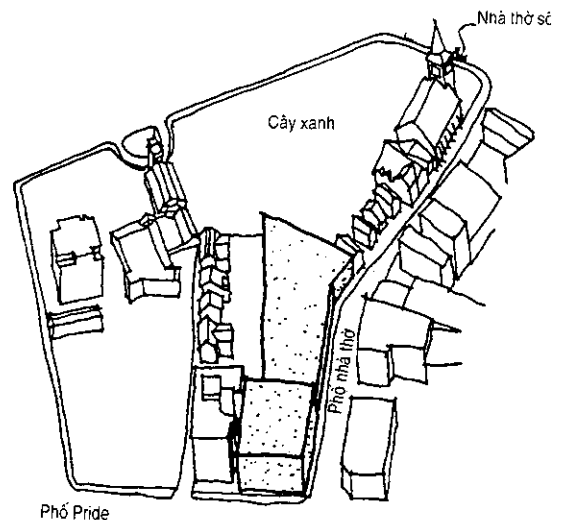
- *Khối tư nhân.* Có một số sự phát triển của tư nhân và thiết kế các ngã tư đường phố sẽ có lợi cho việc liên hệ tổng thể hệ thống không gian quảng trường Harvard, và có lợi cho cả quảng trường Pride.

Các hạng mục mới khai thác sẽ men theo đường đỏ mà xây dựng, để tăng thêm sức sống cho đường đi bộ và quảng trường. Do có rất nhiều công trình kiến trúc xây dựng từ những năm 30, cho nên phong cách kiến trúc của những công trình kiến trúc mới nên linh hoạt, đa dạng.

6. Phố nhà thờ X. Khu vực này có rất nhiều kiến trúc nổi tiếng, là nơi quá độ giữa kiến trúc truyền thống, có tỷ xích nhỏ sang kiến trúc thương nghiệp.



QUẢNG TRƯỜNG PRIDE



PHỐ NHÀ THỜ

- *Không gian công cộng.* Phố Nhà thờ gánh vác chức năng giao thông quan trọng, đường phố cần cải tạo và có sự hài hòa với các đường phố lân cận.

- *Khối tư nhân.* Sự khai thác của tư nhân nên nhận thức được tính quá độ của kiến trúc hướng đến phố Nhà thờ. Nên hướng dẫn kiến trúc mới đóng góp vào không gian công cộng và phản ánh được các mô thức của kiến trúc lịch sử có tỷ xích nhỏ.

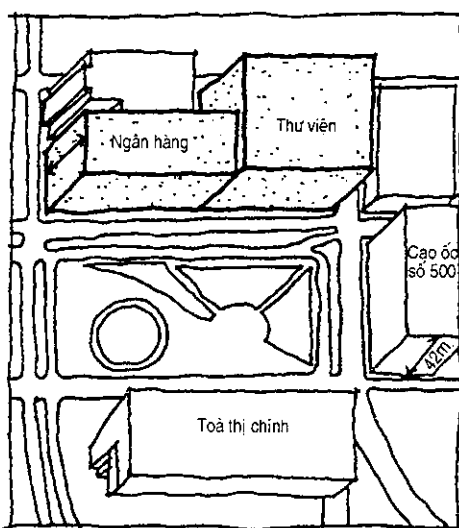
Sau khi quy chuẩn này ra đời, thành phố Cambridge lại điều chỉnh điều lệ xây dựng quảng trường Harvard, để bảo đảm tăng cường đặc điểm công năng và thị giác của quảng trường, làm giảm ảnh hưởng của các kiến trúc mới đối với những khu vực lân cận, bảo tồn được tính đa dạng của môi cảnh đô thị, mô thức không gian và tỷ xích kiến trúc, tạo môi trường khả thi cho việc cải tạo đô thị.

Trong các điều lệ còn quy định Hội đồng Quy hoạch xây dựng quảng trường Harvard, lấy quy chuẩn làm tiêu chuẩn đánh giá các hạng mục xây dựng, phát triển quảng trường. Điều lệ còn quy định thành phần của ủy viên hội đồng, trách nhiệm và trình tự công tác của hội đồng.

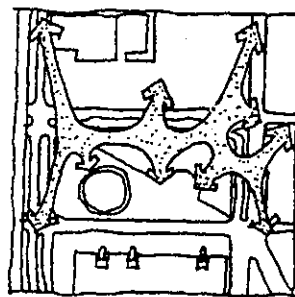
2. QUY CHUẨN THIẾT KẾ ĐÔ THỊ TRUNG TÂM THỊ CHÍNH THÀNH PHỐ DALLAS, MỸ

Thành phố Dallas là thành phố lớn thứ hai của Bang Texas, là một trong những trung tâm tiền tệ ở khu vực Tây - Nam nước Mỹ.

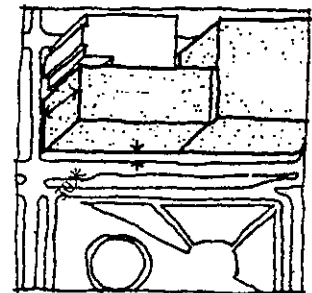
Quy chuẩn thiết kế này là những văn kiện mang tính khống chế và thiết kế đô thị đối với hai khu vực chủ yếu đối diện với quảng trường Thị chính. Một khu phố là khu vực xây dựng mở rộng Thư viện nghiên cứu trung tâm và Ngân hàng dự trữ Liên bang, một khu phố là tòa Cao ốc số 500 đường Erway. Quy chuẩn bao gồm hai phần:



KHÔNG GIAN VÀ ĐIỆN GIỚI ĐỊNH



TỔ CHỨC KHÔNG GIAN



MỐI LIÊN HỆ GIỮA KIẾN TRÚC VÀ ĐƯỜNG PHỐ

Phần thứ nhất là miêu tả và phân tích khu Thương mại dịch vụ trung tâm, bao gồm hệ thống giao thông, phân tích công năng v.v..., từ đó hoạch định ra ý tưởng quy hoạch tổng thể của khu vực; phần thứ hai là xác định mục tiêu thiết kế đô thị các hạng mục xây dựng Thư viện, Ngân hàng dự trữ Liên bang, tòa Cao ốc số 500 đường Erway xung quanh toà Thị chính.

Để thực hiện mục tiêu này, sẽ lấy hình thức quy chuẩn để khống chế đối với các hạng mục dự định xây dựng.

Thông qua những quy chuẩn đó sẽ bảo đảm việc xây dựng phát triển khu vực này sẽ không xâm phạm đến lợi ích công cộng, nhưng nó sẽ không phải là những quy định và điều lệ quản lý cứng nhắc, nó có tính linh hoạt nhất định, để không gò bó và hạn chế sự sáng tạo trong thiết kế kiến trúc.

Dưới đây sẽ giới thiệu phần thứ hai của quy chuẩn.

- **Mục tiêu A.** Làm cho các kiến trúc mới hài hòa với tòa thị chính Dallas.

Quy định:

A-1. Trong khi khai thác khu vực thư viện và Ngân hàng dự trữ ở Liên bang và tái khai thác và phát triển tòa nhà số 500 đường Nam Erway, độ cao hạn chế tối đa là 42 mét.

A-2. Mặt đứng các kiến trúc chủ yếu hướng ra quảng trường nên có vật liệu xây dựng là bê tông, gạch, đá ốp, để hài hòa với kiến trúc tòa Thị chính.

A-3. Nên bảo đảm tính liên tục của thiết kế đường phố, có nghĩa là có sự nhất trí của các yếu tố thiết kế và có sự trật tự không gián đoạn. Những yếu tố đó bao gồm:

A: Chất liệu màu sắc chất cảm và mô đun của vật liệu ốp lát.

B. Cây trồng và khoảng cách cây trồng.

C. Kiểu dáng, độ cao, khoảng cách, độ sáng và phong cách của đèn đường.

D. Vật liệu và phong cách của trang thiết bị đường phố.

A-4. Nên bảo đảm tính hài hòa giữa quảng trường Thị chính và hoàn chỉnh xung quanh, giữa các yếu tố bảo đảm một sự hòa hợp về mặt tổng thể.

- **Mục tiêu B.** Đề xuất ra giới định không gian cho quảng trường Thị chính. Những nghiên cứu về sự thụ cảm thị giác cho thấy, mối quan hệ giữa bề rộng quảng trường công cộng và độ cao của kiến trúc là mấu chốt để xác định giới định cho việc cảm nhận không gian. Để đạt được cảm giác khép kín về mặt thị giác, tỷ lệ giữa bề rộng của quảng trường và chiều cao của kiến trúc không nên vượt quá 4:1. Đối với quảng trường Thị chính có độ lớn tương đối lớn như vậy, việc quy định giới hạn không gian là rất cần thiết.

Quy định:

B-1. Độ cao khống chế của mặt đứng kiến trúc phía hướng ra quảng trường là 30 mét.



B-2. Mặt không chế của mặt đứng kiến trúc hướng ra phía quảng trường có khoảng cách tới mép đường là 12 mét trở xuống, để bảo đảm hiệu quả quy định giới hạn định liên tục, hơn nữa, khuyến khích thiết kế biến hóa, thay đổi, nhô ra hoặc lõm vào để tránh gây ra cảm giác áp chế đối với đường phố. Để tránh sự phân tán hiệu quả hội tụ của không gian quảng trường trung tâm, không khuyến khích làm các quảng trường nhỏ xung quanh quảng trường lớn.

B-3. Bề mặt không chế giáp phố hướng về phía quảng trường nên là mặt chính kiến trúc, như vậy quảng trường sẽ có giới định rõ ràng, không có những "lỗ hổng".

- **Mục tiêu C.** Kết hợp thành một khối với hệ thống đường đi bộ sẵn có, tạo khả năng khả thi cho việc xây dựng hệ thống đường đi bộ mới sau này.

Khu vực thư viện, ngân hàng dự trữ ở vào vị trí điểm nối tiếp và điểm kéo dài của hệ thống đường giao thông đi bộ nhiều tầng, bao gồm giao thông bộ hành có đường dốc thoải nối với toà Thị chính và Trung tâm Hội nghị của đường Erway, đường ngầm nối với chỗ đỗ xe của toà Thị chính, quảng trường, ga xe điện ngầm, cầu vượt nối với hệ thống đường đi bộ trên cao của thành phố.

Quy định:

C-1. Men theo đường ranh giới sử dụng đất của thư viện và ngân hàng nên chừa ra một đường dốc nhỏ nhất 10 mét, để đường đi bộ trên không có thể kéo dài.

C-2. Để chừa sẵn không gian cho không gian đi bộ có thể phát triển theo chiều đứng.

C-3. Để chừa sẵn không gian cho đường đi bộ nối với nhà ga xe điện ngầm dự kiến xây dựng.

C-4. Tầng 1 lùi về phía sau, tạo một lối vào thị giác.

C-5. Tạo khả năng nối ngầm dưới đất giữa toà Thị chính và nhà ga xe điện ngầm.

C-6. Đường đi bộ giữa khu phố thư viện và quảng trường toà Thị chính trang bị hệ thống đèn tín hiệu giao thông.

- **Mục tiêu D.** Đẩy mạnh sinh hoạt và hoạt động của khu đi bộ, tăng cường sự dễ chịu cho thị giác. Để khuấy động bầu không khí sôi động của quần thể kiến trúc trung tâm toà Thị chính, đưa thêm vào những hoạt động bổ trợ của con người, để làm phong phú thêm sức sống cho khung cảnh. Ví dụ như những trang thiết bị thương nghiệp, bể phun, nhà hóng mát, hành lang cột cuốn. Những nơi để cho con người dừng chân này nên tách biệt một cách nghiêm ngặt với giao thông xe cộ và chú ý đến chất lượng thị cảm. Ví dụ như hành lang nhìn, cảnh quan tổng thể, các yếu tố kiến trúc cảnh quan và đường phố, chú ý đến tỷ xích và phân vị con người, sự thay đổi của độ cao kiến trúc v.v...

Quy định:

D-1. Những đường phố trực tiếp giáp với quảng trường không cho phép đỗ xe hoặc tiến hành các hoạt động có tính chất dịch vụ. Việc vận chuyển hàng của thư viện nên đặt ở phố sau, lối vào của nó nên cách ngã tư ít nhất 60 mét.

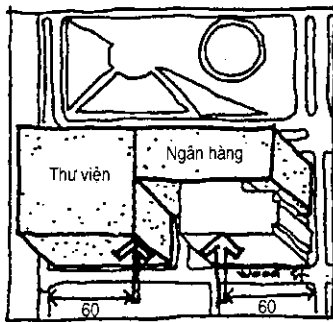
D-2. Trên đường phố thư viện nên bố trí những không gian công cộng bên trong nhà, và mặt không chế hướng ra đường phố Erway, gồm một gallery tranh, đại sảnh, hiệu sách, nhà ăn và không gian mua bán.

D-3. Nên đưa vào hành lang cuốn cột, terrace, hình thành bóng đổ, tạo tỷ xích con người và thú vị về mặt thị giác.

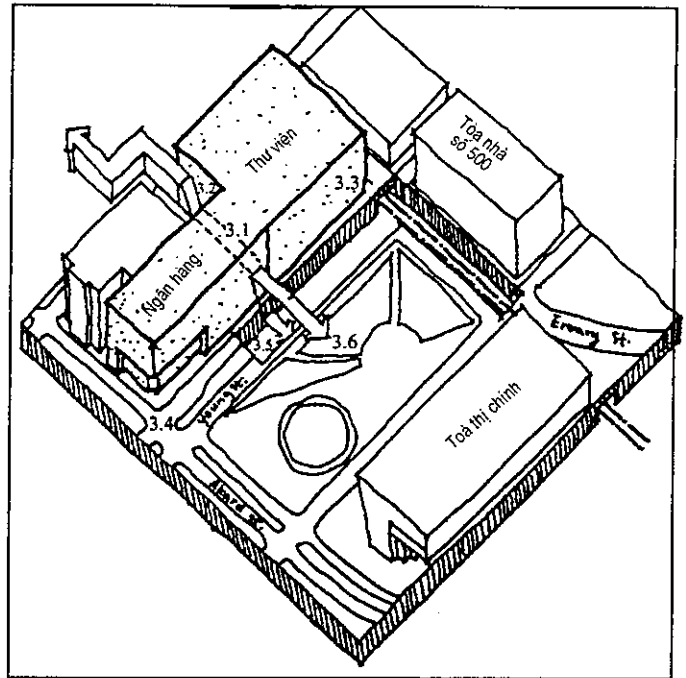
D-4. Mặt đứng men theo phố Young và đường Erway nên có những terrace và khu vực thưởng ngoạn và các thiết bị chắn nắng nhìn sang quảng trường Thị chính.

D-5. Kiến trúc sư nên suy tính đến chiếu sáng của bản thân kiến trúc và chiếu sáng đường phố, để tăng thêm ý nghĩa cho cảnh quan của khu vực về ban đêm.

D-6. Nhà ngân hàng mới xây dựng nên tôn trọng tính hoàn chỉnh của mặt đứng nhà ngân hàng cũ, ở vị trí chuyển góc nên lùi về phía sau, để tạo nên những không gian lối vào rõ nét.



LỐI VÀO CỦA HÀNG HÓA



HỆ THỐNG GIAO THÔNG ĐI BỘ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. (Mỹ) Jonathan Panath. **Khái luận thiết kế đô thị**. Tạ Khánh Đạt dịch. Đà Loan; Nhà xuất bản Sáng Hưng, 1993.
2. Trần Minh Trúc. **Thiết kế đô thị**. Đà loan; Nhà xuất bản Sáng Hưng, 1992.
3. (Mỹ) E.D. Bacon. **Thiết kế đô thị**. Hoàng Phúc Tương biên dịch. Bắc Kinh; Nhà xuất bản Kiến trúc công nghiệp Trung Quốc, 1989.
4. (Mỹ) Moore. **Thực thi khai thác tổng thể đơn nguyên quy hoạch đô thị**; Nhà xuất bản Sáng Hưng dịch. Đà Loan; Nhà xuất bản Sáng Hưng, 1994.
5. Lâm Khâm Vinh. **Thiết kế đô thị ở Đà Loan**. Đà Loan; Nhà xuất bản Sáng Hưng, 1996.
6. (Mỹ) Owen Otto. **Kiến trúc đô thị Mỹ - chất xúc tác của thiết kế đô thị**. Vương Siêu Phương dịch. Đà Loan; Nhà xuất bản Sáng Hưng, 1992.
7. Kiến trúc Học thuật Tùg thư Đại học Thanh Hoa - **Tuyển tập Luận văn Thiết kế đô thị của Ngô Lương Dung - chào đón Thế kỷ mới (1986 - 1995)**. Bắc Kinh; Nhà xuất bản Kiến trúc công nghiệp Trung Quốc, 1996.
8. Vương Kiến Quốc. **Lý luận và phương pháp thiết kế đô thị hiện đại**. Nam Kinh; Nhà xuất bản Đại học Đông Nam, 1991.
9. Ngô Lương Dung. **Kiến trúc học theo nghĩa rộng**. Bắc Kinh; Nhà xuất bản Đại học Thanh Hoa, 1989.
10. (Mỹ). **Những thiết kế trung tâm đô thị thành công**. Mã Khoan dịch. Đà Loan; Nhà xuất bản Sáng Hưng, 1995.
11. Ngô Lương Dung. **Tuyển tập Luận văn Thiết kế đô thị**. Bắc Kinh; Nhà xuất bản Yên Sơn Bắc Kinh, 1986.
12. (Mỹ) Richards Collins. **Thành phố cổ hồi sinh - Chính sách phát triển và bảo tồn lịch sử các thành phố Mỹ**, Khuru Văn Kiệt dịch. Đà Loan; Nhà xuất bản Sáng Hưng, 1990.
13. Từ Tư Thục. **Dẫn luận Thiết kế đô thị**. Bắc Kinh; Nhà xuất bản Kiến trúc công nghiệp Trung Quốc, 1991.
14. Viễn Nghĩa Tam. **Lý luận cơ bản về quy hoạch và xây dựng thành phố**. Thiên Tân; Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật Thiên Tân, 1994.
15. Bành Nhất Cương. **Không gian kiến trúc tổ hợp luận**. Bắc Kinh; Nhà xuất bản Kiến trúc công nghiệp Trung Quốc, 1983.

16. Uzo, Nishiyama. **Bảo tồn các thành phố lịch sử.** Lộ Thừa Kiệt dịch. Bắc Kinh; Nhà xuất bản Kiến trúc công nghiệp Trung Quốc, 1991.
17. Hồng Kì Mẫn. **Các thành phố nổi tiếng thế giới.** Thiên Tân; Nhà xuất bản Đại học Thiên Tân, 1995.
18. Hồng Kì Mẫn. **Thưởng ngoạn môi trường kiến trúc.** Thiên Tân; Nhà xuất bản Đại học Thiên Tân, 1993.
19. Thẩm Chúc Hoa. **Quá trình và phương pháp thiết kế.** Tế Nam; Nhà xuất bản Mỹ thuật Sơn Đông, 1995.
20. Hạ Tổ Hoa. **Thiết kế không gian đô thị.** Nam Kinh; Nhà xuất bản Đại học Đông Nam, 1992.
21. "Quy hoạch đô thị" Tùng thư: **Tuyển tập Luận văn Thiết kế đô thị.** Bắc Kinh; Ban Biên tập Quy hoạch đô thị, 1998.
22. (Anh). **Thiết kế đô thị:** Trình Lí Diệu dịch. Bắc Kinh; Nhà xuất bản Kiến trúc Công nghiệp Trung Quốc, 1983.
23. Kim Quảng Quân. **Tuyển tập thiết kế đô thị hiện đại nước ngoài.** Cáp Nhĩ Tân; Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật Hắc Long Giang, 1995.
24. Học viện Kiến trúc và Quy hoạch đô thị, Đại học Đồng Tế, Thượng Hải: **Tuyển tập Luận văn học thuật của các Giáo sư chuyên ngành Quy hoạch đô thị Đại học Đồng Tế.** Bắc Kinh; Nhà xuất bản Kiến trúc công nghiệp Trung Quốc, 1997.
25. Hamid Shirvani. **Urban Design Process.** Van Nostrand Reinhold Company, 1985.
26. Laurence Stephan Cutlur. **Recycling City for People.** Van Nostrand Reinhold Company, 1967.
27. Bryan Lawson. **How Designers Think.** The Architectural Press Ltd. London, 1980.
28. Municipal Management Series. **The Practice of Local Government Planning,** 1988.
29. Roger Tracik. **Finding Lost Space.** Van Nostrand Reinhold Company, MA, 1986.
30. Bill Risebero. **The Story of Western Architecture.** MIT Press. Cambridge, MA, 1985.
31. Bill Risebero. **Modern Architecture and Design.** MIT Press Cambridge, MA, 1985.
32. Department of Urban Planning. University of Nottingham, UK. **Journal of Urban Design.** Volume 1. Number 1. February, 1996.
33. K. Lynch. **The Image of City.** MIT Press, 1960.
34. Genenvieve Ray. **City Sampler. Community Design Exchange,** Washington D. C., 1984.
35. U.S. Department of Transportation. **Aesthetics of Transportation.** U.S. Government Printing Office, 1980.



THIẾT KẾ ĐÔ THỊ CÓ MINH HỌA

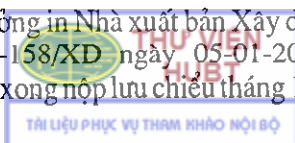
(Tái bản)

Chịu trách nhiệm xuất bản :

TRINH XUÂN SƠN

Biên tập : KTS. ĐINH VĂN ĐỒNG
Biên tập kỹ thuật : BẢO LONG
Chế bản : LÊ HƯƠNG
Sửa bản in : BẢO CHÂU
Hình : THU HOÀI
Trình bày bìa : ĐINH ĐỒNG - HỮU TÙNG

In 300 cuốn khổ 19 x 27cm tại Xưởng in Nhà xuất bản Xây dựng. Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 36-2013/CXB/771-158/XD ngày 05-01-2013. Quyết định xuất bản số 276-2013/QĐXB ngày 15-11-2013. In xong nộp lưu chiểu tháng 11-2013.



72(N)414
XD - 2013 36 - 2013



Giá : 61.000đ